Nguyên tác: **A SEARCH IN SECRET INDIA**
của **PAUL BRUNTON**
NGUYỄN HỮU KIỆT *Biên dịch*



ĐÔNG PHƯƠNG HUYỀN BÍ

ẤN BẢN MỚI NHẤT

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Mục lục

ĐÔNG PHƯƠNG HUYỀN BÍ

Paul Brunton

Chương 1: Định Mệnh

Ông giáo sư Sử Địa tay cầm cây thước dài, bước tới trước tấm bản đồ lớn treo trên vách, trước một lớp học đang buồn ngủ. Ông ta chỉ lên bản đồ một vật lớn hình tam giác màu đỏ mà mũi nhọn chỉ xuống đến gần đường xích đạo, và để khích thích cái phần nào tinh thần uể oải của đám học trò, ông ta nói với một giọng kéo dài và rõ ràng từng tiếng, dường như sắp sửa tiết lộ một điều chân lý trọng đại:

"Người ta thường nói rằng Ấn Độ là viên ngọc quý nhất của Hoàng gia Anh Quốc. " Nghe đến đây, một người học trò với vẻ mặt suy tư đang ngồi mơ mộng, bỗng giật mình và cố gom trí óc vẫn võ của y quay trở về thực tế giữa bốn vách tường trong lớp học. Hai chữ "Ấn Độ" có một sức hấp dẫn rất mãnh liệt, nó khêu gợi trong trí của y cái hình ảnh xa xăm của một xứ lạ lùng, huyền bí.

Khi ông giáo sư Toán Pháp tưởng rằng người học trò này đang vùi đầu chăm chỉ làm bài toán Đại số, ông ấy có ngờ đâu rằng thằng học trò "Mất dạy" lại dùng bàn viết của y vào những mục đích xa xôi hơn... Núp sau một chồng sách sắp đặt như Bát Trận Đồ, y vẽ những đầu người quấn khăn, những gương mặt đen xạm, và những chiếc tàu buồm chở đầy những hàng hóa và thổ sản đầy hương vị phương Đông!

Thời niên thiếu đã qua, nhưng lòng yêu mến xứ Ấn Độ của y vẫn không thay đổi. Hõn nữa, nó còn nới rộng thêm và bao gồm luôn cả châu Á với một sự ám ảnh nồng nhiệt. Y nuôi những kế hoạch táo bạo. Y muốn vượt biển trên muôn dặm trùng dương:

Một khi đã xuống tàu thì viếng xứ Ấn Độ chỉ còn là vấn đề thời gian. Mặc dù đó chỉ là những kế hoạch suông, nhưng y đã thổ lộ những ý tưởng của y cho những bạn học cùng lớp với rất nhiều danh từ thơ mộng, và sau cùng có một đứa trong bọn bị lôi cuốn theo sự hứng khởi nhiệt thành của y.

Cả hai bèn âm thầm bày mưu tính kế và hành động trong vòng bí mật. Chương trình của họ là vượt qua Âu Châu bằng đường bộ, sau đó tiếp tục đi bộ vượt qua xứ Tiểu Á và Ả Rập đến hải cảng Aden. Xin quý vị độc giả đừng cười! Họ tin tưởng một cách ngây thơ và hồn nhiên rằng một viên thuyền trưởng bỏ neo ở bến Aden sẽ chịu để cho họ thuyết phục. Đó chắc sẽ là một người giàu lòng nghĩa hiệp và cởi mở. Y sẽ đưa họ xuống tàu, và một tuần lễ sau họ sẽ bước chân lên xứ Ấn Độ hằng mong ước!

Họ âm thầm chuẩn bị một cuộc phiêu lưu dài hạn. Họ để dành tiền và sắm sửa cụ bị những đồ hành trang. Họ thăm dò những bản đồ và những quyển du lịch chỉ nam, mà những trang màu mè lòe loẹt và những hình ảnh khêu gợi hấp dẫn làm cho dòng máu giang hồ phiêu lưu của họ càng tăng nhiệt độ và sôi lên thành cơn sốt! Sau cùng, họ đã có thể định ngày ra đi và giao phó tất cả cho định mệnh. Có ai biết được sự gì đang chờ họ Ở ngã ba đường...

Than ôi! Bao nhiêu nghị lực và lòng sốt sắng nhiệt thành của thời niên thiếu đều lãng phí vô ích! Vị đỡ đầu của người bạn trẻ đã khám phá ra mọi sự và biết rõ mọi chi tiết của vấn đề. Những sấm sét búa rìu đều giáng xuống vào đúng lúc! Tất cả chương trình đều phải bỏ dở dang, nhưng có ai thấu hiểu nỗi khổ của hai người bạn trẻ...

Tuy nhiên, người chủ mưu cuộc hành trình bất hạnh này vẫn giữ nguyên vẹn lòng mong ước viếng xứ Ấn Độ. Nếu sự mong ước đó tạm thời bị dẹp qua một bên, đó là bởi vì tuổi trưởng thành của một đời người thường đem đến bao nhiêu những bổn phận gia đình xã hội cùng bao nhiêu những sợi dây trói buộc nó cầm chân y ở lại.

Thời gian trôi quạ Nhiều trang đã lật qua trên quyển lịch đời, trước khi một cuộc gặp gỡ bất ngờ bỗng đánh thức dậy cái mộng đã tàn của người thanh niên. Đó là sự tiếp xúc với một người ngoại quốc có cái gương mặt rám nắng, nước da sậm, đầu quấn khăn:

Khách là một người Ấn Độ từ phương xa đến!

Người khách lạ bước vào cuộc đời tôi một cách đột ngột. Mùa thu đã hầu tàn, sương mù tỏa khắp không gian, tiết trời lạnh buốt thấm vào da thịt. Tôi cảm thấy chán nản, tuyệt vọng. Sự ngã lòng, rủn chí, như một cái bóng ma, đưa đến quả tim héo hắt của tôi một bàn tay giá lạnh!

Để thoát khỏi cơn ám ảnh, tôi bước vào một lữ quán bật đèn sáng trưng, hy vọng rằng nơi đây ít nhất tôi cũng sẽ tìm thấy sự dễ chịu của một gian phòng ấm áp. Những chén trà nóng sốt thường khi vẫn hiệu nghiệm, chiều hôm ấy lại không thể đem đến sự yên tĩnh thư thái cho tâm hồn tôi. Tôi không thể thoát ra khỏi cơn ám ảnh nặng nề nó vẫn dày vò tâm trí tôi. Phải chăng sự lo âu phiền muộn định theo dõi và ám ảnh tôi suốt đời...

Rốt cuộc, trạng thái băn khoăn đó làm cho tôi lại rời khỏi gian phòng ấm cúng mà tôi vừa bước vào. Tôi lại đi lang thang ngoài đường phố, không có mục đích nhất định, nhưng theo thói quen tôi lần mò đến nơi cửa hàng sách của một người bạn làm nghề bán sách cũ. Cửa tiệm của y cũng cũ kỹ như những chồng sách bày bên trong. Chủ tiệm là một nhân vật lạ lùng, một di phẩm còn sót lại của những thời đại đã quạ Thời đại máy móc cơ khí của chúng ta không hạp với tính chất của y, cũng như y không thể hòa mình để sống một cách hứng thú với thời đại này. Y chỉ bán những loại sách quý và hiếm có, và chỉ chuyên môn về các vấn đề siêu hình và khoa học huyền bí. Y biết khá nhiều, mặc dầu chỉ biết về phần lý thuyết, những vấn đề khúc mắc và khó khăn của khoa Triết lý. Thỉnh thoảng tôi hay ghé lại tiệm sách của y và thảo luận với y về những vấn đề triết học siêu hình.

*** Chiều hôm ấy, vừa bước vào cửa tiệm, vô tình tôi lật những trang giấy cũ đã trổ màu vàng của một quyển sách đóng bìa da, và tôi cầm quyển sách lên để nhìn kỹ cái tựa ngoài bìa nó làm cho tôi chú ý. Người chủ tiệm nhận thấy sự thích thú của tôi với cái nhìn thoáng qua sau cặp kính trắng của ỵ Y bèn nêu ra một đề tài thảo luận, đúng theo nội dung của quyển sách tôi đang cầm trên tay, nói về vấn đề Luân hồi.

Lão chủ tiệm, theo cái đà của thói quen, nắm ưu thế trong câu chuyện. Y nói trôi chảy dễ dàng, và dường như y biết tất cả mọi khía cạnh hiểm hóc của vấn đề lạ lùng này còn hơn tác giả quyển sách. Thỉnh thoảng y còn chú thích những tác phẩm khác mà y biết thuộc lòng như đếm trên đầu ngón tay.

Bỗng nhiên tôi nghe phía sau như có tiếng động. Tôi quay lại nhìn thì thấy một người dong dỏng cao xuất hiện từ trong bóng tối của phía sau nhà sách, là nơi chứa những loại sách quý. Người lạ mặt là một người Ấn Độ. Y tiến đến gần chúng tôi với một dáng điệu sang trọng quý phái và nói với người chủ tiệm:

- Xin lỗi ông nếu tôi làm phiền. Câu chuyện của các ông vừa nói làm cho tôi chú ý, vì tôi cũng rất thích về vấn đề này. Ông vừa kể những bậc Triết gia cổ Hy Lạp, Ai Cập và vài vị Cố đạo Gia Tô như là những người đầu tiên chủ trương thuyết Luân Hồi. Tôi cũng tin rằng những triết gia thời cổ đã hiểu rõ vấn đề ấy lắm. Nhưng các ông có biết thuyết Luân Hồi từ đâu mà có và nguồn gốc của nó ở đâu chăng...

Y ngừng một lúc, nhưng không để cho chúng tôi kịp nói gì, y liền tiếp theo với một nụ cười nhã nhặn:

"Tôi xin phép nói ngay:

Chính xứ Ấn Độ từ nghìn xưa đã phát minh ra thuyết Luân Hồi trước nhất. Những dân tộc bổn xứ chúng tôi đã coi thuyết ấy như một điều Chân Lý căn bản từ những thời đại cổ xưa nhất trong lịch sử. " Gương mặt của người này làm tôi chú ý. Đó là một gương mặt khác thường mà người ta có thể nhận ra

ngay ở giữa hàng trăm người Ấn Độ khác. Cặp mắt tinh anh, một quai hàm lớn, vầng trán cao phi thường biểu lộ sự thông minh, nước da sậm hơn mức trung bình. Đầu y quấn một chiếc khăn rất đẹp, có nhận một viên ngọc quý chớp sáng loè trong bóng tối. Y mặc một bộ Âu phục cắt khéo đúng thời trang.

Lời nói có vẻ tự phụ của y hình như không làm hài lòng người đối thoại, và người này đứng khuất phía sau quầy hàng, liền mở cuộc tấn công:

- Làm sao có thể như vậy được, vì vùng Cận Đông xưa kia gồm những trung tâm thịnh hành nhất của nền văn minh nhân loại trước Thiên Chúa kỷ nguyên. Những triết gia thông thái nhứt thời cổ phải chăng đã xuất hiện ở những xứ thuộc vùng Cận Đông, từ Athenes đến Alexandriẻ Như vậy, hẳn là học thuyết của các bậc Hiền triết đó đã từ phương Tây tiến về phương Đông và sau cùng, được lưu truyền đến Ấn Độ...

Người Ấn Độ mỉm cười một cách khoan dung:

- Không có lẽ nền văn minh tiến bộ của Tây phương lại thọ lãnh những tư tưởng Triết học của một xứ Đông phương còn lạc hậu... Không thể như vậy được, thưa ông!

Người khách lạ đáp:

- Sao lại không thể được... Ông hãy xem lại bộ sách Apuleus thì thấy rằng đức Pythagore đã từng sang Ấn Độ học đạo với các bậc danh sư Bà La Môn, và khi trở về nước, Ngài mới bắt đầu dạy thuyết Luân Hồi. Đó chỉ là một trong nhiều thí dụ khác. Ông nói rằng Đông phương lạc hậu ư... Hàng nghìn năm về trước, những nhà hiền triết Ấn Độ đã từng nghiền ngẫm, suy tư về những vấn đề siêu hình trừu tượng nhất, vào lúc mà người Châu Âu hãy còn chưa biết gì cả về vấn đề ấy.

Người lạ mặt nín lặng một lúc và nhìn chúng tôi một cách chăm chú, có lẽ để dò xem sự phản ứng của chúng tôi. Người chủ tiệm lấy làm lưỡng lự phân vân. Tôi chưa hề thấy y bị cạn lời và bị khuất phục trước một kẻ đối thoại như thế bao giờ.

Về phần tôi, tôi chỉ lẳng lặng nghe và không xen vào câu chuyện giữa hai người. Câu chuyện đến đây thình lình chấm dứt và không ai nói thêm một lời nào để phá tan sự im lặng. Người Ấn Độ liền chọn một quyển sách quý, trả tiền và sửa soạn ra về. Tôi nhìn theo y mà không nói gì. Tới ngưỡng cửa, y bèn dừng chân và quay lại phía tôi. Y mở ví lấy ra một danh thiếp đưa cho tôi và vừa mỉm cười vừa nói:

- Ông có vui lòng tiếp tục câu chuyện này với tôi chăng... Nếu vậy xin mời ông quá bộ lại chơi, chúng ta sẽ nói chuyện.

Tôi lấy làm vô cùng ngạc nhiên và vui lòng nhận. Y liền mời tôi đến nhà dùng cơm ngay chiều hôm nay.

Qua ngày hôm sau, tôi vội vàng tìm đến nhà người khách lạ. Đó không phải là một việc dễ dàng, vì sương mù dày đặc đã xâm chiếm cả thành phố, làm cho đèn đuốc ngoài đường đều gần như tắt hẳn. Một nhà nghệ sĩ có thể nhận thấy vẻ đẹp lãng mạn của thủ đô Anh Quốc vào cuối mùa thu trong cảnh sương mù bao phủ; nhưng riêng tôi thì tâm trí tôi mõ màng vớ vẫn ở đâu đâu, nên tôi không nhìn thấy gì cả và cũng không cảm thấy khó chịu.

Một cánh cửa lớn và nặng từ trong bóng tối thình lình hiện ra trước mắt tôi, làm cho tôi tỉnh giấc mơ và quay về thực tế. Hai ngọn đèn lồng ở hai bên cổng vào do hai cây trụ sắt uốn cong nâng đỡ, giống như hai cánh tay mở rộng để đón tiếp tôi. Qua khỏi cổng, vừa bước vào nhà, tôi lấy làm ngạc nhiên vì người Ấn Độ mới quen không có nói trước cho tôi biết về cảnh nhà sang trọng quý phái của ỵ Tôi có cảm giác như bước vào một nõi cung thất của phương Đông, với cách trang trí rất lịch sự. Trên vách có treo những tấm thảm thêu rồng, và những tấm nệm màu mè sặc sỡ thì trải trên sàn gạch, bàn chân bước lên trên nệm đi êm như

nhung. Một tấm da cọp rất lớn đặt trên nệm ở phòng khách gần bên lò sưởi.

Trong một góc phòng có một cái bàn nhỏ, trên đó có đặt một cái trang thờ bằng ngà và thếp vàng. Trong trang, tôi thấy một pho tượng nhỏ, chắc hẳn là tượng Phật ngồi kiết dà, gương mặt yên lặng, mí mắt hé mở.

Chủ nhà bước vào phòng và tiếp đón tôi một cách vui vẻ. Y mặc một bộ dạ phục rất đẹp. Tôi nghĩ rằng một người như vậy có thể hòa mình với mọi giới thượng lưu trong xã hội. Vài phút sau, chúng tôi đã ngồi vào bàn ăn. Những món ăn toàn là cao lương mỹ vị:

đó là lần đầu tiên mà tôi thưởng thức món cari Ấn Độ, và từ đó về sau tôi vẫn không quên mùi vị đặc biệt của nó. Người bồi bàn dọn ăn cho chúng tôi cũng ăn mặc lịch sự:

Y vận một bộ đồng phục trắng, thắt lưng thêu chỉ vàng, và vấn một chiếc khăn trắng tinh.

Trong bữa ăn, câu chuyện không có gì đặc biệt lắm, và chỉ quanh quẩn với những vấn đề thông thường. Tuy nhiên, dầu là nói về vấn đề gì, những lời nói của người Ấn Độ này vẫn luôn luôn đanh thép và xác đáng. Giọng nói của y có vẻ tự tin và dứt khoát.

Đến lúc ăn tráng miệng và dùng cà phê, y mới nói đôi chút về đời tư của ỵ Y có gia sản lớn, và đã từng đi du lịch nhiều nơi. Y làm cho tôi thích thú nghe những cảm tưởng du hành của y ở Trung Hoa mà y đã từng ở một thời gian trong một tu viện Gia Tô ở xứ Syrie.

Kế đó, y mới trở lại câu chuyện lúc chiều hôm qua ở trong tiệm sách. Nhưng chiều nay, chắc là y đã có những ý nghĩ khác, vì vừa bàn rộng thêm câu chuyện, y bắt đầu nói về nền minh triết cổ truyền của xứ Ấn Độ.

- Những giáo lý của các bậc Hiền Triết Ấn Độ đã được lưu truyền qua tới Tây phương, nhưng trong nhiều trường hợp, chánh giáo đã bị hiểu lầm hoặc có khi bị xuyên tạc. Tuy nhiên, việc ấy không phải nói ra để mà than phiền. Thật thế, xứ Ấn Độ ngày nay đã trở nên như thế nào... Nó không còn là xứ Ấn Độ cao cả thiêng liêng của thời quá khứ. Đó là một việc đáng buồn, rất đáng buồn. Quần chúng Ấn ngày nay vẫn còn bám víu lấy một vài lý tưởng, nhưng lại bị đầu độc bởi nhiều điều mê tín dị đoan.

Tôi hỏi:

- Nguyên nhân nào đã gây nên tình trạng suy đồi như thế...

Người chủ nhà im lặng. Một phút trôi qua, đôi mắt lim dim mở, y nói nhỏ bằng một giọng thì thầm dường như không muốn phá tan cái im lặng trong gian phòng:

- Bạn hỡi! Xứ Ấn Độ của tôi xưa kia có rất nhiều bậc Hiền Triết đã từng thấu đạt được mọi lẽ huyền vi bí ẩn của đời người. Các bậc vua chúa cũng như người dân lành đều thỉnh cầu lời dạy bảo của các ngài. Chính nhờ sự dìu dắt của các Ngài mà nền văn minh Ấn Độ đã tiến lên đến cực điểm. Ngày nay các bậc ấy còn lại được bao nhiêu và ở nơi nào... Có lẽ chỉ còn lại độ vài ba người, mà người đời không còn biết đến và không ai nhắc đến nữa, các ngài hiện sống cách biệt với cuộc đời thế gian, khi các bậc Hiền Giả đó, mà chúng tôi gọi là các đấng Rishis (hay Chân Sư) bắt đầu suy tàn.

Y ngồi dựa lưng trên ghế bành và nghiêng đầu về phía trước ngực, câu nói sau cùng thoát ra với một giọng đau thương. Trong một lúc, y ngồi vắng lặng và quên cả sự có mặt của tôi, cả tâm hồn y đắm chìm trong một cõi trầm tư mặc tưởng, nhớ tiếc một thời đại đã quạ Y có một phong độ đặc biệt và rất hấp dẫn nó khiến cho người đối thoại phải chú ý. Đôi mắt đen láy và sáng ngời biểu lộ một đời sống nội tâm dồi dào phong phú, giọng nói ấm áp của y biểu lộ một tâm hồn rộng rãi khoáng đạt. Tôi cảm thấy chắc chắn

rằng tôi sẽ yêu mến một người như thế.

Người bồi bàn rón rén bước vào, tiến đến bàn thờ và đốt một cây nhang. Một luồng khói xanh tỏa ra khắp phòng một mùi hương thơm dịu. Bỗng nhiên người chủ nhà ngẩng mặt lên và nhìn tôi vào tận mặt:

- Phải chăng tôi đã nói rằng hiện nay chỉ còn độ vài ba người như thế... À, tôi đã nhớ ra. Tôi đã biết được một trong các bậc Hiền Giả đó. Đó là một điều mà tôi ít hay nói với ai. Đối với tôi, Ngài vừa là một người cha, một người Thầy và một người bạn. Sự minh triết của Ngài quả thật là thiêng liêng. Tôi yêu Ngài chẳng khác nào như con thương chạ Trong những lúc sung sướng mà tôi được ở gần bên Ngài, tôi cảm thấy rằng hạnh phúc vốn ở hầu kề một bên. Thật vậy chí đến bầu không khí ở chung quanh Ngài cũng tạo nên sự an lạc mầu nhiệm đó. Tôi vốn là người có tâm hồn thẩm mỹ, yêu nghệ thuật và mỹ lệ. Nhờ có Ngài, tôi đã tập nhìn thấy cái đẹp ở trong những kẻ phong cùi, tàn tật, khốn khó lầm than, những người mà trước kia tôi ngoảnh mặt đi vì ghê tởm. Ngài sống trong một đạo viện hẻo lánh cách xa thành phố. Tôi tìm thấy đạo viện của Ngài dường như do sự tình cờ. Kể từ đó, tôi trở lại thăm viếng Ngài nhiều lần và ở lại đạo viện với Ngài trong một thời gian. Ngài đã dạy tôi rất nhiều. Một xứ sản xuất được những người như thế nhất định phải là một xứ cao cả và hùng cường.

- Nhưng tại sao Ngài không phục vụ xứ sở bằng cách tham gia vào việc nước...

Tôi thành thật hỏi. Người Ấn Độ lắc đầu:

- Những tư tưởng sâu xa của một hạng người đặc biệt như thế không dễ gì thấu hiểu được dẫu cho đối với chúng tôi, huống chi đối với người Âu Tây như các anh. Có lẽ Ngài sẽ trả lời câu hỏi của anh rằng người ta có thể phụng sự thế gian một cách âm thầm lặng lẽ bằng cách phóng tư tưởng lành, mà sức thần giao cách cảm có thể vượt qua không gian, tuy mắt người không nhìn thấy, nhưng không phải là không có hiệu lực. Ngài cũng có thể nói rằng một xã hội suy tàn phải chịu cái số kiếp đau thương của nó cho đến khi ngày giờ phục hưng của nó đã điểm.

Tôi nói với ông bạn mới của tôi rằng quả thật tôi không ngờ tới một câu trả lời như thế. Y đáp:

- Tôi cũng biết rằng ông bạn sẽ nghĩ như thế, ông bạn ơi!

Sau buổi tối gặp gỡ đầu tiên và đáng ghi nhớ đó, tôi đã nhiều lần trở lại nhà người bạn Ấn Độ mới quen. Tôi bị hấp dẫn bởi những kiến thức rộng rãi và cái phong độ hào hoa phong nhã của y. Y đã kích động những hoài bão tiềm tàng của tôi, làm cho tôi muốn tìm hiểu thêm về ý nghĩa thâm trầm của cuộc đời.

Một hôm, câu chuyện của chúng tôi xoay về một chiều hướng nó in sâu vào cuộc đời tôi những dấu vết và ảnh hưởng thâm trầm. Ông bạn mới của tôi nói qua về những phong tục lạ lùng và những tập quán cổ truyền của người Ấn Độ. Y diễn tả một cách linh hoạt vài hạng người của cái xứ lạ lùng huyền bí đó và trong câu chuyện, y có đề cập đến những người đạo sĩ Yogi. Tôi chỉ hiểu một cách mập mờ về ý nghĩa của danh từ đó. Tôi đã từng gặp danh từ ấy nhiều lần trong khi đọc sách, nhưng mỗi lần với những ý nghĩa khác nhau đến nỗi tôi không thể hiểu một cách rõ rệt. Và khi tôi nghe ông bạn tôi thốt ra danh từ này, tôi liền chận y lại, như một nhà báo lành nghề, để hỏi thêm một vài chi tiết. Y trả lời:

- Người ta không thể tóm tắt trong một câu cái ý nghĩa đầy đủ của danh từ Yogi. Bạn hãy hỏi người Ấn Độ, họ sẽ định nghĩa cho bạn nghe danh từ đó bằng mười cách khác nhau. Thí dụ, có hàng ngàn người hành khất dạo, thường đi ta bà từ làng này qua làng khác và tụ họp đông đảo ở các nơi đền chùa trong những khi có những cuộc lễ lớn, họ cũng tự gọi là những người Yogi. Sự thật, nhiều người trong số đó chỉ là những kẻ vô nghề nghiệp, hoàn toàn thất học, không biết gì cả về lịch sử hay lý thuyết của pháp môn Yoga.

Y ngừng một lúc và nói tiếp:

- Nhưng nếu bạn đi về những nơi như Rishikesh chẳng hạn, mà dãy Hi Mã Lạp Sơn đầy tuyết phủ bao bọc chung quanh như thành quách, bạn sẽ thấy có một hạng người hoàn toàn khác hẳn. Những người này sống trong những túp lều sơ sài hoặc trong động đá, họ ăn rất ít và suốt ngày chỉ cầu nguyện. Tôn giáo đối với họ cũng cần thiết như hơi thở, nó ám ảnh họ ngày đêm. Phần nhiều là những người có tâm đạo dành trọn thời giờ để học hỏi các Thánh Kinh và tham thiền, tụng niệm. Những người này cũng được người ta gọi là Yogi mặc dù họ không giống như những người hành khất kể trên. Như thế, bạn thấy rằng danh từ đó rất là co giãn, và ở giữa hai hạng người đó còn có những hạng người khác nữa.

- Tuy vậy, phải chăng người ta thường thán phục những quyền năng bí mật lạ lùng của những người Yogi...

Ông bạn tôi vừa mỉm cười vừa nói:

- À! Tôi còn một định nghĩa khác nữa. Hiện nay người ta vẫn tìm thấy ở những nơi hẻo lánh, ẩn trong rừng thẳm hoặc trong hang núi, những người lạ lùng dành trọn đời để tu luyện theo những phương pháp mà họ tin rằng sẽ đem đến cho họ những quyền năng mầu nhiệm và phép tắc thần thông. Có người khinh bỉ cả tôn giáo hoặc có người lại rất tín ngưỡng, nhưng tất cả đều hợp nhất trong sự chiến đấu để thắng đoạt thiên nhiên và chinh phục những sức mạnh vô hình bí ẩn của Trời Đất. Bạn hãy nhớ rằng xứ Ấn Độ vẫn luôn luôn tin tưởng nơi các điều huyền bí, nhiệm mầu, và người ta vẫn thường nghe nói về những phép thuật thần thông của các nhà đạo sĩ. Những người này cũng được gọi là Yogi.

- Nhưng bạn có gặp những người ấy chăng... Và bạn có tin nơi những phép thuật cùng những quyền năng nhiệm mầu đó không... Tôi hỏi một cách ngây thơ.

Người bạn tôi im lặng một lúc dường như để suy nghĩ về câu trả lời. Tôi đưa mắt nhìn cái trang nhỏ đặt trên bàn thờ và tưởng chừng như pho tượng Phật ở bên trong cũng nhìn tôi và mỉm cười. Tôi đâm ra vơ vẫn, và nghĩ rằng bầu không khí chung quanh pho tượng hẳn có đượm một vẻ linh thiêng, thần bí. Nhưng đúng vào lúc đó, giọng nói rõ ràng của người Ấn Độ làm gián đoạn sự mơ màng viển vông của tôi:

- Bạn hãy xem đây, y vừa nói vừa lấy tay vạch cho tôi xem một vật mà y đeo ở trong cổ áo. Tôi là người Bà La Môn, và đây là sợi dây Thánh, tiêu biểu cho giai cấp tôi. Một đời sống khắc kỷ, đạm bạc, trải qua hằng bao nhiêu ngàn năm, đã làm cho giai cấp chúng tôi có một vài đặc tính tự nhiên mà sự học vấn theo Âu Tây và sự giao thiệp với người Âu Tây cũng không làm sao xóa bỏ được. Đức tin nơi một quyền năng thiêng liêng, sự tin tưởng nơi những sức mạnh huyền bí và sự tiến bộ tâm linh của nhân loại, những thứ ấy vốn in sâu trong tâm hồn người Bà La Môn chúng tôi. Đức tin đó, tôi không thể nào hủy bỏ được, và khi nào có sự xung đột giữa đức tin và lý trí, thì tự nhiên lý trí phải nhường bước. Bởi đó, mặc dù tôi rất có thiện cảm với những phương pháp khoa học tối tân của các anh, điều mà sau cùng tôi có thể trả lời là:

"Tôi tin".

Y im lặng nhìn tôi một lúc và nói tiếp:

- Lẽ tự nhiên là tôi đã gặp những người đó. Vài ba người, có lẽ. Thật không dễ gì gặp họ trên đường đời của mình. Ngày xưa, người ta có thể tìm thấy họ dễ dàng hơn, nhưng ngày nay tôi tin rằng họ hầu như đã hoàn toàn biến mất.

- Nhưng phải chăng bạn nói còn độ vài ba người...

- Rất có thể. Nhưng tìm được họ, lại là một vấn đề khác. Điều đó đòi hỏi một sự tìm kiếm công phu và lâu dài.

- Thầy bạn, phải chăng cũng là một trong số những người đó...

- Không, Ngài thuộc về một hạng cao hơn nữa. Phải chăng tôi đã nói với bạn rằng Ngài là một vị Rishi...

Tôi thú thật rằng tôi không hiểu gì cả, nếu y không giải thích rõ danh từ sau này.

- Những vị Rishi còn cao hơn những người Yogị Chúng ta hãy đem thuyết Tiến Hóa Luận của Darwin chuyển sang địa hạt tinh thần, và chấp nhận giáo lý của Bà La Môn cho rằng có một sự tiến hóa của linh hồn cùng đi đôi với sự tiến hóa của thể xác. Bạn hãy tưởng tượng những vị Rishi như những người đã đạt tới tột đỉnh của cái thang tiến hóa đó, và chừng đó bạn sẽ có một ý niệm đại khái về sự cao cả huy hoàng của các Ngài.

- Một vị Rishi có thể làm những phép lạ thần thông mà thuật thần thông không có giá trị như nhiều người Yogi lầm tưởng. Đó là một quyền năng do kết quả tự nhiên của sự tập trung tư tưởng và ý chí mà thôi. Đối với Ngài, sự nhiệm mầu hay phép lạ là một phương tiện mà Ngài ít khi dùng đến. Mục đích chính của Ngài là trở nên Toàn Thiện cũng như những đấng Thiêng Liêng Cao cả, chẳng hạn như đức Phật hay đấng Christ.

- Nhưng đấng Chirst cũng đã từng làm phép lạ!

- Dĩ nhiên, nhưng bạn tưởng rằng Ngài làm như thế vì mục đích khoe khoang chăng... Không bao giờ. Đó chỉ là một phương tiện để cảm hóa những người thường dân hiền lành, chất phác và đem cho họ một đức tin.

- Nếu ở Ấn Độ có những người như những vị Rishi thì chắc hẳn quần chúng sẽ quy tụ theo các Ngài...

- Lẽ tự nhiên, nhưng trước hết các Ngài phải nhập thế và tuyên bố cho người đời biết các Ngài là ai. Đấng này, rất ít khi nào các đấng Rishi lại làm như vậy. Các Ngài thích sống cách biệt với thế gian. Những vị nào muốn nhập thế để làm việc giúp đời, thường chỉ xuất hiện trong một thời gian nhất định, rồi lại rút lui vào bóng tối.

Tôi bèn phản đối rằng nếu các vị ấy cứ sống ẩn dật như thế mãi thì phỏng có ích gì cho đời... Người Ấn Độ nở một nụ cười đầy tha thứ:

- Tục ngữ có câu:

Không nên tin ở bề ngoài. Vì không biết rõ các đấng Rishi, nên thế gian không thể xét đoán các Ngài một cách đúng đắn. Tôi đã nói rằng các đấng Rishi đôi khi cũng xuất hiện ngoài thế gian và chung đụng với người đời. Thuở xưa kia, khi các Ngài xuất hiện như thế nhiều hơn bây giờ, thì sự minh triết, quyền năng, đức độ của các Ngài nổi bật trước mắt mọi người, và ảnh hưởng của các Ngài được công khai nhìn nhận. Những vì vua chúa cũng phải nghiêng mình thán phục sự minh triết của các Ngài và không ngần ngại thỉnh cầu ý kiến của các Ngài về các vấn đề quốc sự. Nhưng có điều chắc chắn là các đấng Rishi thích hoạt động âm thầm lặng lẽ trong bóng tối hơn là xuất hiện ở ngoài đời.

Tôi bỗng nhiên đâm ra mơ mộng và bất giác thì thầm như nói riêng một mình:

- Tôi muốn được gặp một vị Rishi, hoặc ít nhất là một người Yogi chân chính.

- Bạn hãy tin rằng có ngày bạn sẽ được như ý nguyện.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Làm sao bạn biết đặng...

Câu trả lời của y càng làm cho tôi ngạc nhiên hơn nữa:

- Tôi biết như thế từ ngày chúng ta gặp nhau lần đầu. Đó là một thứ trực giác, một thứ linh năng khiến tôi cảm biết được một cách sâu xa nhưng không thể giải thích được. Sư phụ tôi đã dạy tôi tập luyện và sử dụng cái năng khiếu đó. Khi gặp việc, tôi hoàn toàn tin tưởng nơi khiếu linh năng trực giác của tôi.

Tôi hỏi nửa tin nửa ngờ:

- Lời tiên tri của bạn bao giờ mới thực hiện...

Bạn tôi nhún vai và lắc đầu:

- Tôi không phải là một nhà tiên trị Tôi rất tiếc là không thể nói trước ngày giờ nào bạn sẽ thực hiện điều ấy.

Tôi không hỏi thêm điều gì, tuy tôi ngờ rằng y có thể nói nhiều hơn nếu y muốn. Tôi bèn suy nghĩ và đề nghị:

- Chắc có ngày bạn sẽ trở về xứ. Nếu lúc ấy tôi rảnh việc, chúng ta có thể cùng đi chung những người ấy chăng...

- Không bạn ơi! Bạn phải đi một mình. Tốt hơn là bạn hãy tìm kiếm lấy một mình bạn.

Tôi kêu nài:

- Đó là một điều rất khó đối với một người ngoại quốc như tôi.

- Hẳn là rất khó. Nhưng bạn hãy đi một mình, rồi có ngày bạn sẽ thấy rằng lời nói của tôi thật không sai.

Từ đó trở đi, tôi biết rằng có ngày tôi sẽ thả neo ở một hải cảng phương Đông đầy ánh nắng. Tôi nghĩ rằng nếu trong quá khứ, xứ Ấn Độ đã từng tạo ra những người như các vị Rishi, và nếu một vài vị ấy hiện nay vẫn còn sống như bạn tôi tin tưởng, thì cái công phu khó nhọc đi tìm ra các Ngài sẽ không phải là vô ích. Nó sẽ được đền bù lại gấp bội phần bằng những lời vàng ngọc minh triết mà mình sẽ được nghe tự các Ngài thốt ra. Biết đâu tôi chẳng có cái may mắn là nhờ đó đời sống nội tâm của tôi sẽ trở nên dồi dào phong phú hơn. Và dầu cho tôi bị thất bại, cuộc hành trình của tôi cũng không phải là vô ích. Vì những người Yogi kích thích sự tò mò của tôi một cách mãnh liệt bởi cách sinh hoạt lạ lùng và những phép tu luyện huyền bí của họ. Sự ham mê của tôi về những điều huyền diệu phi thường đã được kích động đến một mức độ cao tột. Cái viễn ảnh đi thám hiểm những chân trời xa lạ đó làm cho tôi ngây ngất. Tôi tự thả trôi theo cái đà tưởng tượng của mình, định rằng khi gặp cơ hội thuận tiện, tôi sẽ đáp chuyến tàu đầu tiên sang Ấn Độ. Người bạn Ấn Độ của tôi vẫn còn tiếp tôi tại nhà y trong nhiều tháng. Y giúp tôi nhận định đường lối trong cái chương trình tương lai của tôi, nhưng không chịu làm người hướng dẫn tôi trên những bước đường xa lạ mà tôi còn phải vượt quạ Nhưng biết được vị trí của mình, nhận định được những khả năng tiềm tàng của mình, tự vạch lấy con đường đi rõ ràng nhất định, đó phải chăng là một điều quý báu đối với một người còn đang tuổi thanh xuân... Vậy thì không phải là một điều quá đáng nếu tôi bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với người bạn mới của thưở ban đầu. Nhưng bánh xe định mệnh vẫn tiếp tục xoay vần và cái ngày phân ly giữa chúng tôi đã đến quá mau. Cách sau đó vài năm, tôi được tin y đã qua đời, hình như vì tai nạn.

Cuộc hành trình của tôi vẫn chưa gặp thời giờ và hoàn cảnh thuận tiện. Những sự ước mong và tham

vọng ở đời thường tạo ra những trách nhiệm ràng buộc mà người ta không dễ gì thoát khỏi. Tôi đành chịu an phận với cuộc đời hiện tại nó giam hãm tôi trong một khuôn khổ chật hẹp. An phận, nhưng vẫn chờ đợi, vì tôi không hề mất sự tin tưởng nơi lời tiên tri của người Ấn Độ. Một ngày nọ, một việc xảy đến bất ngờ lại càng xác nhận củng cố thêm đức tin của tôi.

Những hoạt động nghề nghiệp của tôi đưa đến cho tôi một dịp tiếp xúc trong nhiều tháng với một người mà tôi lấy làm quý trọng và giao du với một tình thân hữu đặc biệt. Y có một trí óc thông minh, vô cùng linh hoạt và biết rõ nhân tình thế thái. Y đã từng làm giáo sư dạy khoa Tâm Lý ở một trường Đại Học, nhưng cuộc đời giáo sư mô phạm không thích hợp với y̧ Y bèn từ chức để bước qua một ngành hoạt động khác mà y có thể sử dụng số vốn kiến thức rộng rãi của mình. Trong một thời gian, y làm cố vấn cho nhiều nhà kinh doanh trong giới thương trường, và đã từng thụ hưởng những số tiền thù lao khổng lồ của những vị chủ nhân các xí nghiệp lớn.

Y có cái thiên tư đặc biệt là giúp nguồn cảm hứng và khích lệ cho những kẻ khác thành công trên đường đời. Dầu là kẻ bần cùng hay triệu phú, ai đã đến tiếp xúc với y đều được sự giúp đỡ ý kiến hoặc sự nâng đỡ về tinh thần, làm cho họ tăng lòng hứng khởi, và những lời khuyên bảo của y đều có giá trị như vàng ngọc. Tôi vẫn thường nghe theo những lời khuyên của y, vì sự tiên kiến và linh giác của y thường được chứng minh một cách hùng biện trong các vấn đề kinh doanh cũng như các vấn đề cá nhân. Điều mà tôi thán phục nhất là y đã dung hòa được trong tâm tính của y những khía cạnh hoàn toàn trái ngược nhau. Y có thể bàn luận đến những vấn đề triết lý khó khăn nhất, ngay sau khi vừa bàn tính xong một công việc kinh doanh thương mại! Vì thế người ta không hề thấy y có vẻ buồn bực, ưu sầu, mà luôn luôn vui vẻ trào phúng và hồn nhiên cởi mở.

Y đã cùng tôi trải qua những giờ thú vị trong khi làm việc chung, hoặc trong những khi rảnh rang, nhàn hạ. Tôi lấy làm thích thú mà nghe y nói chuyện, những kiến thức rộng rãi của y làm tôi ngạc nhiên. Tôi thường tự hỏi làm sao khối óc con người có thể chở nỗi một kho tàng hiểu biết rộng rãi như thế!

Một buổi chiều, chúng tôi cùng nhau dùng cơm tối ở một quán nhỏ có vẻ ấm cúng. Khi ăn xong bước ra về, bầu trời quang đãng dưới ánh trăng rằm làm cho chúng tôi thấy cảm hứng dồi dào chúng tôi bèn rủ nhau đi bách bộ thưởng trăng. Câu chuyện lúc ban chiều chỉ quanh quẩn với các vấn đề tầm thường, không có gì đặc biệt, nhưng một đêm trăng tịch mịch như đêm nay tự nhiên khêu gợi đến những chuyện triết lý. Cuộc đi chơi bách bộ dưới ánh trăng đưa đến những câu chuyện triết lý trừu tượng đến nỗi những danh từ của chúng tôi thốt ra có thể làm cho những vị thân chủ của ông bạn tôi rùng mình! Về đến trước cửa nhà, khi chúng tôi bắt tay từ giã, giọng nói của y bỗng trở nên nghiêm nghị, và y nói một cách chậm rãi:

- Thiết tưởng anh đừng bao giờ nên làm cái nghề này. Anh thật là một triết gia, mà anh lại mắc kẹt trong một cái nghề bị lệ thuộc cho vấn đề thời sự hàng ngày. Sao anh không làm giáo sư Đại Học, và dùng thời giờ vào công việc khảo cứu, sưu tầm... Anh có tâm hồn triết lý và có những hoài bão về đường tâm linh. Tôi chắc chắn rằng có ngày anh sẽ đi tìm những nhà đạo sĩ Yogi Ấn Độ, những vị Lạt Ma Tây Tạng, hoặc những vị cao tăng phái Thiền Tông bên Nhật Bổn. Và chừng đó anh sẽ cho chúng tôi đọc những thiên phóng sự lạ lùng nhé... Thôi trong khi chờ đợi, hãy chúc anh một đêm ngon giấc.

Tôi bèn chận lại:

- Những đạo sĩ Yogỉ Anh nghĩ sao về những người ấy...

Ông bạn tôi bèn bước đến gần tôi và kề tai nói nhỏ:

- Đó là những người hiểu biết rất nhiều, bạn ơi! Họ biết rất nhiều!

Tôi bước chân ra về, trong lòng vô cùng xao xuyến.

Cuộc hành trình sang phương Đông vẫn chưa thể thực hiện được. Càng ngày tôi càng đi sâu vào những trách nhiệm nặng nề và phức tạp mà tôi không thấy có cách nào thoát khỏi. Tôi có những lúc ngã lòng. Hay là tôi bị một cái định mệnh khắc khe nó trói buộc tôi với những tham vọng thường tình và những cạm bẫy của cuộc đời trần thế!

Nhưng không, tôi đã lầm! Định mệnh con người luôn luôn phán ra những lịnh mới của nó hàng ngày, và mặc dù chúng ta không có đủ linh năng để nhìn thấy rõ, nhưng chúng ta vẫn vô tình tiến đến cái mục đích mà nó đã vạch sẵn. Không đầy một năm sau, tôi đã bước chân lên hải cảng Bombay, trố mắt nhìn cảnh vật tưng bừng rực rỡ của một thành phố phương Đông, và lắng tai nghe đủ thứ thổ ngữ lạ lùng của những dân tộc bổn xứ qua lại nơi này!

Chương 2: Một Nhà Phù Thủy Xứ Ai Cập

Thật là một chuyện lạ lùng và có ẩn dấu một ý nghĩa gì đây chăng... Tôi chưa kịp thử thời vận thì tự nhiên dịp may ở đâu tự nó lù lù xuất hiện. Tôi cũng chưa kịp sử dụng thời giờ nhàn rỗi của một người du khách để đi ngoạn cảnh và viếng thăm thành phố Bombay. Những hoạt động của tôi trong lúc hiện tại là thử làm quen với cảnh vật chung quanh ở khách sạn Majestic mà tôi được biết do sự giới thiệu của một người mới quen trên tàu. Và chính nhờ đó mà tôi khám phá được một chuyện lạ.

Trong số những lữ khách ở trọ, có một vị pháp sư phép thuật cao cường, đáng liệt vào hàng những nhà Phù Thủy hồi thời Trung cổ. Ông ta tiếp xúc hàng ngày với những vong linh bí mật, người thường không nhìn thấy, nhưng ông ta nhìn thấy rõ, hoặc ít nhất đó cũng là do lời thiên hạ đồn. Nhân viên khách sạn rất kiêng nể y, và chỉ nói đến y bằng một giọng thì thầm sợ hãi. Chỗ nào y đi ngang qua thì mọi câu chuyện đều ngưng bặt, mọi người đều nhìn trộm y với một vẻ băn khoăn và không ai dám nhìn ngay mặt. Về phần y, y ít khi ra mặt nói chuyện hoặc tiếp xúc với ai, và chỉ dùng cơm một mình trong phòng riêng.

Điều làm cho người ta càng tò mò hơn nữa là y không phải là người Ấn Độ hay người Âu, mà là một người ngoại quốc xuất xứ từ trên bờ sông Nil, một nhà Phù Thủy xứ Ai Cập! Hình dáng bề ngoài của y không có những quyền năng bí mật lạ lùng. Mới nghe tiếng đồn về y, người ta tưởng tượng đó là một người có vẻ mặt rùng rợn khắc khổ; nhưng trái lại, y có một gương mặt tròn trĩnh, tươi tắn và hồng hào, một khổ người đầy đặn phương phi, vai rộng, và dáng đi nhanh nhẹn của một người hoạt động.

Người ta tưởng tượng y mặc áo rộng trắng, đầu quấn khăn như mọi người thuật sĩ phương Đông, nhưng đằng này y mặc một bộ Âu phục cắt khéo, đúng thời trang và có vẻ giống như một người Pháp thượng lưu lịch sự mà người ta thường gặp ở những nhà hàng lớn ở Ba Lê.

Tôi ngẫm nghĩ về vấn đề này suốt ngày hôm đó. Sáng hôm sau, tôi thức dậy với một quyết định rõ rệt. Tôi phải phỏng vấn nhà Phù Thủy Mahmoud Bey, nói theo danh từ báo giới mà các bạn đồng nghiệp của tôi vẫn thường dùng.

Tôi viết ít hàng chữ trên một tấm danh thiếp để bày tỏ ý muốn của tôi; trên một góc phía tay mặt, tôi vẽ một hình biểu tượng nhỏ dùng làm mật hiệu để ám chỉ rằng tôi cũng không phải là hoàn toàn xa lạ với khoa pháp môn phù thủy, và tôi hy vọng rằng điều này có thể giúp cho tôi được y tiếp kiến. Tôi đưa tấm danh thiếp cho một người bồi bàn, và không quên kèm theo một đồng rupee tiền trà nước, để nhờ y đem vào phòng của nhà phù thủy.

Năm phút sau đó, người bồi trở lại với câu trả lời:

- Thưa ông, ông Mahmoud Bey sẵn lòng tiếp ông ngay bây giờ. Ông ấy sắp sửa dùng điểm tâm, và mời ông cùng vào.

Y mặc một bộ áo choàng rộng màu xám. Y mở đầu câu chuyện bằng một nụ cười vui vẻ và mời tôi:

- Ông dùng điểm tâm với tôi nhé!

Tôi cám ơn. Giữa hai hớp trà nóng, tôi thuật lại cho y nghe những tiếng đồn rùng rợn mà người ta gán cho y ở tại khách sạn, nó làm cho tôi đã do dự rất lâu trước khi có đủ sự bạo gan để đến nói chuyện với y. Y bèn phát tiếng cười lớn một cách giòn giã thật tình, và đưa một tay ra dấu, như muốn nói rằng y không thể làm thế nào được.

Sau một phút im lặng, y hỏi tôi:

- Ông là phóng viên cho một tờ báo...

Tôi đáp:

- Không, tôi đến Ấn Độ vì một mục đích riêng, để khảo cứu một vài khía cạnh về đời sống tâm linh của xứ này, và thu thập tài liệu để viết một quyển sách về vấn đề ấy.

- Ông sẽ ở đây bao lâu...

- Việc đó còn tùy. Tôi chưa nhất định là sẽ ở bao lâu. Tôi đáp với cái cảm giác lạ lùng rằng người đi phỏng vấn lại bị kẻ khác phỏng vấn mình!

Nhưng câu nói kế đó của y làm tôi yên tâm:

- Tôi đến đây trong một cuộc viếng thăm dài hạn. Tôi sẽ ở Ấn Độ một năm hoặc hai năm. Sau đó tôi sẽ đi qua Viễn Đông, và đi vòng quanh thế giới trước khi trở về Ai Cập, nếu Allah cho phép.

Chúng tôi đã ăn xong. Người bồi bàn bước vào và dọn bàn. Không để lỡ dịp tôi đi ngay vào đề:

- Tôi nghe người ta nói rằng ông có phép thần thông, có quả thật vậy không...

Vị pháp sư bình tĩnh đáp như một người tự tin nơi mình:

- Vâng! Nhờ trời cho nên tôi đã có được những quyền năng đó.

Một lúc sau y nhìn thẳng vào mắt tôi và nói tiếp:

- Có lẽ ông muốn tôi thí nghiệm vài điều cho ông xem chơi...

Y đã đi trước ý muốn của tôi. Tôi gật đầu bằng lòng. Y bảo tôi đem giấy và một cây viết chì và nói:

- Ông hãy tự viết lấy trên tờ giấy một câu hỏi, bất cứ về chuyện gì.

Nói xong, y dang ra và ngồi lại một chiếc bàn nhỏ gần cửa sổ.

Y day lưng lại tôi và nhìn ra đường. Như thế chúng tôi ngồi cách nhau một khoảng độ vài thước. Tôi viết trên mảnh giấy câu hỏi như sau:

"Cách đây bốn năm tôi ở đâu... " Vị phù thủy bảo tôi:

Bây giờ ông hãy xếp mảnh giấy lại làm nhiều lần, thu lại càng nhỏ càng hay.

Tôi làm y theo lời. Y xích lại gần tôi và nói:

Bây giờ ông hãy nắm chặt mảnh giấy và cây viết chì trong bàn tay mặt.

Tôi nghe theo lời. Nhà phù thủy bèn nhắm mắt trong một lúc, có vẻ như chìm đắm trong một cơn thiền định. Tôi chắc y đã xuất thần và đã đi xa lắm. Bỗng nhiên hai mí mắt y dương lên, cặp mắt xám đục của y nhìn ngay mắt tôi, y chậm rãi nói:

- Câu hỏi phải chăng là như thế này:

"Cách đây bốn năm, tôi ở đâu... " - Đúng vậy, tôi ngạc nhiên đáp. Nếu đây là việc đọc tư tưởng của

người khác thì quả thật là một việc phi thường!

- Ông hãy mở tờ giấy ra.

Tôi làm theo lời và ngạc nhiên hơn nữa. Một bàn tay vô hình đã viết bằng viết chì cái tên Oxford, tức là thành phố mà tôi ở cách đây bốn năm, ngay phía dưới câu hỏi tôi đã viết. Ngài phù thủy Mahmoud Bey cười một cách hài lòng và nói:

- Câu trả lời có đúng không...

Tôi lặng thinh vì ngạc nhiên. Việc này ngoài sức tưởng tượng của tôi, làm cho tôi phải yêu cầu y thử lại một lần nữa. Y bằng lòng và trở lại phía cửa sổ, trong khi tôi viết câu hỏi thứ nhì.

Với khoảng trống ngăn cách chúng tôi, tôi không thể nghi ngờ rằng y đọc được chữ tôi viết. Tôi vừa viết vừa nhìn y không chớp mắt, và thấy y chăm chú nhìn xe cộ qua lại ngoài đường. Viết xong tôi xếp mảnh giấy lại và nắm chặt giấy cùng cây viết chì trong bàn tay mặt. Lúc đó nhà phù thủy mới trở lại bàn, ngồi xuống và nhắm mắt định thần.

Sau một lúc, y nói với tôi:

Câu hỏi thứ nhì là "Tôi làm chủ bút tờ báo nào cách đây hai năm... " Lần này y cũng nói đúng như lần trước. Một lần nữa tôi mở tờ giấy ra trên bàn và nhận thấy nét viết chì viết rõ ràng tên tờ báo của tôi cách đây hai năm.

Điều này phải khác hơn là việc đọc tư tưởng. Thôi miên chăng... Cũng không phải, vì tôi hoàn toàn thức tỉnh. Chính tôi lấy giấy và viết chì từ trong túi của tôi ra, chính tôi chọn những câu hỏi và Mahmoud Bey đứng cách xa tôi vài thước trong khi tôi viết. Trong phòng chỉ có hai người, và mọi việc xảy ra giữa lúc thanh thiên bạch nhật.

Tôi không thể hiểu được gì cả. Tôi bèn yêu cầu người phù thủy thử lại một lần thứ bạ Lần này y cũng bằng lòng và cũng thành công y như trước. Sự việc diễn ra trước mắt tôi, không thể chối cãi được. Ít nhất y đã đọc được tư tưởng của tôi, và tôi không tìm ra sự giải thích nào khác hơn. Bằng một phép thuật nào đó, y đã viết trên mảnh giấy mà tôi nắm chặt trong lòng bàn tay, những chữ trả lời đúng đắn các câu hỏi của tôi. Càng ngẫm nghĩ, tôi càng nghiệm thấy sự hiện diện của những sức mạnh vô hình, huyền bí. Đối với một người thường, việc này thật không thể tưởng tượng, nó thách thức lý trí con người và sau cùng tôi đành chịu, không sao hiểu nổi.

Nhà phù thủy lúc đó mới hỏi tôi:

Ông có biết có người nào bên Anh Quốc có thể làm được như vậy không...

Tôi phải nhìn nhận là không.

- Ông có vui lòng giải thích những pháp thuật của ông cho tôi nghe được chăng... Tôi nói với cái giọng của một người biết rằng hỏi như vậy, chẳng khác nào muốn ôm lấy mặt trăng.

Vị pháp sư trả lời:

- Có người đã đề nghị trả cho tôi những số tiền khổng lồ nếu tôi chịu nói ra những bí mật của tôi, nhưng hiện giờ tôi chưa có ý định làm như vậy.

Tôi ráng vớt vát:

- Ông đã biết rằng tôi không phải là hoàn toàn dốt về những vấn đề thần bí siêu hình...

- Dĩ nhiên rồi. Nếu tôi có dịp sang Âu Châu, ông có thể giúp tôi được nhiều việc. Chừng đó tôi hứa sẽ chỉ cho ông biết những phương pháp của tôi, để ông có thể làm được như tôi vậy, nếu ông muốn.

- Phương pháp đó, học phải mất đến bao lâu...

- Việc ấy tùy từng người. Nếu ông chuyên cần tập luyện và để hết thời giờ vào đó, thì ba tháng cũng đủ để hiểu biết về phần lý thuyết. Nhưng sau đó, ông còn cần phải thực hành trong nhiều năm.

- Ông có thể cho biết nguyên tắc đại cương của phép thuật này về phần lý thuyết, mà không cần giải thích những bí mật của ông chăng...

Mahmoud Bey ngẫm nghĩ trong một lúc về câu hỏi của tôi và trả lời:

- Được, tôi sẵn lòng làm như vậy đối với ông.

Tôi liền móc túi lấy tập vở chép tốc ký với cây viết chì và sẵn sàng ghi chép tài liệu. Nhưng y vừa mỉm cười vừa nói:

- Không, sáng nay tôi mắc bận. Xin ông thứ lỗi cho và mời ông hãy đến sáng mai lúc mười một giờ, chúng ta sẽ tiếp tục.

Ngày hôm sau đúng giờ hẹn, tôi đã có mặt tại phòng của Mahmoud Bey. Y vừa cầm đưa cho tôi một hộp thuốc lá Ai Cập vừa bật lửa mời tôi hút thuốc và nói:

- Thuốc lá này là thổ sản của xứ Ai Cập. Hút rất ngon.

Chúng tôi ngồi ngả lưng trên ghế bành và thở vài ngụm khói đầu tiên. Khói mùi thơm dịu, quả thật thuốc lá Ai Cập ngon có tiếng.

- Vậy là bây giờ tôi phải nói về phần lý thuyết, như người Anh các ông vẫn thường nói. Nhưng đối với tôi nó là sự thật. Mahmoud Bey vừa mở lời vừa cười một cách thật tình và cởi mở. Có lẽ ông sẽ lấy làm ngạc nhiên mà nghe nói rằng tôi là một chuyên viên về ngành Nông Nghiệp và có cả bằng cấp kỹ sư canh nông...

Tôi bắt đầu ghi chép bằng tốc ký. Y nói tiếp:

- Điều đó dường như không có đi đôi chút nào với khoa phù thủy, phải chăng...

Tôi ngước mặt nhìn lên và thoáng thấy một nụ cười còn sót lại trên vành môi của y. Y cũng nhìn lại tôi. Tôi nghĩ rằng đây sẽ là một chuyện phóng sự rất lý thú. Y hỏi tôi:

- Nhưng ông là một ký giả, phải chăng ông muốn biết do nhân duyên gì mà tôi trở nên một nhà phù thủy...

Tôi gật đầu tỏ ý biểu đồng tình.

Mahmoud Bey nói:

- Tôi vốn sinh trưởng ở thành phố Le Caire, bên Ai Cập. Thưở nhỏ, tôi là một đứa học trò cũng như mọi đứa trẻ khác, không có gì đặc biệt hay xuất chúng. Nhưng tôi có khiếu về canh nông, và tôi ráng chuyên cần về môn này khi tôi vào trường Đại Học. Một ngày kia, có một ông già dọn đến ở gần nhà tôi. Đó là một ông lão người Do Thái, có cặp chân mày thật rậm, chòm râu dài, vẻ mặt luôn luôn đăm chiêu và ít nói.

Ông ta rất dè dặt trong cử chỉ, khiến cho những người láng giềng đều xa lánh và không dám làm quen.

Đối với tôi, điều đó lại làm cho tôi tọc mạch, muốn tìm hiểu về ông ta hơn. Hồi đó tôi còn trẻ và bạo dạn, không nhút nhát. Tôi tìm cơ hội làm quen với ông tạ Lúc đầu còn dè dặt, nhưng lần lần ông trở nên dễ dãi hơn và sau cùng ông mở cửa, để cho tôi bước vào cuộc đời ông. Nhờ đó tôi được biết rằng ông là một người chuyên khảo cứu về khoa Pháp Môn Huyền Bí, và dành trọn thời giờ để học hỏi về các hiện tượng siêu linh, cùng thực hành những pháp thuật lạ lùng.

Ông hãy tưởng tượng xem cuộc đời tôi trước khi đó chỉ là đời của một sinh viên, ngoài giờ học, tôi chỉ biết chỗi thể thao, cùng các môn giải trí lành mạnh. Bỗng nhiên từ nay tôi đã gặp một cái gì hoàn toàn khác hẳn, nhưng nó hấp dẫn một cách lạ lùng! Sự huyền bí không làm cho tôi sợ hãi như đối với phần đông các bạn của tôi. Trái lại, nó cho tôi cái thích thú của sự tìm tòi, để khám phá những điều bí hiểm. Tôi yêu cầu ông lão Do Thái hãy dạy tôi học khoa Pháp Môn của ông. Ông ta bằng lòng. Từ khi đó, tôi được quen với một giới người theo đuổi những môn học kỳ lạ. Ông lão Do Thái dắt tôi đến một hội ở Le Caire, chuyên khảo cứu và thực hành các môn Thần Linh Học, Huyền Môn Học và Thông Thiên Học. Nhóm này gồm có các nhà bác học, công chức hoặc trí thức, đến nghe ông lão giảng dạy về các môn học kể trên. Lúc ấy tôi hãy còn là thanh niên mới trưởng thành, nhưng tôi cũng được phép dự các buổi nhóm.

Tôi nghe giảng với tất cả tâm hồn, nghe một cách say sưa như uống cạn những lời giảng của thầy. Những cuộc thí nghiệm lạ lùng làm tôi nhìn xem mê man và vô cùng thích thú. Lẽ tự nhiên, sự học của tôi ở trường Canh Nông bị giảm sút, nhưng vì tôi có khiếu nên tôi vẫn thi đậu.

Tôi chăm chú học một cách say đắm những quyển sách cổ xưa, đầy bụi mốc, của ông lão Do Thái cho mượn, và tập thực hành khoa Pháp Môn. Tôi tiến bộ rất mau về khoa này đến nỗi tôi khám phá được những điều mà chính thầy tôi chưa biết. Không bao lâu tôi được nhìn nhận là một chuyên viên ưu tú về khoa Pháp Môn. Đến lượt tôi làm giảng sư thuyết trình về Pháp Môn Huyền Bí tại Hội Quán và được bầu làm Chủ Tịch Hội này trong mười hai năm. Về sau, tôi xin từ chức để đi du lịch ở một vài xứ và cũng để gầy dựng một sự nghiệp tương lai.

Nói đến đây, Mahmoud Bey ngừng một lát để gạt tàn thuốc. Tôi nhận thấy y có một bàn tay đẹp, một bộ móng tay rất chải chuốt và xén rất kỹ. Tôi nói:

- Đó hẳn là một công trình khó nhọc!

Y mỉm cười nói:

- Đối với tôi, việc ấy rất dễ. Tôi chỉ cần tìm vài vị thân chủ trong số những tay đại phú có việc cần dùng đến những phép thuật của tôi. Trong giới phú hào ở Ấn Độ, có một vài người đã biết tôi. Họ đến đây để hỏi ý kiến tôi về những vấn đề khó khăn thắc mắc của họ; họ muốn khám phá những chuyện mà họ chưa được biết hoặc muốn biết những điều bí hiểm chỉ có thể tìm ra được bằng những phương tiện thần thông. Lẽ dĩ nhiên là tôi tính tiền thù lao rất nặng, mỗi vụ ít nhất là một trăm rupeẹ Nói thật tình, tôi muốn kiếm rất nhiều tiền, sau đó tôi sẽ giải nghệ và lui về ở dưỡng nhàn nơi một tỉnh nhỏ ở Ai Cập. Tôi sẽ mua một đồn điền lớn để trồng một vườn cam và tiếp tục trở lại nghề canh nông của tôi.

- Ông từ Ai Cập thẳng đường sang đây...

- Không, tôi có ở một thời gian bên xứ Syrie và Palestine sau khi tôi từ giã thủ đô Ai Cập. Những chức viên cảnh sát xứ Syrie có nghe nói về những quyền năng của tôi và thỉnh thoảng có nhờ tôi giúp đỡ họ. Trong nhiều trường hợp, tôi đã giúp họ tìm ra được thủ phạm.

- Ông tìm ra thủ phạm bằng cách nào...

- Tôi tìm ra manh mối nhờ sự giúp đỡ của những tay bộ hạ vô hình, chúng nó diễn lại trong tâm giới của tôi, cho tôi thấy rõ ràng cảnh tượng của vụ án mạng.

Mahmoud Bey lại ngừng một lúc, như để hồi tưởng lại những sự việc đã quạ Tôi kiên nhẫn chờ cho y nói tiếp:

- Chắc ông sẽ cho tôi là một nhà Thần Linh Học, vì tôi kêu gọi sự giúp đỡ của những vong linh... Nhưng tôi cũng là một pháp sư phù thủy, theo ý nghĩa đúng đắn của danh từ này, chứ không phải là một nhà làm trò ảo thuật. Tôi không đòi hỏi gì hơn có bấy nhiêu đó.

Những lời giải thích của y cũng đủ làm cho người ta giật mình, khỏi cần phải hỏi thêm điều gì nữa!

- Xin ông cho tôi biết vài điều về những tay bộ hạ vô hình đó.

- À! Những âm binh của tôi! Tôi đã mất ba năm công phu khó nhọc mới làm chủ được chúng nó. Trong cõi vô hình ngoài vòng nhận xét của giác quan chúng ta, có những loại vong linh tốt cũng như xấu. Vài loại vong linh đó là người đã qua bên kia cửa Tử, còn phần nhiều những âm binh của tôi thuộc về loại Djinns nghĩa là những vong linh chính hiệu xuất xứ tự cõi vô hình và không hề có chuyển kiếp làm người. Có những thứ vong linh mà trình độ tiến hóa không cao hơn loài thú, có những loại khác khôn ngoan như loài người. Cũng có những vong linh hung ác, được những bọn phù thủy hạ cấp sử dụng, nhất là những thầy phù thủy chữa bệnh ở Phi Châu. Tự nhiên là tôi không chơi với những loại vong linh này, vì chúng rất nguy hiểm, có thể quay ngược lại để giết những người đã sử dụng và sai khiến chúng nó.

- Còn những vong linh người chết mà ông dùng, đó là ai...

- Một trong những vong linh đó là em ruột của tôi, đã chết từ vài năm nay Nhưng ông nên nhớ rằng tôi không phải là một đồng tử (médium), và không có một vong linh nào nhập xác tôi, hoặc được phép chế ngự tôi bằng bất cứ cách nào. Vong linh em tôi tiếp xúc với tôi bằng cách in vào trong trí tôi những tư tưởng của nó, hoặc gieo vào trong tâm giới của tôi một hình ảnh tương tự. Chính nhờ bằng cách đó mà tôi đọc được những câu hỏi của ông đã viết hôm qua.

- Còn những âm binh Djinns...

- Tôi có tới ba chục đứa để sử dụng và sai khiến. Sau khi đã làm chủ được chúng nó, tôi phải tập cho chúng biết vâng lời tôi, cũng ví như người ta tập cho một đứa trẻ nhỏ biết múa hát chẳng hạn. Tôi cũng còn phải biết tên từ đứa để kêu gọi và sai khiến chúng làm việc. Tôi biết tên chúng nó nhờ học những quyển sách cổ của Thầy tôi truyền lại.

Đến đây, Mahmoud Bey lại đưa hộp thuốc lá cho tôi và nó tiếp:

- Mỗi vong linh đều có một vai trò của nó và không thể đóng vai trò khác. Chẳng hạn, những âm binh đã viết câu trả lời của tôi bằng viết chì trên mảnh giấy trắng không thể giúp tôi đọc được những câu hỏi của ông.

Ông tiếp xúc với chúng bằng cách nào...

- Bằng cách tập trung tư tưởng của tôi đến âm binh nào mà tôi muốn kêu gọi. Nhưng trên thực tế, tôi thường viết tên âm binh đó bằng chữ Ả Rập lên một tờ giấy thì nó liền xuất hiện lập tức.

Đến đây, nhà phù thủy xem đồng hồ tay và đứng dậy kiếu từ:

- Bây giờ, thưa ông, tôi rất tiếc không thể nói nhiều hơn. Ông hiểu vì sao tôi phải giữ kín những phép

thuật của tôi. Chúng ta sẽ gặp nhau một ngày khác, nếu Allah muốn!

Nói xong, y vừa mỉm cười để lộ hàm răng trắng như ngà, vừa cúi đầu chào từ biệt. Cuộc phỏng vấn của tôi với nhà phù thủy đã chấm dứt.

Đêm ở Bombay. Tôi đi ngủ trễ, nhưng vẫn trằn trọc không sao ngủ được. Không khí nặng nề làm tôi khó thở, nó dường như không có dưỡng khí, và nóng nực không thể chịu nổi. Cái quạt máy trên trần chạy hết tốc lực cũng không đủ mát để cho cặp mắt tôi nhắm lại. Sự hô hấp là cả một công việc khó nhọc. Không khí nóng bức đến nỗi mỗi hõi thở hít vào làm cho buồng phổi thiếu kinh nghiệm của tôi dường như bị thương! Bộ quần áo ngủ của tôi thấm mồ hôi ướt sũng, dường như toàn thân tôi đều chảy ra nước! Tệ hơn nữa là bộ Óc bị dồn ép của tôi cũng không được chút nghỉ ngơi. Con ma mất ngủ đã bước vào cuộc đời tôi từ đêm nay và sẽ ám ảnh tôi luôn cho đến ngày tôi dẫm chân trên đất Ấn Độ lần cuối cùng. Tôi phải tập quen với khí hậu, phong thổ vùng nhiệt đới, và tôi đã bắt đầu trả bằng một giá rất đắt!

Ánh trăng xuyên qua cửa sổ rọi vào phòng tôi làm cho cảnh vật chung quanh đắm chìm trong một thứ ánh sáng nhạt mờ huyền ảo.

Nằm thao thức trên giường, tôi ngẫm nghĩ về câu chuyện lúc ban ngày với nhà phù thủy Mahmoud Bey, và hiện tượng lạ lùng mà y đã làm cho tôi xem ngày hôm trước. Tôi thử tìm kiếm một sự giải thích nào khác hơn nhưng không có kết quả. Nếu những tay bộ hạ bí mật và vô hình của y quả là có thật, thì việc này làm cho chúng ta nhớ lại thời Trung Cổ, những nhà phù thủy đã từng làm ăn phát đạt ở những thành phố bên Âu Châu, mặc dầu họ thường bị khủng bố bởi Hội Thánh và chánh quyền.

Càng cố tìm ra một sự giải thích, tôi càng đành chịu thất bại, không hiểu ra sao cả. Tại sao Mahmoud Bey lại biểu tôi nắm chặt trong lòng bàn tay, cây viết chì cùng một lượt với tờ giấy... Phải chăng những âm binh của y đã dùng những nguyên tử của chất chì để viết thành câu trả lời...

Tôi ráng nhớ lại những sự việc tương tự đã từng xảy ra trong quá khứ. Phải chăng Marco Polo, nhà thám hiểm trứ danh của thành Venise, đã tường thuật lại trong bộ sách Du Ký của ông, rằng ông đã từng gặp những vị pháp sư Trung Hoa, Mông Cổ và Tây Tạng, có thể viết chữ bằng nét viết chì mà không cầm đến cây viết... Và phải chăng chính những vị pháp sư ấy đã nói cho ông biết rằng pháp thuật lạ lùng này đã từng được biết và thực hành ở các xứ ấy từ bao nhiêu thế kỷ về trước...

Tôi cũng nhớ rằng bà Helena Bloavatsky, nhà sáng lập ra Hội Thông Thiên Học, đã từng làm những hiện tượng giống như thế cách năm mươi năm về trước. Hồi thời kỳ đó, có vài người hội viên ưu tú trong hội ấy đã nhận được những bản thông điệp rất dài của các vị chân sư do nơi bà làm trung gian. Những người ấy viết trên giấy những tờ giấy có viết những câu hỏi đó. Một điều lạ, là bà Bloavatsky cho biết bà có đi du lịch bên xứ Mông Cổ và Tây Tạng, là những nơi mà nhà thám hiểm Marco Polo đã từng chứng kiến những hiện tượng tương tự như thế. Tuy nhiên, bà Bloavatsky không tuyên bố rằng bà có những quyền năng sai khiến các âm binh như nhà phù thủy Mahmoud Bey. Bà chỉ cho biết rằng những câu trả lời bí mật đó là do những vị Chân Sư của bà ở bên Tây Tạng, những người có xác phàm như chúng ta, và là những nhà sáng lập thật sự và ẩn tàng của Hội Thông Thiên Học. Những vị này dường như còn cao tay ấn hơn nhà phù thủy Ai Cập về hiện tượng nói trên, vì các Ngài đã phóng ra những hàng chữ viết như thế từ bên xứ Tây Tạng, cách xa nơi nhận đến hàng ngàn dặm đường. Hồi đó người ta đã từng nghị luận sôi nổi về tính cách chân thật của hiện tượng này, và về sự hiện diện thật sự của các đấng Chân Sư.

Tôi không có ý định nêu ra vấn đề này, vì đó không phải là việc của tôi, hơn nữa người đàn bà kỳ diệu đó đã bước qua thế giới khác mà có lẽ bà ta thấy sung sướng dễ chịu hơn là ở cõi hạ giới này. Nhưng tôi không thể nào phủ nhận những gì tôi đã thấy trước mắt, hoặc nghi ngờ về tính cách chân thật của sự việc đã xảy ra, mặc dù tôi không thể giải thích nổi.

Không còn nghi ngờ gì nữa, Mahmoud Bey quả thật là một nhà phù thủy còn sót lại ở thế kỷ hai mươi này. Gặp gỡ được y khi mới vừa đến đất Ấn Độ, đối với tôi nó dường như là một điềm lành, và hứa hẹn với tôi nhiều sự khám phá lạ lùng hơn nữa về sau này. Dầu sao tôi cũng đã trải qua một bước kinh nghiệm lý thú đầu tiên, và ghi nhận những tài liệu quý báu trên những trang giấy hãy còn mới của tập nhật ký của tôi.

Chương 3: Người Đạo Sĩ Trên Bờ Sông Adyar

Những tuần lễ sau đó, tôi vượt qua vùng cao nguyên Décan để đi xuống miền Nam. Tôi viếng nhiều nơi danh lam thắng cảnh, nhưng không gặp một nhân vật nào đáng kể. Tuy nhiên, một mãnh lực huyền bí mà tôi nhắm mắt tuân theo không suy nghĩ, thúc giục tôi tiến bước. Ngày nọ, tôi ngồi trên chuyến xe lửa đêm đi xuống Madras, và không tìm thấy giấc ngủ, tôi bèn ngồi dậy để thử kiểm điểm lại những kết quả đã thu lượm được. Tôi phải nhìn nhận rằng kết quả rất mỏng manh, và tôi chưa có dịp gặp gỡ một người đạo sĩ nào. Còn nói về hy vọng gặp một vị Chân Sư, thì tôi đành tạm thời gác lại một bên.

Trái lại tôi đã gặp phải bao nhiêu những sự dị đoan mê tín và những tập quán cổ xưa lỗi thời. Bây giờ tôi mới hiểu những nụ cười nghi hoặc và những lời cảnh cáo của các bạn tôi ở Bombaỵ Lần đầu tiên tôi đã nhận thức được sự khó khăn của vấn đề tôi đang theo đuổi.

Nói về những tu sĩ sùng tín và đạo hạnh, thì ở xứ này không thiếu gì; họ gồm một thành phần đông đảo không thể tưởng tượng. Nhưng họ có đáng để cho mình tốn công nhọc sức đi tìm hay chăng thì đó lại là một việc khác. Bạn đi ngang qua một ngôi đền cổ kính thâm nghiêm, bề ngoài có vẻ rất hấp dẫn và đầy hứa hẹn, bạn bước vào trong với một tấm lòng sùng kính thiêng liêng và tiến đến gần nơi Thánh điện. Bạn nhìn vào trong và bạn thấy những gì... Những người hành lễ ngây ngô vừa cầu nguyện vừa rung một cái chuông nhỏ để làm cho những lời cầu xin của họ được thấu đến tai của những vị Thần trong đền!

Thành phố Madras với những phong cảnh tưng bừng nhộn nhịp và màu sắc địa phương rực rỡ lạ mắt làm cho tôi rất thích thú. Tôi tạm trú ở một vùng ngoại ô cách thành phố hai dặm, nơi đây tôi sẽ được gần gũi với người bổn xứ hơn là ở khu sang trọng của người Âu.

Tôi đi theo con đường cát, nhà cửa hai bên đường đều quét vôi trắng, trước mỗi nhà đều có hàng ba để trống cho mát. Chung quanh vùng có cây cối sầm uất, cảnh vật có vẻ ưa nhìn. Cách đó chừng nửa dặm, con sông Adyar uốn quanh, dòng nước chảy chậm chạp lờ đờ. Hai bên bờ sông có những vườn dừa che bóng mát rượi. Tôi định lúc rảnh rang, sẽ đi bách bộ dạo chơi dưới bóng những hàng dừa, hoặc ngồi ngắm cảnh trên bờ sông. Con sông Adyar chảy về ngoại ô phía nam thành phố Madras, trước khi đổ ra vịnh Coromandel.

Một buổi sớm mai, tôi đi dạo trên bờ sông với một người thanh niên Ấn mà tôi mới làm quen và tôi đã có dịp thổ lộ với y về mục đích cuộc sưu tầm của tôi. Thình lình y nắm lấy tay tôi và nói:

- Kìa! Ông hãy nhìn xem:

Người đằng kia đang đi về phía chúng mình, là một người Yogị Có lẽ ông sẽ muốn biết về người ấy, nhưng có điều rất tiếc là khó mà làm quen với y.

- Tại sao vậy...

- Tôi biết chỗ y ở, nhưng tôi chưa từng thấy ai dè dặt và kín đáo như người này.

Người lạ mặt đã tiến đến gần chúng tôi. Y có cái vóc vạc cao lớn lực lưỡng, và trạc độ ba mươi lăm tuổi. Gương mặt y có điều làm cho tôi chú ý nhất, là những nét đặc biệt của giống dân da đen:

Nước da rất sậm, mũi tẹt, cặp môi dầy, vai rộng. Tóc y dài và cột lại thành một búi tóc nhỏ trên đỉnh đầu. Y đeo hai cái khoen lớn khác thường dưới hai trái tai. Y vận một cái chăn quấn chung quanh thân

mình, một đầu thì vắt lên vai trái, hai vai để trần và đi chân không. Y đi ngang qua chúng tôi với những bước đi chậm rãi, mắt nhìn xuống đất như tìm một vật gì, và dường như không nhìn thấy chúng tôi. Đằng sau đôi mắt đó, hẳn là có một tâm hồn sáng suốt linh hoạt, và tôi tự hỏi rằng trong cơn suy tư trầm lặng và đơn chiếc của y lúc ấy, không biết y đang suy nghĩ về vấn đề gì...

Tôi bỗng có ý muốn phá tan bức rào ngăn cách giữa tôi và con người bí hiểm đó. Lúc ấy y đã đi qua khỏi chỗ chúng tôi đứng. Tôi bèn đề nghị:

- Tôi muốn nói chuyện với y. Chúng ta hãy quay trở lại.

Người thanh niên bèn ngăn tôi:

- Ông sẽ mất thời giờ vô ích.

- Hãy thử xem, biết đâu.

Người bạn đi đường với tôi lại can ngăn tôi lần nữa:

- Người này sống ẩn dật và cách biệt đến nỗi không ai biết gì cả về cuộc đời của y. Y tránh xa tất cả mọi người, thậm chí đến cả những người láng giềng. Tốt hơn, chúng ta đừng nên làm phiền rộn y.

Nhưng tôi đã quay trở lại, và người bạn trẻ của tôi đành phải đi theo tôi. Không bao lâu, chúng tôi đã theo gần kịp người lạ mặt. Y vẫn tiến bước mà không tỏ vẻ gì biết rằng có chúng tôi đi theo; chúng tôi bèn cố gắng vượt lên. Tôi bảo người thanh niên:

- Anh hãy nói là tôi muốn nói chuyện với y.

Người bạn trẻ của tôi do dự và lắc đầu từ chối:

- Tôi không dám.

Không muốn bỏ qua một cơ hội tốt, tôi bèn đánh bạo làm quen. Tôi không còn cách nào khác, thôi đành bất chấp những luật lệ xã giao thông thường. Tôi bèn đứng chặn đường người Yogi và thốt ra một câu ngắn ngủi rút trong số vốn sinh ngữ Ấn Độ nghèo nàn của tôi. Người lạ mặt ngước mắt nhìn lên, miệng hắn nở một nụ cười, nhưng lại lắc đầu tỏ vẻ không muốn bị phiền nhiễu. Người bạn trẻ của tôi thấy rằng đã đến lúc y phải can thiệp.

Bằng một giọng do dự, y nói vài lời xin lỗi bằng tiếng Tamoul. Người Yogi không đáp lại, nét mặt y trở nên cứng rắn, cặp mắt lạnh lùng cách biệt. Người thanh niên luống cuống nhìn tôi, sự im lặng càng trở nên nặng nề và khó chịu. Làm sao thoát ra khỏi tình trạng đó... Trong cơn bối rối, tôi mới biết rằng thật không phải dễ gì mà làm cho một người ẩn sĩ mở miệng để nói chuyện với mình. Những người ấy hẳn là không thích bị ai phỏng vấn, đừng nói chi là tiếp đón một người ngoại chủng, tọc mạch muốn biết đời sống nội tâm của mình. Điều mà họ càng không thích hơn nữa, là phải nói chuyện với một người Anh, tức là hạng người mà họ đinh ninh rằng không hề có một chút thiện cảm hoặc hiểu biết gì về những điều huyền vi và tế nhị của pháp môn Yoga.

Nhưng ý nghĩa đó bị xô đuổi bởi một ý nghĩa khác. Tôi cảm thấy rõ rệt rằng mình đang là cái đích đặt dưới sự dò xét tỉ mỉ và sâu sắc của người Yogi. Tôi chắc chắn rằng bên trong cái vẻ mặt thờ ơ lãnh đạm của y, y đang để ý thăm dò những ý nghĩ thầm kín nhất của tôi. Hay là tôi nghĩ lầm... Nhưng tôi không thể gạt bỏ cái cảm giác khó chịu đó:

Tôi đang là một vật khám nghiệm dưới một ống kính hiển vi! Người thanh niên lấy làm bực mình và

ngầm lấy cùi chỏ thúc vào hông tôi, như muốn nói rằng ta hãy nên lui bước. Y làm tôi khó chịu, và chỉ độ một phút nữa là tôi cũng đành nhượng bộ rút lui và nhìn nhận sự thất bại của mình.

Ngay khi đó, người Yogi cử động; y đưa tay chỉ một gốc dừa gần bên và ra hiệu bảo chúng tôi cùng ngồi dưới bóng cây. Y ngồi sau hết và nói vài lời bằng tiếng Tamoul với người thanh niên. Tôi nhận xét giọng nói của y trong và ấm gần như tiếng nhạc.

Người bạn trẻ của tôi dịch lại:

- Đạo sĩ nói rằng người sẵn lòng tiếp chuyện với ông.

Tôi mới hỏi quý danh đạo sĩ và được biết y có một cái tên rất dài. Tôi bèn gọi y là Brama cho tiện và dễ nhớ. Tôi nói với người thanh niên:

- Anh hãy nói dùm là tôi rất chú trọng đến khoa pháp môn Yoga và tôi muốn được hiểu biết ít nhiều về khoa ấy.

Người Yogi gật đầu mỉm cýời:

- À! Tôi cũng đoán như vậy. Vậy ông muốn biết điều chi, xin ông cứ hỏi.

- Đạo sĩ tu luyện theo pháp môn nào...

- Tôi tu theo pháp môn Hatha Yoga, tức là phép chủ trị xác thân. Đó là pháp môn khó nhất. Thể xác con người và nhất là bộ máy hô hấp phải được tập luyện và kiểm chế như những giống lừa! Sau đó, sự chủ trị thần kinh và cân não sẽ dễ dàng như trò chơi trẻ con.

- Tu theo pháp môn này đem đến những ích lợi gì...

Cặp mắt mơ màng nhìn về cõi xa xăm, Brama đáp:

- Sức khỏe, ý chí và sống lâu, đó là mới kể sõ vài điều. Người Yogi tu luyện đúng phép sẽ làm chủ được xác thân và làm cho nó trở nên cứng rắn như sắt. Sự đau đớn không còn phạm đến nó được nữa. Tôi biết một người Yogi chịu đựng một cuộc giải phẫu mà không dùng đến thuốc mê:

Y chịu mổ tới cùng mà không rên một tiếng. Người Yogi cũng có thể phơi mình trần dưới một tiết trời lạnh lẽo nhất mà không sao cả.

Tôi lấy sổ ra ghi chép, và câu chuyện bắt đầu bước qua một giai đoạn thú vị. Chữ tốc ký của tôi làm Brama mỉm cười, nhưng y không ngăn cản việc ấy.

- Đạo sĩ có thể cho biết thêm vài chi tiết...

- Được, nếu ông muốn. Thầy tôi đã từng sống ở chỗ lộ thiên trên dãy Hy Mã Lạp Sõn đầy tuyết phủ mà không có mặc gì khác hơn một manh áo mỏng. Người có thể nằm suốt nhiều giờ liên tiếp ở một nơi mà nước đông đặc lại trong tức khắc, nhưng vẫn không hề chi cả. Đó là cái mãnh lực nhiệm mầu của pháp môn Yoga.

- Và đạo sĩ là đệ tử của Ngài...

- Phải, nhưng tôi cũng chưa đạt tới mức cao tột, mặc dù tôi đã công phu cố gắng luyện tập không ngừng trong suốt mười hai năm.

- Nhưng chắc đạo sĩ cũng đã đạt tới một trình độ nào rồi, và có được những quyền năng mà người ta gọi

là phi thường...

Brama gật đầu nhưng không nói gì. Y làm cho tôi còn tò mò hơn nữa, tôi bèn hỏi:

- Xin ông có thể cho biết trong trường hợp nào ông đã trở nên một người Yogi...

Im lặng. Cả ba người chúng tôi đều ngồi dưới bóng cây dựa bờ sông. Trên lùm cây bên kia sông, tiếng bầy quạ kêu vang pha lẫn với tiếng kêu chí chóe của vài con khỉ nhảy nhót trên cành.

Bỗng nhiên, Brama nói "Xin vâng. " Tôi đoán chắc y hiểu rằng những câu hỏi của tôi có một lý do sâu xa hơn là một sự tò mò của nhà học giả. Y choàng lại cái khăn vắt trên vai, đôi mắt mơ màng nhìn về phía bên kia sông và bắt đầu nói:

- Thuở nhỏ, tôi là một đứa trẻ ít nói và thích sống cô đơn. Tôi không thấy gì là vui thú trong những trò chơi của các bạn tôi, vì thế tôi luôn luôn tránh họ và thích đi dạo một mình ở những nơi vườn cây hay ngoài đồng vắng. Ít người biết được những gì đang diễn ra trong tâm hồn kín đáo của một đứa trẻ, tôi sống cách biệt với mọi người và tôi cảm thấy rằng đời không có gì vui. Vào năm tôi mười hai tuổi, tình cờ tôi nghe lóm được một câu chuyện giữa những người lớn, họ nói về vấn đề Yogạ Đó là lần đầu tiên tôi nghe nói đến danh từ đó, và những gì tôi nghe trong câu chuyện cũng đủ làm cho tôi tò mò muốn biết thêm. Tôi chất vấn nhiều người và góp nhặt được vài quyển sách nói về vấn đề Yoga, trong đó tôi đọc được nhiều điều thú vị về các nhà đạo sĩ Yogạ Cũng như con ngựa rong ruổi trên sa mạc mong mỏi tìm đến ngọn suối mát ở tận chân trời, trí óc tôi khao khát sự hiểu biết, nhưng tôi chỉ có một mình và không làm sao tiến hõn được nữa. Một hôm, tình cờ tôi lật một quyển sách và thấy trong đó có câu:

"Muốn tiến bộ trên đường tu luyệt pháp môn Yoga, phải nhờ có sự chỉ dẫn của một bậc danh sự" Những lời này làm cho tâm hồn tôi thắc mắc băn khoăn.

"Một danh sư! Tôi hiểu ngay rằng muốn tìm được Thầy, không có cách nào khác hơn là bỏ nhà ra đi ngao du thiên hạ. Tự nhiên là tôi không thể trông cậy nơi sự cho phép của cha mẹ tôi. Không biết phải làm thế nào, tôi bèn lén lút luyện thử một vài phép hô hấp mà tôi đã góp nhặt được những tài liệu trong các sách. Phép luyện này, thay vì có ích, lại làm hại cho tôi. Tôi không biết rằng phép khí công rất nguy hiểm nếu nó không có sự dìu dắt của một bậc danh sự Nhưng vì tôi quá nóng ruột nên không thể chờ đợi mãi được.

"Sau vài năm tập luyện lén lút một mình, cái hậu quả bất ngờ đưa đến là tôi bị đứt một gân máu trên đỉnh đầu, dường như đó là chỗ chịu đựng yếu nhất. Tôi cảm thấy toàn thân tôi giá lạnh và sức yếu dần, máu chảy lênh láng ở chỗ vết thương. Tôi tưởng rằng tôi sắp chết. Hai giờ sau đó, tôi nhìn thấy một linh ảnh lạ lùng, hình như tôi thấy gương mặt đạo mạo của một vị đạo sĩ già hiện ra và nói với tôi:

- Con thấy chăng, phép luyện ngăn cấm đối với kẻ phàm tục, có thể đưa con đến một tình trạng nguy hiểm là dường nào! Con hãy nhớ lấy bài học này.

"Cái hình ảnh biến mất, nhưng lạ thay, từ đó trở đi tôi cảm thấy khá hơn và không bao lâu sức khỏe của tôi hoàn toàn bình phục trở lại. Nhưng này ông hãy xem, cái thẹo hãy còn đây.

Brama cúi đầu đưa cho chúng tôi xem một cái thẹo nhỏ hiện ra rõ ràng trên đỉnh đầu. Y nói tiếp:

"Sau khi tai nạn đó xảy ra, tôi bèn ngưng việc luyện hơi thở và chờ đợi để cho thời gian làm giảm bớt những sự ràng buộc gia đình. Khi tôi được tự do, tôi liền từ giã gia đình và đi châu du khắp nơi để tìm Thầy. Tôi biết rằng phương pháp hay nhất để thử người Thầy mình chọn, là hãy sống chung với người ấy trong vài tháng. Tôi đã chọn hết vài người, và khi thì ở chung với họ, khi thì nhà, nhưng tôi luôn luôn bị thất vọng. Những vị ấy đều là những vị sư trưởng, cầm đầu các tu viện hoặc đạo viện, nhưng không có vị

nào làm cho tôi thỏa mãn. Về phần lý thuyết thì có rất nhiều, nhưng còn về kinh nghiệm riêng của họ thì chẳng có gì cả. Phần nhiều chỉ lặp lại những điều đã có trong sách, còn về việc dìu dắt tôi trên phương diện thực hành, thì họ không làm được. Tôi đã biết tất cả mười người Thầy, nhưng không thối chí, sự sốt sắng của tuổi trẻ lại càng bồng bột thêm, và những sự thất vọng liên tiếp đó càng nung nấu thêm lòng cương quyết của tôi.

"Tôi đã đến tuổi trưởng thành. Tôi bèn quyết định ly khai nhà cửa gia đình, dứt bỏ cuộc đời thế gian và đi lưu lạc giang hồ để tìm Thầy. Tôi bước chân ra đi, phiêu lưu. Một ngày kia, tôi đến một làng nọ thuộc tỉnh Tanjorẹ Tôi bước xuống sông để tắm gội, xong rồi tôi mới đi dạo chơi trên bờ sông. Tôi thấy một ngôi đền nhỏ xây bằng đá màu đỏ. Hiếu kỳ, tôi nhìn vào trong và lấy làm ngạc nhiên mà thấy có một số người ngồi vây quanh một người khác mình trần. Họ nhìn người này với một sự kính mến vô cùng:

Quả thật, trên gương mặt người này có một cái gì vừa huyền bí vừa tôn nghiêm. Tôi đứng ở trên thềm và nhìn xem với một sự say sưa, chăm chú. Tôi nhận thấy rằng cả bọn đang thụ giáo người này về một môn học nào đó, và tôi có cái linh cảm rằng người này là một vị đạo sĩ chân chính, một bậc danh sư mà tôi vẫn tìm kiếm chớ không phải là một học giả nhồi sọ đầy những lý thuyết.

"Bỗng nhiên, bốn mắt chúng tôi gặp nhau. Tuân theo một sự thúc giục thầm kín bên trong, tôi bước vào trong đền. Vị tôn sư tiếp đón tôi một cách niềm nở, mời tôi ngồi và nói:

- Con đây rồi! Đã sáu tháng nay, ta được lịnh thâu nhận con làm đệ tử.

"Thật là vừa đúng sáu tháng kể từ ngày tôi bước chân ra đi. Và tôi đã gặp Thầy tôi trong trường hợp đó.

"Từ đó trở đi, tôi theo Thầy tôi khắp mọi nơi. Có đôi khi, người xuống tỉnh thành, còn lúc thường thì Người ở tận trong rừng thẳm. Tôi bắt đầu thu hoạch được những kết quả tiến bộ mau chóng về khoa Yogạ Thầy tôi là một vị Yogi thượng thặng về pháp môn Hatha Yoga, tức là pháp môn tinh luyện và chủ trị thân xác. Khoa Yoga có nhiều môn phái khác nhau về phương pháp thực hành. Môn phái của tôi chuyên lo tinh luyện xác thân trước nhất, rồi sau mới tinh luyện về tinh thần. Phép luyện khí công, tức luyện hơi thở, cũng thuộc về pháp môn này. Có một lần, tôi phải nhịn đói suốt bốn mươi ngày liên tiếp để chuẩn bị một giai đoạn công phu đặc biệt và nhận lãnh một vài quyền năng của pháp môn Yoga.

"Một hôm Thầy tôi gọi tôi lại gần và nói:

- Một cuộc đời xuất gia và hoàn toàn thoát tục chưa phải là của con. Con hãy trở lại thế gian và sống một cuộc đời bình thường. Con sẽ lập gia thất và sinh một đứa con. Đến năm con ba mươi chín tuổi, con sẽ được thấy nhiều ấn chứng và khi đó sẽ được tự do rút lui ra ngoài vùng thế tục. Chừng đó con sẽ trở lại nơi rừng thẳm để tu luyện cho đến khi công phu viên mãn. Thầy sẽ chờ đợi, con có thể trở lại với Thầy.

"Tôi vâng lời Thầy dạy và trở về quê hương. Tôi cưới một người vợ hiền và có một đứa con đúng như lời Thầy tôi đã nói trước. Sau đó ít lâu, vợ tôi qua đời, cha mẹ tôi cũng đã khuất núi, và tôi lại từ giã quê hương một lần nữa để đến ở nơi đây, tại nhà một bà lão góa bụa, người đồng hương với tôi và đã từng biết tôi từ khi tôi còn nhỏ. Bà lão này coi sóc nhà cửa bếp núc cho tôi, và vì tuổi già làm cho bà trở nên ít oi và kín đáo, nên bà để cho tôi bình yên sống cuộc đời ẩn dật mà môn phái của tôi đã chỉ định. " Brama nói dứt lời, tôi cũng không hỏi thêm gì nữa. Sau vài phút im lặng, y đứng dậy và bước chậm rãi trở về nhà. Tôi và người bạn trẻ cùng đi theo sau. Chúng tôi đi qua một đám rừng dừa và những chòm cây cối sầm uất. Nước sông Adyar phản chiếu ánh nắng sáng ngời. Một hay hai giờ trôi qua trong khi chúng tôi đi dạo một cách thú vị theo bờ sông. Không bao lâu, chúng tôi đã về đến làng. Một ngọn gió nhẹ từ bờ biển thổi vào mát rượi. Đến một bên đường, một bầy lợn đi ngang qua, một bà lão chăn lợn cầm cái gậy phát những ngọn roi tre vào những con đi lạc bầy.

Brama quay lại để từ giã chúng tôi. Tôi tỏ ý muốn gặp y lại lần nữa. Y gật đầu bằng lòng. Tôi bèn mời y lại nhà tôi chơi. Người bạn trẻ của tôi vô cùng ngạc nhiên mà thấy người đạo sĩ hẹn đến chơi nhà tôi ngay chiều hôm đó.

Chiều đến, tôi ngồi đợi Brama và sắp đặt sẵn trong trí những câu hỏi mà tôi sẽ đưa cho y. Những điều y thuật lại về cuộc đời của y làm tôi thích thú và muốn tìm hiểu thêm về con người bí mật đó. Vừa nghe nói có y đến, tôi liền bước ra hàng ba và chắp tay chào theo kiểu Ấn Độ để tỏ thiện chí của tôi đối với y và cũng bởi vì tôi muốn tôn trọng những phong tục bổn xứ mỗi khi tôi có thể.

Brama đi theo tôi vào phòng khách và ngồi bệt xuống sàn gạch, hai chân xếp bằng. Tôi mời y ngồi trên divan, nhưng y từ chối và thích ngồi dưới sàn gạch hơn. Tôi tỏ lời cảm ơn y về cuộc thăm viếng và mời y dùng một ít bánh trái. Y lẳng lặng ngồi ăn. Khi y đã dùng xong trà bánh, tôi thấy có bổn phận nói qua đôi chút về phần tôi, để cho y biết lý do vì sao tôi đột ngột bước vào cuộc đời của y. Trong vài câu vắn tắt, tôi thổ lộ với y về những hoàn cảnh và những sức mạnh huyền bí đã dẫn dắt tôi đến xứ Ấn Độ. Brama im lặng ngồi nghe tôi nói đến khi dứt câu chuyện, y mới bước đến gần và thân mật đặt một bàn tay trên vai tôi. Y nói:

- Tôi rất thích thú được biết rằng ở Tây phương có những người như bạn. Bạn sẽ không mất thời giờ và sẽ học hỏi được nhiều. Ngày đầu tiên tôi được quen biết bạn, ấy là ngày sung sướng nhất của tôi. Bạn cứ hỏi điều gì bạn muốn biết, tôi sẽ vui lòng giải đáp nếu tôi có thể.

Những lời này có vẻ rất hứa hẹn. Tôi bèn hỏi y về lịch sử cùng tính cách và mục đích của pháp môn Hatha Yoga. Y đáp:

- Có ai biết được pháp môn này bắt nguồn từ bao giờ trong lịch sử... Những kinh sách Ấn Độ nói rằng pháp môn này trước hết do thần Shiva truyền dạy cho nhà Hiền Triết Gheranda. Vị này mới truyền lại cho nhà Hiền Triết Marteyanda. Đến lượt vị sau này truyền dạy lại cho các đệ tử và từ đó nó được lưu truyền cho hậu thế trải qua hằng bao nhiêu ngàn năm. Nó có mấy ngàn năm lịch sử, chúng tôi không được biết rõ và cũng không cần biết chi điều đó, mặc dầu chúng tôi nghĩ rằng trong tất cả các môn Yoga, thì môn này là mới nhất. Thật vậy, vào thời kỳ cổ xưa đó, nhân loại cũng đã rơi vào một tình trạng sa đọa đến nỗi các đấng Thần Minh phải đưa ra cho họ một phương pháp giải thoát tâm linh mà sự thực hành lại áp dụng trước hết cho thể xác. Pháp môn này chỉ được một số ít môn đồ hiểu rõ và thực hành đúng đắn, còn phần đông người phàm tục thì hiểu sai lầm. Và vì những môn đồ chân chính càng ngày càng hiếm, nên những sự tập luyện trái phép, những lối tu khổ hạnh điên rồ, lố bịch, thường bị gán một cách sai lầm cho pháp môn Hatha Yoga mà không ai đưa ra lời đính chánh nào. Bạn hãy đi lên tận Bénarès, bạn sẽ thấy có người nằm suốt ngày đêm trên bàn chông sắt nhọn, hoặc có người đưa một cánh tay lên trời suốt nhiều năm cho đến khi cánh tay chết mất một nửa và móng tay mọc dài đến năm mươi phân tây. Người ta nói rằng những người này thực hành pháp môn Hatha Yoga, nhưng sự thật không phải vậy. Trái lại họ còn làm hoen ố danh dự của pháp môn ấy. Mục đích của pháp môn này không phải là hủy hoại xác thân để làm những trò lạ mắt cho người đời khâm phục và ngạc nhiên. Những người khổ hạnh kể trên chỉ là những kẻ ngu dốt không biết gì về mục đích của pháp môn Yoga. Họ chỉ là những kẻ bày trò lạ mắt ở giữa chợ để kiếm ăn, chỉ có thế thôi.

- Ta có nên trách họ chăng... Nếu những nhà đạo sĩ chân tu càng ngày càng hiếm và dấu kín những bí pháp chân truyền của họ thì những sự lạm dụng kể trên làm sao tránh khỏi...

Brama nhún vai đáp:

- Một ông vua có khi nào phơi bày những ngọc ngà châu báu trước mắt mọi người... Không, người ta đem cất những của quý ấy trong kho tàng và dấu kín trong chốn thâm cung. Còn pháp môn Yoga thì có kho tàng nào quý cho bằng... Chúng tôi có nên đem ra phơi bày ở giữa chợ hay chăng... Vậy kẻ nào muốn

biết hãy tự ra công tìm lấy. Đó là phương tiện duy nhất. Những kinh sách Ấn Độ luôn luôn dặn dò chân truyền bí pháp cho những đệ tử thâm niên đã từng chịu nhiều thử thách. Khoa Yoga của môn phái chúng tôi là môn bí mật nhất, bởi vì nó đầy sự nguy hiểm không những đối với môn đồ, mà còn đối với kẻ phàm tục. Vậy bạn tưởng rằng tôi được phép tiết lộ cho bạn những điều khác hơn là những nguyên tắc sõ đẳng hay chăng, và dẫu cho những điều sõ đẳng này, nói ra mà không đắn đo cẩn thận hay sao...

- Tôi hiểu.

- Tuy nhiên, có một phần của khoá pháp môn Yoga mà tôi có thể nói cho bạn nghe. Đó là phương pháp luyện ý chí trở nên mạnh mẽ và thân thể được cường tráng để có thể bước qua những giai đoạn khó khăn trên đường Đạo.

- À! Đó là điều mà bên Âu Tây có nhiều người muốn biết.

- Môn phái chúng tôi có gần hai mươi phép tập gọi là tư thế, tiếng Phạn gọi là Asama, để tăng cường những bộ phận và cơ quan trong thân thể, và để chữa hay ngăn ngừa một vài chứng bịnh. Một tư thế đó ảnh hưởng đến những bí huyệt trong bộ Thần Kinh Hệ, những bí huyệt này lại vang dội đến những bộ phận hay cơ quan suy yếu và giúp cho nó được hoạt động mạnh mẽ trở lại.

- Môn phái ấy có dùng thuốc men để chữa bệnh chăng...

- Nếu cần, chúng tôi cũng dùng một vài loại cỏ thuốc, và hái những loại cỏ ấy vào tuần trăng lên. Chúng tôi có bốn phương pháp để giữ cho thân thể được luôn luôn khỏe mạnh cường tráng. Trước hết, là phép nghỉ ngơi để làm xoa dịu bộ thần kinh và cân não. Kế đó là phép tĩnh tọa. Thứ ba là phép tẩy uế thân thể bằng những phương pháp mà có lẽ các anh cho là kỳ dị, nhưng nó có hiệu lực rất hay Sau cùng là phép khí công, tức là phép luyện và kiểm soát hơi thở.

Tôi yêu cầu y biểu diễn cho xem một vài phép tập luyện, Brama mỉm cười và nói:

- Những điều tôi sẽ chỉ cho anh đây không có gì là bí mật. Chúng ta hãy bắt đầu bằng phép nghỉ ngơi. Điều này, chúng ta có thể học của con mèo. Thầy tôi để con mèo ngồi giữa các đệ tử và chỉ cho họ thấy thế ngồi ưu tú của nó khi nó ngồi yên không chút cử động. Người dạy họ hãy quan sát một cách tỉ mỉ khi nó ngồi ngủ trưa hoặc ngồi rình một bên lỗ chuột. Người chỉ cho họ thấy rằng con mèo biết cách dưỡng sức, nó biết bảo tồn sinh lực, không để tiêu hao, phí phạm một chút sinh lực nào. Anh tưởng rằng anh biết cách nghỉ ngơi, nhưng sự thật anh không biết. Anh ngồi trên ghế một lát, rồi anh ngả về bên nọ, day qua bên kia, hoặc tréo chân chữ ngũ, rồi lại duỗi thẳng hai chân ra. Mặc dầu anh vẫn ngồi trên ghế, và bề ngoài trông anh có vẻ thoải mái, nghỉ ngơi, nhưng thật ra, trí óc anh nghĩ ngơi được không... Phải chăng đó chỉ là một hình thức hoạt động âm thầm...

- Đó là một điều mà tôi chưa bao giờ nghĩ đến.

- Loài vật biết phép nghỉ ngơi dưỡng sức, nhưng ít người biết được phép này. Đó là bởi vì loài vật do bản năng dìu dắt, mà bản năng chính là tiếng nói của Tự Nhiên, còn con người thì được hướng dẫn bằng lý trí. Nhưng vì con người phần nhiều không kiểm soát được bộ Óc của họ, nên hậu quả là bộ thần kinh và cõ thể đều bị ảnh hưởng, và bởi đó họ không hề biết nghỉ ngơi một cách thật sự.

- Bây giờ phải làm sao...

Việc trước tiên mà anh phải tập, không khác gì hơn là ngồi xếp bằng theo kiểu Đông phương. Ghế bành tuy rất hữu ích cho khí hậu lạnh lẽo ở các xứ miền Bắc, nhưng anh phải tập ngồi không có ghế trong thời gian luyện tập để chuẩn bị nhập môn vào khoa Yoga Phép ngồi của chúng tôi thật ra là thoải mái nhất. Sau khi làm việc hay đi bộ, nó đem lại sự nghỉ ngơi, yên ổn cho cả toàn thân. Phương pháp dễ nhất để tập ngồi

là trải chiếu dưới đất rồi ngồi lên, xếp hai chân vào và tréo hai bàn chân. Không nên có cảm giác quá gò bó hay căng thẳng, và anh đừng co bắp thịt lại.

Như vậy, phép tập trước tiên là hãy ngồi như thế và giữ cho toàn thân yên lặng trừ ra hơi thở nhẹ và đều. Và khi đã giữ được thế ngồi đó, anh hãy để cho trong lòng yên tĩnh, vắng lặng, không bận rộn nghĩ ngợi gì đến những việc trần gian, phàm tục. Hãy gom tư tưởng của anh vào một vật gì đẹp đẽ mỹ lệ, như một bức tranh đẹp hay một cái hoa.

Tôi bỏ ghế bành và ngồi xuống đất, đối diện với Brama, theo như phép ngồi mà y vừa miêu tả.

- À! Đúng đấy, anh ngồi được dễ dàng, Brama nói, nhưng có nhiều người Âu không ngồi được vì họ chưa quen. Anh có một điểm phải sửa lại:

Hãy giữ cho xương sống thẳng, đừng cong. Bây giờ để tôi chỉ cho anh xem một thế ngồi khác.

Brama bèn đưa hai đầu gối lên tới tận cằm, nhưng vẫn giữ hai bàn chân tréo. Thế ngồi này làm cho hai bàn chân y tách rời khỏi thân mình. Y dùng hai bàn tay ôm chặt quanh hai đầu gối. Y nói:

- Thế ngồi này có vẻ giản dị quá nhỉ...

- Trong phép nghỉ ngơi, chúng tôi không cần đến những gì khó khăn phiền phức. Thật vậy, những thế dễ dàng nhất lại đem đến những kết quả rất tốt. Anh hãy nằm ngửa trên lưng, hai chân duỗi thẳng, đưa hai ngón chân cái ra ngoài. Hai bàn tay mở ra và đặt ở hai bên thân mình. Buông xuôi cả các bắp thịt, nhắm mắt lại và để cho sức mạnh của toàn thân đè lên sàn gạch. Anh không thể tập kiểu nằm này trên giường một cách đúng phép, vì cần phải giữ cho xương sống hoàn toàn ngay thẳng. Hãy dùng một cái chăn trải trên sàn gạch. Trong phép nằm nghỉ này, những mãnh lực hàn gắn của thiên nhiên sẽ giúp cho anh tu bổ sinh lực. Chúng tôi gọi nó là thế nằm của xác chết. Khi đã quen thực hành, anh có thể tập nghỉ ngơi trong những tư thế này suốt hàng giờ nếu anh muốn. Những tư thế đó làm cho các thớ thịt khỏi bị căng thẳng và xoa dịu bộ dây thần kinh. Sự nghỉ ngơi của bắp thịt phải đi trước sự nghỉ ngơi của trí não.

- Thật vậy, những phép tập của bạn dường như không có gì khác hơn là ngồi yên lặng bằng cách này hay cách khác!

- Anh tưởng tượng như thế là vô ích sao... Những người Âu Tây chỉ biết có hoạt động, nhưng phải chăng vì lẽ đó mà khinh thường sự nghỉ ngơi... Sự tịnh dưỡng của Bộ Thần Kinh Hệ, anh tưởng rằng không có ích sao... Sự nghỉ ngơi, dưỡng sức là nền tảng của pháp môn Yoga, nhưng không phải chỉ có chúng tôi mới cần dùng đến nó, mà thế giới Tây phương của các anh lại còn cần dùng đến nó nhiều hơn.

Về điểm này, những lời nói của Brama không phải là vô căn cứ. Y nói thêm:

- Bài học chiều nay như vậy đã đủ. Bây giờ, tôi phải đi. Tôi cám ơn y về bài học vừa qua và yêu cầu y chỉ dạy cho tôi thêm. Y đáp:

- Sáng mai, anh hãy gặp tôi trên bờ sông.

Y choàng lại cái khăn trên vai, và chắp hai bàn tay chào từ giã.

Tôi đã gặp người đạo sĩ trở lại nhiều lần. Theo ý muốn của y, tôi đến tìm y trong những lúc y đi dạo mỗi buổi sớm mai trên bờ sông, nhưng khi tôi mời y về nhà thì y đến chơi với tôi vào những buổi chiều tối. Những đêm đó đã giúp ích cho tôi rất nhiều vì người đạo sĩ hình như sẵn sàng chia sẻ những sự hiểu biết cổ kính thâm sâu của y dưới ánh trăng khuya hơn là dưới ánh mặt trời nóng gắt.

Một ngày nọ, tôi hỏi y về một điểm nó làm cho tôi thắc mắc. Tôi vẫn tưởng rằng người Ấn Độ là một giống dân màu da nâu hay đồng bạch, nhưng trái lại, Brama có một màu da sậm gần như người da đen. Y cho biết rằng y thuộc về một thổ dân bổn xứ mà chính gốc ở tại Ấn Độ, và đã từng ở xứ này từ lúc ban đầu. Khi giống dân Aryen từ trung tâm Á Châu vượt qua miền núi non phía tây bắc tràn xuống những vùng đồng bằng Ấn Độ để xâm chiếm xứ này, thì họ gặp những dân tộc bổn xứ thuộc chủng tộc Dravidien, và đẩy lui những dân tộc này xuống tận miền Nam. Người dân Dravidien này cho đến nay vẫn là một dân tộc riêng biệt, trừ phi họ hấp thụ tôn giáo của giống dân Aryen đã chinh phục họ. Mặt trời nóng gắt vùng nhiệt đới đã làm cho màu da họ trở thành sậm gần như đen, và điều này, tổng hợp với những bằng chứng khác, đã làm cho vài nhà nhân chủng học nghĩ rằng họ xuất xứ từ những chủng tộc ở Phi Châu. Cũng như ngày xưa, khi họ còn làm bá chủ xứ Ấn Độ, người dân Dravidien vẫn còn để tóc dài và cột lại thành một búi nhỏ ở phía sau gáy, và họ vẫn còn nói những thổ ngữ địa phương, mà tiếng sinh ngữ quan trọng nhất là tiếng Tamoul.

Brama quả quyết rằng những dân chinh phục thuộc chủng tộc Aryen màu da đồng bạch đã hấp thụ được đạo pháp Yoga của giống dân Dravidien truyền lại, cũng như nhiều ngành văn hóa khác nữa. Nhưng tôi đã hỏi vài nhà trí thức Ấn Độ về vấn đề này thì họ đều cho là không phải. Tôi xin nhường lại cho các nhà học giả giải quyết lấy vấn đề này.

Không có ý định viết một đề luận về phương pháp thể dục của khoa Yoga Ấn Độ, tôi chỉ nói sơ qua về những nguyên tắc đại cương của khoa Pháp Môn này. Những tư thế (Asana) mà Brama biểu diễn cho tôi xem, hoặc dưới bóng mát của hàng dừa bên bờ sông, hoặc ở tại nhà tôi, gồm những phép tập luyện rất lạ kỳ và rất khó khăn đến nỗi theo sự nhận xét của người Âu Tây thì nó dường như là lố bịch và không thể làm được. Một vài tư thế đó gồm có những phép tập công phu như sau đây:

Chống hai tay xuống đất, nép hai khủyu tay vào hai bên hông và nâng đỡ hết sức nặng của toàn thân trên các đầu ngón tay; tư thế này gọi là Mayurasanạ Hoặc ngồi xếp bằng, tréo hai tay ra sau lưng và tìm cách đưa hai bàn tay ra đằng trước để nắm lấy hai ngón chân cái (Padmasana). Hoặc cả hai tay hai chân đều tréo lại với nhau, làm thành một cái gút rất là phức tạp. Hoặc vắt hai chân lên cổ hay lên vai hoặc những thế ngồi vặn vẹo thân mình một cách kỳ dị không thể tưởng tượng. Nhìn xem Brama biểu diễn những cách tập luyện đó, tôi bắt đầu nhận thấy sự khó khăn của pháp môn Hatha Yogạ Tôi hỏi:

- Tất cả có bao nhiêu tư thế...

- Pháp môn Hatha Yoga gồm có tất cả tám mươi bốn tư thế, nhưng tôi chỉ mới biết có sáu mươi bốn tư thế mà thôi.

Y vừa nói vừa biểu diễn một tư thế mới và giữ vững thế ngồi đó một cách tự nhiên dễ dàng như tôi ngồi trên ghế bành. Hình như đó là thế ngồi quen thuộc của ỵ Tôi thấy tư thế này không phải là khó làm, nhưng chắc chắn không phải dễ chịu. Chân trái xếp cong lại, bàn chân đụng vào hông bên mặt đặt dưới thân mình, chân mặt xếp lại chịu hết sức nặng của toàn thân. Tôi hỏi:

- Tư thế này có ích lợi gì...

- Kèm với một phép thở đặc biệt, người Yogi sẽ cảm thấy khỏe khoắn và trẻ lại như hồi niên thiếu.

- Còn phép thở đó như thế nào...

- Tôi không được phép tiết lộ điều đó.

- Nhưng làm như vậy có mục đích gì...

- Vấn đề ngồi hay đứng trong một tư thế nào và trong một thời gian bao lâu, điều đó không phải là quan

trọng. Nhưng sự tập trung ý chí cần thiết để thi hành những tư tưởng đó một cách đúng phép, làm thúc động những mãnh lực tiềm tàng trong người chúng tạ Những mãnh lực đó là những bí mật của thiên nhiên, nó chỉ hoàn toàn phát triển khi nào có kèm theo những phép luyện hơi thở, vì hõi thở có những quyền năng rất nhiệm mầu.

Sự kích động những mãnh lực tiềm tàng đó là mục đích chính của pháp môn Hatha Yogạ Có những tư thế khác giúp cho chúng ta chủ trị giác quan và luyện tinh thần, vì ai cũng biết rằng xác thể con người có thể ảnh hưởng đến thể xác. Trong những giai đoạn cao siêu của pháp môn Yoga, khi người hành giả phải tham thiền và nhập định trong nhiều giờ, thì thế ngồi của xác thể là một điều rất quan trọng, vì nó giúp cho sự tập trung tư tưởng được dễ dàng, giúp thêm sức tinh tấn cho người hành giả và tăng cường rất nhiều quyền năng của ý chí. Như thế bạn thấy pháp môn Hatha Yoga có ích lợi là dường nào.

- Còn những thế ngồi vặn vẹo thân mình như thế là để làm gì...

- Bạn đã biết rằng những trung tâm bí yếu của thần kinh hệ Ở rải rác nhiều chỗ trong thân thể. Mỗi tư thế đều có công dụng ảnh hưởng đến một trung tâm nhất định. Nhờ kích động các bí huyệt đó, mà ta có thể ảnh hưởng đến sự vận động của các bộ phận trong cơ thể, cũng như đến sự hoạt động của trí não. Những thế ngồi vặn vẹo đó là để kích động đến những bí huyệt của Thần Kinh Hệ mà ngoài ra, người ta không thể dùng cách nào khác.

Tôi mới bắt đầu nhận định một cách rõ ràng hơn về những nguyên tắc căn bản của môn thể dục Hatha Yogạ Môn thể dục này so với những phương pháp thể dục Âu Mỹ khác nhau thế nào, đó là một điều lý thú mà chúng ta nên biết. Tôi bèn hỏi Brama, y nói:

- Tôi không được biết rõ các phương pháp Âu Mỹ, nhưng tôi thấy những lính tập người Anh tập luyện ở một quân trại gần Madras. Nhìn xem họ luyện tập, tôi mới hiểu mục đích của các huấn luyện viên. Dường như mục đích chính của họ là tăng cường các bắp thịt, vì người Tây phương các anh luôn luôn hoạt động bằng thể xác. Bởi đó họ vận động tay chân một cách hăng hái mạnh bạo. Họ tiêu phí sinh lực một cách dồi dào, để làm nở nang các bắp thịt và để đổi lại với một sức mạnh dồi dào hơn nhờ sự tập luyện ấy. Điều này lẽ dĩ nhiên là thích hợp với khí hậu lạnh lẽo ở các xứ miền Bắc.

- Theo chỗ bạn thấy, thì hai phương pháp thể dục Đông và Tây khác nhau thế nào...

- Những cách tập theo pháp môn Yoga thật ra chỉ là những tư thế, và không cần vận động tay chân một khi đã giữ vững được một thế ngồi hay đứng nhất định. Thay vì làm nở nang các bắp thịt để kiếm thêm một sức mạnh phụ trội và tăng cường thể xác, chúng tôi nhắm mục đích tăng gia sức chịu đựng dẻo dai bền bĩ của cơ thể. Chúng tôi cho rằng làm nở nang bắp thịt tuy là hữu ích, nhưng chính cái sức mạnh điều khiển và vận động các bắp thịt mới thật là có giá trị nhiều hơn. Nếu tôi chỉ cho anh một tư thế đặc biệt nào đó, một người Âu như các anh có lẽ sẽ làm nó trong một lúc một cách vội vàng, nóng nảy. Như thế, anh sẽ không thu hoạch được những sự ích lợi bằng cách biết thực hành đúng phép như một người Yogi.

- Làm thế nào mới gọi là đúng phép...

- Người Yogi làm một tư thế một cách chậm rãi, có ý thức và giữ vững tư thế ấy trong vài phút. Để tôi chỉ cho anh xem một tư thế vận dụng cả toàn thân.

Brama nằm ngửa xuống đất, duỗi thẳng hai chân và hai tay dọc theo thân mình. Y đưa hai chân lên, giữ hai đầu gối thẳng, cho đến khi hai chân gần làm thành một góc đứng với sàn gạch. Y dùng hai tay đỡ lấy lưng, hai cùi chỏ chống trên sàn gạch. Y dùng hai tay đỡ lấy thân mình. Sức nặng của toàn thân được chống đỡ bằng hai vai, gáy và đầu. Sau khi giữ vững tư thế lộn ngược đầu này độ chừng năm phút, người Yogi bèn từ từ hạ hai chân xuống, ngồi dậy và giải thích sự lợi ích của nó:

- Tư thế này dồn máu xuống bộ Óc do trọng lượng của nó trong vài phút. Lúc bình thường, máu được đưa lên đầu do nơi sức vận động của quả tim. Sự khác biệt giữa hai trường hợp là trong tư thế này, máu dồn xuống óc gây một ảnh hưởng xoa dịu đối với bộ Óc và cân não. Đối với những người làm việc bằng trí, như các nhà bác học, học giả, sinh viên, việc thực hành tư thế này sẽ đem lại sự khỏe khoắn cho bộ Óc và trí não, khi họ cảm thấy mỏi mệt. Nó còn tăng cường bộ phận sinh dục. Nhưng người ta chỉ thu thập những lợi ích đó bằng cách thực hành theo phương pháp của chúng tôi, chứ không phải làm một cách hấp tấp vội vàng như người Âu Tây các anh.

- Nếu tôi không lầm, thì bạn muốn nói rằng phương pháp Yoga giữ thân thể trong một trạng thái yên tĩnh và thăng bằng, còn phép luyện tập xốc vác ồ ạt của Tây phýõng làm cho nó bị náo động...

- Đúng như vậy. Brama đồng ý.

Brama còn biểu diễn cho tôi xem vài tư thế khác nữa và giải thích những sự ích lợi của mỗi phép tập luyện. Tôi được biết một tư thế có công dụng tăng cường bộ tủy xương sống, chữa các chứng bệnh thần kinh suy yếu, và giúp cho máu huyết được lưu thông điều hòa. Trong một tư thế khác, những bí huyệt thần kinh ở cổ, ở vai và ở chân được kích động một cách mạnh mẽ, và bộ ngực chịu ảnh hưởng rất tốt.

Một người Âu trung bình thường coi người Ấn Độ như là một dân tộc chậm tiến, di sản của một khí hậu nóng bức và sự thiếu ăn. Chắc họ phải lấy làm ngạc nhiên mà được biết rằng xứ Ấn Độ đã từng có từ thời thượng cổ một phương pháp thể dục tinh vi và huyền diệu như thế. Chúng ta biết rằng những phương pháp thể dục Âu Tây cũng có giá trị rất lớn, nhưng có ai dám kết luận rằng nó đã được hoàn toàn... Ai dám nói rằng nó không còn gì phải cải tiến thêm nữa về các phương diện phát triển cơ năng, bảo tồn sức khỏe và ngăn ngừa bệnh tật... Biết đâu rằng nếu Tây phương đem áp dụng phương pháp khoa học để khảo cứu về môn Hatha Yoga một vài phép dưỡng sinh mầu nhiệm để giúp cho sự hiểu biết của chúng ta về khoa sinh lý học được hoàn bị hơn, và đưa chúng ta tiến thêm một bước trên con đường đi tìm một đời sống lành mạnh...

Tuy nhiên, người ta phải nhìn nhận rằng chỉ có độ chừng trên một chục tư thế Yoga là để tập luyện và thực hành. Còn lại chừng trên bảy mươi tư thế khác, cái nọ lại càng kỳ dị hơn cái kia, chỉ có thể hấp dẫn những thanh thiếu niên hăng hái, hãy còn trẻ trung và mềm dẻo. Brama cũng nhìn nhận như vậy:

- Tôi đã từng khổ công tập luyện mỗi ngày suốt mười hai năm mới có thể kiềm chế được tất cả sáu mươi bốn tư thế mà tôi biết. Và tôi cũng có cái may mắn là bắt đầu tập khi còn trẻ, vì một người đã lớn tuổi mới bắt đầu tập có thể bị hiểm nguy Những bắp thịt, gân xương của họ đã cứng và không quen vận động nên dễ bị đau đớn. Tuy thế, với sự kiên tâm bền chí, người ta cũng có thể thu hoạch được những kết quả rất mỹ mãn.

Brama ngừng một lúc rồi nói tiếp:

- Người phương Đông chúng tôi có cái thói quen tập ngồi kiết dà từ thưở nhỏ. Đó là thế ngồi căn bản, làm nền tảng cho tất cả những tư thế khác, và có một ảnh hưởng rất tốt.

Nói xong, y bèn ngồi kiết dà hai chân xếp bằng giống như thế ngồi của các tượng Phật mà tôi đã thấy quen mắt. Y giải thích:

- Thế ngồi này gọi là Liên Hoa Tọa Bộ. Nó rất quan trọng vì nó là thế ngồi của nhà đạo sĩ lúc tham thiền. Nó giúp cho thân thể được vững vàng, nhờ đó người hành giả khỏi bị té ngã nếu y thình lình xuất thần trong cơn nhập định. Điều này rất có thể xảy ra, tuy rằng nói chung thì những nhà đạo sĩ có thể xuất thần và nhập định tùy theo ý muốn.

Bạn hãy nhìn xem, trong thế Liên Hoa, hai chân xếp bằng tròn đem đến cho thân mình một nền tảng vững chắc. Nếu thân mình không được vững thì tâm thần bất định và lo ra, còn trong tư thế này thì người hành giả cảm thấy trong lòng yên ổn và tự tin. Nó giúp cho ta dễ tập trung tư tưởng, đó là điều rất quý đối với chúng tạ Chúng tôi cũng thường dùng thế ngồi này để luyện hơi thở, vì sự phối hợp của hai điều này làm thức động luồng hỏa hầu tiềm tàng trong cơ thể và giúp cho người hành giả khai mở một vài quyền năng.

Câu chuyện của chúng tôi đến đây đã chấm dứt.

Brama đã biểu diễn cho tôi xem đủ một loạt các tư thế khó khăn, những thế ngồi vặn vẹo lạ lùng, và tôi không còn nghi ngờ gì nữa rằng quả thật y đã hoàn toàn làm chủ được thể xác.

Có một người Âu nào có đủ sức kiên tâm bền chí để thực hành những phép tập luyện khó khăn và phức tạp như thế... Có người Âu nào có thời giờ để tập luyện về khoa pháp môn này...

Chương 4: Khoa Yoga Thắng Đoạt Tử Thần

Brama mời tôi lại nhà y chơi. Y ở riêng một cái chòi tranh mà y tự cất lấy ở một góc cuối vườn nhà của bà lão già để được tự do hơn. Tôi đ ến chơi vào một buổi chiều. Nhà này ở chỗ tận cùng của một con đường đầy bụi bặm và có vẻ nghèo nàn. Tôi ngừng một lúc trước cửa, tường nhà cũ kỹ quét vôi trắng, với một cái gác bằng cây có cửa sổ. Tôi đẩy cánh cửa lớn, tiếng động làm vang khắp nhà. Một bà già vẻ mặt hiền lành vui vẻ bước ra và nghiêng đầu chào tôi nhiều lần. Bà ấy dắt tôi đi qua một hành lang tối tăm đưa đến nhà bếp, thông ra sau vườn.

Trong vườn có một cây cổ thụ cành lá xum xuê, che dưới bóng mát của nó một cái giếng cũ. Phía bên kia giếng có một chòi tranh, một phần ẩn khuất dưới bóng cây mát rượi. Chòi này làm bằng vật liệu nhẹ, cột tre, lợp tranh.

Bà lão chủ nhà da mặt cũng sậm đen như màu da của Brama, có vẻ bận rộn nói một tràng dài tiếng Tamoul với người trong chòi. Một tiếng nói thanh như chuông mà tôi đã quen tai từ bên trong vọng ra, cánh cửa chòi từ từ hé mở, người đạo sĩ hiện ra trước cửa và vui vẻ mời tôi bước vào. Y vẫn để cửa mở, bà già đứng trước cửa độ vài phút, mắt nhìn tôi một cách chăm chú và nét mặt lộ vẻ hân hoan sung sướng.

Trong chòi không có bàn ghế chi cả, ngoại trừ một chiếc giường thấp không có nệm, đặt sát vào vách phía trong, và một tấm gỗ lớn đặt trong góc, trên đó có bày sách vở và giấy tờ. Một bình đựng nước bằng đồng treo bằng một sợi dây từ trên trần nhà thòng xuống, và một chiếc chiếu lớn trải dưới đất.

Brama chỉ chiếc chiếu mời tôi ngồi, và xin lỗi vì nhà không có ghế. Chúng tôi cả ba người đều ngồi xếp bằng, Brama, tôi và một thanh niên Ấn đi theo tôi để làm thông ngôn. Trong vài phút, bà lão bước ra ngoài và trở lại với một bình trà nóng mà bà ấy đặt trên một tấm khăn trắng trải trên chiếc chiếu, cùng với bánh ngọt, cam, chuối đựng trên những chiếc mâm nhỏ bằng đồng. Trước khi mời tôi dùng trà, người đạo sĩ hai tay cầm một tràng hoa kết thành vòng đặt lên cổ tôi. Tôi tỏ ý khiêm nhường, tôi biết rằng phong tục Ấn Độ dành cái danh dự này cho những vị quý khách, mà tôi thì không dám tự liệt mình vào hạng khách đặc biệt đó. Brama mỉm cười và nói:

- Bạn ơi! Bạn là người Âu đầu tiên đến nhà tôi và cũng là người Âu đầu tiên làm bạn với tôi. Bà dì tôi với tôi cùng lấy làm vui mừng mà đón tiếp cái danh dự này.

Tôi đành phải nhận lấy vòng hoa trên cổ. Cũng may mà các bạn tôi ở Âu Châu không nhìn thấy tôi ăn vận lố lăng như hôm ấy.

Chúng tôi vừa uống trà, ăn bánh trái và vừa nói chuyện. Brama cho biết rằng chòi tranh và đồ vật dụng bằng gỗ trong nhà đều do tự tay y cất lên và đóng lấy.

Những giấy tờ để trên chiếc ghế dài bằng gỗ khêu gợi sự tò mò của tôi. Đó là những tờ giấy màu hường, trên đó có viết chữ bằng mực xanh. Brama đưa cho tôi xem vài tờ và giải thích rằng đó là thứ chữ Tamoul cổ xưa, thông dụng trong văn chương cách đây đã nhiều thế kỷ nhưng ngày nay ít có người hiểu, trừ ra một vài người học giả lỗi lạc. Brama nói thêm:

- Tôi viết cái này đêm hôm quạ Đó là những câu tóm tắt những kinh nghiệm của tôi về pháp môn Yoga, hoặc những bài thơ của tôi làm trong những lúc cảm hứng tâm linh. Một vài thanh niên trẻ tuổi tự cho là những đệ tử của tôi, thường đến đây để xem những bài thi đó.

Nói xong, Brama lấy một bản văn kiện tô điểm một cách ngây thơ, gồm có vài tờ giấy màu hường, viết chữ bằng mực đỏ và xanh, và cột chung lại bằng một sợi chỉ màu xanh. Y vừa mỉm cười vừa đưa cho tôi và nói:

- Tôi viết cái này để tặng riêng cho bạn.

Người thông ngôn cho biết rằng đó là một bài thi trường thiên dài tám mươi bốn câu, nhưng vì viết bằng chữ cổ tự nên y không thể dịch được. Dầu sao, món quà này cũng làm tôi vui lòng, vì nó tiêu biểu cho cái cảm tình đặc biệt của một người Yogi chân chính đối với tôi.

Sau những câu chào hỏi đầu tiên, bà lão lui ra ngoài và chúng tôi mới bước qua những câu chuyện sâu xa hơn. Tôi trở lại vấn đề luyện phép khí công, tức phép luyện hơi thở, mà những nhà đạo sĩ coi như là một điều rất quan trọng và giữ gìn rất bí mật. Brama liền chận tôi lại và nói rằng y không được phép tiết lộ cho tôi biết nhiều hơn những điều y đã nói, nhưng y có thể nói vài chi tiết về phần lý thuyết của pháp môn Yoga về điểm này.

- Luật tự nhiên đã định cho con người thở với một số nhịp độ là 21, 600 lần trong một ngày và đêm. Một sự hô hấp quá mau và hấp tấp làm tăng cái nhịp độ nói trên và thâu ngắn sự sống. Một sự hô hấp chậm rãi, dài và đều đặn làm tiết kiệm số nhịp độ đó và kéo dài sự sống. Mỗi hơi thở tiết kiệm được sẽ tích tụ lại thành một số dự trữ để giúp cho con người có thể kéo dài sự sống thêm nhiều năm. Bởi đó, người Yogi thở chậm hơn người thường và vẫn khỏe mạnh. Nhưng tôi không thể nói nhiều hơn, vì tôi đã có lời thệ nguyện.

Sự dè dặt này làm tôi thất vọng. Một khoa pháp môn mà người ta giữ bí mật một cách chặt chẽ như vậy hẳn là phải có một giá trị rất lớn. Và người ta sẽ hiểu rằng tại sao những nhà đạo sĩ gìn giữ cái kho tàng quý báu đó mà không chịu tiết lộ cho những kẻ phàm tục tò mò, và những người không xứng đáng, hoặc chưa chuẩn bị sẵn sàng. Nhưng nếu tôi cũng bị liệt vào hạng người này thì, thôi hỏi nữa làm gì tốn công vô ích...

Brama nói tiếp:

- Những bậc danh sư của chúng tôi nắm được cái chìa khóa của phép hô hấp này. Họ biết rằng hai bộ máy hô hấp và tuần hoàn đều có liên quan chặt chẽ với nhau. Họ cũng biết rằng tinh thần có liên hệ trực tiếp đến hai bộ máy nói trên, và nắm được cái bí quyết làm kích động ý thức tâm linh bằng cách kiểm soát hơi thở. Ta nên biết rằng hơi thở chỉ là sự biểu lộ trên địa hạt vật chất của một sức mạnh tế nhị hơn, sức mạnh này mới là cái trụ cột sinh hoạt của xác thể:

Chính cái sức mạnh đó ẩn tàng, vô hình, vô ảnh, trong tất cả những bộ phận cơ thể của chúng tạ Khi nó rời khỏi xác thân, thì hơi thở sẽ ngưng lại, và đó là điều mà ta gọi là sự chết. Sự kiểm soát hơi thở sẽ giúp cho ta làm chủ được phần nào cái luồng sinh lực đó. Và khi mà sự chủ trị xác thân được thực hiện đến mức triệt để, để có thể kiểm soát được cả sự vận động của quả tim, thì bạn đừng tưởng rằng những nhà hiền triết thời cổ của chúng tôi chỉ nghĩ đến phần hình hài thể xác mà thôi khi các Ngài bắt đầu truyền thụ pháp môn Hatha Yoga này!

Các nhà Hiền Triết thời xưa có muốn gì thì muốn, trong lúc hiện tại, tôi chỉ nghĩ đến câu y vừa nói; tôi liền hỏi:

- Phải chăng bạn vừa nói rằng người ta có thể làm chủ được sự vận động của quả tim...

- Thật vậy, những bộ phận chánh, tức ngũ tạng trong châu thân là tim, gan, bao tử, phổi, thận, chúng tôi đều có thể chế ngự được một phần nào tùy theo ý muốn.

- Bằng cách nào...

- Bằng sức mạnh của ý chí phối hợp với những phép luyện thích nghị Phép luyện này tự nhiên là thuộc về trình độ cao đẳng của pháp môn Yogạ Phép ấy rất khó và ít người hành giả có thể luyện đúng phép. Nhờ nó mà tôi có thể chủ trị được phần nào những thớ thịt của quả tim, và nhờ sai khiến được quả tim nên tôi có thể chế ngự được những bộ phận khác.

- Điều ấy thật lạ lùng.

- Vậy sao... Đây này, bạn hãy để bàn tay trên ngực tôi, ở ngay chỗ quả tim.

Brama vừa nói vừa giữ một thế ngồi lạ lùng và nhắm mắt lại. Tôi làm theo và đợi thử vài phút, trong khi đó tôi không thấy có điều gì lạ. Lần lần, tôi nhận thấy quả tim đập chậm lại. Những tiếng đập mỗi lúc càng đập chậm thêm, chậm thêm nữa, và tôi bỗng rùng mình kinh ngạc khi tôi nhận thấy tiếng đập của quả tim ngưng lại. Tôi đếm:

Hiện tượng đó kéo dài trên bảy giây đồng hồ. Phải chăng đây là một ảo tưởng... Nhưng không, tôi thử sờ mó, bóp nắn da thịt tôi, tôi vẫn tỉnh táo chứ không mê sảng. Tôi cảm thấy đỡ lo khi quả tim y bắt đầu đập trở lại, dường như nó đã sống lại, đập mau hơn và trở lại bình thường. Vài phút sau, người Yogi mới tỉnh lại và mở mắt ra. Y hỏi:

- Bạn có nhận thấy gì không....

- Có, tôi nhận thấy rõ lắm.

Y lại sắp phát minh thêm điều gì lạ nữa chăng... Dường như y đọc được tư tưởng tôi, và y lại nói tiếp:

- Đó là chưa thấm vào đâu so với những điều mà thầy tôi làm. Người có thể cô lập một huyết quản, và điều hành hoặc ngăn chận sự lưu thông máy huyết trong đó. Tôi cũng làm như vậy được một phần nào, nhưng không bằng Thầy tôi.

- Bạn làm thử tôi xem.

Brama đưa cườm tay cho tôi và bảo tôi bắt mạch. Tôi nhận thấy mạch máu đập chậm lại rõ rệt, rồi ngưng hẳn. Tôi băn khoăn ngồi đợi. Một phút, hai phút... Trôi qua trong khi đó tôi đếm được từng giây đồng hồ. Ba phút... đến ba phút rưỡi, tôi thấy mạch máu lại bắt đầu chuyển động, lúc đầu còn hơi chậm, kế đó nó đập lại như thường. Tôi bất giác nói:

- Thật lạ quá!

- Ấy là chưa có gì! Y đáp một cách tự nhiên.

- Bạn muốn cho tôi xem điều gì nữa chăng...

Lần này, Brama hơi do dự:

- Được, nhưng đây là lần cuối cùng, và bạn hãy bằng lòng với bấy nhiêu đó. Bây giờ tôi sẽ ngưng hơi thở.

- Nhưng bạn có thể chết! Tôi nói một cách băn khoăn lo lắng, nhưng câu nói của tôi không làm cho y nản lòng. Y bèn bảo tôi:

- Bạn hãy để bàn tay dưới hai lỗ mũi của tôi thử xem.

Tôi làm y theo lời. Tôi cảm thấy rõ rệt trên bàn tay hơi thở ấm của y Brama nhắm mắt lại và ngồi yên

không cử động như một pho tượng đá. Y sắp nhập định chăng... Tôi không dám nhúc nhích bàn tay, lần lần hơi thở của y chậm lại rồi ngưng hẳn. Tôi nhìn kỹ hai lỗ mũi, cặp môi, hai vai, bộ ngực của y, nhưng không có gì cử động, không có dấu hiệu gì chỉ rằng có hơi thở. Nhưng đó không phải là những bằng chứng tuyệt đối, tôi cũng biết như vậy, nên tôi tìm những bằng chứng khác. Trong nhà không có một mảnh gương nào, nhưng tôi thấy một bên có một cái dĩa đựng tro thuốc lá bằng đồng đánh bóng. Tôi bèn dùng thử, và đặt nó dưới hai lỗ mũi và trước miệng của người Yogị Không có một hơi thở nào làm mờ cái mặt dĩa bằng đồng bóng loáng. Thật là kỳ lạ! Trong cái chòi tranh này, hiện giờ tôi đang chứng kiến một sự kiện lạ lùng, một hiện tượng mà ngày kia các nhà bác học Âu Tây phải tìm tòi khảo cứu! Sự thật rõ ràng ngay trước mắt tôi, với một bằng chứng hiển nhiên:

Pháp môn Yoga không phải là điều mộng ảo!

Khi Brama tỉnh dậy và trở lại trạng thái bình thường, y có vẻ mệt mỏi. Y hỏi, nhưng lần này với một nụ cười hơi mệt nhọc:

- Bạn có hài lòng chăng...

- Rất hài lòng, nhưng tôi chẳng hiểu chi cả.

- Tôi không có quyền giải thích cho bạn nghe. Phép ngưng thở này chỉ dành cho những bậc hành giả đã tiến nhiều trên đường tu luyện về pháp môn Yogạ Đối với một người Âu, nó có thể là một sự điên rồ, nhưng đối với người phương Đông chúng tôi, nó có một tầm quan trọng rất lớn.

- Tuy thế, khi chúng ta học ở trường thì vẫn nghe thấy dạy rằng người ta không thể sống được nếu không có sự hô hấp. Điều đó không phải là điên rồ, phải chăng...

- Không, nhưng nói như thế không đúng. Tôi có thể ngưng hơi thở suốt hai giờ đồng hồ nếu tôi muốn. Tôi vẫn thường làm như thế, nhưng tôi vẫn chưa chết, như bạn đã thấy. Y vừa nói vừa mỉm cười.

- Tôi không muốn hỏi nhiều vì bạn phải giữ bí mật, nhưng bạn có thể nói cho biết sõ qua vài điều về phần lý thuyết chứ...

- Điều đó thì được. Chúng ta có thể lấy vài thí dụ trong loài cầm thú. Đó là một phương pháp giảng dạy đặc biệt của thầy tôi, con voi thở chậm hơn con khỉ rất nhiều, bởi đó nó cũng sống lâu hơn. Một thí dụ khác là vài loại bò sát như con trăn chẳng hạn so với con chó. Bạn sẽ thấy cách thở của hai giống này mau chậm khác nhau rất xa, và tự nhiên là con trăn sống lâu hơn. Như vậy, chúng ta thấy hình như có một sự tương quan giữa sự hô hấp và sự sống lâu.

Bây giờ, chúng ta hãy đi xa hơn. Người ta thấy trên núi Hi Mã Lạp Sơn có những con dơi nằm ngủ suốt mùa đông. Những con dơi đó tự treo cẳng suốt nhiều tháng trên vách những hang núi và ngưng thở hoàn toàn cho đến khi chúng tỉnh giấc vào mùa xuân. Loài gấu trên dãy Hi Mã Lạp Sơn có đôi khi nằm cứng đơ cả thân mình trọn suốt mùa đông giá lạnh, coi dường như không còn sinh hoạt gì nữa. Cũng trên dãy Hi Mã Lạp Sơn là nơi khó tìm ra vật thực vào những tháng mùa Đông đầy tuyết phủ, người ta thấy trong những hang hố dưới đất có những con nhím ngủ một giấc dài nhiều tháng, và mọi sự hô hấp đều ngưng bặt. Như vậy, tại sao con người lại không thể làm được điều mà loài vật vẫn thường làm một cách tự nhiên...

Những điều kể trên cũng thật là lạ lùng, nhưng ít làm cho tôi tin tưởng bằng những sự biễu diễn của y hồi lúc nãy. Chúng ta vẫn quen cho rằng hơi thở là cần thiết cho sự sống, đến nỗi không dễ gì mà bỏ hẳn cái quan niệm đó. Tôi nói:

- Người Âu chúng tôi chắc không bao giờ nhìn nhận rằng sự sống có thể tiếp tục nếu người ta ngừng thở.

- Nhưng sự sống vẫn tiếp tục luôn luôn. Sự chết chẳng qua chỉ là một hình thức sinh hoạt khác thường mà thôi.

- Bạn có cho rằng người Yogi tu luyện theo pháp môn này hẳn có thể thắng được Tử Thần hay chăng...

- Hẳn là như vậy rồi.

Brama nhìn tôi một cách lạ lùng và nói tiếp theo:

- Tôi thấy bạn có nhiều triển vọng, vì thế nên tôi chịu tiết lộ cho bạn một điều bí mật, nhưng với điều kiện là...

- Bạn hãy nói luôn.

- Bạn hứa sẽ không tập luyện những gì khác hơn là những điều tôi có thể nói bạn biết.

- Tôi xin hứa.

- Phải chăng từ trước đến giờ, bạn vẫn tưởng rằng nếu ta cầm lại hơi thở trong mình, thì ta cũng bảo tồn được sự sống trong cơ thể...

- Dường như thế.

- Chúng tôi cũng không nói gì khác hơn. Chúng tôi chỉ nói rằng người hành giả nào có thể cầm lại hơi thở trong mình tùy theo ý muốn, sẽ nhờ đó mà giữ lại nguồn sinh lực trong cơ thể y Bạn hiểu rõ chăng...

- Tôi cũng ráng hiểu.

- Bạn hãy tưởng tượng rằng người Yogi có thể cầm lại hơi thở không những chỉ trong vài phút, mà trong nhiều tuần, nhiều tháng hay nhiều năm. Vì bạn đã nhìn nhận rằng hơi thở ở đâu tức là sự sống ở đó, thì phải chăng đây là triển vọng để con người có thể kéo dài sự sống tùy theo ý muốn...

Tôi không còn biết nói sao. Làm sao có thể bảo rằng điều đó là vô lý... Nhưng làm sao tôi có thể chấp nhận điều ấy mà không có sự kiểm điểm lại một cách chặt chẽ... Những nhà thuật sĩ của phái Luyện Kim (Alchimistes) hồi thời Trung cổ cũng đã từng nuôi cái mộng trường sinh bất tử, nhưng dưới ngọn lưỡi hái của Thần Chết, họ vẫn ngã quỵ hết người nọ đến người kia ngay bên cạnh những lò luyện Kim Đơn để tìm ra thuốc phản lão hoàn đồng! Có lẽ Brama tự dối lấy mình, nhưng có điều chắc chắn là y không có ý định lừa dối tôi. Y không hề có ý đến tìm kiếm tôi hay tìm kiếm một người đệ tử nào cả. Y điên chăng... Không phải vì y lý luận mọi sự một cách hoàn toàn sáng suốt. Hay là y chỉ tự dối lấy mình... Một cái gì bảo cho tôi biết là không. Tôi không biết nghĩ sao.

- Bạn không tin à... Bạn có nghe nói về một người thuật sĩ chịu để cho vua Ranjit Singh chôn sống trong một huyệt xây bằng đá ở Lonhorw chăng... Khi đem chôn sống có cả sự hiện diện của những viên sĩ quan Anh và nhà vua Singh. Ngôi mộ được giao cho quân sĩ canh gác suốt ngày đêm trong sáu tuần lễ, đúng ngày, người ta mới cậy nắp quan tài thì người thuật sĩ Ấn Độ Ở trong chui ra vẫn còn sống nhăn, không sao cả! Bạn hãy điều tra lại xem, tôi nghe nói rằng việc này đã được phúc trình cẩn thận và tờ biên bản vẫn còn được lưu trữ trong văn khố của chánh phủ Anh.

Như vậy, người thuật sĩ đã hoàn toàn chủ trị được phép hô hấp và có thể ngưng thở tùy ý muốn mà không sợ chết. Tuy thế, y cũng chưa phải là một môn đồ chân chính của pháp môn Yoga, vì tôi có nghe nói rằng đời tư của y chẳng có gì đáng ca tụng. Y tên là Haridas và sống ở miền Bắc Ấn. Nếu người ấy có thể ngừng thở mà vẫn sống trong một thời gian lâu như thế ở một chỗ bít bùng không có không khí, thì thử

hỏi:

Các bậc danh sư của môn phái chúng tôi, là những người không thích quảng cáo và không hề vụ lợi, còn có thể làm được tới những điều gì nữa...

Sau một lúc im lặng, Brama tiếp:

- Pháp môn Yoga còn đem lại cho ta nhiều quyền năng khác nữa. Nhưng trong thời buổi suy đồi hiện nay, có mấy ai là người chịu công phu cố gắng tu luyện...

- Làm sao bây giờ, khi người ta còn phải lăn lộn trong đời sống hàng ngày, thì không còn thời giờ để nghĩ đến những hoạt động cho một lý tưởng nữa.

- Đúng vậy, những phép tu luyện này chỉ để dành cho một số ít người. Như thế, bạn sẽ hiểu tại sao nó được các bậc danh sư giữ gìn trong im lặng và bí mật hoàn toàn. Những bậc danh sư ấy không bao giờ đi tìm đệ tử, mà chính các đệ tử phải đi tìm các Ngài.

Lần sau, Brama đến dùng cơm tại nhà tôi. Cơm nước xong chúng tôi ra ngồi ngoài hàng ba dưới ánh trăng sáng. Tôi ngồi trên ghế còn Brama thích ngồi trên chiếu trải sàn gạch. Chúng tôi ngồi im lặng trong vài phút để thưởng thức cái đẹp của đêm trăng. Nhưng nhớ lại câu chuyện lần trước, tôi vẫn còn tò mò muốn biết thêm về vấn đề kỳ quái là có những người có thể lường gạt được Tử Thần!

Brama nói:

- Một trong những vị danh sư của môn phái chúng tôi sống trong vùng hẻo lánh trên dãy núi Nilgiri, và không hề bước ra khỏi am. Một vị khác sống trong động đá trên dãy Hi Mã Lạp Sơn. Những người ấy bạn không bao giờ gặp được vì họ lánh xa cõi thế tục. Tuy thế, theo truyền thuyết của người trong xứ thì các vị ấy đã từng sống đến vài trăm năm nay.

- Bạn có tin như vậy chăng...

- Lẽ dĩ nhiên, vì chính Thầy tôi cũng là một người trong số đó.

Thầy của y! Vì bây giờ chúng tôi đã quen nhau như thế này và giữa chúng tôi không còn sự lạnh lùng cách biệt nữa, nên tôi đánh liều hỏi một câu:

- Brama, Thầy của anh là ai...

Y còn do dự trong một lúc, nhưng liền nói với một giọng trang nghiêm:

- Thầy tôi danh hiệu là Yetrumbu Swamị Ở dưới miền Nam, đệ tử của Người cũng đông, nhưng Người thường đi lên miền Bắc và ở trên dãy Hi Mã Lạp Sơn.

- Tôn Sư đã đạt tới mức tối thượng của pháp môn Yoga chưa...

- Điều đó hẳn là dĩ nhiên rồi.

- Và bạn tin rằng lệnh Tôn Sư đã sống đến...

- Trên bốn trăm năm.

Brama nói câu đó với một giọng vô cùng tự nhiên, và y nhìn thấy sự ngạc nhiên trong cặp mắt của tôi. Y nói tiếp:

- Tôn Sư thường kể cho tôi nghe nhiều chuyện mà người đã từng chứng kiến và đã xảy ra dưới triều đại các vua Hồi. Người cũng thuật cho tôi nghe những chuyện xảy ra từ hồi Công Ty Ấn Độ của người Anh mới bắt đầu thành lập tại Madras.

Điều này thật khó mà tin được, đối với một kẻ đa nghi như tôi. Tôi nói:

- Nhưng bất cứ một đứa học trò nào đã học lịch sử cũng nói được những điều đó.

Brama làm như không nghe và nói tiếp:

- Thầy tôi còn nhớ rõ trận Panipat và có nói với tôi rằng Người không bao giờ quên những ngày kỷ niệm đầu tiên của trận Plassey. Tôi còn nhớ có lần nghe người nói chuyện về một đệ tử tên là Beahudananda, như là nói một đứa trẻ con. Người đệ tử này hồi đó đã được tám mươi tuổi.

Dưới ánh trăng, tôi nhìn thấy rõ vẻ mặt bình thản tự nhiên của người Yogi khi y nói những chuyện lạ lùng trên đây. Một người Âu đã từng quen suy luận với những phương pháp sưu tầm của khoa học tiên tiến, làm sao có thể chấp nhận những điều này mà không có sự điều tra chắc chắn... Dầu sao, Brama là người Ấn Độ, chắc y cũng vẫn còn cái thói quen hay tin tưởng những chuyện hoang đường. Tôi vẫn lẳng lặng ngồi nghe, để cho y nói:

- Tôn Sư đã từng làm cố vấn cho một vị Quốc Vương xứ Nepal trên mười một năm. Dân chúng xứ này quý mến người như Thần Thánh. Người cũng đối với họ như cha đối với con. Người gạt bỏ mọi sự thành kiến về giai cấp và coi mọi người cùng bình đẳng như nhau.

- Nhưng làm sao một người có thể sống lâu như thế...

Brama mơ màng nhìn về cõi xa xăm, dường như quên cả sự có mặt của tôi; y đáp:

- Có ba phương pháp để kéo dài sự sống. Phương pháp thứ nhất là tập hết tất cả những tư thế (Asana), và tất cả các phép luyện khí công, gồm cả những phép luyện bí mật của pháp môn Hatha Yoga. Những phép tập luyện này lẽ tự nhiên là phải được thực hành cho đến mức toàn hảo, điều này chỉ có thể thực hiện được dưới sự dìu dắt của một bậc danh sư đã có nhiều kinh nghiệm.

Phương pháp thứ hai là thường dùng một vài loại cỏ thuốc rất quý và rất hiếm, mà chỉ có một vài vị danh sư của môn phái chúng tôi biết được. Những vị ấy đi tìm những loại cỏ này trong vòng bí mật và dấu trong mình mỗi khi đi đâu xa. Khi đến lúc một vị phải từ giã cõi đời, thì người chọn trong số các đệ tử một người xứng đáng nhất và tiết lộ cho y biết sự bí mật về loại cỏ quý đó. Người này từ nay sẽ là người duy nhất được biết sự bí mật ấy mà thôi. Còn phương pháp thứ ba thì hơi khó nói một chút.

- Bạn cứ nói luôn.

- Tôi nói ra chắc là bạn sẽ bật cười!

Tôi cam đoan với y rằng trái lại, tôi rất quý trọng những điều tiết lộ của y. Y nói:

- Vậy thì đây:

Trong bộ Óc con người có một lỗ trống nhỏ, là chỗ của linh hồn, nó có một thứ nắp che đậy phía ngoài. Nơi dưới đốt tận cùng của xương sống, là chỗ xuất phát luồng sinh lực mà chúng ta đã có dịp nói đến. Sự tiêu hao luồng sinh lực đó gây nên sự già nua, trái lại, kiểm soát được nó sẽ giúp cho ta được sống lâu.

Khi một người đã hoàn toàn làm chủ được thể xác, y có thể bắt đầu tập kiểm soát luồng sinh lực này bằng những phép luyện bí mật mà chỉ có những người Yogi thượng đẳng của môn phái chúng tôi mới biết

được mà thôi. Nếu y làm cho luồng sinh lực vô hình đó đi ngược lên đến tận phần trên của tủy xương sống, y sẽ cố gắng gom nó lại trong chỗ lỗ trống trong bộ Óc mà tôi vừa nói ở trên. Nhưng phải có một vị danh sư giúp y mở cái nắp che đậy ở phía ngoài. Nếu y tìm được một người Thầy bằng lòng giúp y việc đó, thì luồng sinh lực nói trên sẽ lọt vào chỗ lỗ trống và sẽ có cái tác dụng của một thứ nước Cam lồ trường sinh như chúng ta thường nghe nói.

Đó không phải là chuyện dễ làm. Kẻ táo bạo dám luyện thử một mình chắc chắn sẽ chết toi mạng! Trái lại người luyện được thành công có thể đánh lừa được Thần Chết. Người Yogi nào thực hành đủ ba phương pháp nói trên có thể sống đến vài trăm năm, nếu y muốn. Y có thể chọn ngày giờ chết của mình, và chừng đó sự khám nghiệm tử thi sẽ kết luận rằng y chết một cách tự nhiên. Khi y chết, loài sâu bọ sẽ không phạm đến thể xác của y, xác y sẽ tươi như hồi sống và sẽ không hề hư hại trải qua nhiều thế kỷ.

Tôi tỏ lời cảm ơn Brama, và mặc dù tôi rất thích thú, nhưng tôi cũng vẫn chưa chịu tin. Khoa Sinh Lý Học không hề biết đến luồng sinh lực đó, và tôi e rằng những chuyện lạ kỳ trên đây chỉ có trong óc của những người chất phác và hồn nhiên ở xứ này. Tuy nhiên, sự kiểm soát hơi thở và mạch máu mà tôi đã chứng kiến, cũng đủ chứng minh rằng quyền năng của các nhà đạo sĩ không phải là những điều viễn vông, và những quyền năng đó có thể làm nhiều việc phi thường. Theo ý tôi, thì đó là tất cả những gì mà người ta có thể nói về vấn đề này. Tôi vẫn giữ im lặng và không muốn thổ lộ những ý tưởng riêng của mình. Brama lại nói tiếp:

- Tất cả mọi người ai cũng muốn thắng sự chết, nhưng bạn đừng quên rằng áp dụng phương pháp này rất nguy hiểm. Bởi đó, không ai ngạc nhiên mà thấy rằng những vị danh sư của chúng tôi giữ gìn những phép luyện đó trong vòng bí mật, chẳng khác nào người ta giữ vật báu.

- Bạn có thể cho tôi biết phương pháp đó được chăng...

- Người ta phải tập đi cho vững trước khi tập chạy mau.

Tôi xin hỏi bạn một câu cuối cùng:

- Thầy bạn hiện nay ở đâu...

- Người ở ẩn trong một ngôi đền hẻo lánh ở vùng núi non xứ Nepal.

- Bạn có nghĩ rằng một ngày kia, Tôn Sư sẽ trở xuống đồng bằng hay chăng...

- Làm sao tôi biết được ý nghĩ của Tôn Sử Người có thể ở lại xứ Nepal thêm nhiều năm nữa trước khi xuống núi để đi ta bà khắp nơi. Người thích ở Nepal hơn ở Ấn Độ bởi vì ở xứ đó, môn phái của chúng tôi thịnh hành hơn. Pháp môn Hatha Yoga có những cách dạy khác nhau tùy theo môn phái, và môn phái của chúng tôi gọi là Tantra, được người Nepal thông hiểu dễ dàng hơn là người Ấn.

Brama trở lại với sự im lặng. Chắc y để tư tưởng đi xa lắm và nhớ đến hình ảnh của vị Tôn Sư quý mến. Ôi! Nếu những điều tôi vừa nghe không phải là một ảo tưởng, thì thật là một triển vọng đáng mừng cho những ai là người nuôi cái mộng trường sinh bất tử.

Đêm Ấn Độ đến rất mau chóng, chứ không có một hoàng hôn kéo dài như ở trời Âu. Khi bóng tối bao phủ cái chòi tranh của y, Brama thắp một ngọn đèn dầu treo lủng lẳng trên xà nhà bằng một sợi dây, và chúng tôi ngồi dưới ánh đèn dầu leo lét. Bà lão bước ra ngoài một cách kín đáo để cho chúng tôi tự do nói chuyện, với một người thông ngôn trẻ tuổi của tôi đem theo. Khói nhang tỏa khắp gian phòng một mùi hương huyền bí. Ý nghĩ về sự chia ly sắp đến làm cho tôi buồn man mác, tôi cố gắng vượt qua cơn buồn ám ảnh, nhưng vô hiệu.

Vấn đề bất đồng ngôn ngữ, và phải nói chuyện qua một người thứ ba là một sự chướng ngại, vì tôi không thể bày tỏ tâm sự đang tràn ngập cõi lòng tôi theo như ý tôi muốn. Trong giờ phút này, những lý thuyết lạ lùng kia có thật hay không, điều đó không quan hệ lắm. Điều đáng kể, là người đạo sĩ đã vui vẻ sốt sắng để cho tôi bước vào cuộc đời cô độc đơn chiếc của y. Tôi đã nhận thấy có sự thông cảm giữa hai tâm hồn chúng tôi, và bây giờ tôi đã hiểu rằng đối với một người như vậy, thật là một sự hy sinh lớn lao mà dẹp bỏ sự dè dặt kín đáo của mình để thổ lộ tâm sự với một người lạ mặt. Nhưng lúc này lòng mong muốn hiểu biết thêm của tôi lại thắng thế. Tôi viện cớ sắp từ biệt y trong nay mai để cố gắng thuyết phục y tiết lộ cho tôi một vài điều bí mật cuối cùng. Nhưng y đã giữ thế thủ:

- Anh có sẵn sàng từ bỏ chốn phồn hoa náo nhiệt của thị thành và ẩn mình nơi thanh vắng của chốn núi rừng tịch mịch chăng...

- Điều đó cần phải được suy nghĩ kỹ, Brama.

- Anh có sẵn sàng từ bỏ mọi hoạt động, mọi công việc làm ăn, mọi thú vui trần tục, và để trọn thời giờ thực hành pháp môn Yoga, không phải chỉ trong một lúc, mà trong nhiều năm liên tiếp chăng...

- Chắc là không, tôi chưa đủ chuẩn bị sẵn sàng. Một ngày kia, có lẽ...

- Nếu vậy, tôi không thể nào dìu dắt bạn đi xa hơn. Pháp môn Yoga không phải là một môn tiêu khiển trong những giờ nhàn rỗi.

Thế là tôi sẽ không bao giờ trở nên Đạo sĩ! Phải thành thực mà nhìn nhận như vậy. Một môn tu luyện khó khăn như thế, với một kỷ luật gắt gao khổ hạnh, không phải để dành cho một kẻ hoài nghi như tôi! Tuy nhiên, có một cái gì nó hấp dẫn tôi hơn là những quyền năng của xác thể. Tôi bèn bày tỏ tâm sự với người đạo sĩ:

- Brama, những quyền năng đó hẳn là một điều huyền diệu và hấp dẫn vô cùng. Tôi mong ước có ngày tôi sẽ được thụ giáo theo pháp môn Yoga của bạn. Nhưng rốt cuộc, nó có thể đem đến cho ta một sự hạnh phúc lâu bền nào chăng... Trong khoa Yoga, còn có một mục đích nào cao hơn nữa chăng... Tôi không biết bạn có hiểu ý tôi không...

Brama mỉm cười và nói:

- Tôi hiểu. Những Thánh Kinh của Ấn Độ nói rằng pháp môn Hatha Yoga (luyện xác thân) phải đi đôi với pháp môn Raja Yoga (luyện tinh thần). Sự thật, pháp môn trên chỉ là dọn đường cho pháp môn Hatha Yoga, các Ngài biết rằng đó không phải chỉ ngắm vào mục đích tinh luyện cái thể xác vật chất mà thôi... Các Ngài hiểu rằng sự chinh phục thể xác chỉ là một bước đầu tiên đưa đến sự rèn luyện tinh thần, và điều sau này cũng chỉ là một giai đoạn đưa con người đến một mục đích Toàn Thiện.

- Như thế, chắc là còn có một pháp môn chuyên về việc rèn luyện tinh thần...

- Đúng vậy, và mục đích của pháp môn đó là dùng lý trí con người như một ngọn đèn pha để chiếu thẳng vào địa hạt tâm linh thuần túy.

- Muốn bắt đầu học pháp môn này, phải làm sao...

- Tự nhiên là phải có Thầy.

- Phải có Thầy, nhưng tìm Thầy ở đâu ra...

Brama hơi nhún vai:

- Bạn ơi! Kẻ đói bụng thì đi tìm món ăn, nhưng còn người sắp chết đói thì quên hết tất cả mọi sự để kiếm cho được đồ ăn mà thôi. Nếu bạn ước vọng tìm Thầy cũng như người chết đói ước được món ăn thì bạn sẽ tìm thấy. Bạn hãy tìm Thầy với một đức tin, rồi định mệnh sẽ dìu dắt bạn đến với Người vào đúng ngày giờ mà Người chọn lựa.

- Bạn tin rằng định mệnh cũng có dính dáng đến việc này à...

- Ấy là bạn nói như thế.

- Tôi thấy trong sách có nói...

- Không có Thầy, thì sách vở chỉ là nắm giấy lộn. Danh từ Guru của chúng tôi có nghĩa là Người dẹp tan sự tối tăm u ám. Người nào nhờ sự gắng công tìm tòi và nhờ sự dìu dắt của định mệnh mà tìm ra được một vị danh sư, sẽ đi thẳng đường đến sự giác ngộ vì người đệ tử cùng chia sớt những khả năng huyền dịu của người Tôn Sư.

Nói đến đây, Brama tiến gần đến chiếc ghế dài đựng giấy tờ và cầm đưa cho tôi một đạo linh phù đầy những dấu hiệu thần bí, những hình biểu tượng và chữ Tamoul vẽ bằng mực đỏ, xanh và đen. Trên hết có vẽ một hình tròn khu ốc, hẳn là biểu tượng của ngôi Mặt Trời, hình mặt trăng và một con mắt, còn khoảng giữa thì để trống. Y nói:

- Tôi vẽ lá bùa này cho bạn trong đêm quạ Khi bạn ra đi, bạn hãy dán một tấm ảnh của tôi ở khoảng trống ngay chính giữa.

Brama cho biết rằng tôi chỉ cần tập trung tư tưởng trong năm phút vào lá bùa lạ lùng này trước khi đi ngủ, thì tôi sẽ nằm mộng thấy y một cách hoàn toàn rõ rệt. Y nói:

- Dầu cho chúng ta có cách xa nhau hàng ngàn dặm, chúng ta sẽ gặp nhau bằng linh hồn nếu bạn tập trung tư tưởng vào lá bùa này. Những cuộc gặp gỡ trong giấc mộng sẽ có thật cũng như những cuộc thăm viếng mà chúng ta đã trao đổi lẫn nhau.

Câu nói đó làm cho tôi nghĩ rằng ngày từ biệt của chúng tôi đã sắp đến và tôi tỏ ý băn khoăn không biết ngày nào chúng tôi mới gặp nhau trở lại. Brama bèn an ủi tôi:

- Chúng ta hãy phó mặc cho định mệnh, nó không bao giờ lỗi hẹn. Còn về phần tôi, tôi cũng sẽ ra đi vào mùa xuân đến địa phận tỉnh Tanjore, tại đây có hai người đệ tử đang chờ đợi tôi. Còn tương lai về sau ra thế nào, tôi không thể nói trước, vì như bạn đã biết, tôi vẫn luôn luôn chờ đợi lời kêu gọi của Tôn Sư.

Brama im lặng một lúc, và nói tiếp bằng một giọng rất thấp mà tôi nghe như tiếng thì thầm. Tôi đoán chừng hay là y lại tiết lộ thêm điều gì bí mật nữa chăng... Tôi quay lại người thông ngôn thì nghe nói rằng:

- Tôn Sư đã hiện ra với tôi trong đêm vừa quạ Người có nói chuyện về anh. Người nói với tôi rằng "Vị Shahib bạn con đang khao khát sự hiểu biết. Y vốn là người đồng môn với chúng ta trong một kiếp trước. Y đã tu luyện theo phép môn Yoga, nhưng thuộc về một môn phái khác. Ngày nay, y đã trở lại Ấn Độ trong bộ da của một người Anh. Y đã quên những gì y đã học với chúng ta, nhưng sẽ không lâu. Ngày nào mà y chưa gặp được Thầy để ban ân huệ cho y, thì y vẫn sẽ không phục hồi lại được trí nhớ của dĩ vãng. Tuy nhiên, cái ký ức vẫn còn tiềm tàng, Thầy y chỉ cần khơi động một chút cũng đủ làm cho nó bừng tỉnh dậy. Vị Tôn Sư đó, con hãy cho y biết, y sẽ gặp Người. Điều đó sẽ đến chắc chắn, y hãy đừng băn khoăn gì nữa. Y sẽ được như ý nguyện trước khi rời khỏi xứ này, vì định mệnh đã đặt để rằng y sẽ không trở về tay không. " Nghe đến đây, sự ngạc nhiên của tôi quả là vô hạn. Dưới ánh đèn dầu leo lét, gương mặt của người bạn tôi dường như biến đổi một cách khác thường.

- Phải chăng bạn đã nói lệnh Tôn Sư đang ở xa lắm, tận trên xứ Nepal... Tôi hỏi y với một giọng mà tôi lấy làm hối tiếc là đã lộ vẻ nghi ngờ.

- Phải, Tôn Sư vẫn ở trên đó.

- Tức là cách đây 1, 200 dặm, làm sao Tôn Sư có thể nói chuyện với bạn trên một quãng đường dài như vậy...

- Tôn Sư luôn luôn có mặt khi tôi kêu gọi đến Người, dầu cho chúng tôi ở cách xa nhau muôn dặm. Tôi không cần đến thơ từ chi cả để nhận được thông điệp của Tôn Sự Tư tưởng của Người đến với tôi xuyên qua không gian và biểu hiện rõ ràng trước mắt tôi.

- Phải chăng đó là thần giao cách cảm...

- Đúng như vậy.

Tôi đứng dậy, vì đã đến lúc kiếu từ. Chúng tôi còn đi dạo một lần cuối cùng dưới ánh trăng khuya, dọc theo những vách tường cũ của ngôi đền bên cạnh nhà của Bramạ Chúng tôi dừng bước dưới một hàng dừa mà cành lá xum xuê để cho ánh sáng rọi xuyên qua in bóng dưới đất. Trước khi từ giã, Brama thì thầm:

- Bạn thấy rằng tôi không có gì nhiều. Đây là một vật quý nhất của tôi, bạn hãy cầm lấy.

Nói xong, y rút chiếc nhẫn mà y đeo ở ngón áp út bên trái và đặt vào lòng bàn tay lật ngửa của ỵ Dưới ánh trăng, tôi thấy chiếu sáng ngời một viên ngọc bích màu xanh có gân màu nâu sậm, lồng trong khung nhẫn bằng vàng. Brama đeo chiếc nhẫn vào ngón tay tôi và siết bàn tay tôi để từ giã. Tôi vừa tỏ ý không dám nhận món quà tặng quý giá này thì Brama đã ngăn chận lời từ chối của tôi bằng cách siết bàn tay chặt hơn nữa. Y nói:

- Tôi thọ lãnh chiếc nhẫn này của một người hiền giả có tiếng. Người đã tặng cho tôi khi tôi bắt đầu bước chân lên đường Đạo. Bây giờ, đến lượt bạn hãy đeo nó.

- Không hẳn như vậy, nhưng viên ngọc thạch này là một linh vật rất hiệu nghiệm. Nó sẽ giúp cho bạn có duyên may hội ngộ với các bậc Hiền Giả, nó sẽ kích động những tư tưởng kỳ lạ xâm chiếm lấy khối óc huyên náo của bạn.

Lời nhắn nhủ lạ lùng của vị Tôn Sư ở cách xa ngàn dặm, điều đó vốn thật lạ quá đối với tôi, nên xin miễn luận bàn. Một cơn chiến đấu mãnh liệt đang diễn ra trong tâm hồn tôi giữa sự ngờ vực và đức tin. Còn chiếc nhẫn này... Làm sao mà tin được rằng một chiếc nhẫn lại có thể xui khiến được định mệnh, và gây cho tôi một ảnh hưởng bí mật về phương diện tâm linh... Phải chăng đó là một điều dị đoan... Nhưng Brama tin tưởng ở điều đó. Tôi phải tự nhủ rằng việc gì cũng có thể được cả ở cái xứ lạ lùng huyền bí này.

Tôi vẫn vơ suy nghĩ và lo ra đến nỗi tôi quên đường và đụng đầu vào một gốc dừa. Dưới nhành lá dịu dàng phất phơ của nó, chiếu những điểm ánh sáng do những con đom đóm bay lượn thành những vòng tròn. Nền trời trong vắt một màu xanh thẳm. Sao Kim Tinh chói rạng tỏa ra một ánh sáng rực rỡ coi dường như rất gần. Cảnh vật thiên nhiên đắm chìm trong bầu không khí hoàn toàn yên lặng. Không ai nghe tiếng động của những con dơi lớn bay ngang trên đỉnh đầu chúng tôi. Tôi tự thả trôi một lúc theo cái thú vị triền miên của giờ phút thần tiên này.

Về đến nhà, tôi trằn trọc suốt đêm không tìm thấy giấc ngủ. Mãi đến gần sáng, giấc ngủ mới đến và làm lắng dịu những ý nghĩ vẫn vơ trong đầu óc của tôi.

Chương 5: Người Tu Sĩ Suốt Đời Không Nói

Một hôm, tôi nghe nói có một người tu sĩ nổi tiếng đang ở vùng ngoại ô, cách thành phố Madras chừng nửa dặm. Người này thích ẩn dật, tránh tất cả mọi người và ít người được biết. Điều này khêu gợi sự tò mò của tôi, tôi bèn quyết định xin vào yết kiến.

Nhà của người tu sĩ ẩn khuất sau một hàng rào tre dựng lên thành hình vuông ở chính giữa một khoảng đồng. Người dẫn đường cho tôi chỉ vào một cái hàng rào và nói:

- Tôi nghe nói rằng người Yogi nhập định suốt ngày. Dầu cho chúng ta có la làng và đập cửa hàng rào, y cũng không nghe; và nếu y nghe được thì y sẽ cho chúng ta là những kẻ mất dạy.

Một cánh cửa thô sõ khép chặt hàng rào và được khóa lại rất chắc. Ở phía trong không ai nghe một tiếng động. Chúng tôi đi vòng chung quanh hàng rào và gặp một đứa trẻ nhỏ nói rằng nó biết nhà người giữ cửa và sẵn lòng đưa chúng tôi đến nhà người ấy.

Người giữ cửa là một nô bộc của người Yogi, vợ y và một bầy con quấn quýt theo chân y. Chúng tôi tỏ ý muốn nhờ y mở cửa, nhưng y liền từ chối. Y nói rằng nhà tu sĩ tịnh khẩu không tiếp khách qua đường và chỉ muốn ở yên một mình. Người nhập định hình như suốt ngày, và sẽ lấy làm bực mình nếu có kẻ nào vô phước muốn đột nhập vào tịnh xá.

Tôi yêu cầu người nô bộc hãy đặc cách dành cho tôi một sự dễ dàng ngoại lệ, nhưng y vẫn cương quyết từ chối. Người bạn tôi bèn dùng thử những phương pháp mạnh bạo:

Anh ta hăm dọa người giữ cửa bằng sự trừng phạt của chánh quyền địa phương, nếu y không làm chúng tôi được thỏa mãn. Tự nhiên, đó chỉ là một sự dọa nạt.

Chúng tôi trở lại cửa hàng rào và mở một ống khóa lớn bằng sắt. Người nô bộc cho biết rằng người tu sĩ không có tài sản gì nhiều, và không có đến một cái chìa khóa. Cửa hàng rào được khóa trái lại ở phía ngoài, và y không thể bước ra khỏi nhà nếu người nô bộc không đến mỗi ngày hai lần để mở cửa.

Chúng tôi còn nghe nói rằng người tu sĩ mắc nhập định suốt ngày, nhưng đến chiều y dùng một ít vật thực như bánh trái và một chén sữa. Có những buổi chiều, đồ vật thực để trước mặt y vẫn còn y nguyên. Đôi khi, trời tối đến, y bước chân ra khỏi nhà và thỉnh thoảng đi dạo chơi ngoài đồng.

Chúng tôi qua khỏi sân và đến trước một ngôi nhà xây bằng đá, kiểu tân thời. Người nô bộc lấy chìa khóa mở một cánh cửa nặng và rất chắc. Tôi lấy làm lạ về sự bế môn chặt chẽ như vậy đối với một người có tiếng là không sở hữu của cải hay tài sản. Người nô bộc bèn giải thích lý do:

- Cách đây mấy năm, người tu sĩ ở trong hàng rào tre, không có khóa trong khóa ngoài gì cả. Một hôm, một người say rượu đột nhập vào trong thấy người tu sĩ có một mình và không có tự vệ, bèn ra tay hành hung. Hắn nắm chòm râu người tu sĩ và đánh y bằng gậy với những lời chửi rủa. Cũng may trong lúc đó có vài người thanh niên đang đá banh trên miếng đất trống ở gần bên. Nghe tiếng động, họ bèn chạy vào nhà và giải cứu người tu sĩ thoát khỏi tay tên bợm rượu, khi đó một người trong bọn chạy đi báo động với hàng xóm. Người làng tựu đến nơi và định cho tên du côn kia một bài học, y suýt nữa bị ăn đòn một trận nhừ tử nếu không có sự can thiệp của người tu sĩ, người này vẻ mặt vẫn bình thản tự nhiên ngay từ khi bị hành hung. Người tu sĩ viết trên một mảnh giấy:

"Nếu các anh đánh đập người này thì cũng như các anh đánh đập tôi. Hãy cho y ra về, vì tôi đã tha thứ cho y" Vì lời nói của người tu sĩ luôn luôn được tôn trọng, nên người say rượu được thả về, tuy rằng một cách tiếc rẻ.

Người nô bộc liếc nhìn vào trong nhà và yêu cầu chúng tôi đừng cử động vì người tu sĩ đang thiền định. Tôi cởi giày và để ngoài hàng ba theo phong tục bổn xứ. Lúc quay vào, tôi nhìn thấy trên vách tường có một tấm bia đá đề chữ Tamoul, người bạn tôi đọc:

"Đây là am thất của nhà tu sĩ tịnh khẩu. " Gian phòng rộng rãi cao ráo và rất sạch sẽ. Ở chính giữa có một cái bục bằng cẩm thạch bề cao độ ba tấc, lót một tấm thảm bằng gấm Ba Tư, trên đó nhà tu sĩ ngồi im lặng, hoàn toàn bất động như một pho tượng đá.

Người có một thân mình dài và ngay ngắn, màu da nâu sậm. Người ngồi bán dà, bàn chân bên mặt đặt lên đùi bên trái, đầu, gáy và lưng thẳng. Tóc dài và đen bỏ xõa xuống tận vai, một bộ râu rậm và đen phủ đầy cằm; hai bàn tay đặt lên hai đầu gối. Vì người chỉ mặc có một cái chăn vấn ngang lưng, mình để trần, tôi nhận thấy thân mình đầy bắp thịt rắn chắc, biểu lộ một sức khỏe lành mạnh.

Gương mặt người lộ vẻ ung dung tự tại, đôi môi hình như sẵn sàng nở một nụ cười. Người này hẳn là đã giải thoát khỏi gánh nặng của cuộc đời thế gian mà chúng ta là những kẻ phàm tục bị bắt buộc phải mang lấy trên vai, mặc dù chúng ta nhận biết được sự phù du giả tạm của nó.

Mũi ngắn và thẳng, hai mắt mở lớn nhìn thẳng về phía trước, mí mắt không chớp. Toàn thân đều yên lặng, tuyệt nhiên không cử động.

Người dẫn đường của tôi cho biết nhà tu sĩ đang nhập định, tức là đắm chìm trong cái trạng thái hợp nhất với Đại Thể của Vũ Trụ. Trong trạng thái đó, người hành giả hòa hợp tâm thức mình với tâm thức của vạn vật, và tạm thời không còn ý thức được việc gì xảy ra ở chung quanh mình.

Tôi để ý nhìn kỹ người Yogi:

Cơn thoát trần đại định đó quả có thật, không còn nghi ngờ gì nữa. Điều lạ lùng nhất là đôi mí mắt không chớp, mở suốt nhiều giờ mà không thấy mỏi. Cặp mắt mở lớn nhưng không nhìn vật gì; nếu tinh thần còn tỉnh táo thì chắc nó đã đi xa lắm, cách xa cõi trần gian tục lụy. Những hoạt động của cơ thể cũng tạm thời ngưng hẳn, trừ ra thỉnh thoảng có một giọt nước mắt chạy quanh theo gò má, mà nguyên nhân chắc hẳn là vì hai mí mắt không chớp đã lâu.

Một con thằn lằn từ trên trần nhà bò xuống, chạy lên tấm thảm gấm và từ từ bò lên bàn chân ngồi bán dà của người tu sĩ, nhưng tuyệt nhiên không có một cử động, chẳng khác nào như người bằng đá. Vài con ruồi đáp xuống và bò lên mặt người, nhưng hình như không còn cảm giác, chẳng khác như gương mặt bằng đồng. Hơi thở dịu dàng và đều, nhưng thoảng nhẹ, dường như không thể nhận ra được nữa. Tuy thế, đó là cái dấu hiệu duy nhất chứng tỏ rằng người còn sống.

Để tạm quên thời gian chờ đợi, tôi lấy máy ảnh đem theo chụp lấy vài tấm, nhưng trong gian phòng thiếu ánh sáng, tôi đành phải thôi.

Tôi nhìn đồng hồ:

Hai giờ đã trôi qua từ khi chúng tôi bước vào. Toàn thân người tu sĩ vẫn trơ trơ, không có chút cử động. Tôi sẽ ở lại đây suốt ngày nếu cần, để đạt mục đích của tôi, là được yết kiến người tu sĩ lạ lùng này. Nhưng người nô bộc cho chúng tôi biết là chờ đợi vô ích, và nếu chúng tôi trở lại trong một hai ngày, có lẽ chúng tôi đành chịu thất vọng ra về, nhưng điều ấy càng làm tăng thêm sự tò mò của tôi.

Những ngày sau đó, tôi cố gắng dọ hỏi và thu thập tài liệu về người tu sĩ này. Những cuộc điều tra của tôi đòi hỏi sự nhẫn nại và óc phân biện sáng suốt của một thẩm sát viên. Cuộc điều tra bắt đầu bằng một buổi nói chuyện dài với người nô bộc, và kết thúc bằng việc phỏng vấn một viên thanh tra cảnh sát. Nhờ đó, tôi có thể chắp nối từng giai đoạn và ghi chép lại được ít nhất một phần nào tiểu sử của người tu sĩ.

Y đến ở trong vùng này đã được tám năm nay. Không ai biết y là ai, và từ đâu đến. Y đóng căn cứ trên khoảng đất trống gần bên miếng đất của nhà y ở bây giờ. Những kẻ tò mò đến gần định hỏi chuyện y nhưng đều ra về tay không.

Y không nói chuyện với ai, cũng không muốn nghe ai nói; không ai có thể cậy miệng y và bắt y khai khẩu. Thỉnh thoảng, y chỉ đưa ra một cái gáo dừa để xin cơm ăn. Y vẫn ngồi luôn ngày đêm trên khoảnh đất này, không có một mái che, không quản mưa nắng dãi dầu, gió sương, cát bụi, và côn trùng sâu bọ. Y dường như hoàn toàn rút lui ý thức ra khỏi ngoại cảnh, chỉ vận có một cái chăn, và luôn luôn giữ có một thế ngồi.

Tuy nhiên, vùng ngoại ô của một thành phố lớn như Madras không phải là nơi thuận tiện cho sự thiền định của một người tu sĩ ẩn độn và lánh đời. Một chỗ như thế có lẽ tạm được ở một nước Ấn Độ thời cổ, chứ còn người Yogi ở thời đại này thì phải ẩn mình trong rừng sâu núi thẳm, hay ít nhất cũng phải ở trong một gian phòng vắng vẻ tĩnh mịch.

Tại sao người ẩn sĩ lạ lùng này lại chọn một nơi tối kỵ cho sự tu hành như thế... Người ta đã tìm được lý do sau một chuyện không hay đã xảy đến cho y. Một hôm, một đám du côn nhìn thấy người tu sĩ này và liền dùng y làm cái đích cho sự nghịch ngợm của chúng. Mỗi ngày, chúng đến ném đá và rác rến vào người tu sĩ và buông lời chửi rủa. Người tu sĩ vẫn thản nhiên, mặc dầu y có thể sửa cho chúng một trận đích đáng. Nhưng y cũng không quở mắng chúng một lời, vì y đã có lập nguyện giữ tịnh khẩu. Việc ấy có thể kéo dài, nếu không có một người qua đường nhìn thấy bọn du đãng kia đang làm trò mất dạy. Người này thấy vậy lấy làm bất bình, bèn đi báo sở cảnh sát Madras, họ bèn giải tám đám tiểu quỷ sau khi đã quở mắng chúng một trận nặng nề.

Sau khi việc ấy xảy ra, một viên thanh tra cảnh sát bèn quyết định tìm ra lý lịch của người ẩn sĩ. Nhưng vì không tìm được người nào biết rõ lý lịch của y, nên viên cảnh sát không còn cách nào khác hơn là sử dụng công quyền để chất vấn chính người tu sĩ vậy. Sau rất nhiều do dự, người này mới viết những lời sau đây trên một tấm bảng đá:

"Tôi là một đệ tử của Marakayar. Thầy tôi đã dạy tôi hãy đi xuyên qua các vùng đồng bằng và hãy đến tỉnh Madras. Chính Thầy tôi đã chỉ cho tôi tìm ra khoảnh đất này. Người bảo tôi hãy ở lại đây và tiếp tục thực hành pháp môn Yoga cho đến khi thành Đạo. Tôi đã từ bỏ cuộc đời thế gian và chỉ yêu cầu có một điều, là người ta hãy để tôi yên. Tôi không tìm một lợi lộc gì ở Madras, mà chỉ muốn theo con đường tu hành. " Viên thanh tra cảnh sát hài lòng về câu trả lời trên đây và nhận ra người này là một đạo sĩ thượng hạng, bèn hứa sẽ dành cho người mọi sự che chở. Y biết Marakayar là một vị đạo sĩ Hồi giáo nổi tiếng, vừa mới qua đời cách đây không bao lâu.

Tục ngữ có câu:

Trong cái họa, ắt có ẩn cái phước. Vụ rắc rối kể trên thấu đến tai một người mộ đạo ở Madras, người này bèn hiến cho người tu sĩ không muốn làm trái lời Thầy dặn. Sau cùng, người mộ đạo kia mới tìm ra một giải pháp bằng cách xây một nhà tịnh thất trên miếng đất gần bên chỗ ở của người Yogi. Người này bằng lòng qua ở bên tịnh thất và từ đó mới có chỗ ẩn trú và nương dựa để dễ bề hành đạo. Cũng chính người hảo tâm ấy đã chỉ định một người nô bộc theo săn sóc người Yogi để cho y khỏi phải đi khuất thực. Không biết vị Tôn Sư Marakayar có tiên liệu trước rằng cõn thử thách dành cho người đệ tử này rốt cuộc sẽ kết thúc một cách tốt đẹp êm thắm như thế chăng...

Tôi cũng được biết rằng người tu sĩ không có đệ tử. Y không tìm kiếm cũng không thâu nhận một đệ tử nào cả. Y định tiến mau đến đích giải thoát bằng cách tu hành ẩn độn trong sự hoàn toàn cô đơn. Thái độ đó, theo quan niệm của người Âu, thì dường như ích kỷ. Tuy nhiên, thật cũng khó mà cho là ích kỷ, một người đã có lòng từ bi hỉ xả đối với một kẻ say rượu hành hung mình và không thèm trả thù đám tiểu quỷ đến hành hạ y.

Tôi đến lần thứ nhì để định phỏng vấn người tu sĩ tịnh khẩu, nhưng lần này có hai người cùng đi với tôi, một là người thông ngôn đã quen biết và người kia là Brama, người đạo sĩ bên bờ sông Adyar đã từng dạy cho tôi biết nhiều điều quý báu. Brama không thích tới lui chỗ thành thị, nhưng khi nghe tôi bày tỏ mục đích cuộc thăm viếng của tôi, liền bằng lòng đi theo tôi không chút do dự.

Gần đến hàng rào, chúng tôi gặp một người khách lạ cũng vừa xuống xe ngừng giữa đường, và đi bộ qua cánh đồng. Người này cũng muốn được vào yết kiến nhà tu sĩ. Y cho chúng tôi biết rằng y là em của bà Vương hậu xứ Gadwal, một tiểu quốc dưới sự bảo hộ của Quốc Vương xứ Hadetabad. Người này cũng cho biết y là một ân nhân che chở của người tu sĩ tịnh khẩu, và có góp phần trong việc trùng tu am thất của người Yogị Y đến Madras có việc trong vài ngày, và trước khi ra về, y muốn đến viếng thăm nhà tu sĩ và xin người ban ân huệ. Còn cái ân huệ này có giá trị bao nhiêu, thì tôi được biết qua câu chuyện sau đây do người khách lạ thuật lại.

Một bà lớn trong triều xứ Gadwal có một đứa con bị một chứng bệnh hiểm nghèo. Bà ấy nghe tiếng đồn về nhà tu sĩ tịnh khẩu. Bà không do dự, liền đi tới Madras để thỉnh cầu người tu sĩ ban ân huệ, và cứu giùm đứa con bà. Người Yogi bằng lòng và đứa nhỏ khỏi bệnh một cách mầu nhiệm. Việc này đồn thấu đến tai bà Vương hậu, bà liền đến tận nơi để cảm ơn người tu sĩ. Bà Hoàng biếu cho y một túi bạc đựng sáu trăm rupee, nhưng y từ chối không nhận. Bà Hoàng khẩn khoản mời y nhận dùm, thì y yêu cầu rằng số bạc đó đem dùng để xây một cái hàng rào chung quanh tịnh thất để cho y khỏi bị quấy rầy trong lúc tham thiền. Bà Hoàng liền làm đúng theo lời.

Người nô bộc đưa chúng tôi vào cùng một lượt, nhưng chúng tôi lại thấy người tu sĩ ngồi nhập định cũng như lần trước. Chúng tôi lẳng lặng ngồi theo vòng bán nguyệt chung quanh người tu sĩ, trông chẳng khác nào như một pho tượng oai nghi hùng dũng đặt trên một phiến đá bằng cẩm thạch. Độ một tiếng rưỡi đồng hồ sau, chúng tôi nhìn thấy những dấu hiệu đầu tiên của sự hồi sinh. Hơi thở của người trở nên dài hơn và dễ nhận thấy hơn, hai mí mắt đã thấy chớp, tròng con mắt trở lại bình thường. Những bắp thịt đã co giãn trở lại, thân mình cũng trở lại dáng điệu tự nhiên.

Trong năm phút sau, sắc diện biểu lộ trong cặp mắt chỉ rằng người tu sĩ đã trở về với cõi tục và đã ý thức được mọi sự vật ở chung quanh. Y chăm chú nhìn người thông ngôn của tôi, day đầu nhìn về phía Brama và người khách lạ, sau cùng mới day về phía tôi. Tôi liền nắm ngay lấy cơ hội, và đặt dưới chân y một cây viết và một tờ giấy. Sau một lúc do dự, y cầm lấy những vật này và viết bằng một tuồng chữ Tamoul rất đẹp:

"Hôm nọ có ai đến đây và định chụp ảnh... " Tôi đành phải thú thật. Thật ra những bức ảnh hôm đó tôi chụp đều hư hết cả, vì thiếu ánh sáng. Người tu sĩ lại viết:

"Lần sau, khi ông đến viếng các đạo sĩ đang xuất thần, xin đừng bao giờ làm phiền rộn họ như thế, vì ông có thể làm gián đoạn cơn thiền định của họ một cách phũ phàng. Đối với tôi, điều đó không quan trọng, tôi chỉ dặn ông như thế để lần sau ông có thể đến viếng những nhà đạo sĩ khác. Một sự gián đoạn như thế có thể rất hiểm nghèo đối với họ và ông sẽ bị nguyền rủa. " Quả thật tôi đã vi phạm vào một điều thiêng liêng bằng cách đột nhập vào nơi ẩn trú của người tu sĩ, và tôi bày tỏ sự hối tiếc.

Vị điện hạ của triều vua Gadwal lên tiếng kính chào và bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với người tu sĩ. Khi y đã xong, mới đến lượt tôi tiến lên và tự giới thiệu như một người ngoại quốc hâm mộ về nền Minh triết

cổ truyền của Ấn Độ. Tôi nghe nói rằng xứ Ấn Độ ngày nay vẫn còn những bậc Hiền Triết đã đạt tới mức tối thượng của pháp môn Yoga và tôi đang đi tìm các bậc ấy. Tu Sĩ có thể giúp đỡ tôi phần nào trong việc sưu tầm này chăng...

Người Yogi vẫn ngồi yên như pho tượng, vẻ mặt thản nhiên không chút cử động. Mười phút trôi qua, tôi tự hỏi không biết y có nghe tôi hỏi chăng... Hay là tôi lại sắp bị thất vọng... Có lẽ đối với y, một người Âu chỉ là một kẻ quá thiên về vật chất, không có gì phải nói nhiều. Hay là y cũng còn hận tôi về cái tật ham chụp ảnh... Và phải chăng tôi đã đòi hỏi quá nhiều khi làm cho một người tu sĩ lánh đời như thế phải ngưng cơn thiền định để thỏa mãn tánh hiếu kỳ của một kẻ vô tín ngưỡng và nặng lòng trần tục... Dầu sao, đây cũng là một sự thất vọng chua cay.

Nhưng không, đó là tôi quá tưởng tượng. Người tu sĩ cầm cây viết chì và viết vài chữ trên tờ giấy. Tôi ngã tới trước để nhận lấy trên tay y và đưa cho người thông ngôn. Người này nói:

- Tôi không hiểu, vì chữ viết rất khó đọc.

- Vũ trụ thật là đầy những sự huyền bí.

Tôi nói đỡ lời cho y đừng băn khoăn nhưng tôi thấy những lời này làm nở một nụ cười hơi chua chát trên môi người tu sĩ. Y nói:

- Nếu ông không tự biết mình, làm sao ông có thể biết được Vũ trụ...

Bây giờ, y nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi cảm thấy đằng sau cái nhìn đó có cả một thế giới tư tưởng thầm kín, đầy những bí mật được giữ gìn một cách chặt chẽ.

- Tôi cũng vẫn còn hoang mang, và lời nói của tu sĩ cũng chưa giải đáp được sự thắc mắc của tôi, đó là tất cả những gì tôi có thể nói trong lúc đó.

- Như vậy, tại sao ông cứ đi tìm quanh quẩn như con ong đi kiếm từng giọt mật, trong khi cả một khối mật ngọt vốn luôn luôn có sẵn hầu kề một bên...

Tôi lấy làm vô cùng ngạc nhiên. Một câu trả lời như thế có lẽ là đầy đủ đối với một người Á Đông, và ý nghĩa bóng gió của nó có một thi vị đáng yêu, nhưng tôi không được thỏa mãn khi tôi muốn hỏi y về sự giải đáp cho những vấn đề thắc mắc của tôi.

- Nhưng tìm ở đâu, và phải đi đến đâu bây giờ...

- Hãy tìm ở tự nơi mình. Chân Lý vốn ở tự nơi ta chứ không ở đâu xa.

- Tôi tìm ở nơi tôi và chỉ thấy có sự vô minh.

- Sự vô minh chỉ có trong tư tưởng của ông mà thôi.

- Xin lỗi Thầy, những câu trả lời của Thầy chỉ làm tăng thêm sự hoang mang của tôi mà thôi.

Người tu sĩ bật cười một cách tự nhiên về sự thành thật của tôi. Y do dự một lúc và viết trên tập giấy:

"Tư tưởng của ông đã đưa ông đến sự vô minh hiện tại. Bây giờ ông hãy quay trở về sự minh triết, tức là hãy tự biết mình. Tư tưởng con người cũng ví như một chiếc xe bò đưa người vào trong hang tối. Ông hãy quay ngược trở ra thì sẽ thấy lại ánh sáng. " Người tu sĩ thấy tôi bối rối thêm, bèn ra dấu đòi lại tập giấy, và sau khi ngừng một lúc, y viết:

- Việc gom tư tưởng đi ngược trở về nguyên bổn, đó là bí quyết của pháp môn Yogạ Bây giờ ông đã hiểu chưa...

Tôi thấy hơi rõ hơn một chút, nhưng vẫn chưa thấy một người khách vừa mới bước vào. Người này ngồi khít đằng sau lưng tôi, và tôi chỉ nhận biết được sự có mặt của y khi y nói nhỏ vào tai tôi những lời lạ lùng. Tôi đang ngẫm nghĩ về câu nói của người tu sĩ và hơi thất vọng về tính cách mập mờ khó hiểu của nó, thì tôi nghe sau lưng tôi có người nói nhỏ thì thầm một câu bí mật bằng một thứ tiếng Anh rất thạo:

- Thầy tôi sẽ nói cho ông nghe câu trả lời mà ông mong đợi.

Tôi quay đầu nhìn lại. Người mới đến là một người trạc độ bốn mươi tuổi, khoác áo màu vàng của người tu sĩ hành khất, nước da sậm như màu đồng đỏ, tác người cao lớn và vai rộng. Y có một cái mũi dài và lộ như mũi chim ưng, đôi mắt rất nhỏ dường như lúc nào cũng nhíu lên một cái cười dài bất tận. Y có vẻ như cười cợt và làm tôi khó chịu. Hơn nữa, thật là bất lịch sự mà nói chuyện riêng với người khác ở trước mặt nhà tu sĩ, nên tôi không nói chuyện với y và day mặt trở lại về phía người Yogi.

Một câu hỏi khác vừa hiện ra trong trí tôi, nhưng phải chăng nó quá táo bạo và dường như hỗn hào:

- Bạch Thầy, thế gian đau khổ đang kêu cứu. Những bậc Hiền giả như Thầy tại sao lại ẩn mình ở một nơi vắng vẻ và đành chịu mai một với đời...

Một nét chua chát hơi thoáng qua trên gương mặt thản nhiên của người tu sĩ:

- Nếu ông không tự biết mình, làm sao ông có thể tự hào biết được tôi... Thảo luận về những vấn đề tâm linh không có ích lợi bao nhiêu. Ông hãy tập luyện một cách kiên tâm bền chí, rồi ông sẽ tìm thấy sự giải đáp cho mọi vấn đề.

Tôi hỏi thêm một câu cuối cùng:

- Nhân loại đang khát khao tìm ánh sáng. Tôi cũng đang đi tìm để hy vọng chia sớt phần nào cho kẻ khác được nhờ. Vậy tôi phải làm sao...

- Khi ông thấy được Chân Lý, ông sẽ biết rằng ông sẽ làm gì để phụng sự nhân loại và chừng đó ông sẽ có không thiếu gì phương tiện. Nếu một cái hoa có chứa mật, tự nhiên con ong sẽ phân biệt được nó trong tất cả những cái hoa khác. Khi một người đã đạt được sự Minh triết và có sức mạnh tâm linh, y không cần đi tìm ai cả, những người khác sẽ tự họ đến tìm ỵ Ông hãy lo trau dồi Chân Ngã, đó là điều duy nhất cần phải làm, và không cần theo một giáo lý nào khác.

Nói đến đây, người tu sĩ ra hiệu cho biết rằng y muốn ngưng cuộc nói chuyện để trở lại cơn tham thiền. Tôi yêu cầu y ban cho tôi một ân huệ cuối cùng. Cặp mắt y dường như đắm chìm một lúc trong một cơn trầm tư mặc tưởng. Kế đó, y cầm viết chì viết trên tập giấy và trao cho tôi, trong đó y viết như sau:

"Tôi rất vui lòng vì ông đã đến đây. Ông hãy nhận lấy món quà này của tôi để kỷ niệm ngày hội ngộ hôm naỵ" Tôi chưa kịp hiểu ý nghĩa câu này, thì thình lình tôi cảm thấy một mãnh lực lạ lùng xâm chiếm lấy tôi. Cái mãnh lực ấy đi xuyên qua tủy xương sống, duỗi thẳng cái gáy và làm tôi ngẩng đầu lên. Nó làm tăng sức mạnh ý chí của tôi lên gấp trăm ngàn lần. Tôi cảm thấy một sự thúc giục bên trong nó bắt buộc tôi phải tự chinh phục lấy mình, và bắt thể xác tuân theo mệnh lệnh của ý chí để thực hiện những lý tưởng cao cả nhất. Tôi có linh cảm rằng những lý tưởng đó chỉ là những tiếng nói của Chân Ngã, và chân hạnh phúc không còn ở đâu nữa, nếu không phải là ở đó. Tôi có cảm giác một luồng từ điển vô hình từ người tu sĩ tỏa ra và được truyền thẳng vào người tôi do một phương pháp thần giao cách cảm bí mật nào đó. Phải chăng y đã dùng cách đó để cho tôi thấy một bằng chứng về cái quyền năng kỳ diệu của y...

Đôi mắt của người Yogi lại đứng tròng, và cái nhìn của đôi mắt đó lại mất hút trong cõi xa xăm nào. Toàn thân y lại cứng đờ như pho tượng sau khi y giữ lại cái thế ngồi quen thuộc như mọi khị Y đã thả tâm hồn đi xa lắc, ngoài vòng hoạt động của tư tưởng đến tận những cõi giới thâm u huyền diệu của nội tâm, mà y yêu thích hơn là cõi thế gian này. Phải chăng đây là một người Yogi chân chính... Phải chăng y đang bước vào những cuộc thám hiểm huyền bí của nội tâm, khả dĩ đem lại một vài tia sáng cho nhân loại... Biết đâu...

Khi chúng tôi bước ra ngoài, Brama, người đạo sĩ trên bờ sông Adyar, quay lại tôi và nói với một giọng bình thản:

- Người Yogi này đã đạt tới một trình độ rất cao, tuy rằng y chưa đạt đến mức tột đỉnh. Y có những quyền năng thần bí, nhưng y còn đang gắng công tu luyện để tiến đến trình độ tâm linh siêu đẳng. Y có một thể xác kiện toàn, mà tôi cho là nhờ tập luyện môn Hatha Yoga đã lâu năm, nhưng y cũng đã tiến xa trên con đường luyện tinh thần theo pháp môn Raji Yogạ Tôi biết y trước đây đã lâu.

- Từ bao giờ...

- Tôi đã thấy y nhiều năm về trước ở giữa một cánh đồng, không có mái chẹ Tôi liền nhận ra ngay rằng y là một bạn đồng môn. Y cho tôi biết, bằng cách viết trên giấy, rằng hồi còn trẻ y có nhập ngũ trong quân đội. Sau khi giải ngũ, y cảm thấy chán nản cuộc đời và lui về ở ẩn nơi thanh vắng. Chính trong lúc đó, y gặp nhà đạo sĩ trứ danh Marakayar và trở nên đệ tử của vị này.

Bận về, chúng tôi đi ngang qua cánh đồng rồi mới trở ra đường cái. Tôi không thổ lộ với ai về cái kinh nghiệm bất ngờ và khó hiểu đã xảy đến với tôi trong tịnh thất khi nãy. Tôi cần phải suy nghĩ lại về vấn đề này trong khi cái âm hưởng của nó hãy còn vang dội chưa dứt trong tâm hồn tôi.

Tôi không còn gặp lại người tu sĩ một lần nào nữa. Y không muốn cho ai đột nhập vào cuộc đời vắng lặng của y, và tôi phải tôn trọng sự mong ước đó. Tôi để cho y tiếp tục những cơn thiền định cô đơn của y, hoàn toàn cách biệt với cuộc đời trần gian tục lụy. Y không hề có ý muốn lập môn phái, hay quy tụ một nhóm môn đồ, và dường như không có tham vọng gì khác hơn là sống một cuộc đời hoàn toàn âm thầm lặng lẽ. Y không có gì để nói thêm vào những gì y đã nói với tôi, và khinh thường sự nói năng hoạt bát hùng biện, mà chúng ta vẫn đề cao như một nghệ thuật và coi như một điều quan trọng thay.

Chương 6: Nhà Lãnh Đạo Tinh Thần Miền Nam

Chúng tôi chưa ra tới đường cái để trở về Madras, thì đã có nghe có tiếng chân người theo dõi tôi ở phía sau. Tôi quay lại nhìn thì thấy người Yogi mặc áo vàng ngồi sau lưng tôi ở trong tịnh thất lúc nãy. Y vừa nhìn tôi vừa nhăn răng cười. Y có một cái cười đặc biệt, hai quai hàm xếch ngược lên tận hai mang tai, và cặp mắt nhỏ híp lại thành hai vết nhăn, hình như lúc nào cũng có vẻ đùa cợt. Tôi bèn hỏi:

- Anh muốn nói chuyện với tôi chăng...

- Thưa ông, phải. Y đáp một cách mau mắn, với một tiếng Anh rất giòn. Xin ông có thể cho tôi biết ông làm gì ở xứ này...

Sự tọc mạch của y làm cho tôi do dự, tôi bèn đáp một cách vu vơ:

- Tôi đi du lịch, chỉ có vậy thôi.

- Hình như ông có vẻ chú ý đến những tu sĩ ở xứ này, phải chăng...

- Phải, xem chơi tiêu khiển vậy thôi.

- Tôi cũng là một người Yogi, thưa ông.

Tôi nghĩ thầm sao lại có người Yogi khoẻ khoắng một cách lạ kỳ như vậy. Tôi hỏi:

- Được bao lâu rồi...

- Đã được ba năm. Trước kia tôi cũng có nhập ngũ trong quân đội Hoàng Gia suốt bảy năm.

- Thật vậy sao...

- Thưa ông, đúng vậy. Tôi đã có tòng quân theo đạo binh Ấn Độ trong trận chiến tranh Trung Đông. Sau chiến tranh, nhờ giỏi giấn và thông minh, nên tôi được thuyên chuyển sang Phòng Kế Toán quân đội.

Tôi phải mỉm cười về sự tự giới thiệu đặc biệt của y. Y nói tiếp:

- Về sau tôi xin từ chức vì một sự rối rắm trong gia đình và đã trải qua một cõn khủng khoảng tinh thần rất lớn, nó làm cho tôi bước vào con đường tu hành và trở nên một người Yogi.

Tôi đưa cho y một tấm danh thiếp và xin y cho biết quý danh. Y đáp:

- Tôi tên là Subramanya, thuộc dòng dõi Bà La Môn, giai cấp Aiyar.

- Ông Subramanya, ông hãy giải thích về lời nói thì thầm của ông bên cạnh tôi lúc nãy, ở trong am thất của nhà Tu Sĩ tịnh khẩu.

- Chính tôi cũng đợi dịp giải thích cho ông. Ông hãy đến chất vấn Tôn Sư tôi, vì Ngài là một bậc Hiền minh nhất của xứ Ấn Độ; sự minh triết của Ngài còn cao xa hơn của những người Yogi.

- Thật vậy à... Anh đã từng đi hết khắp xứ Ấn Độ hay chưa... Anh đã gặp hết tất cả những nhà đạo sĩ trứ danh hay chưa mà anh dám nói như thế...

- Tôi đã gặp nhiều vị đạo sĩ chân tu, và tôi biết rõ Ấn Độ từ mũi Comorin đến tận dãy Hi Mã Lạp Sơn.

- Sao nữa...

- Bởi vì chính Ngài đã đưa tôi đến để gặp ông. Chính quyền năng của Ngài đã làm cho ông bị thu hút đến xứ Ấn Độ.

Lời tuyên bố đại ngôn này quá sức lố lăng, nó làm cho tôi dội ngược, không thể chịu nổi. Tôi vẫn thường không thích những lời nói phóng đại khoác lác của những kẻ quá khích, và người tu sĩ áo vàng này quả thật là một tay quá khích thượng thặng. Giọng nói, cử chỉ, hình dáng và cốt cách của y biểu lộ điều ấy một cách rõ ràng.

Tôi đáp một cách lạnh lùng:

- Tôi không hiểu anh muốn nói gì...

Y càng trở nên hùng biện và nói nhiều hơn:

- Tôi được gặp Ngài cách đây tám tháng về trước. Tôi được phép sống gần Ngài trong năm tháng trường, và sau đó Ngài dạy tôi hãy tiếp tục cuộc đời khuất sĩ ta bà khắp nơi. Ông sẽ không bao giờ gặp được một người nào như Ngài. Quyền năng của Ngài cao siêu đến nỗi Ngài có thể trả lời những tư tưởng thầm kín của ông trước khi ông thốt ra lời. Ông chỉ cần ở bên cạnh Ngài một thời gian ngắn, cũng đủ thấy trình độ tâm linh cao cả của Ngài là dường nào.

- Anh có chắc rằng Ngài sẽ vui lòng đón tiếp tôi chăng...

- Chắc chắn mười phần, thưa ông. Chính do sự hướng dẫn tâm linh của Ngài, mà tôi đến gặp ông.

- Tôn Sư bây giờ ở đâu...

- Ở tại Arunchala, trên ngọn Đồi Thiêng.

- Đó là ở vùng nào vậy...

- Trong địa phận tỉnh Arcot, ở tận miền Nam. Tôi sẽ dẫn đường cho ông đi đến tận nơi. Thầy tôi sẽ giải quyết mọi sự băn khoăn và thắc mắc của ông, vì Ngài đã đạt tới một trình độ tâm linh siêu đẳng.

- Điều ấy thật là lý thú, tôi nhìn nhận một cách do dự, nhưng tôi rất tiếc là hiện giờ tôi không thể đi được. Hành trang của tôi đã sẵn sàng và tôi sẽ lên miền Đông Bắc nay mai, vì tôi có hai việc quan trọng cần phải thu xếp.

- Rất tiếc rằng chúng ta gặp nhau quá trễ. Tôi đã chuẩn bị mọi việc sẵn sàng và không thể nào thay đổi được nữa. Tôi có thể trở lại miền Nam về sau này, nhưng còn bây giờ thì không thể đi được.

Người Yogi có vẻ thất vọng rõ rệt:

- Ông để lỡ mất một cơ hội tốt, thưa ông, và...

Tôi nhận thấy nói nhiều vô ích, nên tôi đành cắt đứt ngang câu chuyện:

- Tôi phải đi ngay bây giờ. Dầu sao cũng cảm ơn anh.

- Tôi không nhận lời từ chối của ông. Y nói dai như đỉa. Chiều mai tôi sẽ đến nhà ông và tôi hy vọng rằng chừng đó ông sẽ đổi ý kiến.

Đến đây, y bèn quay lưng đi thẳng. Tôi nhìn theo cái bóng người cao lớn mạnh khỏe, khoác áo vàng đi băng qua đường lộ và lần lần mất dạng.

Khi về đến nhà, tôi bắt đầu tự hỏi phải chăng tôi đã quyết định một cách quá vội vàng... Nếu vị Tôn Sư này chỉ đúng độ nửa phần những lời ca tụng của y, thì cũng đáng cho tôi chịu một phen khó nhọc đi xuống miền Nam. Nhưng tôi đã chán những người đồ đệ quá mê tín, họ luôn luôn ca tụng Thầy họ một cách quá đáng, nhưng đến khi gặp gỡ tận mặt, thì ra đó chỉ là những người đạo hạnh tầm thường, không có gì là đặc sắc. Hơn nữa, những đêm không ngủ và những ngày nóng bức như thiêu đã làm cho thần kinh tôi bải hoải, thân thể rã rời. Bởi vậy, tôi càng lo ngại nhiều hơn lúc thường rằng chuyến đi này lại có thể là một cuộc săn vịt như những lần trước.

Tuy nhiên, sự lý luận đó vẫn không đánh tan được một sự linh cảm từ bên trong nội tâm. Một cái bản năng lạ lùng nhắc nhở cho tôi biết hình như có một cái gì chân thật ẩn dấu đằng sau sự khẩn khoản mời mọc của người khất sĩ. Điều này càng làm cho tôi lưỡng lự và bối rối.

Sau một giấc ngủ trưa vừa thức dậy, đến giờ dùng trà, bỗng có khách đến. Đó là một bạn đồng nghiệp trong giới cầm bút, nhà văn sĩ Manị Tôi được biết y do một bức thư giới thiệu của một người quen trước khi tôi đến Madras. Nhờ có bức thư giới thiệu này mà y biết địa chỉ và đến thăm tôi.

Văn sĩ Mani là một nhân viên Hội Đồng Đại Học Viện của tỉnh Madras, và là tác giả của nhiều áng văn và tiểu thuyết nói về đời sống ở thôn quệ Y là nhà văn Ấn Độ đầu tiên trong tỉnh Madras đã viết sách bằng Anh ngữ và được ban thưởng về những công trình phục vụ văn nghệ. Y viết với một thể văn tao nhã, đã từng được sự khen tặng của thi hào Tagore ở Ấn Độ và Lord Haldane ở Anh Quốc. Văn chương của y chuyên diễn tả những cảnh tượng mơ buồn của những làng mạc hoang vu tẻ lạnh.

Khi y bước vào phòng, tôi để ý nhìn dung mạo gầy gò mảnh khảnh với vẻ mặt trầm lặng, đôi mắt tinh anh và cặp kính trắng của ỵ Đó là đôi mắt của một nhà tư tưởng, một triết gia và một thi sĩ, đôi mắt ấy cũng phản chiếu những nỗi ưu sầu của những người nông dân đau khổ ở chốn đồng quê.

Trong chốc lát, chúng tôi đã nhận thấy có sự thông cảm và đồng quan niệm trên nhiều lĩnh vực. Sau khi chúng tôi bày tỏ tâm sự về nhiều vấn đề, bàn về tình hình chính trị và ca tụng những nhà văn mến chuộng của chúng tôi, tôi cảm thấy cần tiết lộ cho y biết rõ mục đích của tôi khi viếng xứ Ấn Độ. Tôi thành thật nói cho y biết ý định của tôi, tôi hỏi y về các nhà đạo sĩ chân tu ở xứ này; và nói trước cho y biết rằng tôi không cần gặp những nhà tu khổ hạnh ở bẩn hay những nhà làm trò quỷ thuật.

Y lắc đầu nói:

- Ngày nay, Ấn Độ không còn là nơi sản xuất ra những người Hiền Giả chân tu như thế nữa. Với trào lưu vật chất đang lên, sự suy tàn của nền văn minh cổ và sự xâm nhập bởi nền văn hóa không hồn của Tây phương, những bậc Hiền Triết, Thánh Sư mà anh tìm kiếm ngày nay đã biến mất, không còn nữa. Tuy nhiên, tôi tin tưởng rằng một vài người trong số đó còn đang ẩn dật ở những nơi rừng sâu núi thẳm, và trừ phi anh dành trọn đời để đi tìm các Ngài, tôi e rằng anh khó tìm ra được. Khi những người Ấn như chúng tôi muốn tìm Thầy học đạo, ngày nay họ còn phải đi phiêu lưu ta bà khắp nơi, huống chi một người Âu như anh lại càng khó hơn.

- Như vậy, theo ý anh, chắc là không có hy vọng...

- Tôi không dám nói trước, đó là một vấn đề may rủi.

Tôi hỏi thêm:

- Anh có nghe nói về một bậc danh sư hiện đang sống trên một ngọn đồi trong tỉnh Arcot...

Y lắc đầu tỏ vẻ không biết. Chúng tôi quay trở về các vấn đề văn chương. Mani cao hứng thổ lộ tâm sự của y và ca tụng một cách nồng nhiệt những lý tưởng cao siêu của nền văn hóa cổ Ấn Độ mà ngày nay không còn nữa. Y đề cập đến những lý tưởng như một đời sống đơn giản, phụng sự nhân quần xã hội, cùng phát triển tâm linh. Y muốn tảo trừ cái trào lưu vật chất sa đọa đang lên, nó hăm dọa tràn ngập hết xã hội Ấn. Nhưng điều quan trọng nhất đối với y là làm thế nào để giải thoát những vùng làng mạc thôn quê của Ấn Độ đã sắp sửa trở nên những trung tâm tuyển mộ nhân công vào những khu xóm tồi tàn chật hẹp của những thành phố kỹ nghệ Âu Châu, y nhận thấy điều đó sẽ là cái hậu quả chắc chắn của trào lưu hiện tại.

Mani cho biết rằng y sinh trưởng trong một gia đình khá giả, có tài sản ở vùng đồng quệ Y nuôi trong trí những kế hoạch cải tiến tình trạng sinh hoạt của người dân quê, và không thể quan niệm được một hạnh phúc nào ở thế gian nếu đời sống của người nông dân hãy còn lầm than khổ sở.

Tôi lẳng lặng nghe để tìm hiểu quan niệm của ỵ Sau cùng y đứng dậy ra về và tôi nhìn theo bóng y hút mất dạng ở cuối đường lộ.

Sáng ngày hôm sau, tôi ngạc nhiên mà thấy y trở lại viếng tôi một cách bất ngờ. Y hối hả đậu xe ngay trước cửa nhà, vì y sợ rằng tôi có thể đi sớm. Y vừa thở vừa nói:

- Tôi vừa nhận được một bức điện tín hồi đêm hôm cho biết rằng vị đỡ đầu cao cả của tôi sẽ ghé qua tỉnh Chingleput và sẽ ở lại đó một ngày.

Sau khi đã lấy lại được hõi thở và đã bớt mệt, y nói tiếp:

- Đức Tăng Thống Shankara ở tỉnh Kumbokonam là vị lãnh đạo tinh thần của miền nam Ấn Độ. Hằng triệu người tôn sùng Ngài như một vị thánh sống, sứ giả của Thượng Đế ở cõi trần. Ngài đã chú ý đến tôi rất nhiều và khuyến khích sự nghiệp văn chương của tôi. Lẽ tự nhiên, Ngài là người mà tôi trông cậy để dìu dắt tôi về phương diện tâm linh. Người Ấn chúng tôi xem Ngài như bậc Hiền Triết đã đạt tới một trình độ tâm linh cao cả nhất. Nhưng Ngài không phải là một người Yogị Ngài là vị Chủ Tể của Ấn Độ giáo miền Nam, một bậc chân tu mô phạm và một nhà đạo đức uyên thâm. Vì Ngài biết rõ những trào lưu đạo đức tâm linh của thời đại này, và do bởi đạo căn của Ngài, nên Ngài có thể biết được những nhà đạo sĩ Yogi chân chính. Ngài đi châu du khắp nơi từ làng này sang làng khác và từ tỉnh này sang tỉnh khác, bởi đó Ngài biết nhiều về vấn đề này. Bất cứ nơi nào Ngài đi đến, những vị tu sĩ và tăng lữ trong xứ đều đi đến chào mừng Ngài. Ngài có thể cho anh nhiều ý kiến hữu ích. Anh có muốn gặp Ngài không...

- Cảm ơn anh nhiều. Tôi rất muốn gặp Ngài. Chingleput cách đây bao xa...

- Chỉ có ba mươi lăm dặm thôi. Nhưng này...

- Chi đó...

- Tôi bắt đầu nghi ngại không biết đức Tăng Thống có chịu tiếp kiến anh không. Lẽ tự nhiên tôi sẽ hết sức cố gắng để xin Ngài cho anh được vào yết kiến. Nhưng...

- Hay là vì tôi là người Âu chăng... Tôi đỡ lời luôn hết câu cho ỵ À, tôi hiểu.

- Anh có sẵn lòng đón nhận một sự từ chối chăng... Y hỏi một cách hơi băn khoăn, e ngại.

- Tự nhiên là chịu. Thôi chúng ta đi.

Sau một bữa ăn lót dạ, chúng tôi ra xe đi đến tỉnh Chingleput. Tôi hỏi thăm ông bạn đồng nghiệp của tôi về Đại Đức Shankara, nhân vật mà tôi hy vọng được gặp trong ngày hôm đó. Tôi được biết rằng về phương diện cá nhân, Đại Đức sống rất đơn giản, nhưng trong những khi đi tuần du khắp nơi trong xứ,

trọng trách của Ngài bắt buộc Ngài phải dùng những nghi lễ oai vệ, lộng lẫy như các bậc vua chúa. Trong những khi Ngài di chuyển, thì trước sau đều có xe cộ, ngựa voi, tiền hô hậu ủng, cờ, quạt, võng, lọng tưng bừng. Dân chúng tấp nập ở nõi nào Ngài đi đến.

Họ đến để cầu xin sự giúp đỡ của Ngài về tất cả mọi phương diện, không những về phương diện tâm linh, mà cũng về mặt tinh thần, vật chất, và thậm chí đến cả sự giúp đỡ về tiền bạc. Không có ngày nào là không có những người giàu sang, quyền thế đến dâng cho Ngài những số tiền khổng lồ, nhưng vì Ngài đã phát nguyện giữ đức thanh bần, nên những số tiền đó đều được đem dùng vào những công việc từ thiện. Ngài nâng đỡ những kẻ khốn khó, trợ giúp tiền cho các trường học, tu bổ các đền thờ, kiến thiết và sửa sang hệ thống đào ao tát nước, dẫn thủy nhập điền, để trừ hạn hán trong xứ mà sông ngòi rất hiếm. Nhưng đó chỉ là những công việc phụ thuộc:

Sứ mạng chính yếu của Ngài là coi sóc hàng triệu tín đồ và giáo hóa họ về mặt đạo đức tâm linh. Bất cứ nơi nào Ngài đi đến, Ngài đều cố gắng dạy dỗ cho dân chúng biết quay về cái thuần phong mỹ tục và đạo đức cổ truyền của Ấn Độ Giáo và gây cho họ một nguồn cảm hứng sâu xa về tinh thần.

Thường khi, Ngài thuyết pháp trong đền chùa của địa phương và sau đó Ngài tiếp khách riêng từng người trong số những khách khứa thập phương đến viếng. Đại Đức là vị kế nghiệp sáu mươi sáu đời của dòng tu sĩ Shankara, mà người sáng lập đầu tiên là Đức Giáo Chủ Shankara Charya, một người Đại Hiền Triết dòng Bà La Môn, đã sống ở Ấn Độ cách đây hai ngàn năm, dường như Ngài sinh ra đời với một sứ mạng.

Vào thời kỳ đó, Ấn Độ Giáo đang hồi suy vong, mọi sinh hoạt tâm linh dường như sắp sửa điêu tàn. Năm mười tám tuổi, đức Shankara Charya chu du khắp nơi trong xứ, thảo luận về Đạo lý với các nhà bác học và các bậc Giáo sĩ. Ngài cũng giảng đạo khắp nơi và thâu phục một số tín đồ càng ngày càng đông. Trí óc thông minh tuyệt vời của Ngài làm cho các nhà bác học trong xứ phải ngạc nhiên. Không bao lâu Ngài được người đương thời kính nể và suy tôn như một bậc tiên trị Ngài có những ý kiến rộng rãi và lên án nhiều sự dị đoan, mê tín, núp bóng dưới hình thức tôn giáo.

Ngài khuyên răn người đời hãy trau dồi những đức tánh tốt và trong những lần thuyết pháp, Ngài chỉ rõ sự vô ích của một tôn giáo chỉ căn cứ trên sự lễ bái, cúng tế, mà không có sự công phu tu luyện. Ngài phá luôn cả luật lệ gia cấp bằng cách chính Ngài hành lễ đám táng của thân mẫu Ngài, điều này làm cho Ngài bị rút phép thông công và bị trục xuất ra khỏi Bà La Môn giáo, vì theo tôn giáo này chỉ có những giáo sĩ mới có quyền hành lễ trong các nghi thức:

Quan, hôn, tang, tế mà thôi. Với hành động phá giai cấp đó, Ngài đã tỏ ra xứng đáng là một người kế nghiệp của Phật Thích Ca, vì chính Đức Phật là người đầu tiên đả phá chế độ giai cấp ở Ấn Độ. Trái với các nhà giáo sĩ Bà La Môn, Ngài dạy rằng mọi người không phân biệt giai cấp hay màu da, đều có thể tham dự vào đời sống tinh thần, và học hỏi Đạo lý.

Ngài không lập nên một tôn giáo mới nào, mà chỉ dạy rằng bất cứ tôn giáo nào cũng đưa con người đến Thượng Đế, miễn là nó được thi hành một cách đứng đắn. Để chứng minh cho lập luận đó, Ngài lập nên một hệ thống triết học hoàn bị và để lại cho đời một cái di sản quý báu về tinh thần, nó vẫn còn uy tín trong những đạo viện khắp nơi trong xứ. Chính những nhà học giả uyên bác Ấn Độ cũng rất sùng mộ công trình về triết học và tâm linh của Ngài.

Đức Giáo Chủ Shankara Charya đi châu du khắp xứ Ấn Độ với chiếc áo màu già và cây gậy hành hương của nhà tu sĩ. Với một chánh sách khôn khéo, Ngài thành lập bốn đạo viện lớn ở bốn phương trời mà một ở Badrinath tại miền Bắc, và một ở Puri tại miền Đông Ấn. Đại bản dinh của Ngài gồm có một ngôi đền và một tu viện được đặt ở miền Nam, nơi đó Ngài bắt đầu đi thuyết pháp. Cho đến ngày nay, miền Nam Ấn Độ vẫn được coi là nơi Thánh Địa chính tông của Ấn Độ Giáo. Những đạo viện đó là những

trung tâm tinh thần truyền bá giáo lý của đức Giáo Chủ Shankara Charya lúc còn sanh tiền có hứa với các vị đệ tử rằng Ngài sẽ luôn luôn ở gần bên họ bằng tinh thần, và sẽ phù hộ cho những người kế nghiệp của Ngài ở chức vụ Tăng Thống. Mỗi vị Tăng Thống đều lấy tên là Shankara, và khi gần qua đời thì Ngài chỉ định một đệ tử xứng đáng nhất để kế nghiệp của Ngài, vì người đệ tử này thường được chỉ định sẵn khi còn là một thanh niên trẻ tuổi, nên y được giao phó cho các vị danh sư dạy dỗ và chuẩn bị cho y thực hành chức vụ cao cả của một vị Tăng Thống sau này.

Sự học tập của y không chỉ về mặt trí dục và đức dục mà thôi, nó còn gồm cả những giai đoạn cao đẳng của pháp môn Yoga và sự thực hành môn thiền định. Chương trình giáo dục này được tiếp theo bằng một thời kỳ hoạt động nhập thế của người thanh niên, hoàn toàn hiến dâng cuộc đời để phụng sự nhân loại. Thật là một điều kỳ lạ mà nhận thấy rằng giòng tu này được tiếp tục hành đạo trải qua nhiều thế kỷ mà từ trước đến nay không hề có một vị Tăng Thống nào làm trái với lý tưởng vị tha, giúp đời một cách tuyệt đối trong sạch cao thượng nhất.

Mani còn kể cho tôi nghe nhiều giai thoại về những quyền năng của Đại Đức Shankara thứ sáu mươi sáu. Trong những câu chuyện đó, có sự chữa bệnh cho một người thân nhân, bị bệnh kinh niên:

Đại Đức Shankara dùng tay truyền điện, trong khoảng không đầy ba giờ, đã làm cho bệnh nhân ngồi dậy được, và sau đó ít lâu, Ngài chữa cho y hoàn toàn hết bệnh. Người ta cũng nói rằng Ngài đọc được tư tưởng của người khác.

Chúng tôi đi vào thành phố Chingleput do một con đường hai bên đường trồng cây dừa và đi qua một hệ thống chằng chịt những đường nhỏ hẹp, giữa những nhà quét vôi trắng, nóc đỏ. Trung tâm thành phố náo nhiệt và đông người. Tôi được đưa vào một nhà kia, nơi đó có cả một nhóm thư ký đang bận rộn mở những bức thư chất thành đống được chuyển cho Đại Đức sau khi Ngài xuất hành từ thị trấn Kumbakonam và đi tuần du khắp nơi. Tôi chờ đợi trong một hành lang trong khi Mani nhắn một người thư ký trở ra nói rằng Đại Đức không thể tiếp khách người Âu. Hơn nữa, đã có hai trăm người xin được gặp Ngài, trong số đó, đã có nhiều người xin ngủ lại từ đêm trước để chắc được Ngài tiếp kiến. Người thư ký xin lỗi không ngừng. Tôi chấp nhận việc ấy một cách bình tĩnh nhưng Mani nhất định không chịu thua:

Y cho biết y sẽ cậy ở tình quen biết cố cựu với Đại Đức để xin cho tôi được vào yết kiến. Trong đám đông có những người khác, tuy thế, y dùng sự khéo léo ngoại giao để lọt vào trước và một lúc sau y trở ra với một nụ cười đắc thắng:

Đại Đức sẽ đặc cách ban một ngoại lệ cho anh và sẽ tiếp anh trong một giờ.

Trong khi chờ đợi, tôi dùng thời giờ để đi bách bộ chơi dọc theo những con đường nhỏ rất ngoạn mục đưa đến ngôi đền lớn. Tôi gặp một vài người đầy tớ đang dắt một đàn voi xám và lạc đà đi uống nước. Có người chỉ cho tôi thấy con voi tuyệt đẹp của Đại Đức Shankara, vẫn thường chở Ngài đi tuần du khắp nõi. Ngài dùng nghi vệ xứng đáng với bậc vua chúa. Cái ngai trên lưng voi vàng son lòe loẹt, lót nệm gấm, thêu chỉ vàng coi rất lộng lẫy.

Tôi nhìn theo con voi tiến bước một cách chậm chạp và oai vệ, dường như nó cũng ý thức được cái địa vị cao sang của chủ nó.

Tôi nhớ lại rằng theo phong tục Ấn Độ, khi đến viếng thăm một nhân vật đạo đức chân tu, người ta thường mang theo hoa quả bánh trái làm lễ vật ra mắt. Tôi định đi mua quà biếu, nhưng ở quanh vùng chỉ tìm thấy có hai món, là bông hoa và cam, tôi bèn mua luôn cả hai thứ đem về.

Trong đám đông người chen chúc nhau ngoài cửa ngõ nhà Đại Đức, tôi lại quên cả một phong tục khác, là cởi giày trước khi vào nhà. Mani mau mắn nhắc tôi. Tôi bèn cởi giày bỏ ngoài đường, hy vọng rằng đôi

giày sẽ còn nguyên ở chỗ cũ khi tôi ra về.

Chúng tôi đi qua một dãy hành lang và bước vào một gian phòng lớn. Ở cuối phòng, trong một góc thiếu ánh sáng, tôi nhận thấy có một người đứng khuất trong bóng tối. Tôi bước đến gần, đặt mâm lễ vật mọn của tôi một bên, và cúi rạp mình làm lễ. Tôi nhận thấy cái nghi lễ giản dị này có một tính cách lịch sự mà tôi rất thích, ngoài ra sự cần thiết của nó để bày tỏ lòng tôn kính.

Tôi biết rằng Đại Đức Shankara không phải là một vị Giáo Hoàng, vì bên Ấn Độ không có một chức sắc như thế, nhưng Ngài là một vị Giáo Chủ và lãnh đạo tinh thần của một số con chiên và tín đồ rất đông đảo. Toàn thể dân chúng Ấn Độ miền Nam đều kính cẩn nghiêng mình dưới sự bảo hộ của Ngài.

Tôi im lặng nhìn Đức Tăng Thống. Ngài tác người hơi thấp, khoác bộ áo màu vàng sậm của vị tăng lữ xuất gia, và chống gậy tu sĩ. Tôi được biết rằng Ngài mới trên bốn mươi tuổi, nhưng tôi ngạc nhiên mà thấy tóc Ngài đã điểm bạc.

Ngài có một tác phong cao quý, vẻ mặt khiêm tốn, dịu dàng, đôi mắt lớn đen như huyền trông rất đẹp và có vẻ yên tịnh khác thường. Mũi ngắn, thẳng và đều đặn, một bộ râu đen hơn ngắn phủ ở trên cằm, đôi môi khép chặt và nghiêm chỉnh. Gương mặt Ngài giống như của một vị Thánh Gia Tô thời Trung Cổ. Người Tây phương có thể cho rằng cặp mắt đen của Ngài có vẻ quá mơ mộng, nhưng tôi cảm thấy, bằng một cách khó giải thích, rằng ở đằng sau đôi mí mắt đó còn có những cái gì khác hơn là những giấc mơ.

Tôi nói để mở lời vào đề:

- Đại Đức đã quá hạ cố mà tiếp tôi. Thật rất hân hạnh...

Đại Đức Shankara quay lại ông bạn tôi và nói ít lời bằng tiếng bổn xứ nhưng tôi có thể đoán được ý nghĩa. Bạn tôi nói lại với tôi:

- Đại Đức hiểu tiếng Anh nhưng Ngài không nói được, và muốn tôi dịch lại những câu trả lời của Ngài.

Tôi nói qua về những kinh nghiệm đầu tiên của tôi ở xứ này. Ngài muốn biết những cảm tưởng của một người ngoại quốc về người và vật của xứ Ấn Độ. Câu chuyện kéo dài và tôi ngạc nhiên mà được biết rằng Đức Tăng Thống đọc thường xuyên những báo chí của Anh Quốc và biết rõ mọi sự xảy ra hàng ngày ở thế gian này. Tôi sực nhớ Đại Đức Shankara có tiếng là một nhà tiên trị Tôi bèn hỏi ý kiến Ngài về tương lai của Trái Đất.

- Xin Đại Đức cho biết trong tương lai, thời cuộc thế giới có khả quan hơn bây giờ không...

- Tôi không thấy có sự thay đổi trong một ngày gần đây. Đó là một vấn đề thời gian. Làm sao mà có sự thay đổi tình hình trong khi mà các nước đều đua nhau võ trang bằng vũ khí tối tân giết người...

- Người ta từng nói nhiều về vấn đề tài binh. Đại Đức nghĩ sao về vấn đề này...

- Dầu các anh có tháo gỡ những chiến hạm và đem quăng những cỗ đại bác vào đống sắt vụn, điều đó cũng không ngăn cản được chiến tranh. Những dân tộc các anh sẽ đánh nhau bằng gậy gộc nếu họ không còn súng ống để võ trang.

- Bây giờ phải làm sao...

- Điều cần phải thay đổi, chính là cái tinh thần bên trong. Chỉ có hòa hợp tinh thần giữa các nước và mọi giai cấp xã hội, mới gây cho nhau lòng tin tưởng, và tái lập hòa bình, cùng sự thịnh vượng chung.

- Điều đó chắc là còn lâu lắm. Như vậy phải chăng hiện nay chúng ta rất ít có hy vọng...

Đức Tăng Thống chống một tay lên gậy và nói:

- Còn có Thượng Đế.

- Nếu có Thượng Đế thì dường như Ngài ở xa lắm. Tôi bạo gan phản đối.

Đại Đức nói với một giọng dịu dàng:

- Thượng Đế chỉ có một tình thương đối với nhân loại.

Tôi không cưỡng lại được một sự mai mỉa cai đắng nó dâng lên cõi lòng tôi khi tôi thốt ra những lời này:

- Cứ xét qua bao nhiêu sự lầm than đau khổ trên thế gian hiện nay thì Thượng Đế chỉ có một sự dửng dưng đối với nhân loại.

Đức Tăng Thống nhìn tôi một cách lạ lùng. Ngay tức khắc tôi liền thấy hối tiếc về những lời nói vội vàng của tôi.

- Với một ít kiên nhẫn, anh sẽ nhìn thấy xa hơn. Thượng Đế sẽ an bày mọi sự một cách êm thấm vào ngày giờ mà Ngài chọn lựa. Những sự tranh chấp náo loạn giữa các quốc gia, sự đồi trụy tinh thần của dân chúng và sự lầm than đau khổ của hàng triệu người sẽ đưa đến một sự phản ứng, và chừng đó sẽ có một bậc vĩ nhân lãnh sứ mệnh thiêng liêng xuất hiện để cứu độ thế gian. Như thế, nghĩa là mỗi thế kỷ đều có một đấng cứu thế. Điều này đúng như một định luật vật lý học. Thế gian càng vô minh đau khổ đồi trụy bao nhiêu, thì bậc vĩ nhân xuất hiện để cứu độ đời càng cao cả bấy nhiêu.

- Như vậy, Đại Đức nghĩ rằng một vị cứu thế cũng sẽ xuất hiện vào thời buổi hiện tại chăng...

- Vào thế kỷ hiện tại, Ngài sửa lại câu nói của tôi. Lẽ tất nhiên là như vậy. Sự nhu cầu của thế gian rất cấp bách, và sự vô minh ám muội của người đời rất dày đặc, đến nỗi một bậc vĩ nhân sứ giả của Thượng Đế chắc chắn sẽ xuất hiện.

Tôi hỏi:

- Phải chăng Đại Đức nghĩ rằng con người càng ngày càng trở nên sa đọa hơn trước...

- Không, tôi không nghĩ thế. Ngài đáp một cách khoan dung. Một linh hồn cao cả thiêng liêng ngự trong con người và rốt cuộc sẽ kéo y quay trở về Thượng Đế.

- Nhưng ở những thành phố Tây phương của chúng tôi, có những kẻ bất lương hành động chẳng khác nào như có quỷ vương ngự trong lòng của họ. Tôi đáp và nghĩ đến những tay đại bợm, ăn cướp một cách khoa học của thời đại này.

- Chúng ta đừng nên trách người, mà hãy trách những hoàn cảnh xã hội đã đào tạo ra họ. Chính hoàn cảnh chung quanh ở ngoài xã hội đưa đẩy họ vào con đường tội lỗi, dầu ở Đông phương hay Tây phương cũng vậy. Xã hội phải được cải tiến đến một trình độ cao hơn. Chủ nghĩa vật chất phải được thay thế bằng những hoài bão tinh thần và lý tưởng tâm linh. Không có phương thuốc nào mầu nhiệm hơn nữa để chữa cơn bệnh trạng của nhân loại. Những sự khó khăn đau khổ của các quốc gia trên thế giới hiện nay thật ra là những cơn hấp hối nó sẽ đưa đến sự thay đổi nói trên, cũng chẳng khác nào như sự thất bại thường là một bài học hay, nó chỉ cho chúng ta thấy sự lỗi lầm và hãy đổi qua con đường khác.

- Phải chăng Đại Đức muốn cho mọi người đều áp dụng những lý tưởng tâm linh vào công việc xử thế của họ...

- Đúng vậy, điều đó không phải khó làm, bởi vì đó là phương tiện duy nhất để đem lại những kết quả lâu bền mà cứu cánh là sẽ làm thỏa mãn tất cả mọi người. Chúng ta chỉ còn thiếu những người đã giác ngộ tâm linh và sẵn sàng đi truyền bá ánh sáng chân lý. Xứ Ấn Độ có những người ấy và đó là cái vinh hạnh của nó, ở đây, những bậc Hiền Giả được kính trọng biệt đãi, tuy rằng không được như ngày xưa. Nếu tất cả thế giới đều làm giống như thế và tuân theo sự dìu dắt của những người đã có sự giác ngộ tâm linh, thì chừng đó nhân loại sẽ được sống trong hòa bình và thịnh vượng.

Câu chuyện kéo dài, tôi nhận thấy rằng Đại Đức Shankara không chê bai chỉ trích phương Tây để rồi đề cao và tán tụng phương Đông như nhiều người Ấn Độ khác. Ngài nhìn nhận rằng mỗi phương bán cầu đều có những đức tính và khuyết điểm riêng, và như thế, cả hai phương Đông và Tây đều xấp xỉ bằng nhau. Ngài hy vọng rằng một thế hệ khôn ngoan hơn sẽ hòa hợp những ưu điểm của hai nền văn minh Âu Á để tổ chức một cơ cấu xã hội quân bình tốt đẹp và cao thượng hơn.

Tôi qua vấn đề khác và xin phép hỏi Ngài một vài câu hỏi có tính cách cá nhân. Ngài bằng lòng ngay không chút do dự.

- Đại Đức giữ chức vụ này đã được bao lâu...

- Từ năm 1907. Hồi đó tôi có mười hai tuổi. Bốn năm sau khi tôi được chỉ định, tôi lui về ở tại một làng trên bờ sông Cauvery để học tập và tham thiền quán tưởng trong ba năm. Sau đó, tôi mới bắt đầu ra làm việc công ích.

- Hình như Đại Đức ít khi lưu ngụ tại tổng hành dinh ở Kumbakonam...

- Lý do là vào năm 1918, tôi được Quốc Vương xứ Nepal mời tôi đến làm thượng khách của Ngài trong một thời gian. Tôi nhận lời và từ đó tôi vẫn đi từ từ lên miền Bắc để đến Nepal. Nhưng trong những năm đó, tôi không đi xa hơn vài trăm dặm đường, bởi vì truyền thống của chức vụ tôi bắt buộc tôi phải lưu gót ở lại mỗi làng và mỗi thành phố mà tôi đi ngang qua trên lộ trình của tôi, hoặc ở mỗi thị trấn nào mời tôi ghé qua, nếu không cách xa lắm. Tôi phải thuyết pháp ở tại ngôi đền chùa của mỗi địa phương, và phủ dụ dân chúng ở quanh vùng.

Tôi mới nói qua vấn đề tìm Đạo và đức Tăng Thống hỏi tôi về những người đạo sĩ mà tôi đã gặp ở dọc đường. Tôi không giấu diếm gì cả:

- Tôi muốn gặp một người đạo pháp khá cao để có thể cho tôi thấy một vài bằng chứng về đời sống tâm linh. Nhiều nhà tu sĩ ở đây, khi người ta yêu cầu họ chứng minh một cách cụ thể những điều họ nói, thì họ không làm gì khác hơn là tuôn ra một tràng lý thuyết nghe như suối chảy! Hay là tôi đòi hỏi một điều quá đáng chăng...

Đức Tăng Thống vuốt chòm râu ngắn của Ngài và nói:

- Nếu anh muốn nhập môn vào khoa Yoga thượng đẳng, anh không có đòi hỏi quá đáng. Tấm lòng chân thành sẽ giúp đỡ anh, vì tôi cảm thấy anh có một ý chí rất mạnh. Ánh sáng bắt đầu chớm nở nơi anh và sẽ dìu dắt anh đến ngay mục đích.

- Tôi phải làm gì bây giờ...

Đức Tăng Thống đáp:

- Anh hãy tiếp tục công việc tìm kiếm của anh. Xong rồi, anh hãy tưởng đến những nhà đạo sĩ Yogi và những tu sĩ thánh đức mà anh đã gặp. Anh hãy chọn lựa người nào mà anh thấy thích hợp nhất, rồi người đó sẽ dìu dắt anh bước vào cửa đạo diệu huyền.

- Nhưng thưa Đại Đức, nếu tôi không thấy thích hợp với một người nào, thì chừng đó tôi phải làm sao...

- Nếu như thế anh hãy tự tu tiến lấy một mình cho đến khi Thượng Đế giúp nguồn cảm hứng cho anh. Anh hãy tập tham thiền đều đặn, quán tưởng những điều thanh cao và nuôi dưỡng tình bác ái trong lòng, hãy luôn luôn nghĩ đến đời sống tâm linh và sự tiến hóa của linh hồn, cùng những phương tiện dẫn dắt cho con người được tiến hóa mau trên đường Đạo. Thời giờ tốt nhất cho sự tham thiền là buổi sớm mai và buổi chiều. Những giờ đó cảnh vật thiên nhiên đều đắm chìm trong yên lặng, và giúp cho sự tham thiền được dễ dàng hơn.

Lời nói thành thật và tốt bụng của Ngài làm cho tôi cảm động. Tôi đâm ra ao ước sự an tịnh hoàn toàn trên gương mặt Ngài. Không, quả tim này không bao giờ biết những sự thắc mắc băn khoăn nó dầy vò quả tim tôi. Tuân theo một sự thúc giục bên trong nó mạnh hơn ý chí của tôi, tôi hỏi Ngài:

- Nếu tôi không tìm được ai, tôi có thể xin Ngài giúp đỡ được chăng...

Đức Shankara lắc đầu một cách nhẹ nhàng:

- Tôi đứng đầu một cơ quan tinh thần, và thời giờ không phải là của tôi. Nó là của chung cho mọi người. Tôi chỉ ngủ có ba tiếng đồng hồ mỗi đêm từ nhiều năm naỵ Làm sao thâu nhận đệ tử trong những điều kiện đó... Anh hãy tìm một vị đạo sư có thể dành nhiều thì giờ cho anh.

- Tôi nghe nói rằng những vị danh sư rất hiếm, và một người Âu ít có khi may mắn được gặp.

- Thật vậy. Nhưng nếu người ta cố công tìm, ắt có ngày sẽ gặp.

- Đại Đức có thể chỉ dùm cho tôi tìm được chăng...

- Cũng được, nếu anh muốn. Tôi chỉ biết có hai vị danh sư có thể làm cho anh được như ý nguyện. Một vị hiện đang sống ẩn dật tại Bénarès, nhưng ít người có may mắn được ông ta tiếp kiến, đừng nói chi một người Âu lại càng khó hơn. Tôi có thể giới thiệu anh, nhưng tôi sợ Ông ta từ chối.

- Còn vị thứ hai...

- Người kia ở tận dưới miền Nam, đi sâu vào nội địa. Tôi chỉ gặp ông ta có một lần, nhưng tôi biết ngay đó là một bậc danh sự Ông ta ở tại Arunachala, trên ngọn đồi thiêng, trong địa phận Arcot. Người ta thường gọi Ngài là đức Maharichi (tiếng Phạn, có nghĩa là bậc Đại Sư, hay Đại Hiền). Anh muốn biết thêm nữa không...

Những lời nói đó như đem đến cho tôi một tia sáng. Tôi sực nhớ lại người khất sĩ mặc áo vàng đã khẩn khoản mời mọc tôi đến viếng thầy ỵ Tôi không nghe lầm; chính y cũng nói đến ngọn đồi thiêng.

- Cảm ơn Đại Đức! Tôi hiện có một người để dẫn đường đến nơi đạo viện của Ngài.

- Như vậy anh sẽ đi chăng...

Tôi còn do dự:

- Tôi đã sắp đặt tất cả mọi việc để đi miền Bắc.

- Nếu vậy, tôi có một lời yêu cầu anh. Anh hãy hứa với tôi là anh sẽ không rời khỏi Ấn Độ trước khi gặp đức Maharichi.

Cặp mắt Ngài biểu lộ sự thành thật rõ rệt, làm cho tôi hứa ngay không do dự. Một nụ cười đầy hảo ý

hiện trên gương mặt Ngài.

- Như vậy anh đừng băn khoăn gì nữa. Điều mà anh đi tìm, anh đã gặp rồi đó.

Lúc ấy, tôi nghe phía ngoài có tiếng ồn ào của đám đông người đã chờ đợi từ lâu. Tôi bèn kiếu từ:

- Tôi e rằng đã quá lạm dụng thời giờ của Đại Đức. Xin kính chào Ngài.

Nhưng đức Tăng Thống rất vui vẻ. Ngài tiễn đưa tôi đến tận hành lang và quay lại nói nhỏ điều gì bên tai người bạn tôi. Tôi chợt nghe thoảng có tên tôi trong đó. Ra đến cửa tôi quay lại chào Ngài một lần cuối cùng. Đức Tăng Thống dặn với tôi một câu:

- Anh hãy nhớ đến tôi luôn luôn, và tôi cũng sẽ không quên anh.

Với những lời bí hiểm đó, tôi từ giã Ngài mà lòng còn luyến tiếc một người đã hiến dâng trọn cuộc đời cho đấng thiêng liêng. Một người không màng đến danh vọng quyền thế ở đời này, và đã từ bỏ mọi sự Ở trần gian để phụng sự nhân loại. Những gì người đời đem dâng cho Ngài, Ngài đều đem bố thí tất cả. Một người hiền giả như thế chắc không khi nào xóa mờ trong ký ức của tôi.

Tôi còn ngao du suốt ngày trong thành phố Chingleput, mà vẻ cổ kính làm cho tôi ưa thích, và còn chiêm ngưỡng đức Tăng Thống một lần cuối cùng trước khi về nhà. Tôi gặp Ngài trong ngôi đền lớn, lúc Ngài đang thuyết pháp trước một cử tọa đông đảo gồm cả nam phụ lão ấu. Giọng nói của Ngài vang rền giữa một sự im lặng hoàn toàn, mặc dầu tôi không hiểu nghĩa, tôi cũng thấy rằng tất cả mọi người đều chăm chú nghe với hết cả tâm hồn, từ nhà bác học Bà La Môn đến người nông phu thất học. Nhờ biết rõ về tâm tính của Ngài, tôi đoán rằng Ngài trình bày những chân lý sâu xa bằng những lời nói rất giản dị, mặc dầu tôi kính phục cái tâm hồn cao quý của Ngài nhưng tôi lại đâm ra thèm muốn cái đức tin đơn giản của những người ngồi nghe Ngài thuyết pháp. Họ không hề biết những nỗi dày vò thắc mắc của sự hoài nghi:

Họ tin và chỉ có thế thôi. Họ không hề biết sự thất vọng não nề cay đắng của một người nhìn thấy thế gian như một trường cạnh tranh xô xát phủ phàng, Thượng Đế chỉ là một điều không tưởng hư vô, và đời người chỉ là một trò ngẫu nhiên tình cờ thoáng qua trong một cái vũ trụ khô khan, không mục đích.

Chúng tôi từ giã Chingleput dưới một vòm trời xanh biếc. Một cơn gió mát đưa những ngọn lá dừa dọc hai bên đường lộ, nghe xào xạc trên đỉnh đầu chúng tôi. Người bạn tôi phá cái im lặng đó trước nhất. Y có vẻ rất hài lòng và nói:

- Anh có thể tự hào là tốt số! Đây là lần đầu tiên mà đức Tăng Thống tiếp kiến một văn sĩ người Âu.

- Thật vậy sao...

- Và từ nay ân huệ của Ngài sẽ theo anh mãi mãi.

Khi tôi về đến nhà, đã gần nửa đêm. Lúc ấy, sao mọc đầy trời, một cảnh tượng mà tôi chưa hề thấy ở góc trời Âu. Khi tôi vừa bước lên hàng ba trước cửa nhà, thì một người từ trong bóng tối hiện ra. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Subramanya, anh làm gì ở đây... Người khất sĩ áo vàng lại nhăn mặt cười một cái cười đặc biệt mà từ nay tôi đã quen mắt.

- Phải chăng tôi đã hứa sẽ gặp lại ông đêm nay...

Trong câu hỏi của y có đượm một vẻ trách móc. Nhưng tôi liền dịu giọng:

- Thầy của anh là đức Maharichi phải không...

- Sao ông biết, ai nói với ông như vậy...

- Điều đó anh không cần biết. Nhưng tôi đã đổi ý kiến. Chúng ta lên đường sáng ngày mai.

- À! Đó là một tin rất vui cho tôi.

- Được! Nhưng tôi chỉ có thể đến viếng thăm đạo viện trong vài ngày thôi, chớ không thể ở lâu...

Đêm đó người khất sĩ nghỉ tại nhà tôi để chờ ngày mai cùng lên đường. Cũng trong đêm ấy có xảy ra một chuyện lạ. Tôi đã ngủ mê được một lúc, thình lình tôi tỉnh giấc; đồng hồ dạ quang chỉ đúng ba giờ mười lăm phút. Chung quanh trời tối đen như mực. Tôi cảm thấy thần kinh bị căng thẳng đến tột độ, dường như có một luồng điện chạy trong bầu không khí chung quanh. Chính trong lúc đó, cặp mắt hé mở, tôi nhìn thấy có một vệt sáng ở dưới chân giýờng. Tôi giật mình ngồi chồm dậy để xem cho rõ. Trước hết tôi nhìn thấy cặp mắt của đức Tăng Thống Shri Shankara, gương mặt và toàn thân của Ngài hiện ra, đó không phải là một ảo ảnh, vì tôi đã hoàn toàn thức giấc.

Tôi nhìn thấy Ngài, không phải như một cái bóng ẩn hiện chập chờn, nhưng là một người thật, bằng xương bằng thịt. Gương mặt Ngài hiện ra trong một vòng hào quang huyền bí như mờ như tỏ, chính cái hào quang đó nó cho tôi cái cảm giác một vật sáng sáng ở dưới chân giường lúc nãy. Thật là kỳ lạ! Không thể có như vậy được! Vì tôi vừa từ giã đức Tăng Thống ở tỉnh Chingleput hồi sớm mai này! Tôi thử nhắm mắt lại. Hình ảnh đức Shri Shankara vẫn còn đó, rõ ràng như khi nãy!

Ngài hiện hình ra với sự hiện diện của một người bạn lành và che chở. Tôi lại mở mắt ra:

Thì thấy gương mặt của Ngài hình như cử động, đôi môi mỉm cười và mấp máy hình như nói với tôi rằng:

"Người hãy khiêm tốn, rồi người sẽ gặp!" Những lời này tôi chỉ nghe tự trong tâm giới vọng ra nhưng tôi chắc chắn rằng đó không phải là một ảo ảnh, mà có một người đứng ở trước mặt và nói chuyện với tôi. Kế đó, cái hình ảnh biến đi một cách bí mật cũng như nó đã hiện ra. Nó để lại cho tôi một niềm an vui hạnh phúc mà không có gì có thể làm mất đi được. Cái hình ảnh đó hiện ra, có ý nghĩa gì... Tôi tự hỏi như thế nhưng không tìm thấy sự giải đáp.

Còn cố nằm ngủ lại đêm ấy, thì nó không thành vấn đề. Tôi thức luôn tới sáng, và hồi tưởng lại cuộc gặp gỡ với đức Tăng Thống Shri Shankara ở tỉnh Kumbokanam, vị đại diện cho đấng Chí Tôn đối với những dân tộc miền Nam Ấn Độ.

Chương 7: Ngọn Đồi Thiêng

Madras của Sở Nam Ấn Hỏa Xa, Subramanya và tôi đổi qua chuyến xe lửa khác trên đường thiết lộ đi Tích Lan. Xe chạy trong nhiều giờ qua những vùng đồi núi và đồng ruộng, phong cảnh thay đổi liền liền. Những ruộng lúa màu xanh lá mạ tiếp theo những ngọn đồi đất đỏ ở chân trời, những vườn dừa cao vút và che bóng mát rượi lại nối theo sau những cánh đồng xanh tươi với những người nông phu đang cấy lúa gieo mạ.

Ngồi trên toa xe nhìn ra cửa sổ, bóng hoàng hôn qua mau phút chốc đã làm cho cảnh vật mờ dần và đắm chìm trong bóng tối. Tôi ngẫm nghĩ về những sự việc lạ lùng đã xảy ra từ khi tôi đeo chiếc nhẫn vàng mà Brama đã tặng cho tôi. Tất cả những chương trình của tôi đều bị đảo lộn. Sự phối hợp ngẫu nhiên của những hoàn cảnh bất ngờ đã thúc đẩy tôi đi xuống miền Nam. Thay vì đi lên miền Đông Bắc như tôi đã dự định. Tôi tự hỏi rằng phải chăng viên ngọc thạch trên chiếc nhẫn có cái quyền năng kỳ bí mà người đạo sĩ đã tin là có thật... Mặc dù tôi cố gắng giữ một thái độ cởi mở, nhưng đối với một người Âu có tinh thần khoa học thì thật khó mà chấp nhận điều đó. Tôi bèn gạt bỏ cái giả thuyết ấy, nhưng tôi vẫn không thể nào dẹp tan sự lưỡng lự phân vân nó lởn vởn trong đầu óc của tôi. Có một cái gì lạnh lùng bí ẩn nó dìu dắt những bước chân của tôi đi đến thâm sơn cùng cốc này. Hai người tu sĩ áo vàng kia phải chăng là những khí cụ của định mệnh để hướng dẫn tôi đến nơi đạo viện của đức Maharichi...

Tôi dùng chữ định mệnh không phải theo cái ý nghĩa thông thường, nhưng tôi không tìm thấy được chữ nào khác. Có ai ngờ rằng đôi khi những sự việc nhỏ nhặt hình như vô nghĩa lại có thể đóng một vai trò quan trọng trong đời của một người...

Khi đoàn xe lửa đến một nhà ga cách thành phố Pondichéry độ bốn mươi dặm, tôi và người khất sĩ cùng xuống và đón chuyến xe lửa khác để đi sâu vào nội địa. Đến một nhà ga nhỏ ở đồng quê, thì trời vừa hừng sáng. Cách đó vài dặm, một ngọn núi nhô lên ở tận chân trời, chân núi rất hùng vĩ, ngọn núi hãy còn khuất dạng trong sương mù ban mai.

Lần theo những tiếng ngáy rất lớn phát ra từ một góc bên cạnh nhà ga, người khất sĩ đưa đường tìm ra được một người đánh xe còn ngủ mê trên một cỗ xe bò nhỏ. Người khất sĩ bèn đánh thức y dậy và cho y biết rằng chúng tôi muốn đi đến đạo viện của đức Maharichi̥ Điều này dường như kích thích sự sốt sắng của người phu xe, nhưng tôi nhìn một cách ngần ngại cỗ xe nhỏ hẹp và mảnh khảnh làm bằng tre đặt trên hai bánh. Tuy nhiên chúng tôi cũng lên xe ngồi trong khi người phu xe chất hành lý ở phía sau. Người khất sĩ cố thu hình vào một gốc để choán thật ít chỗ và nhường chỗ rộng hơn cho tôi, còn người phu xe ngồi phía đằng trước, ở giữa hai con bò, cằm y tựa trên hai đầu gối. Khi mọi người đã ngồi xong một cách tạm yên như thế, thì chiếc xe bắt đầu lăn bánh.

Cỗ xe không đi mau được bao nhiêu mặc dầu những cố gắng của hai con bò trắng mập mạp to lớn. Ở xứ này, loài bò lại hữu ích hơn ngựa ít nhất là để kéo xe, vì chúng chịu đựng dẻo dai hơn và nuôi ít tốn kém hơn. Đời sống ở tỉnh nhỏ và ở thôn quê trong vùng nội địa vẫn trầm trệ, không có tiến bộ nào từ nhiều thế kỷ. Cỗ xe bò này vẫn là loại xe đã từng chở hành khách ở Ấn Độ cách đây trên hai ngàn năm. Người đánh xe với gương mặt rám nắng rất hãnh diện với cặp bò của y̥ Những cặp sừng dài của chúng đều có nạm đồ trang sức bằng vàng, những chuông lục lạc bằng đồng cột vào bốn chân của chúng phát ra một tiếng reo nghe rất vui tai.

Phong cảnh chung quanh rất ngoạn mục, với những đồi núi nối tiếp nhau ở tận chân trời. Đất màu đỏ, rải rác đó đây những bụi cây rậm rạp và ở hai bên đường là ruộng lúa xanh tươi một màu lá mạ. Một người

nông phu với vẻ mặt gân guốc, đen xạm, bước chân ra đồng làm việc. Một cô thôn nữ Ấn, một tay vịn một bình nước bằng đồng mà cô đội trên đầu, đi qua một cách dịu dàng, lả lướt. Cô ấy mặc một chiếc Sari bằng vải màu đỏ sậm, quấn chung quanh mình vai để trần, lỗ mũi có gắn một viên ngọc đỏ, cổ tay đeo một cặp neo vàng chiếu lóng lánh dưới ánh nắng mặt trời.

Các cô gái Ấn miền Nam nước da sậm, vui vẻ hồn nhiên hơn và thích nói chuyện hơn các thiếu nữ miền Bắc, và giọng nói các cô nghe êm tai hơn. Cái nhìn ngạc nhiên của cô thôn nữ làm cho tôi nghĩ rằng sự hiện diện của một người Âu chắc không phải là một việc thông thường ở chốn đồng quê hẻo lánh này.

Cỗ xe chở chúng tôi đã vào thành phố. Thành phố này có vẻ thịnh vượng, với một ngôi đền cổ rất lớn mà những mặt tiền chạy dọc theo nhiều đường lộ. Chúng tôi đi qua một cổng lớn trước đền. Tôi bảo ngừng xe một lúc và bước xuống để xem phía trong đền. Ngôi đền này có một kiểu kiến trúc vừa vĩ đại vừa uy nghiêm. Phía trong đền làm thành một hình bốn góc tầm nhỡn quang của du khách có cái cảm giác như lạc bước vào một nơi bát trận đồ không có ngõ ra. Bốn vách tường rào bên ngoài đã từng chịu đựng sự dãi dầu của thời gian, nung nấu dưới ánh nắng như thêu đốt của mặt trời vùng nhiệt đới.

Đền có bốn cổng lớn, phía trên mỗi cổng đền đều có một ngọn tháp nhô lên với thiên hình vạn trạng những hình tượng điêu khắc tiêu biểu những vị Thần. Phía trong đền có những nơi Tịnh Xá, những dãy hành lang với rất nhiều cột bằng đá chạm trỗ tinh vi, và chung quanh là những chỗ điện thờ tối tăm, thờ rất nhiều hình tượng các vị Thần của Bà La Môn giáo.

Hai con bò lại tiếp tục kéo cỗ xe một cách nhẫn nại, vô tư và một lần nữa lại chở chúng tôi ra vùng đồng quệ Sau khi đã vượt qua sáu dặm đường, cỗ xe đến gần ngọn núi mà tôi đã nhìn thấy từ nhà gạ Sương mù đã tan dần, ngọn núi gồm đất đỏ và đá mầu nâu đứng cô lập một mình giữa ánh sáng trong vắt của buổi sớm mai.

Người khất sĩ kêu to, với một giọng đầy hứng khởi và tôn sùng không thể tả:

"Arunachala! Ngọn Đồi thiêng! " Tôi hỏi:

- Tại sao lại gọi là ngọn đồi thiêng...

Người khất sĩ cho biết:

- Mỗi năm một lần, vào ngày lễ lớn được cử hành trong đền, người ta đốt một ngọn lửa trại rất lớn trên đỉnh núi. Ngọn lửa trại này được đốt lên với rất nhiều bơ và long não và cháy suốt nhiều ngày, có thể thấy rõ từ những vùng chung quanh ở cách xa đền mấy dặm. Khi ngọn lửa bốc cháy lên, thì mọi người ở vùng lân cận đều cúi lạy. Ngọn lửa đó chỉ rằng ngọn núi này là một vùng rất linh thiêng và được sự che chở của một vị Thiên Thần rất lớn.

Chúng tôi đã gần đến nơi. Chiếc xe bò đã rời khỏi đường cái và đi theo một con đường dốc đưa đến một vườn dừa và xoài rất rậm rạp. Qua khỏi vườn cây này là chỗ cùng đường, chiếc xe ngừng trước cửa đạo viện. Người phu xe bước xuống đẩy cánh cửa cổng và đưa chúng tôi vào sân. Đạo viện của đức Maharichi ở dưới chân núi, phía trước có trồng cây và một khoảnh vườn, chung quanh toàn là những hàng rào bằng cây xương rồng. Bên ngoài hàng rào là những rừng, bụi rậm rạp phủ chung quanh đến tận chân trời. Chung quanh không có nhà cửa, xóm làng chi cả. Thật không có chỗ nào hoang liêu, cô tịch hơn nữa, và là một nơi lý tưởng cho việc thiền định suy tư.

Đạo viện gồm có một dãy nhà dài bằng gạch, lợp ngói, cất theo kiểu tân thời, và hai túp nhà tranh ở phía bên trái. Trước dãy nhà dài có một hàng ba, và giữa sân có một cái giếng nước. Một đứa trẻ nhỏ ở trần, nước da đen sậm đang kéo một thùng nước từ dưới giếng bằng một cái tay quay.

Khi chúng tôi vừa đến, thì trong nhà có vài người bước ra sân và trố mắt nhìn một cách ngạc nhiên. Người khất sĩ vừa cười vừa tiến lên và giới thiệu vài câu bằng tiếng Tamoul. Tức thời mọi người đều đổi sắc mặt và nhìn tôi mỉm cười vui vẻ. Tôi cảm thấy tôi đã yêu mến những người dân lành chất phác và hồn nhiên đó.

Người khất sĩ mời "Chúng ta hãy vào trong. " rồi ra dấu cho tôi đi theo ỵ Tôi mới ngừng lại ngoài hàng ba để cởi giày và sắp sửa lại rổ trái cây mà tôi mang theo để làm lễ vật ra mắt vị tôn sư.

Hai mươi cặp mắt đổ dồn vào chúng tôi khi chúng tôi bước vào nhà Tịnh Xá. Họ ngồi xếp bằng theo vòng bán nguyệt trên nền gạch màu đỏ. Cách đó một khoảng, trong góc phòng có một người ngồi trên một chiếc giường gỗ dài lót nệm trắng, đó là đức Maharichi.

Người khất sĩ đưa đường cho tôi tiến đến gần giường và cúi xuống lạy, gương mặt úp vào trong hai bàn taỵ Gần đó có một cửa sổ lớn chiếu vào vị Tôn sư và tôi thấy rõ Ngài từng chi tiết.

Thừa dịp thuận tiện tôi mới đến gần cửa sổ, đặt mâm trái cây ở dưới chân Ngài và lùi lại một bước.

Đức Maharichi lúc đó vào khoảng năm mươi tuổi, tác người cao lớn, nước da ngâm ngâm như đồng bạch, nét mặt đều đặn, tóc hoa râm và cắt ngắn, trán cao và rộng, dấu hiệu của một bộ Óc thông minh khác thường. Chiếc giường của Ngài ngồi lót nệm trắng, chân Ngài đặt trên một tấm da cọp rất đẹp.

Một sự im lặng hoàn toàn ngự trong căn phòng. Đại đức ngồi tĩnh tọa, tuyệt nhiên không cử động. Tôi tự hỏi không biết Ngài có biết chúng tôi đến chăng... Một vị đệ tử nước da sậm, tay nắm một sợi dây kéo cái quạt bằng tre treo trên trần nhà ngay trên đầu đức Tôn sư, để quạt cho Ngài. Tôi bèn nhìn thẳng vào mắt Tôn Sư, hy vọng làm cho Ngài chú ý đến tôi. Cặp mắt Ngài màu nâu sậm, và mở lớn.

Không có dấu hiệu gì chỉ rằng Ngài biết có tôi ở đó. Toàn thân Ngài yên lặng như một pho tượng. Sự yên lặng đó hẳn là một điều phi thường. Không, Ngài không nhìn thấy tôi vì cặp mắt Ngài bận nhìn vào chỗ hư không, huyền bí. Hồi còn ở Âu Châu tôi thường hay đặt cái nguyên tắc là hãy nhìn trong cặp mắt để biết rõ tâm tính của một người. Nhưng trước cặp mắt của đức Maharichi, tôi đã đi lạc hướng và tôi không đọc được gì cả.

Giờ phút trôi qua một cách chậm chạp. Kim đồng hồ treo trên tường đã chỉ qua nửa giờ rồi một giờ, nhưng không ai nhúc nhích cử động, cũng không ai nói năng gì cả. Tôi tập trung hết nhãn lực vào vị Tôn Sư đang ngồi tĩnh tọa trên divan (đi - văng). Mâm lễ vật của tôi vẫn còn y nguyên trên chiếc bàn nhỏ, không có ai để ý đến. Người đưa đường cho tôi không có dặn cho tôi biết trước rằng tôi sẽ được đón tiếp một cách khác thường như thế, nghĩa là không được Ngài chú ý đến mình. Nhưng dầu cho Ngài không nói, tôi cũng hiểu rằng Ngài đang nhập định. Tôi bỗng có một ý tưởng thoáng qua:

Cơn nhập định đó phải chăng là làm cho tâm trí vắng lặng trống không... Nhưng rốt cuộc tôi cũng gạt bỏ ý định đó, vì tôi không thể trả lời được.

Dầu sao có một cái gì ở trong người của đức Tôn Sư, nó hấp dẫn tôi như đá nam châm hút sắt. Tôi hoàn toàn bị thu hút và không thể nào day mặt để nhìn ra chỗ khác. Sự ngạc nhiên của tôi lúc ban đầu cùng sự băn khoăn của tôi đã tiêu tan và lần lần nhường chỗ cho một sự hấp dẫn say mê lạ lùng và mãnh liệt. Hai tiếng đồng hồ đã trôi qua kể từ khi tôi mới bước vào. Tôi bắt đầu nhận thấy có một sự thay đổi huyền diệu, nó đang diễn ra trong người của tôi mà tôi không thể nào cưỡng lại được.

Những câu hỏi mà tôi sắp đặt một cách công phu, tỉ mỉ trên xe lửa để chất vấn Ngài giờ đây biến đi đâu mất. Tôi không màng đưa ra những câu hỏi đó nữa, cũng không màng tìm sự giải đáp cho những nỗi khó khăn thắc mắc nó vẫn dày vò tôi từ bao lâu naỵ Tôi chỉ biết là một niềm an tịnh vô biên đang xâm chiếm

lấy tôi, cũng như nó đang tràn ngập bầu không khí trong gian phòng này. Tâm hồn tôi, trí não tôi, từ lâu nay bị dày vò, căng thẳng bởi sự độc đoán của tư tưởng, biện luận, suy tư, có lẽ đến nay mới được nghỉ ngơi đôi chút.

Và những câu hỏi mà tôi đã chuẩn bị một cách rất công phu để hỏi Ngài, nay tôi nhận thấy nó tầm thường, vô vị làm sao. Tôi nhận thấy rằng trí não chúng ta tự tạo ra những sự thắc mắc, khó khăn, để rồi sau đó tự dày vò một cách vô ích để tìm ra sự giải đáp. Nay tôi tự thả trôi theo sự nghỉ ngơi và an tịnh một cách tuyệt diệu đến nỗi hai giờ đồng hồ trôi qua mà tôi không cảm thấy chút nào bực dọc hay khó chịu.

Tuy nhiên lần lần, một câu hỏi mới được nêu ra:

Sự an lạc tuyệt vời nó vừa tràn ngập cõi lòng tôi đó, là từ đâu đến... Hay là nó toát ra từ người của đức Tôn Sư, cũng như hương thơm tỏa ra từ cái hoa...

Tôi không thể trả lời câu hỏi này, nhưng tôi biết rõ những phản ứng của tôi, tôi biết rằng cái niềm an tịnh thiêng liêng nó xâm chiếm tâm hồn tôi lúc đó là do đức Maharichi tạo nên. Ngài tạo ra nó bằng cách nào... Bởi tánh chất phóng quang của linh hồn (Ratio activité de l'âme) hay bởi một phương pháp thần giao cách cảm nào đó chăng... Tuy nhiên, Ngài vẫn ngồi đó, hoàn toàn bất động, hình như không hay biết chi cả về sự có mặt của tôi. Chung quanh bầu không khí vẫn hoàn toàn im lặng như tờ.

Trên mặt hồ phẳng lặng đó, một gợn sóng nhỏ. Có một người bước lại gần và nói nhỏ vào tai tôi:

- Ông muốn hỏi đức Tôn Sư điều chi chăng...

Người bạn đồng cảnh của tôi đã mất sự kiên nhẫn của y chăng... Hay là y tưởng rằng tôi đã kiên nhẫn quá mức, vì chờ đợi đã quá lâu... Nhưng này bạn ơi, quả thật tôi định đến đây để chất vất Tôn Sư của bạn, nhưng vào giờ này tôi đã có được sự an thuận với thế gian và an thuận với chính mình tôi nữa, thì tại sao tôi lại còn bận rộn dày vò trí óc của tôi với những câu hỏi của tôi để làm gì... Thuyền tôi đã xuôi dòng đi trên mặt biển yên lặng thần tiên của chốn non Bồng nước Nhược, mà bạn còn muốn giữ nó lại ở chỗ phong ba bão táp của bến trần ai tục lụy mà tôi vừa thoát khỏi hay sao...

Tuy nhiên, cái gợn sóng nhỏ mà người bạn tôi đã gieo trên mặt hồ phẳng lặng đó, cũng đủ làm gián đoạn cái giờ phút thiêng liêng ấy. Dường như đó là một ám hiệu đã trông đợi từ lâu, chung quanh tôi, mọi người đã đứng dậy, những tiếng nói đã vọng vào tai tôi, và kia, hai mí mắt của đức Maharichi đã chớp vài lần. Ngài day mặt về phía góc phòng và trong giây phút tôi đã lọt vào tầm nhãn quang của Ngài. Ngài vừa thức tỉnh sau một cơn đại định rất dài. Có lẽ người bạn đồng hành của tôi tưởng rằng sở dĩ tôi không trả lời vì tôi không nghe bèn lập lại câu hỏi của y lớn giọng hơn trước. Nhưng trong cặp mắt sáng dịu hiền của Tôn Sư nhìn vào tôi, tôi đọc được một câu hỏi khác:

"Anh còn nghi ngờ gì nữa chăng, trong khi anh vừa cảm giác được cái yên tịnh thâm trầm của tâm hồn, mà tôi vừa ban cho anh cũng như cho tất cả những người kiả" Quả thật, một niềm an tịnh vô biên dâng tràn ngập cõi lòng tôi. Tôi bèn day lại người khất sĩ và đáp:

- Không, tôi không muốn hỏi gì ngay bây giờ. Thôi, hãy để khi khác...

Tuy nhiên, tôi cảm thấy rằng sự có mặt của tôi trong phòng làm cho nhiều người ngạc nhiên, không phải đức Maharichi, mà là những người đang nói chuyện huyên thuyên ở chung quanh tôi. Người bạn đồng hành của tôi cho biết một vài người trong số đó là những đệ tử, những người khác là những du khách viếng thăm đạo viện. Subramanya bèn giới thiệu tôi với mọi người. Y nói bằng tiếng Tamoul với một giọng sôi nổi hào hứng và rất nhiều bộ tịch. Chắc y đã dậm thêm ít nhiều, vì những lời của y được tiếp đón bằng những tiếng kêu ngạc nhiên của những người trong bọn.

Buổi cơm trưa vừa xong. Mặt trời vùng nhiệt đới làm cho mực thủy ngân trong hàn thử biểu vọt lên cao. Tuy thế tôi thấy đời sống ở đây có vẻ hồn nhiên, vì tôi có thể tiếp xúc với đức Maharichi bằng cách mà tôi ưa thích, nghĩa là bằng cách tham dự sinh hoạt hàng ngày của Ngài một cách tự nhiên và không kiểu cách.

Chiều hôm ấy, tôi trở lại Tịnh Xá của đức Tôn Sư và ngồi cạnh dưới chân Ngài. Ngài ngồi dựa bên một chiếc gối lớn, một đứa tiểu đồng cầm sợi dây kéo cái quạt treo trên trần nhà để quạt cho Ngài như thường lệ.

Đức Maharichi cầm trong tay một quyển vở, và viết một cách rất chăm chú. Một lúc sau, Ngài bỏ quyển vở qua một bên và gọi một vị đệ tử đến gần, rồi nói với y vài câu bằng tiếng Tamoul. Người đệ tử đến gần tôi và nói Tôn Sư rất tiếc rằng tôi không thể dùng bữa chung với những người trong Đạo viện, vì họ chưa từng tiếp khách người Âu nên họ không biết rõ cách ăn uống của tôi ra sao. Tôi bèn cảm ơn Tôn Sư và nói rằng tôi sẵn lòng dùng cơm với họ và nếu có thiếu món chi tôi sẽ có thể mua ở ngoài chợ gần bên. Tôi nói thêm rằng đó chỉ là một vấn đề phụ thuộc, và tôi đến đây với một mục đích quan trọng hơn. Tôn Sư chăm chú nghe tôi và với một vẻ mặt thản nhiên, Ngài nói:

- Cái mục đích đó rất đáng khen.

Câu hỏi của Ngài làm cho tôi hứng chí nói tiếp theo.

- Bạch Tôn Sư, tôi đã từng tham khảo triết học và khoa học Âu Tây, tôi đã từng chen vai thích cánh với người đời, tham dự những công việc của thế gian, hưởng những thú vui trần tục, và đã từng để cho những tham vọng của người đời lôi cuốn. Nhưng những điều đó không làm cho tôi quên lãng mục đích tu hành. Tôi đã học hỏi với những bậc Hiền Triết Tây phương, bây giờ, tôi phải nhìn về phương Đông để tìm về ánh sáng.

Đức Maharichi hơi gật đầu, như muốn nói rằng:

"Tôi hiểu. " Tôi nói tiếp:

- Tôi đã nghe nhiều lý thuyết, đọc nhiều sách vở nhưng không có gì làm cho tôi được thỏa mãn. Chỉ có kinh nghiệm bản thân mới có thể làm cho tôi có đức tin. Xin lỗi Ngài, tôi xin thú thật là tôi không có điều mà người ta gọi là tinh thần tôn giáo. Ngoài sự sống của thể xác hữu hình còn có gì nữa chăng... Nếu có, làm sao tôi có thể biết được...

Ba hay bốn người đệ tử chung quanh nghe nói, đều trố mắt im lặng vì ngạc nhiên. Tôi tự nghĩ không biết tôi đã vi phạm một quy luật nào trong Đạo Viện hay đã xúc phạm đến Tôn Sư vì sự nói thẳng của tôi chăng... Không sao, sự cay đắng của nhiều năm mỏi lòng chờ đợi và thất vọng đã làm cho tôi phải thốt ra bằng lời, không còn tự chủ được nữa. Nếu đức Maharichi là người mà tôi tin tưởng, thì Ngài sẽ vượt lên trên những điều thường tình đó, và Ngài sẽ hiểu.

Trong khi chờ đợi, Ngài không trả lời, và dường như theo đuổi dòng tư tưởng của Ngài. Nay vì tôi đã nói ngon trớn, tôi không dễ gì ngừng lại nửa chừng, và nói tiếp luôn:

- Các nhà bác học Âu Tây cũng phải thú nhận rằng họ không biết gì cả về những vấn đề siêu hình. Tôi nghe rằng ở các xứ phương Đông, có những người có thể trả lời về những điều mà khoa học Âu Tây phải chịu bất lực không giải thích nổi. Có phải đúng vậy không... Tôn Sư có thể giúp tôi tìm thấy ánh sáng chăng... Hay đây cũng chỉ là một ảo mộng...

Tôi đã đi ngay vào đề và chỉ còn đợi câu trả lời. Đức Tôn Sư vẫn tiếp tục nhìn tôi. Tôi tự hỏi:

"Hay là Ngài đang suy nghĩ về các câu hỏi của tôi chăng... " Mười phút trôi qua, đôi môi của Ngài mới bắt đầu cử động, Ngài nói với một giọng rất dịu dàng:

- Anh vừa nói:

"Tôi muốn biết. " Vậy cái tôi đó là cái gì...

Lần này Ngài nói thẳng với tôi bằng tiếng Anh và không cần thông ngôn. Tôi lấy làm bối rối vì không hiểu Ngài muốn nói gì. Tôi nói bằng một giọng yếu ớt:

- Xin lỗi Ngài tôi không hiểu.

- Câu hỏi của tôi không rõ ràng sao... Anh hãy suy nghĩ đi.

Tôi suy nghĩ rồi lấy tay chỉ vào tôi và tự xưng danh.

- Anh có thật biết y là ai chăng...

Tôi cười và đáp:

- Suốt cả đời tôi.

- Cái mà anh nói đó, chỉ là cái thể xác của anh, nhưng chỉ có vậy thôi sao... Tôi lặp lại câu hỏi:

"Anh là ai... " Làm sao trả lời được một câu hỏi lạ kỳ như vậy... Đức Maharichi nói thêm:

- Anh hãy cố làm sao biết được cái Tôi đó, anh sẽ biết được Chân Lý.

Tâm trí tôi đã đi lạc hướng, và tôi không dấu diếm được sự ngạc nhiên. Có lẽ Tôn Sư đã cạn vốn Anh Ngữ của Ngài, vì Ngài day lại người thông ngôn và nói ít lời. Người này dịch lại như sau:

- Anh chỉ cần làm một việc:

Hãy nhìn vào nội tâm. Nếu anh làm được như vậy, anh sẽ tìm thấy sự giải đáp cho mọi vấn đề.

- Nhưng tôi phải làm sao để nhìn vào nội tâm...

- Anh hãy suy gẫm về cái chân tướng hay chân ngã của anh bằng sự tham thiền quán tưởng liên tục không gián đoạn. Đó là con đường đi đến ánh sáng.

- Tôi đã suy gẫm về những điều đó mà không thấy tiến bộ chút nào.

- Sao anh biết được... Sự tiến bộ trên địa hạt tâm linh không phải dễ gì nhận biết được như trên địa hạt vật chất.

- Trong sự thiền định, quán xét nội tâm, cần phải có Thầy hay không...

- Thầy chỉ giúp phương tiện, dìu dắt mà thôi. Còn thiền định phải là một vấn đề kinh nghiệm về bản thân.

- Nếu có Thầy dìu dắt, phải mất bao lâu mới tìm thấy ánh sáng...

- Điều đó tùy nơi trình độ riêng của mỗi người. Thuốc súng bắt lửa ngay tức khắc, còn than củi phải cháy lâu hơn.

Tôi có cảm giác rằng Tôn Sư hình như không thích bàn về vấn đề tìm thấy hoặc những phương pháp nọ kia. Tôi hỏi qua chuyện khác:

- Thế giới đang trải qua những cơn khủng hoảng trầm trọng. Xin Tôn Sư dạy cho biết tương lai của nhân loại sẽ ra sao...

- Anh đừng lo gì về tương lai. Anh đã biết cái hiện tại hay chưa... Hãy lo cái hiện tại đi đã, rồi cái tương lai sẽ tự nó quyết định.

Đây cũng lại là một câu khó hiểu nữa. Nhưng lần này tôi không chịu bỏ qua một cách dễ dàng, vì tôi tự nghĩ rằng tôi sống ở cõi thế gian mà những sự đau khổ đè nặng lên vai của người đời, nhiều hơn là ở nơi một Đạo viện êm đềm ẩn trong rừng thẳm. Tôi nói:

- Xin Tôn Sư nói cho biết trong tương lai gần đây thế giới sẽ bước vào một thời kỳ hòa bình hay là sẽ rơi vào một tình trạng hỗn loạn...

Đức Maharichi có vẻ không bằng lòng:

- Có một đấng Tạo Hóa quản trị cõi thế gian, đó là việc riêng của Ngài. Đấng Sáng Tạo ra thế giới càn khôn biết rõ hơn chúng ta về những bổn phận mà Ngài phải làm. Gánh nặng cả thế gian là trách nhiệm của Ngài, không phải của anh.

- Tuy nhiên, nếu người ta để ý quan sát, người ta không thấy có vùng nào trên thế giới là thật sự được hưởng ân huệ tốt lành của đấng Hóa Công.

Tôi không tiến thêm được bao nhiêu, nhưng dầu sao tôi cũng được một câu trả lời:

- Con người như thế nào, thì thế gian như thế ấy. Người đi tìm Chân Lý không cần biết đến những vấn đề đó và phí công vô ích với những chuyện bên ngoài. Anh hãy tìm Chân Lý ở tự nơi anh, rồi anh sẽ thấy Chân Lý ẩn tàng ở cõi thế gian chung quanh mình.

Gian phòng lại im lặng. Người tiểu đồng tiến đến bình lư hương và đốt thêm một cây nhang. Đức Maharichi, sau khi nhìn một làn khói xanh bay lên nghi ngút, bèn cầm lại quyển vở của Ngài và chăm chú viết, làm cho tôi hiểu rằng Ngài tiếp chuyện tôi như thế là đủ. Sự thản nhiên đó làm cho tôi có cảm giác như bị một gáo nước lạnh. Tôi còn ngồi đó thêm một khắc đồng hồ, nhưng tôi thấy rõ là đức Tôn Sư không muốn nói chuyện nữa, làm sao bây giờ, nếu không đứng dậy và chắp tay kiếu từ.

Tối hôm ấy, khi chúng tôi bước vào Tịnh Xá và ngồi xuống sàn gạch, thì hình như cái yên lặng của cảnh vật thiên nhiên cũng đã xâm chiếm cả Đạo viện và thấm nhuần cả bầu không khí chung quanh. Số người nhóm họp mỗi buổi chiều ngồi vòng quanh theo hình bán nguyệt như thường lệ, nhưng không ai thốt ra một lời nào, và tất cả đều giữ im lặng. Đức Maharichi vẫn ngồi trên giường, hai chân xếp bằng, hai bàn tay để trên hai đầu gối.

Gương mặt Ngài nghiêm chỉnh nhưng vẫn không kém nét giản dị và khiêm tốn, cặp mắt đứng tròng của Ngài chỉ nhìn về một điểm duy nhất, ở phía tướng bên kia. Cái nhìn không chớp mắt đó đối với tôi là một sự bí hiểm, nó trụ vào một vật ở ngoại cảnh, hay là Ngài đã đắm chìm trong cảnh hư không, trừu tượng và không thấy gì đang diễn ra ở chung quanh...

Luồng khói hương trầm bay lên và tỏa ra mùi thơm khắp phòng. Tôi thử nhìn ngay vào cặp mắt trống trơn của Ngài, nhưng trong vài phút sau, cặp mắt tôi đã nhắm lại. Tôi đắm chìm trong một cơn mơ màng, như tỉnh như mơ, giữa cái êm như ru của bầu không khí huyền diệu ở chung quanh. Trong giây lát, tâm hồn tôi trở nên trống rỗng, và đến lượt tôi bước vào cái thế giới huyền ảo của cảnh mộng...

Tôi sống trở lại như một đứa bé năm tuổi. Tôi trèo lên một trong những con đường mòn dốc đứng, nó chạy quanh co theo ngọn núi đá đỏ ngoại đạo viện, tay tôi nắm lấy bàn tay đức Maharichi, nhưng tác Ngài cao lớn hơn tôi bội phần. So với tác bé nhỏ của tôi, thì Ngài coi như một người khổng lồ. Chúng tôi cùng đi ra khỏi đạo viện, mặc dầu trời tối Ngài dắt tôi đi một cách vững vàng.

Trăng sao dần dần ló dạng và chiếu xuống một thứ ánh sáng lu mờ. Tôi nhận thấy rằng đức Maharichi dắt tôi tránh những lỗ hang, hầm hố và những tảng đá lớn nhô lên ở phía trên đầu, dường như sẵn sàng đè bẹp chúng tôi. Ngọn núi cao, đường dốc đứng, che khuất trong hang núi, hoặc trong bụi rậm, là những động đá của các nhà tu sĩ, rải rác dọc theo con đường mòn chúng tôi đi. Những tu sĩ này bước ra chào khi chúng tôi đi ngang qua động đá của họ, và mặc dầu họ ẩn hiện như những bóng ma dưới ánh trăng mờ, tôi cũng nhận ra nhiều hạng đạo sĩ Yogi Chúng tôi vẫn tiến bước không ngừng cho tới khi lên tới đỉnh núi. Tại đây, chúng tôi dừng bước và lòng tôi chờ đợi một sự gì quan trọng sắp tới.

Đức Maharichi nhìn tôi, và tôi ngước mặt lên nhìn Ngài. Ngay khi đó, tôi cảm thấy một sự thay đổi huyền diệu đang diễn ra trong người tôi. Những quan niệm và những lẽ sống của tôi trước kia nay không còn nữa. Những tham vọng và dục tình nó hướng dẫn cuộc đời tôi nay đã biến mất. Những sự đố kỵ, sự hiểu lầm, sự lãnh đạm, lòng ích kỷ, nó đi kèm với mọi sự giao tế của tôi với những người trần gian nay đã tiêu tan. Một niềm an vui khôn tả xâm chiếm cõi lòng tôi và bây giờ tôi đã biết rằng không còn có sự gì ở trên đời mà tôi ước mong hơn nữa.

Khi đó, đức Maharichi bảo tôi nhìn xuống dưới chân đồi. Tôi vâng lời và nhìn thấy thế giới Tây phương diễn ra dưới chân tôi. Những đám quần chúng hỗn độn gồm những dân tộc các nước trà trộn lẫn nhau dưới một bức màn vô minh hắc ám, bao phủ cả tinh thần lẫn vật chất.

Đức Tôn Sư nói với tôi:

- Khi con trở về với họ Ở góc trời Âu, con sẽ giữ mãi niềm an tịnh này trong lòng con. Nhờ nó con sẽ gạt bỏ cái ý tưởng cho rằng con là một thể xác, một bộ Óc nhất định. Khi con nhận thấy nguồn an vui tràn ngập cõi lòng, con đã hướng cuộc đời con về theo ánh sáng chân lý...

Khi tôi thức tỉnh và hãy còn bàng hoàng về giấc mộng thiêng liêng đó, thì hai con mắt tôi gặp phải hai con mắt của Tôn Sự Tôi không lầm, gương mặt Ngài lúc ấy đang day về phía tôi, và chính Ngài đang nhìn tôi.

Có một ý nghĩa thâm sâu nào ẩn dấu đằng sau giấc mộng vàng của tôi vừa rồi... Những sự ước mơ, những dục vọng, những nỗi đắng cay của dĩ vãng, tất cả đều tiêu tan như mây khói. Một trạng thái thản nhiên đối với chính mình tôi, và một lòng nhân từ bác ái sâu xa đối với mọi người hãy còn lưu lại trong lòng tôi sau khi thức tỉnh. Làm sao giải thích được điều này... Tuy nhiên, tôi cảm thấy rằng cái ấn tượng đó chỉ tồn tại trong một lúc chớ không kéo dài. Nó đẹp quá, nó chưa phải để dành cho tôi.

Tôi ngồi tại đây từ bao lâu rồi... Nhìn chung quanh, tôi thấy mọi người đã đứng dậy và sửa soạn đi ngủ. Tôi cũng phải đi ngủ chứ, nhưng không khí trong phòng nóng bức vì thiếu gió, nên tôi phải ra nằm ngủ ngoài sân. Một vị đệ tử vóc người vạm vỡ, có chòm râu xám bạc, cầm đến cho tôi một cây đèn lồng và dặn tôi hãy để đèn cháy suốt đêm, vì sợ các thứ rắn độc hoặc thú dữ đột nhập lúc ban đêm. Để đèn sáng, chúng sợ không dám lại gần.

Nằm dưới đất không có nệm lót, tôi thấy khó ngủ. Nhưng tôi không thấy buồn, tôi có đủ đề tài suy nghĩ đêm nay, vì tôi tin rằng rốt cuộc, tôi đã gặp người mà tôi tìm kiếm bấy lâu nay, một người lạ lùng, huyền bí nhất mà định mệnh đã đặt để trên bước đường đời của tôi. Tôi có cảm giác như tôi đang đứng trước một giai đoạn quyết liệt, nhưng chưa biết chắc sự gì sẽ xảy ra. Đó chắc chắn là một cái gì thuộc về địa hạt tâm linh, hoàn toàn xa cách với cõi giới vật chất phàm tục. Trí tôi vẫn tưởng tới cái giấc mộng vừa qua, và tim

tôi hồi hộp đập mạnh trước một sự gì huyền diệu sắp đến, tuy chưa rõ rệt, nhưng chắc hẳn là thâm thúy vô cùng.

Trong những ngày kế đó, tôi tìm cách tiếp xúc trở lại với đức Maharichi, nhưng không có kết quả. Ngẫm nghĩ về điều này, tôi nhận thấy có ba lý dọ Trước hết đó là bản tính dè dặt tự nhiên của Ngài, Ngài không thích thảo luận, bàn cãi và hoàn toàn thản nhiên với mọi sự tin tưởng và mọi ý kiến của người đời. Điều chắc chắn là Ngài không màng hoán cải bất cứ một người nào, và không hề có ý muốn kiếm thêm đệ tử.

Lý do thứ hai có vẻ lạ lùng, nhưng tôi cảm thấy rõ rệt. Từ ngày tôi có giấc mộng huyền linh đó, mỗi lần đến trước mặt Tôn Sư, tôi đều cảm thấy một sự tôn kính thiêng liêng. Những câu hỏi mà tôi định đưa ra chất vấn Ngài đều im bặt, tôi cho rằng thật là một điều phạm thượng mà thảo luận một cách bình đẳng, ngang vai với một người đã đạt tới một trình độ siêu phàm như thế.

Lý do thứ ba giản dị hơn. Trong Tịnh Xá lúc nào cũng có người, và tôi không thích phô bày trước công chúng những điều thầm kín nhất của lòng mình. Dầu sao đối với những người ấy tôi cũng chỉ là một người ngoại quốc. Sự bất đồng ngôn ngữ không quan hệ, nhưng cái óc hoài nghi đặc biệt của người Âu, sự hoàn toàn thiếu hẳn tinh thần tôn giáo trong việc trình bày ý kiến của tôi có thể làm trái ý phần nhiều những người chung quanh.

Bởi đó, mỗi lần tôi muốn nói, thì một trong ba lý do trên đây ngăn trở tôi và bắt tôi phải im lặng. Lúc đầu, tôi định viếng thăm đạo viện trong hai ngày cuối tuần, nhưng nay cả một tuần lễ đã trôi quạ Tôi tự hỏi cuộc đàm luận đầu tiên của tôi với đức Maharichi phải chăng cũng là buổi nói chuyện cuối cùng... Ngoại trừ một vài câu nói xã giao thường lệ, một vài tiếng chào hỏi thoáng qua, tôi và Tôn Sư, cả hai người đều dè dặt, không ai mở lời trước. Mười lăm ngày đã qua, càng ngày tôi càng cảm thấy một cách đậm đà thâm sâu, những ảnh hưởng tốt lành của niềm an tịnh thiêng liêng nó bao trùm cả Đạo viện, thậm chí đến cả bầu không khí người ta thở tại đây.

Ngày cuối cùng đã đến, mà tôi không tiến đến gần đức Maharichi được thêm một bước nào. Trong thời gian ở tại Đạo viện tôi cảm thấy có khi vui khi buồn, một trạng thái không chừng đổi nó làm cho tôi thất vọng. Tôi cảm thấy chán nản, phần nhiều những người ở đây đối với tôi lại bất đồng ngôn ngữ, và có sự cách biệt từ phương diện bên ngoài lẫn cả bên trong. Làm sao hy vọng có một sự thông cảm giữa tôi với họ được... Tôi nghĩ đến đức Tôn Sư cũng như con chim đại bàng bay cao vút trên chín tầng mây bạc, và nhận xét đời người dưới một quan điểm cao siêu đến nỗi tôi không hiểu được.

Lẽ tất nhiên, Ngài không giống như mọi người, Ngài không phải thuộc về dòng giống nhân loại như chúng tạ Ngài chẳng khác nào như ngọn núi trơ trọi, độc nhất, nó nhô lên cao ở phía sau đạo viện, như cụm rừng xanh rộng rãi bao la đến tận chân trời, hoặc như vòm trời cao vòi vọi không thể đo lường. Một cái gì vô hình và huyền diệu của Ngọn Đồi Thiêng kia hẳn là đã truyền qua tâm hồn của đức Maharichi.

Người ta nói rằng Ngài ở tại đó đã ba mươi năm nay và không bao giờ rời khỏi ngọn núi ấy dầu là chỉ trong một ngày. Một sự liên đới chặt chẽ như thế hẳn là phải có ảnh hưởng vang dội đến tâm tính của Ngài. Đức Maharichi yêu Ngọn Đồi Thiêng của Ngài, và có người đã dịch lại cho tôi xem một vài câu thơ rất hay và cảm động do chính tay Ngài viết để biểu lộ tình yêu đó.

Cũng như ngọn núi Thiêng một mình tách ra khỏi khu rừng rậm rạp và nhô lên trời, đức Maharichi vươn mình vượt khỏi đám rừng người của thế gian, và sự cao cả của Ngài cũng là độc nhất vô nhị. Một mình Ngài đã vượt bậc tiến tới trước, và những người khác yếu đuối hơn không thể theo kịp Ngài. Cho tới nay, tôi mới gặt hái được có một niềm an vui tự tại trong buổi hội kiến ban đầu, và một giấc mơ huyền diệu nó chói rạng như một ngôi sao trong ký ức của tôi. Thời gian trôi qua, trong mười lăm ngày ở đạo viện, tôi chỉ mới có được một cuộc hội đàm đáng kể với đức Tôn Sư! Gương mặt nghiêm nghị của Ngài cũng đủ

làm cho tôi lánh bước không dám lại gần. Tôi tự nghĩ rằng tôi không ngờ đến một sự tiếp đãi như thế, sau khi tôi được thấy những triển vọng tươi sáng về đời sống ở Đạo viện mà người khất sĩ hành hương đã phô bày trước mắt tôi.

Tuy nhiên, chính đức Maharichi, chớ không phải ai xa lạ, là người mà tôi muốn được yết kiến lần nữa để được nghe lời vàng ngọc của Ngài, vì tôi quả quyết chắc chắn rằng trong những người mà tôi đã gặp, thì đức Maharichi là người duy nhất đã giải quyết được các bài toán khó khăn của cuộc đời, và không có một sự đau khổ nào ở thế gian có thể phạm đến Ngài được nữa.

Tôi đã tìm cách gặp Ngài một lần nữa. Tôi đi tìm người đệ tử kỳ cựu, có nhiều thiện cảm đối với tôi ngay từ lúc đầu và nói cho y biết rằng tôi muốn được hội kiến một lần cuối cùng với đức Tôn Sư, nhưng không dám xin Ngài một cách trực tiếp. Vị đệ tử liền thông cảm và mỉm cười. Y liền bước đi ngay và một chặp sau, y trở lại với câu trả lời:

đức Maharichi rất vui lòng tiếp kiến tôi. Tôi bèn trở lại chỗ ngồi trong Tịnh Xá gần kế bên giường. Đức Tôn Sư day lại tôi và làm cho tôi cảm thấy thoải mái tự nhiên bằng cách nghiêng đầu chào tôi một cách rất lịch sự.

Tôi hỏi:

- Những nhà đạo sĩ Yogi nói rằng muốn tìm Chân Lý, người ta phải từ bỏ thế gian và sống ẩn dật trong chốn rừng sâu núi thẳm. Ở các xứ Tây phương, đó là một việc gần như không thể làm được vì cách sinh hoạt của chúng tôi khác hẳn. Tôn Sư có đồng ý với những người Yogi chăng...

Đức Maharichi day lại một đệ tử, một người Bà La Môn rất lễ độ, người này dịch lại câu trả lời của Ngài:

- Sự từ bỏ cuộc đời hoạt động của thế gian không phải là cần thiết. Anh hãy tham thiền một giờ hay hai giờ mỗi ngày và hãy theo đuổi những công việc hàng ngày của anh. Khi anh biết thiền định đúng cách, anh sẽ tự tạo cho anh một nguồn sinh hoạt tâm linh nó sẽ thấm nhuần đến công việc làm hàng ngày. Nói một cách khác, sự hoạt động hàng ngày của anh sẽ tiếp diễn trong một bầu không khí tâm linh do sự tham thiền tạo nên.

- Chừng đó kết quả ra sao...

- Kinh nghiệm sẽ giúp cho anh nhận thấy rằng quan niệm của anh về cuộc đời hoặc về nhân tâm, thế sự, sẽ thay đổi lần lần.

- Như vậy, phải chăng ý kiến của Ngài ít nhất cũng khác những người Yogi về điểm này...

Tôn Sư không muốn trả lời trực tiếp về điểm đó.

- Chính sự ích kỷ cá nhân nó làm cho con người bị trói buộc với thế gian. Vậy con người hãy tự giải thoát khỏi sự ích kỷ đó. Sự dứt bỏ thật sự chính là sự trừ diệt cái bản ngã vì bản ngã của ta vốn là một điều hư vọng và phỉnh lừa.

- Nhưng làm sao có thể trừ diệt được sự ích kỷ khi người ta còn phải sống ở thế gian...

- Vốn không có sự mâu thuẫn giữa đời sống thế gian và sự Minh Triết.

- Phải chăng Tôn Sư muốn nói rằng người ta vẫn có thể tiếp tục làm công việc của mình ở thế gian và đạt được sự minh triết...

- Tại sao không... Nhưng trong trường hợp đó, không phải cái phàm ngã của con người nó tiếp tục sự sinh hoạt hàng ngày nữa vì tâm thức của y đã lần chuyển qua một địa hạt tâm linh ngoài vòng chật hẹp nhỏ nhen của thế tình.

- Tôi thấy điều đó có sự khó khăn, sự sinh hoạt hàng ngày có thể dành cho ta bao nhiêu thì giờ để tham thiền...

Đức Maharichi không băn khoăn vì câu hỏi tầm thường đó:

- Dành một thời giờ riêng cho sự tham thiền là việc làm của kẻ sơ cợ Người đã tiến bộ ít nhiều trên đường tìm Chân Lý sẽ tìm thấy sự an lạc nó là điều thường có đối với chúng tôi, dầu cho y đang bận rộn công việc. Trong khi hai tay của người ấy hoạt động, thì trí óc của y bay bổng trên những cõi giới siêu linh.

- Nhưng phải chăng điều đó không phải là pháp môn Yoga nữa...

- Người Yogi cố gắng đưa tâm trí của y đến mục đích cũng ví như kẻ chăn bò mộng đi trước mặt y, nhưng người chăn bò trước hết phải dụ dỗ con bò với một nắm rơm lúa.

- Tôn Sư muốn nói chi...

- Anh hãy tự đặt câu hỏi:

Tôi là ai... Sự tìm kiếm này sẽ giúp cho anh khám phá, xuyên qua những hang, ngách của tâm thức những gì ẩn dấu đằng sau tâm trí của con người. Khi anh giải quyết được vấn đề căn bản này, anh sẽ giải quyết được tất cả những vấn đề khác.

Tôi cố tìm hiểu câu nói đó. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy ở đằng xa, ngọn Đồi Thiêng dưới ánh nắng ban mai. Đức Maharichi nói tiếp:

- Tôi sẽ nói rõ hơn. Tất cả mọi chúng sinh đều đi tìm hạnh phúc, một cái hạnh phúc thật sự mà họ có thể nắm lấy được và không bao giờ dứt. Cái bản năng đó rất chính đáng. Nhưng anh có khi nào để ý đến sự kiện này là chính họ tự thương yêu mình trước nhất...

- Và sau đó...

- Anh hãy so sánh việc sau này với điều tôi vừa kể trên. Muốn đạt được hạnh phúc, họ cần một phương tiện, có người chọn ly rượu mạnh, có người chọn ái tình, có người thì chọn tôn giáo. Anh thấy chăng, bản tánh thật sự của con người là như thế.

- Tôi không thấy rõ...

Ngài nói tiếp:

- Bản tánh chân thật của con người, tức là hạnh phúc vậy. Hạnh phúc vốn sẵn có nơi Chân Ngã. Sự tìm kiếm hạnh phúc, chính là sự tìm kiếm Chân Ngã, nhưng một cách vô ý thức. Chân Ngã vốn bất diệt, cho nên người nào đã tìm thấy nó rồi, thì đồng thời cũng tìm thấy một cái hạnh phúc trường cửu, vô tận.

- Nhưng có biết bao nhiêu sự đau khổ trên thế gian!

- Lẽ tất nhiên, đó là bởi vì thế gian không hề biết cái bản tánh chân thật của nó. Tuy nhiên, tất cả mọi người, dầu có ý thức hay không, cũng đều đang đi tìm hạnh phúc.

- Kể cả những kẻ khốn cùng, những kẻ tàn bạo, sát nhân...

- Đúng vậy, nhưng họ lầm lạc vì họ tưởng rằng họ có thể tìm thấy bí quyết của hạnh phúc trong những tội lỗi của họ. Cái hoài bão đó là do bản năng thúc đẩy, nhưng vì họ tìm hạnh phúc trong những hành vi bất chính. Sự sai lầm của họ rất là tai hại, vì con người gieo nhân nào phải gặt quả nấy.

- Như vậy, phải chăng nếu chúng ta thực hiện được Chân Ngã của mình thì chúng ta sẽ đạt được hạnh phúc trường cửu...

Tôn Sư gật đầu cho là phải. Xuyên qua cửa sổ, một tia nắng chiếu vàng gương mặt đức Maharichị Vầng trán Ngài phản ảnh sự an tịnh bên trong, vành môi rõ rệt biểu lộ một sự ung dung tự tại hoàn toàn, đôi mắt Ngài phản chiếu một sự an lạc tuyệt vời. Không có gì trong cái phong độ của Ngài tương phản với những lời Ngài nói.

Những lời nói của Ngài có bao hàm điều gì khác hơn là cái ý nghĩa hình như đơn giản đó chăng... Người thông ngôn đã dịch lại đúng y nguyên văn, nhưng ngoài ra còn có cái gì sâu xa hơn nữa mà y không dịch hết ý chăng... Cái đó, chính tôi phải tự khám phá lấy. Đức Tôn Sư nói không phải như một triết gia, hoặc một nhà biện thuyết, mà lời nói của Ngài phát tự đáy lòng. Hay là Ngài chỉ bày tỏ cái kinh nghiệm quý báu riêng của Ngài chăng...

Tôi hỏi Ngài:

- Sự tìm Chân Ngã có dễ thực hành hay chăng...

- Tự nhiên là dễ. Sự quán xét nội tâm có thể đi ngược trở lại đến chỗ mà Phàm Ngã lần lần tiêu tan.

- Chừng đó thì còn lại cái gì... Con người sẽ rơi vào một trạng thái vô ý thức, hay đần độn chăng...

- Không bao giờ. Chừng đó con người sẽ đạt tới một trạng thái tâm thức bất diệt, và một sự minh triết do bởi sự thức tỉnh của Chân Ngã, tức là cái bản tính chân thật của con người.

- Và cái ý thức về bản ngã phải chăng cũng là do cái bản tánh chân thật đó mà ra...

- Cái ý thức về bản ngã thuộc về Phàm ngã của con người; nó thuộc về phần xác thể và trí óc. Khi con người lần đầu tiên nhận thức được Chân Ngã, thì có một cái gì xuất hiện từ những chỗ thâm sâu bí ẩn của tâm hồn và xâm chiếm lấy ỵ Cái đó vốn là một cái gì trường tồn, vô tận và thiêng liêng. Người ta gọi nó bằng nhiều danh từ khác nhau, chẳng hạn như Cõi Trời, Linh Hồn, Niết Bàn, người Ấn Độ Giáo gọi là Giải Thoát, anh cũng có thể gọi nó là gì tùy ý. Dầu sao, khi điều đó xảy ra, thì con người không phải là mất, mà y tự tìm thấy.

Câu sau này làm tôi nhớ lại những lời nói của đức Jésus, đến ngày nay vẫn còn là một điều bí hiểm đối với nhiều tín đồ Thiên Chúa giáo:

"Kẻ nào tham sống, thì sẽ chết, kẻ nào ghét sống thì sẽ gìn giữ được sự sống toàn vẹn. " (Celui qui aime sa vie la perdra, et celui qui hait sa vie la conserverạ) Sự tương hợp giữa hai ý tưởng đó thật là rõ rệt, và nhà Hiền Triết Ấn Độ này đã đạt tới cái chân lý đó bằng sự thiền định suy tư, mà không cần đến sự dẫn chứng với câu nói của đức Jésus. Đức Tôn Sư nói tiếp:

- Ngày nào mà con người vẫn chưa bước vào con đường đó thì sự nghi ngờ băn khoăn sẽ còn theo sát một bên y.

Các bậc vua chúa, các nhà chánh trị tưởng rằng họ cai trị thế gian, nhưng nếu họ tự xét mình, họ sẽ phải thú nhận rằng họ chưa biết tự trị lấy mình. Cái quyền năng thật sự là ở trong tay người nào đã tiến sâu vào những chỗ bí ẩn thâm sâu của linh hồn.

Các nhà bác học Âu Tây cặm cụi suốt đời để sưu tầm học hỏi và hiểu biết, sẽ phải cúi đầu khi người ta hỏi họ đã giải quyết được các vấn đề bí hiểm của đời người, và đã tự biết mình hay chưa... Như vậy, tìm biết sự vật bên ngoài thế gian có ích gì, nếu chúng ta không biết gì cả về sự diễn biến trong người chúng ta và không biết rằng chúng ta là ai... Chúng ta thường trốn tránh không muốn nghĩ đến điều đó. Tuy nhiên, có cái học nào là đáng cho chúng ta chú trọng hơn nữa...

- Phải chăng vì đó là một công việc rất khó, hầu như quá sức của con người...

Câu hỏi của tôi làm cho Ngài hơi nhún vai:

- Phải thử rồi mới biết. Sự khó khăn không phải là quá lớn lao như anh tưởng.

- Đối với người Âu như chúng tôi, là những người hoạt động và thực tế, thì sự quán xét nội tâm một cách vô tư đó thật là...

Tôi còn do dự, không biết phải kết thúc câu nói ra sao, Ngài đã nói tiếp:

- Sự hiểu biết chân lý là một hoạt động tâm linh, dầu cho đối với người Ấn hay người Âu cũng vậy. Tôi nhìn nhận rằng nó không phải dễ dàng đối với người còn hoạt động ở thế gian, nhưng trong trường hợp nào cũng vậy, người ta có thể thành công. Điều cần thiết là tạo nên, bằng phương pháp tham thiền, một nguồn sinh hoạt tâm linh mà sau đó người ta chỉ cần duy trì, gìn giữ bằng thói quen và sự thực hành. Khi anh ngẫm nghĩ về câu hỏi:

"Tôi là ai... " khi anh bắt đầu hiểu rằng cái xác thân, hay những dục vọng, không phải thật là ta, thì chừng đó anh sẽ có một thái độ rõ rệt đối với chính mình. Do đó, câu trả lời sẽ xuất hiện tự những chỗ thâm sâu cùng tột của bản thể, nó sẽ hiện ra như một cái phần thưởng, như một sự thực hiện thâm trầm và sâu sắc. Anh hãy tự biết mình, và chừng đó chân lý sẽ chói rạng trong tâm hồn anh như một tia sáng mặt trời. Tâm trí anh sẽ tìm thấy sự yên tịnh, một nguồn an lạc vô biên sẽ tràn ngập cõi lòng anh bởi vì thực hiện Chân Ngã tức là tìm thấy Hạnh Phúc. Hai danh từ đó, Chân Ngã và Hạnh Phúc, vốn đồng nghĩa. Tất cả những sự nghi ngờ của anh sẽ tiêu tan, khi mà anh đạt tới sự thực hiện Chân Ngã một cách trực tiếp.

Nói đến đây, đức Tôn Sư quay đầu lại và nhìn thẳng về một điểm ở đằng xa, ở phía tường bên kia. Tôi hiểu rằng cuộc đàm thoại đã chấm dứt, và Ngài nói như thế đã đủ. Tôi cũng lấy làm hài lòng vì đã được yết kiến Ngài thêm một lần nữa.

Thời gian thấm thoát trôi qua, và ngày vĩnh biệt đức Tôn Sư đã đến. Chiều hôm ấy, tôi bước vào nhà Tịnh Xá, hai giờ trước khi cỗ xe bò đến để chở tôi lên đường và từ giã nõi đạo viện êm đềm ở chốn rừng hoang u tịch này.

Không khí trong phòng phảng phất mùi hương trầm thơm ngát. Đức Maharichi ngồi bán dà trên divan, chăm chú nhìn tôi, không nói một lời. Tôi nhận thấy bên cạnh Ngài cái vò nước bằng đất nung và cây gậy trúc. Đó là tất cả vật sở hữu của Ngài trên mặt đất, nó là sự trả lời hùng biện cho cái bản năng chiếm hữu, cho sự khao khát của cải của người thế gian.

Bỗng nhiên đôi mắt mở lớn của Ngài lại đứng tròng, toàn thân Ngài lại trở nên ngay ngắn như pho tượng, đầu Ngài, hơi thở lắc lư qua lại vài cái trước khi ngừng hẳn. Trong vài phút, đức Maharichi lại chìm đắm trong cơn nhập định mà tôi đã thấy khi mới đến. Có người bước lại một bên tôi và kề tai nói nhỏ:

- Đức Maharichi đang nhập định. Chúng ta không nên nói chuyện.

Chung quanh mọi người đều im lặng, sự im lặng càng trở nên thâm trầm với giờ phút trôi qua Tôi tự thả trôi theo một sự sùng kính thiêng liêng nó xâm chiếm lấy tôi một cách khó cưỡng lại được, chẳng khác nào

như con ong bị hấp dẫn bởi mùi hương của cái hoa. Một mãnh lực vô hình, huyền bí phảng phất trong không khí của gian phòng và tôi không còn nghi ngờ gì nữa rằng nguồn mãnh lực đó là từ đức Maharichi tỏa ra. Đôi mắt Ngài chiếu sáng một cách đặc biệt.

Tôi cảm thấy trong mình tôi có những cảm giác lạ lùng. Cặp mắt sáng rực như tia lửa của Ngài dường như soi thấu vào những chỗ bí ẩn nhất của tâm hồn tôi. Tôi nhận định rằng Ngài nhìn thấy rõ hết tất cả những gì của tôi:

Tư tưởng, tình cảm, dục vọng và tôi hoàn toàn bất lực trước quyền năng của Ngài. Trước hết tôi cảm thấy khó chịu, vì tôi biết rằng không có gì trong cuộc đời dĩ vãng của tôi mà Ngài không nhìn thấy, và tôi không thể dấu diếm che đậy cuộc đời quá khứ của tôi, nhưng tôi cảm thấy một cách mơ màng rằng sự quan sát tỉ mỉ đó sẽ có nhiều ích lợi cho tôi trong tương lai.

Và như vậy, tất cả những sự yếu đuối lầm lạc của tôi trong dĩ vãng, tất cả những ưu điểm và khuyết điểm của tôi đều biểu hiện rõ ràng trước cặp mắt của Ngài. Nhưng đồng thời, tôi cũng được an tâm, vì như thế chắc Ngài cũng sẽ thấy luôn cả tấm lòng mộ Đạo của tôi, nó thúc giục tôi từ giã quê hương, gia đình, lánh xa cuộc đời phồn hoa tục lụy và lao mình vào chốn rừng sâu núi thẳm để tìm những người như Ngài.

Lần lần tôi cảm giác được rõ ràng cái luồng thần giao cách cảm giữa đôi mắt đứng tròng của Ngài và cái nhìn non nớt của tôi, nó như dẫn dụ và mời mọc tâm hồn tôi hãy cùng chia sẻ cái trạng thái an tịnh vô biên và trường cửu của Ngài. Cái niềm an tịnh lạ lùng đó cũng đi kèm với một cái cảm giác nhẹ nhàng lâng lâng và an lạc tuyệt vời không có gì sánh kịp. Thời gian dường như ngừng lại. Tâm hồn của tôi đã trút được cái gánh nặng của những điều thắc mắc ưu phiền. Dường như kể từ nay, tôi đã vĩnh viễn được che chở, không còn bị những nỗi đắng cay của sự thất bại, và nỗi đau buồn của những dục vọng không được thỏa mãn.

Tôi nhận định một cách thâm sâu rằng cái bản năng nó bắt buộc con người hãy ngẩng mặt lên và hãy hy vọng trong sự tuyệt vọng, nó nâng đỡ con người trong những giờ phút tối tăm đau khổ, là một cái bản năng không bao giờ lầm lạc, vì nó vốn thuộc về tánh chất thiêng liêng. Trong cái im lặng thần tiên đó, mà đồng hồ ngừng chạy, thời gian ngừng trôi, mà những đau khổ và lầm lạc của dĩ vãng đã lùi lại vào đúng chỗ của nó, thì hình như toàn thân của tôi hỗn hợp làm một với đức Tôn Sư, hình như tôi đã cảm được sự minh triết đến mức tột độ, và cái nhìn sáng rực của Ngài có cái quyền năng giống như một chiếc đũa thần nó gợi cho ta thoáng thấy một cõi giới siêu linh đầy những sự huy hoàng huyền diệu bất ngờ.

Đã bao lần tôi lấy làm ngạc nhiên mà thấy những đệ tử của Ngài trong nhiều năm sống tại Đạo viện, hàng ngày vẫn cứ đến ngồi dưới chân đức Tôn Sư, cũng chẳng nghe được bao nhiêu lời dạy bảo của Ngài, mà tự bằng lòng với cuộc đời trầm lặng như thế, không có một sự hoạt động nào bên ngoài để tự nâng đỡ hay giải trí. Bây giờ tôi mới bắt đầu hiểu một cách trực tiếp, do kinh nghiệm cá nhân của tôi, rằng mỗi ngày trôi qua đều đem lại cho họ một cái phần thưởng tuyệt diệu.

Sau nhiều giờ ngồi tịnh tâm trong gian phòng im lặng như tờ, có người lẳng lặng đứng dậy và rón rén nhẹ bước đi ra. Một người khác cũng đứng dậy, rồi một người nữa, và trong giây lát, chỉ còn có một mình tôi ngồi đối diện với đức Maharichị Khi đó, kỳ lạ thay, đôi mắt của Ngài cử động, Ngài thu tầm nhãn quang lại giữa đôi mi hé mở.

Tôi cảm thấy dường như thân mình tôi trở nên nhẹ nhàng và cùng với Ngài bay bổng trong không gian vô tận. Đó là một giờ phút quyết liệt. Nhưng tôi do dự, và sau cùng tôi phải gián đoạn trước tiên cái giây phút huyền diệu đó, và tức khắc tôi đã trở về với thể xác của tôi. Cả Tôn Sư và tôi, không ai nói một lời nào. Tôi bèn thu thập tinh thần, nhìn đồng hồ trên vách và lẳng lặng đứng dậy, giờ lên đường đã sắp đến.

Tôi cúi đầu từ giã đức Tôn Sư, Ngài cũng nghiêng đầu đáp lại. Tôi thốt ra vài lời cảm ơn, Ngài nhận

lãnh mà không nói gì. Tôi còn do dự bước chân trên ngưỡng cửa nhưng bên ngoài, tiếng reo của chiếc lục lạc đồng trên cỗ xe bò đã vọng đến tai tôi, và tôi chắp hai tay lại một lần cuối cùng để chào vĩnh biệt. Chúng tôi từ giã nhau như thế đó.

Chương 8: Tu Sĩ Và Thuật Sĩ

Tôi đã có dịp nhận định rằng các nhà tu sĩ ở Ấn Độ gồm một thành phần vô cùng phức tạp. Trong số đó, phần nhiều là những người tốt và vô hại, mặc dầu họ có vẻ rất nghèo nàn về phương diện quyền năng hay minh triết. Có một số gồm những người thất bại ở ngoài đời hoặc là những người lười biếng không muốn làm việc nhọc xác. Một trong những người này đến gần tôi để xin tiền. Đầu tóc rối nùi, thân thể bôi tro và bộ mặt bất hảo của y làm cho y có một hình dáng bề ngoài ghê tởm. Tôi bèn cưỡng lại sự đường đột của y để thử xem kết quả ra sao. Sự chống cự của tôi càng làm cho y đeo lấy tôi như đỉa đói. Sau cùng y thử dùng một chiến thuật mới bằng cách đòi bán cho tôi xâu chuỗi bồ đề của y. Đó là một vật coi rất dơ bẩn mà có lẽ y rất quý trọng, vì y đòi bán với một giá rất cao. Tự nhiên là tôi từ chối và quay đi chỗ khác.

Một số ít gồm những người khổ hạnh một cách vô lý và phô trương trước công chúng những sự hành thân hoại thể của họ. Có người đưa một cánh tay lên trời cho đến khi móng tay mọc dài ra đến năm tấc và xoắn tròn. Có người lại đứng một chân suốt nhiều năm ở một chỗ. Không biết rằng họ muốn đạt được những cái gì với những sự phô trương kém mỹ thuật đó, ngoài vài đồng xu mà người ta ném vào cái bát ăn xin của họ.

Một số người khác dường như dùng tà thuật một cách công khai. Họ là những thầy phù thủy hạ cấp của Ấn Độ và hoạt động phần nhiều trong các làng mạc ở thôn quê. Với một số tiền thù lao nhỏ, họ có thể làm hại kẻ thù của bạn, đem đến cho bạn một người đàn bà, hoặc giúp bạn thực hiện lòng tham vọng một cách dễ dàng bằng cách vật ngã kẻ địch thủ của bạn với một vài ám tật hoặc chứng bệnh kỳ lạ. Người ta vẫn thường nghe những chuyện ám muội và lạ lùng về những tay phù thủy Bàn Môn này. Họ cũng tự phụ rằng họ là những người Yogi, hay thuật sĩ (Fakir).

Còn lại một thiểu số những nhà tu sĩ có học thức và văn hóa, những người này đã bỏ ra nhiều năm tìm tòi và khổ công tu luyện, từ bỏ cuộc đời thế gian để bước vào con đường đi tìm Chân Lý. Họ có một cái bản năng nó nói cho họ biết rằng đạt tới Chân Lý tức là đạt được hạnh phúc vững bền. Người ta có thể hoài nghi về tánh cách hợp lý của vấn đề này, nghĩa là từ bỏ cuộc đời trần thế để chạy theo một cái viễn ảnh mông lung không có gì thiết thực, nhưng còn cái chí nguyện bên trong nó xui khiến họ dốc lòng tầm Đạo thì điều này vốn là thành thật và không ai nghi ngờ hay chất vấn.

Một người Âu trung bình không có thời giờ để dành cho một cuộc tìm tòi như thế. Người ấy viện một lý lẽ rất tốt để chấp nhận cái thái độ lãnh cảm chung của mọi người:

Y nghĩ rằng nếu y lầm lạc, thì tất cả vùng lục địa ở Tây Bán Cầu đều lầm lạc chung với nhau cả một xuồng, chứ không riêng gì một mình y. Trong cái thế hệ vật chất hiện tại, người ta coi sự đi tìm Chân Lý như một điều vô ích, nhưng người ta không ngờ rằng trong khi đó họ phung phí rất nhiều năng lực để theo đuổi những điều, mà xét cho cùng cũng chẳng phải là có ích lợi bao nhiêu và rốt cuộc cũng chỉ là những sự vật phù du giả tạm.

Thuở xưa, một người Tây phương đã từng đến viếng xứ Ấn Độ với một sứ mạng không giống như của tôi, nhưng những nhân vật mà y gặp ở xứ ấy đã làm cho y bị đánh lạc hướng, đến nỗi y suýt nữa đã quên hẳn mục đích đầu tiên của cuộc hành trình. Đó là vua A Lịch Sơn Đại Đế (Alexander The Great), đem binh chinh phục các xứ phương Đông để nới rộng giang sơn bờ cõi. Người đã gần trở thành một triết gia khi rời khỏi xứ này.

Tôi thường phỏng đoán những ý nghĩ của vua A Lịch Sơn khi Ngài ngồi trên chiến xa vượt qua các

vùng núi non tuyết phủ và những bãi sa mạc hoang vu trên đường khải hoàn trở về xứ sở. Trong thời gian ở xứ Ấn Độ, vua A Lịch Sơn đã từng bị chinh phục bởi các nhà Hiền giả và Đạo sĩ Yogi mà Ngài gặp ở dọc đường. Ngài đã từng chất vấn và thảo luận sôi nổi với họ nhiều lần suốt nhiều ngày liên tiếp về các vấn đề triết lý. Nếu Ngài có dịp ở lại và sống chung với họ thêm vài năm nữa, có lẽ Ngài đã đưa thế giới Tây phương vào những con đường khác hẳn.

Trong số những nhà tu sĩ ở Ấn Độ ngày nay, vẫn còn có một vài người cố gắng hoạt động để giữ gìn cho lý tưởng đạo đức và ngọn lửa tâm linh của xứ sở họ vẫn luôn luôn bừng cháy. Phần nhiều trong số đó có thể là những kẻ dối trá bịp bợm:

đó là cái hậu quả không thể tránh khỏi của một thời đại suy tàn, nhưng ta đừng quên vì thế mà không biết đến một thiểu số còn lại là những bậc chân tu gương mẫu.

Như trên đã nói, giai cấp tu sĩ gồm một thành phần vô cùng phức tạp và hỗn độn đến nỗi người ta không thể dùng một cái nhãn hiệu chung, dầu là khen hay chê, để gán cho cả toàn thể. Tôi đã hiểu thái độ của những người sinh viên quá khích ở các nơi đô thị khi họ nói rằng tận diệt thành phần "Tu sĩ ăn bám" sẽ là một ân huệ tốt lành cho xứ Ấn Độ. Tôi cũng thông cảm không kém đối với những người đứng tuổi và ôn hòa hơn, khi họ nói với tôi rằng ngày nào mà xã hội Ấn không còn sản xuất nên những bậc Hiền Triết và Đạo sĩ chân tu của họ nữa, thì đó là ngày Ấn Độ bắt đầu suy tàn.

Vấn đề này có một tầm quan trọng riêng đối với xứ Ấn Độ, bởi vì nền kinh tế quẫn bách khó khăn của xứ ấy bắt buộc người ta phải duyệt xét lại giá trị của một vài vấn đề. Người tu sĩ thật ra không có thực hiện một vai trò hữu ích cho xứ sở về phương diện kinh tế. Hằng trăm người mệnh danh tu sĩ chỉ là những kẻ dốt nát và thất học, họ đi ta bà khắp nơi qua các làng và các thành phố trong những dịp hội hè, tế tự Ở các đền chùa.

Họ là những kẻ ăn mày xấc láo và lắm khi làm quấy rầy, phiền nhiễu. Họ là một gánh nặng cho xã hội vì họ không có ích gì cho đời để bù lại những gì họ thụ hưởng. Tuy nhiên, cũng có những tâm hồn cao quý đã từ bỏ địa vị cao sang hoặc bố thí hết tài sản của họ để dốc lòng tầm Đạo. Họ là những tấm gương lành, gây nguồn cảm hứng cho những người chung quanh, ở bất cứ nơi nào họ đi đến. Những cố gắng của họ để tự giác và giác ngộ kẻ khác, chắc hẳn là xứng đáng với mẫu bánh mì hay chén cơm lạt mà họ nhận được của bá tánh.

Tấm màn đêm vừa buông xuống thành phố khi tôi đi dạo chơi quanh quẩn trên những đường phố nhỏ hẹp ở Calcuttạ Tôi vẫn còn nghĩ đến cảnh tượng rùng rợn mà tôi vừa thấy hồi sớm mai. Chuyến xe lửa của chúng tôi chạy qua một khu rừng nguy hiểm đầy những loài beo gấm. Hồi đêm khuya, xe lửa cán nhằm một con beo và khi đến ga Howrah, xác con beo bị nghiền nát và đẫm máu hãy còn dính chặt vào những bánh sắt, và người ta đã phải vất vả khó nhọc lắm mới gỡ ra được.

Chuyến xe lửa này đầy chật hành khách, cũng như hầu hết những chuyến xe lửa chạy đường xa ở Ấn Độ. Trong toa xe mà tôi đã may mắn tìm được một chỗ nằm còn trống, những người bạn đồng hành của tôi gồm một nhóm khá phức tạp. Những người hành khách thảo luận công khai những vấn đề làm ăn kinh doanh của họ, nên chẳng bao lâu mọi người đều biết rõ họ là ai và từ đâu đến. Trong nhóm người này, tôi nhận thấy có một người Hồi giáo mặc áo dài bằng lụa đen, gài nút đến tận cổ và đội một cái mũ tròn cũng màu đen có thêu chỉ vàng rất đẹp.

Có một người thổ dân Mahratti miền Tây với cặp chân mày đậm, một người Marwari bịt khăn vàng thuộc giai cấp lái buôn, làm nghề cầm đồ và cho vay bạc. Sau cùng là một anh chàng tác người vạm vỡ, thuộc dòng Bà La Môn và làm nghề luật sự Tất cả đều là những người khá giả, có địa vị. Khi xe lửa ngừng ở mỗi nhà ga lớn, đều có những người gia nhân, tôi tớ đến săn đón và hỏi thăm những nhu cầu của chủ họ.

Người Hồi giáo, sau khi đã ban cho tôi một cái nhìn im lặng bèn nhắm mắt lại và ngủ một giấc ngủ của người hiền, người thổ dân Mahratti thì còn đang đàm luận sôi nổi với người lái buôn, người Bà La Môn thì vừa mới lên xe và còn chưa ngồi yên chỗ, về phần tôi, thì tôi đang có hứng muốn nói chuyện, nhưng không tìm được người đối thoại. Hình như có một bức rào vô hình ngăn cách tôi với những người hành khách khác, cũng như có nhiều sự cách trở giữa Đông và Tây phương.

Nhưng tôi liền cảm thấy thoải mái dễ chịu khi tôi thấy người Bà La Môn da mặt hồng hào lấy ra một quyển sách với một cái tựa lớn bằng chữ Anh nằm ngang một cách ngạo nghễ ở ngoài bìa "Đời sống của Ramakrishnạ" Tôi bèn nắm ngay lấy cơ hội để vào đề câu chuyện. Phải chăng có người đã nói với tôi rằng Ramakrishna là vị cuối cùng của những bậc siêu nhân ở Ấn Độ mà người ta gọi là các đấng Rishỉ Tôi bèn mở đề câu chuyện về điểm này với người đồng hành của tôi, và y sẵn lòng tiếp chuyện. Chúng tôi thảo luận về các vấn đề triết lý cao siêu, hoặc đề cập đến những khía cạnh thông thường của đời sống ở Ấn Độ.

Mỗi khi y nói đến danh từ Rishi (Chân Sư), thì giọng nói của y xúc động với một lòng kính mến, tôn sùng và một tia sáng hiện rõ trong cặp mắt của ỵ Lòng sùng tín của y đối với vị Chân Sư đã quá vãng này không còn phải nghi ngờ gì nữa. Sau hai giờ đàm luận, tôi được biết rằng người Bà La Môn này có một người Thầy, vị này lại là một trong những vị đệ tử còn sót lại của đức Ramakrishnạ Vị Tôn Sư của y nay đã gần tám mươi tuổi, và không sống ẩn dật ở một nơi hẻo lánh nào, mà ở ngay trung tâm khu bổn xứ của thành phố Calcuttạ Tôi xin địa chỉ của Thầy y thì y liền cho ngay và nói:

- Ông không cần giới thiệu, ông chỉ cần bày tỏ ý muốn gặp Người là đủ.

Chính vì lý do đó mà hôm nay tôi đến Calcutta để đi tìm nhà của danh sư Mahasaya, đệ tử của đức Ramakrishnạ Tôi đi qua một cái sân rộng giáp mặt đường lộ, cuối sân có một cái thang đưa lên một ngôi nhà lớn và có vẻ cổ xưa. Một người trẻ tuổi bước vào và yêu cầu tôi hãy đợi một lát. Sau đó mười phút tôi nghe có tiếng chân người bước vào phòng, tôi không cần có ai giới thiệu nữa. Một bậc kỳ lão đáng kính đã xuất hiện trước mặt tôi, giống như những vị tộc trưởng trong Kinh Thánh hồi thời của giáo chủ Moisẹ Người hơi sói đầu, có một bộ râu dài đã bạc trắng, một cốt cách nghiêm chỉnh, đôi mắt có vẻ trầm tý, đôi vai hơi còng vì gánh nặng của gần tám chục mùa đông; người đó không ai khác hơn là vị danh sư Mahasaya.

Ngài ngồi trên giường và day mặt lại phía tôi. Trước sự hiện diện nghiêm trang và đạo mạo của Ngài, tôi nhận định ngay rằng chỗ này không phải là chỗ nói chơi hay nói đùa. Thậm chí, những lời nói có vẻ hoài nghi hay châm biếm một cách trắng trợn mà tôi thường hay thốt ra một đôi khi, thật là không phải chỗ của nó ở đây. Bất cứ ai cũng có thể đọc được trên gương mặt và phong tư cốt cách của Ngài, một tâm hồn cao quý và một đức tin thuần khiết nơi đấng Thiêng Liêng. Ngài nói với tôi bằng một giọng Anh ngữ lưu loát:

- Tôi rất hoan hỉ mà được gặp ông ở đây.

Ngài bảo tôi xích lại gần và cùng ngồi trên giường với Ngài. Ngài cầm lấy bàn tay tôi trong một lúc. Tôi bèn tự giới thiệu và nói mục đích cuộc thăm viếng của tôi. Khi tôi đã nói xong, Ngài lại siết chặt bàn tay tôi một cách thân mật và nói:

- Một sức mạnh thiêng liêng đã dìu dắt anh đến xứ Ấn Độ và giúp cho anh gặp gỡ những bậc Hiền giả của xứ này. Việc ấy có một mục đích bí ẩn và tương lai sẽ tiết lộ cho anh biết. Anh hãy kiên nhẫn chờ đợi rồi anh sẽ biết rõ.

- Xin Ngài nói cho tôi biết vài điều về Sư Phụ Ngài, là đức Ramakrishna.

- À! Đó là một vấn đề tâm sự mà tôi thích nói nhất. Sư Phụ qua đời đã gần nửa thế kỷ nay, nhưng tôi

không thể nào quên được Ngài, hình ảnh của Ngài vẫn luôn luôn sống động và bất diệt trong tim tôi. Hồi đó, tôi hãy còn là một thanh niên mới hai mươi bảy tuổi khi tôi gặp Ngài, và sau tôi vẫn luôn luôn sống bên cạnh Ngài trong những năm cuối cùng trước khi Ngài viên tịch. Kết quả là tôi đã trở nên một người hoàn toàn thay đổi, thái độ của tôi đối với cuộc đời đã đổi hẳn kể từ khi đó. Đó là do ảnh hưởng lạ lùng của đức Ramakrishnạ Ngài gieo một sự xúc cảm tâm linh mãnh liệt cho tất cả những ai đến viếng Ngài. Ngài làm cho họ say mê, ngây ngất. Thậm chí những kẻ nặng mùi vật chất định đến để đùa cợt chế nhạo, đều câm miệng vì ngạc nhiên trước mặt Ngài.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Nhưng làm sao những người đó có thể cảm thấy kính phục trước vấn đề tâm linh, một vấn đề mà họ không hề tin tưởng?

Đức Mahasaya mỉm cười đáp:

- Ta hãy đưa hạt tiêu cho hai người nếm thử. Một người biết rõ và đã quen mùi, còn người kia chưa biết hạt tiêu là gì. Tuy vậy, phải chăng cả hai người cùng nếm một hương vị giống như nhau? Phải chăng cả hai người cùng cảm giác được vị cay của hạt tiêu trên đầu lưỡi? Cũng y như thế, người vật chất phàm tục tuy không biết gì về sự cao cả tâm linh của đức Ramakrishna, nhưng không phải vì thế mà họ không nếm được cái ảnh hưởng tâm linh thấm nhuần nó toát ra từ toàn thân Ngài.

- Như vậy, phải chăng Ngài quả là một bậc Siêu Nhân?

- Đúng thế, và theo tôi tưởng thì Ngài còn cao hơn bực đó nữa. Ramakrishna là một người giản dị, dốt chữ và thất học. Ngài dốt chữ đến nỗi không viết được chữ ký tên, đừng nói chi viết một lá thụ Ngài rất khiêm tốn về hình dáng bề ngoài, và còn khiêm tốn hơn nữa về cách sinh hoạt. Tuy thế, Ngài thâu phục được tấm lòng tôn kính sùng mộ của những bậc thượng lưu trí thức đương thời của xứ Ấn Độ. Những người này phải cúi đầu trước cái mãnh lực tâm linh cao cả của Ngài nó tỏa ra một cách thật sự đến nỗi người ta có thể cảm giác được. Ngài dạy chúng ta biết rằng những tiền tài danh vọng, giàu sang, địa vị, quyền tước ở đời này chỉ là những thứ phù vân không đáng kể so với đạo đức tâm linh, và chỉ là những trò hư ảo nó gạt gẫm giác quan con người.

Những ngày tuyệt diệu thuở xưa kia, nay còn đâu. Hồi đó, Ngài thường hay đắm chìm trong những cơn đại định có một tính cách thiêng liêng đến nỗi chúng tôi ngồi chung quanh Ngài trong khi đó cảm thấy Ngài dường như là một vị Thần Thánh chớ không phải là Người. Một điều lạ, là Ngài có cái quyền năng đưa những đệ tử vào cái trạng thái xuất thần nhập định đó với một cái sờ nhẹ bằng bàn taỵ Trong trạng thái đó, họ có thể hiểu những điều huyền diệu thâm sâu về đấng Thiêng Liêng bằng sự linh cảm trực tiếp. Để tôi nói cho anh nghe Ngài đã ảnh hưởng đến tôi như thế nào.

Tôi đã hấp thụ một sự học vấn theo giáo dục Âu Tây và lấy làm tự hào về cái kiến thức của mình. Tôi đã từng làm giáo sư Đại Học ở Calcutta, dạy các môn văn khoa, Anh ngữ, lịch sử và môn kinh tế chính trị. Hồi đó đức Ramakrishna ở tại đền Dakshineswar, cách thành phố Calcutta chừng vài dặm. Tại đó, một ngày mùa xuân mà tôi vẫn nhớ mãi, tôi đã gặp Ngài bày tỏ với những lời lẽ giản dị những ý tưởng về tâm linh do kinh nghiệm trực tiếp của Ngài. Tôi định thử bàn luận vài điều, nhưng tôi không nói được gì cả trước sự có mặt thiêng liêng của Ngài, mà ảnh hưởng đối với tôi quá thâm trầm sâu sắc để có thể thốt ra bằng lời. Từ đó trở đi, tôi lại đến viếng Ngài nhiều lần, và không thể nào ở cách xa Ngài được nữa, cho đến một ngày kia, đức Ramakrishna nói đùa một cách hài hước:

- Có người đem cho con công ăn một liều thuốc phiện. Qua ngày hôm sau, con công lại đến vào đúng giờ như hôm quạ Nó đã say mê mùi thuốc phiện và đến tìm một liều khác.

Quả thật đúng như vậy. Tôi không bao giờ từng được hưởng những giờ phút an lạc tuyệt vời như khi tôi sống gần đức Ramakrishnạ Vì thế, không ai lạ gì mà thấy tôi trở lại với Ngài luôn luôn. Bởi đó, tôi đã trở nên một trong những đệ tử thân tín của Ngài, khác hẳn với những khách viếng thăm qua đường. Một ngày kia, Sư phụ bảo tôi:

- Thầy nhận trong tướng mặt, cặp mắt và chân mày của con có những dấu hiệu chỉ rằng con là một người Yogị Con hãy làm việc hết lòng, nhưng vẫn để tâm trí của con nơi đấng Thiêng Liêng. Gia đình, cha mẹ, vợ con, con hãy sống với họ và nuôi dưỡng họ như những người thế gian. Con rùa bơi lội trên mặt hồ, nhưng tâm trí nó vẫn đặt ở một nơi trên hồ mà nó để trứng. Con hãy làm công việc thế gian, nhưng hãy đặt tâm trí nơi Thượng Đế.

Sau khi Sư Phụ chúng tôi từ trần, phần nhiều các đệ tử tình nguyện xuất gia, khoác bộ áo vàng và đem truyền bá giáo lý của đức Thầy ở khắp nơi trong xứ Ấn Độ. Riêng tôi, tôi không bỏ nghề nghiệp cũ và vẫn tiếp tục dạy học. Tuy nhiên, tôi đã quyết định dứt bỏ cuộc đời trần thế tự trong tâm, mặc dầu bề ngoài tôi vẫn sống như mọi người.

Có nhiều đêm, tôi đi lang thang như kẻ không nhà, và ngủ trên các vỉa hè của thành phố, chung lộn với những kẻ ăn mày hành khất. Điều này đem đến cho tôi cái cảm giác, ít nhất là tạm thời, của một người cùng đinh không tài sản không gia đình.

Ramakrishna không còn nữa, nhưng nếu anh đi châu du khắp xứ Ấn Độ, anh sẽ thấy những công trình cứu tế xã hội, từ thiện, y tế và giáo dục được thực hiện khắp nơi trong xứ dưới sự hướng dẫn của những vị đệ tử của Ngài thưở xưa, mà phần đông nay cũng đã qua đời. Điều mà anh không thấy một cách hiển hiện rõ ràng là những người đã hoàn toàn thay đổi tâm tính và xoay hướng cuộc đời của họ, nhờ ảnh hưởng của đức Tôn Sự Giáo lý của Ngài đã được truyền khẩu qua các vị đệ tử, những vị này về sau lại truyền bá rộng rãi trong dân chúng.

Tôi đã được hân hạnh ghi chép những lời dạy của Ngài bằng tiếng Bengali, những sách vở in ra những giáo lý đó rất phổ thông khắp cả mọi gia đình trong tỉnh Bengale và những bản dịch cũng được phát hành đi khắp các vùng ở Ấn Độ. Như thế, anh thấy ảnh hưởng của Ramakrishna đã bành trướng rộng rãi như thế nào ngoài vòng của nhóm đệ tử thân tín.

Đức Mahasaya ngừng nói và đắm chìm trong im lặng. Tôi nhìn kỹ gương mặt của Ngài và lấy làm ngạc nhiên mà thấy rằng Ngài có những nét mặt và màu da không giống như của người Ấn Độ. Diện mạo và cốt cách của Ngài thật là cao quý đạo mạo tuyệt vời. Lòng hảo tâm, thiện chí, đạo đức, từ bi và thành thật của Ngài biểu lộ rõ ràng. Ngài có cái đức tự trọng của một người đã từng sống một cuộc đời hoàn toàn tuân theo tiếng gọi của lương tri.

Tôi hỏi:

- Không biết đức Ramakrishna sẽ nói như thế nào với một người không thể chỉ sống bằng đức tin mà thôi, mà còn phải thỏa mãn lý trí nữa?

- Ngài sẽ bảo người ấy hãy cầu nguyện. Cầu nguyện là một sức mạnh rất nhiệm mầu. Chính Ramakrishna đã cầu nguyện Thượng Đế hãy gởi đến cho Ngài những người có đạo tâm, và sau đó ít lâu, liền xuất hiện những người dốc lòng tìm đạo, về sau trở nên những vị đệ tử của Ngài.

- Nhưng nếu người ấy chưa từng cầu nguyện bao giờ, thì làm sao?

- Cầu nguyện là cái phương tiện, nó là cái phương sách tối hậu của con người. Khi nào lý trí của y thất bại, thì cầu nguyện sẽ giúp y đạt tới mục đích.

- Nhưng nếu có người nói rằng sự cầu nguyện không thích hợp với bản tính của họ, thì ông sẽ nói sao?

- Nếu vậy, người ấy hãy nên thường giao du, kết hợp với những bậc chân tu đại đức đã từng có nhiều kinh nghiệm về đường tâm linh. Sự tiếp xúc gần gũi với những bậc ấy sẽ giúp cho y khai mở đạo tâm hãy còn tiềm tàng của y. Những vị đã tiến hóa cao có thể giúp chúng ta hướng tâm tư ý chí của mình theo về những mục đích cao cả. Trên hết mọi sự, các vị ấy kích thích cho chúng ta có một lòng mong ước mãnh liệt muốn sống một cuộc đời tâm linh.

Bởi vậy, sự tiếp xúc giao thiệp với những bậc đó là một bước đầu tiên rất quan trọng, và nó cũng thường là bước cuối cùng, như Ramakrishna vẫn thường nói. Như thế, chúng tôi thường đàm luận về những vấn đề đạo đức tâm linh trong những ngày tôi còn lưu trú ở Calcutta. Suốt những buổi chiều, luôn luôn có khách đến viếng cho đến khi gian phòng chứa đầy những người Ấn Độ, đệ tử của đức Mahasaya. Họ đến đều đều mỗi đêm và bước lên thang lầu của ngôi nhà để nghe một cách chú ý mỗi lời nói do thầy của họ thốt ra. Tôi cũng nhập bọn với họ trong thời gian. Tôi đến đều đều mỗi đêm thật ra không phải để nghe đức Mahasaya thuyết pháp, mà là để tắm mình trong bầu không khí tâm linh sáng lạn do sự hiện diện của Ngài tạo nên. Bầu không khí chung quanh Ngài thật là tốt lành, êm đẹp, dịu dàng và đầy thiện cảm, Ngài đã tìm thấy sự an lạc bên trong và cái an lạc đó tỏa ra chung quanh một cách thật sự, dường như người ta có thể cảm biết được.

Tôi thường không nhớ hết những lời nói của Ngài thốt ra, nhưng tôi không thể nào quên cái phong độ hiền từ, nho nhã của Ngài. Trước kia đức Ramakrishna đã từng hấp dẫn Ngài như thế nào, thì ngày nay Ngài cũng hấp dẫn tôi giống y như thế, và tôi bắt đầu hiểu rằng nếu Ngài là đệ tử mà có một sức thu hút mãnh liệt như thế đối với tôi, thì vị Tôn Sư Ramakrishna còn có ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu rộng đến đâu.

Đêm ấy là đêm cuối cùng mà tôi có mặt tại nhà đức Mahasaya. Tôi quên cả thời gian khi tôi ngồi bên cạnh Ngài trên chiếc giường gỗ. Giờ khắc trôi qua một cách mau chóng, sau khi chúng tôi đã dứt câu chuyện, Ngài cầm tay tôi và dắt tôi ra đứng trên nóc bằng để hóng mát. Dưới ánh trăng rằm trong sáng, tôi nhìn thấy những cây kiểng và những khóm hoa đựng trong chậu sắp thành hàng coi rất đẹp. Dưới chân chúng tôi, chiếu muôn ngàn ánh đèn rực rỡ của thành phố Calcutta. Đức Mahasaya đứng yên lặng cầu nguyện trong một lúc, khi đã xong, Ngài mới day lại, đưa tay lên ban ân huệ và đặt nhẹ bàn tay lên trán tôi.

Tôi cúi đầu một cách khiêm tốn trước mặt Ngài, tuy rằng tôi không có lòng tín ngưỡng tôn giáo. Sau một lúc im lặng, Ngài nói với một giọng nhẹ nhàng:

- Sứ mạng của tôi đã gần chấm dứt. Cái thể xác này đã gần làm tròn công việc của nó trong kiếp hiện tại. Anh hãy nhận lấy ân huệ của tôi trước khi tôi đi.

Ngài đã làm tôi xúc động một cách lạ lùng. Bận về, tôi đi bách bộ thơ thẩn qua nhiều đường phố và quên cả giấc ngủ. Tôi nghĩ rằng nếu ở thế gian này có một người nào có thể làm cho tôi thoát khỏi sự hoài nghi và sống với một đức tin đơn giản, thì người đó không ai khác hơn là vị danh sư Mahasaya.

Bác sĩ Bandyo, giám đốc một bệnh viện tại Calcutta, là một trong những chuyên viên giải phẫu có tài nhất ở thành phố này. Ông đã thực hiện được tất cả sáu ngàn cuộc giải phẫu, và tôi đã có dịp thảo luận với ông về một vài điều hiểu biết về khoa Hatha Yoga mà tôi đã thâu nhập được. Tầm kiến thức rộng rãi của ông về ngành Y học và khoa Cơ Thể Học đã giúp ích cho tôi hiểu thêm về vấn đề Yoga trên một bình diện khoa học.

Bác sĩ nói:

- Tôi hầu như không biết gì về khoa Yoga. Đó là một vấn đề mới lạ đối với tôi. Tôi cũng chưa từng gặp một người Yogi nào, ngoài ra Narasingha Swami, người này đến Calcutta cách đây không lâu.

Tôi hỏi thăm về người Yogi này, nhưng câu trả lời làm tôi thất vọng:

- Narasingha Swami đã đến Calcutta, gây một luồng dư luận sôi nổi, rồi sau đó đi đâu không ai biết. Hình như y đã sống ẩn dật trong vùng nội địa trước khi đến thành phố này, như vậy có lẽ y đã trở về nơi am thất của y.

- Xin bác sĩ cho biết việc gì đã xảy ra?

- Y đã làm cho cả thành phố bàn tán về y trong một thời gian ngắn. Người đã khám phá ra y là bác sĩ Neoghy, giáo sư Hóa học tại trường Đại Học Calcutta, cách độ một hai tháng về trước tại Madhuporẹ Bác sĩ Neoghy thấy y liếm vài giọt của một chất cường toan rất độc, và để than hồng vào miệng ngậm cho đến khi hòn than tắt hẳn.

Bác sĩ lấy làm ngạc nhiên và mời người Yogi đến Calcuttạ Trường Đại Học của thành phố này liền tổ chức một buổi trình diễn công cộng để cho Narasingha biểu diễn quyền năng của y trước một cử tọa gồm toàn là các nhà bác học và y sĩ. Tôi cũng có trong số những người được mời đến chứng kiến. Cuộc biểu diễn được tổ chức tại giảng đường Vật Lý Học. Chúng tôi là một thành phần gồm các nhà khoa học, có một khối óc phê bình chặt chẽ, và như ông đã biết, tôi ít có chú ý đến các vấn đề tôn giáo, Yoga, và những vấn đề tương tự, vì tôi đã để hết thời giờ và tâm trí vào ngành Y khoa.

Người Yogi đứng ngay chính giữa giảng đường, và người ta đưa cho y những thứ thuốc độc lấy trong phòng thí nghiệm hóa học của trường. Trước hết, chúng tôi đưa cho y một lọ lưu huỳnh toan (acide sulfurique). Y rót vài giọt trên lòng bàn tay của y và đưa lưỡi liếm. Kế đó người ta đưa cho y một lọ cường toan Phenol, và y cũng làm như trên. Chúng tôi liền thử với một loại thuốc độc dữ nhất, là chất Cyanure de Potassium, nhưng y nuốt luôn cả thứ này mà vẫn dửng dưng như không.

Sự kiện này thật là lạ lùng và thật không thể nào tin được, tuy nhiên chúng tôi vẫn phải chấp nhận bằng chứng hiển nhiên đang diễn ra trước mắt chúng tôi. Y đã nuốt một liều Cyanure de Potassium đủ mạnh để giết chết một người trong vòng ba phút đồng hồ; tuy thế, y vẫn đứng trơ trơ nhăn răng cười và không suy chuyển tí nào cả.

Sau đó, một chai thủy tinh dầy được đập vỡ ra từng mảnh và tán ra thành bột. Narasingha Swami nuốt luôn cả thứ bột miểng chai này, là một thứ giết người một cách chậm chạp. Ba giờ sau khi y đã nuốt trôi bữa ăn khác thường này, một vị bác sĩ trong bọn liền đặt ống bơm vào bao tử của người Yogi và bơm ra những gì còn lại. Những loại thuốc độc kể trên vẫn còn y nguyên trong bao tử. Qua ngày hôm sau, người ta nhận thấy chất bột miểng chai trộn lẫn với phân của y đi đại tiện ra ngoài.

Cuộc thí nghiệm của chúng tôi đã quá rõ ràng. Người ta thử lại cái cường độ của chất lưu huỳnh toan, thì thấy nó làm tan rã một vật bằng đồng. Trong số những người có mặt trong cuộc trình diễn, có Sir C.V Raman, nhà bác học trứ danh chiếm giải thưởng Nobel, ông này tuyên bố rằng cuộc trình diễn của người Yogi là một sự thách thức lớn lao đối với khoa học hiện tại.

Khi chúng tôi hỏi Narasingha Swami làm sao y có thể bắt thể xác của y chịu đựng được những sự thí nghiệm đó, thì y nói rằng ngay sau khi trở về nhà, y liền ngồi xuất thần nhập định theo phương pháp Yoga, và bằng cách tập trung tư tưởng, y sẽ phá tan ảnh hưởng khốc hại của các thứ thuốc độc.

Tôi được biết rằng Narasingha Swami đã trở lại Calcutta sau đó ít lâu và đi qua Ngưỡng Quang (Rangoon), thủ đô Miến Điện. Tại đây, y cũng trổ tài trong một cuộc trình diễn tương tự, nhưng khi về đến nhà, vì có khách đến thình lình nên y quên ngồi nhập định và xuất thần theo như thường lệ. Kết quả là y đã bị thuốc độc vật ngã một cách mau chóng và chết sau đó.

Tôi bèn hỏi bác sĩ Bandyo:

- Bác sĩ có thể giải thích sự kiện này bằng lý luận Y học được chăng?

Vị bác sĩ lắc đầu:

- Không, tôi không thể giải thích nổi. Việc này hoàn toàn làm tôi ngạc nhiên và không hiểu ra sao cả.

Khi tôi trở về nhà, tôi lục trong mớ tài liệu cất kỹ trong rương để tìm quyển sổ mà tôi đã ghi chép những cuộc nói chuyện của tôi với Brama, người đạo sĩ trên bờ sông Adyar độ nọ. Tôi lật qua vài trang và thấy những dòng tài liệu này:

"Những thuốc độc dầu mạnh đến bực nào cũng không thể làm hại được đạo sĩ đã thực hành giai đoạn Đại Công Phụ Giai đoạn này gồm có sự phối hợp một vài loại tư thế, phép khí công, luyện ý chí và tập trung tư tưởng. Theo truyền thuyết của môn phái chúng tôi, nó làm cho người Đạo sĩ có cái quyền năng nuốt vào bụng bất cứ vật gì, dầu là thuốc độc mà không tổn hại đến sức khỏe. Đó là một phép công phu rất khó và phải được luyện tập một cách đều đặn và thường xuyên, nếu muốn cho có kết quả tốt đẹp. Tôi có nghe nói về một người Yogi sống ở thành Bénarès có thể uống rất nhiều thuốc độc mà không sao cả. Vị Yogi này tên là Trailingya Swami, y rất có tiếng tăm ở thành phố này hồi thời kỳ đó, nhưng y đã qua đời từ nhiều năm nay Trailingya là một đạo sĩ có bản lĩnh rất cao cường về môn Hatha Yoga Y thường ngồi trên bờ sông Hằng suốt nhiều năm, gần như không mặc áo quần gì cả, nhưng không ai có thể nói chuyện được với y, vì y đã phát nguyện giữ tịnh khẩu."

Tôi tưởng rằng sự kiện này thật là không thể tin và không thể có được, thì những lời Brama đã giải thích cho tôi rõ lần đầu tiên về vấn đề này. Đôi khi tôi đã lấy làm thắc mắc về những việc làm không thể tin và không thể hiểu được của những người đạo sĩ Yogi Nhưng biết đâu, có lẽ họ nắm giữ được những bí quyết mà đời sống của người phương Tây đang cố gắng để khám phá bằng một ngàn cuộc thí nghiệm khoa học?

Chương 9: Vị Pháp Sư Thành Ba Nại La

Chuyến xe lửa của tôi vọt lên chiếc cầu sắt lớn bắc ngang qua sông Hằng cổ kính và thiêng liêng, phát ra những tiếng động ầm ầm càng biểu lộ thêm một bằng chứng xâm lăng của thế hệ cơ giới tân tiến đối với một xã hội cổ xưa và bảo thủ. Con sông Hằng linh thánh chắc sẽ không còn linh thánh được bao lâu nữa khi mà những người ngoại chủng vô tín ngưỡng bắt đầu phóng những đoàn hỏa xa gầm thét như sống động vượt ngang dòng nước xám xanh và yên lặng của nó.

Thành Ba Nại La! Sử Ấn Độ chép rằng Ba Nại La là một thành phố đã có từ mười hai thế kỷ trước Tây lịch kỷ nguyên. Người Ấn Độ coi thành phố này như một nơi Thánh Địa. Giàu hay nghèo, sang hay hèn, tất cả mọi người ở khắp mọi nơi trong xứ đều chiêm ngưỡng Thánh Địa Ba Nại La, và cố gắng đi đến đây ít nhất là một lần trong một đời người để được tắm mình trong bầu không khí linh thiêng. Những kẻ đau ốm, hấp hối cũng tìm mọi phương tiện để có mặt ở nơi đây trong những ngày cuối cùng của họ, vì họ tin rằng chết ở đất Thánh sẽ được vĩnh viễn thăng lên cõi Thiên Đàng và thoát khỏi vòng Luân Hồi Sinh Tử.

Qua ngày hôm sau, tôi đi thẩn thờ qua các đường phố nhỏ hẹp trong thành phố để tìm nhà của một vị pháp sư, mà một người đệ tử ở Bombay đã cho tôi địa chỉ. Tôi đi qua những con đường chật hẹp đến nỗi một chiếc xe không thể chui lọt vào. Tôi đi lần theo những phố xá buôn bán đông đảo tấp nập, tại đây người ta thấy nhiều sắc dân đủ mọi chủng tộc và đủ mọi hạng người trong xã hội chen chúc lẫn nhau. Khu vực này gồm có nhiều đường quanh co khúc khủyu, đi vào đây người ta có cảm giác như đi lạc vào một Mê Hồn Trận. Thêm vào đám rừng người hỗn tạp đó là những con chó hoang chạy rong và những bầy ruồi nhặng bu ở các quầy hàng.

Có những bà lão tóc bạc da mồi, mắt lòa chân chậm, những thiếu phụ còn trẻ, gương mặt nõn nà, mặc những chiếc Sari màu mè sặc sỡ, những người đi hành hương tay lần chuỗi bồ đề, miệng lầm thầm tụng niệm những câu chân ngôn mà họ lập đi lập lại có lẽ đến năm chục ngàn lần. Những tu sĩ khổ hạnh khoác bộ áo vàng, chống gậy lê bước đi chậm rãi, nét mặt trầm tư, và còn bao nhiêu nhân vật khác nữa, tất cả đều cùng chen chúc nhau trên những con đường nhỏ hẹp từ khu mê lộ này đưa xuống tận bờ sông Hằng.

Tôi đi lần theo một khu phố náo nhiệt ồn ào, màu sắc rực rỡ. Vừa qua một khúc quanh, tôi đã đứng trước cổng ngôi Đền Vàng, là một ngôi đền rất được sùng thượng trong các giới tôn giáo chính thống ở Ấn Độ. Có những người tu sĩ hành khất bôi tro đầy mình, ngồi xếp thành hàng ở ngoài cổng đền. Những người hành hương ra vào tấp nập không dứt, có người đem những tràng hoa vào đền, màu hoa tươi sặc sỡ coi rất vui mắt. Những người từ trong đền bước ra kính cẩn cúi đầu rạp xuống, lấy trán đụng vào bực thềm đá trước cổng rồi mới ra đi.

Hai mái bầu tròn, làm bằng vàng khối rất dày, chói lòa dưới ánh nắng mặt trời. Những con két kêu vang bu lại rất đông trên một ngọn tháp gần bên. Ngôi Đền Vàng này thờ thần Shiva, một vị Thần tối cao của Ấn Giáo.

Tôi vẫn tiến bước, đến gần ngưỡng cửa của một ngôi đền khác và nhìn xem người ta đang lễ Thần Krishnạ Người ta đốt chất long não trước một tượng Thần bằng vàng, tiếng chuông trong đền ngân không dứt, tiếng tù và thổi vang tai. Một vị sư tăng gầy gò khắc khổ bước ra và nhìn tôi với cặp mắt dò xét. Tôi liền bước đi chỗ khác.

Tôi đi xuyên qua những con đường tối tăm, chật hẹp, để tìm nhà vị pháp sự Sau cùng, tôi đến một con đường có những tòa nhà to lớn đồ sộ, trước nhà có sân rộng rãi khoảng khoát. Tôi tiến đến một cửa cổng

bên ngoài có một tấm bia đá khắc chữ "Vishudha" Tôi bước vào cổng, vì đây là ngôi nhà mà tôi tìm kiếm, và tiến đến gần một người ngồi ở ngoài hàng bạ Đó là một thanh niên có vẻ mặt thông minh lanh lợi. Tôi hỏi thăm vị Pháp Sư và được đưa vào trong nhà.

Trong một gian phòng rộng rãi, tôi thấy có một nhóm người Ấn Độ ăn mặc chỉnh tề, ngồi xếp bằng theo hình bán nguyệt dưới sàn gạch. Một vị trưởng lão có một chòm râu bạc ngồi dựa trên một chiếc divan ở chỗ cuối phòng. Hình dáng khả kính và chỗ ngồi danh dự của người này cũng đủ cho tôi biết rằng đây là người mà tôi tìm kiếm. Tôi chắp tay chào theo kiểu Ấn Độ, hai lòng bàn tay giao nhau đưa lên trước trán, và nói Shànti (chúc Thầy bình an).

Tôi tự giới thiệu là một nhà văn đi du lịch ở Ấn Độ để học hỏi về môn Triết học và Đạo học của xứ này. Tôi cũng biết rõ là người đệ tử mà tôi đã gặp, có giải thích cho tôi biết rằng Thầy y không bao giờ biểu diễn những quyền năng ở nơi công cộng, và dầu cho ở chỗ kín đáo trong tư thất, người cũng không phô trương những quyền năng đó trước mặt những người ngoại quốc. Tuy nhiên, vì lẽ tôi có một sự thích thú sâu xa đối với nền minh triết cổ truyền của họ, tôi yêu cầu họ thông cảm và đối xử với tôi như là một trường hợp ngoại lệ.

Những vị đệ tử giương mắt nhìn nhau, và day lại nhìn Thầy họ, như để chờ đợi câu trả lời. Vishudha có lẽ đã trên bảy mươi tuổi, người có một sống mũi ngắn và một bộ râu dài, đôi mắt lớn và sâu sắc. Trên cổ có đeo một sợi dây Thánh, biểu hiện của giai cấp Bà La Môn.

Người phóng tầm nhãn quang nhìn thẳng vào tôi, chẳng khác nào tôi là một vật thí nghiệm dưới một ống kính phóng đại. Tôi cảm thấy có một cái gì lạ lùng nó là thức động đến tâm hồn tôi, quả thật một mãnh lực huyền bí dường như phảng phất trong gian phòng này.

Sau cùng, vị Pháp Sư thốt ra vài lời bằng tiếng Bengali với một người đệ tử, người này bèn day lại và cho tôi biết rằng Thầy y bằng lòng tiếp kiến tôi, nếu tôi dắt theo bác sĩ Kavir, giám đốc trường Phạn ngữ của chánh phủ, để làm thông ngôn. Bác sĩ Kavir vừa biết tiếng Anh thành thạo, vừa là đệ tử thâm niên của pháp sư Vishudha, và sẽ là một người thông ngôn lý tưởng cho chúng tôi. Pháp sư nói:

- Anh hãy đến vào lúc chiều mai. Tôi sẽ đợi anh vào lúc bốn giờ.

Tôi đành phải ra về. Ra đến đường cái, tôi gọi một chiếc xe ngựa để đi đến trường Phạn ngữ nhưng ông Giám Đốc không có ở đó, có người nói chắc ông ta đã về nhà, tôi bèn ra xe đi thêm một chặng đường gần hết nửa tiếng đồng hồ nữa. Sau cùng tôi gặp ông ta ở một ngôi nhà cao hai tầng. Bác sĩ Kavir ngồi trên lầu, giữa những chồng sách và giấy tờ chất cao như núi ở chung quanh. Ông ta có một gương mặt sáng sủa và thông minh của một nhà học giả. Tôi nói lý do cuộc thăm viếng của tôi, người hơi do dự, nhưng sau cùng người bằng lòng cùng đi với tôi ngày hôm sau. Sau khi đã hẹn chắc tôi bèn kiếu từ.

Tôi đi thẳng xuống bờ sông Hằng, bước lên bực thang bằng đá xây thành một dãy dài và cao đến mấy trăm nấc dọc theo bờ sông để cho những người hành hương bước xuống sông tắm. Trải qua nhiều thế kỷ, những bực đá này cũng đã chịu sự tàn phá của thời gian, nhiều nơi đã sụp đổ và loang lổ. Có những ngọn tháp đã ngả nghiêng và sụp xuống nước. Những đền đài dinh thự nguy nga đồ sộ Ở ven bờ sông chen chúc lẫn nhau cái cao cái thấp dường như tranh nhau một chỗ đứng danh dự trên bờ sông Hằng linh thiêng. Người Ấn Độ rất mực tôn sùng và tượng trưng sông Hằng như một vị Nữ Thần đem lại nguồn sống cho vùng đồng bằng phì nhiêu của miền Bắc Ấn.

Những tu sĩ, tăng lữ, và người hành hương đều có mặt ở khắp nơi. Tôi nhận thấy có vài nhà bác học Ấn đang dạy học trò trong những gian phòng nhỏ và lộ thiên, thầy ngồi giữa trên những tấm nệm, học trò ngồi xếp bằng dưới đất ở chung quanh, đang cố gắng thâu thập những giáo lý từ nghìn đời của tôn giáo họ.

Một nhà tu khổ hạnh râu ria xồm xoàm làm cho tôi chú ý. Hỏi thăm người chung quanh thì nghe nói y đã lăn mình dưới đất đến bốn trăm dặm đường trường, không quản bụi bặm chông gai, mưa nắng dãi dầu, để đến Thánh Địa Ba Nại La, thật là một cách đi hành hương lạ lùng và hy hữu, có một không hai ở trên đời này. Ở một góc kia, tôi gặp một nhân vật khác có cái hình dáng kỳ dị:

Y đã đưa một cánh tay thẳng lên trời từ nhiều năm nay. Những gân cốt trên cánh tay đã rã rời khô kiệt, còn các bắp thịt thì đã khô và teo lại, da cũng khô như tờ giấy. Làm sao có thể giải thích được những cuộc biểu diễn vô lý và kém mỹ thuật này, nếu không phải là mặt trời vùng nhiệt đới đã làm cho họ bị loạn trí hay loạn thần kinh... Rất có thể rằng sự sống dưới một khí hậu năm mươi độ trong bóng mát đã làm đảo lộn mọi sự thăng bằng trí não của một dân tộc vốn sẵn có máu cuồng tín từ trong huyết quản.

Qua ngày hôm sau, đúng bốn giờ chiều, bác sĩ Kavir và tôi cùng đến nhà vị pháp sư, bước vào gian phòng lớn và lễ phép chào vị chủ nhân. Có độ sáu người đệ tử cũng đang có mặt tại đó.

Pháp sư Vishudha mời tôi ngồi xích lại gần, tôi bèn ngồi xếp bằng cách giường độ vài thước. Người hỏi tôi:

- Anh có muốn xem một vài pháp thuật của tôi chăng...

Tôi mừng rỡ đáp:

- Nếu pháp sư vui lòng cho xem, thì thật là vô cùng hân hạnh.

- Vậy anh hãy đưa cho tôi cái khăn tay của anh. Nếu khăn bằng lụa thì càng hay. Tùy ý anh muốn có một loại hương thơm nào, thì mùi hương đó sẽ được đem đến cho anh chỉ bằng một cái kính phóng đại và ánh sáng mặt trời dùng làm phương tiện.

Cũng may trong lúc đó tôi có mang theo một chiếc khăn tay bằng lụa, tôi liền đưa cho vị pháp sư. Người lấy ra một cái kính phóng đại nhỏ và giải thích rằng người muốn thâu ánh sáng mặt trời, nhưng vì vị trí của mặt trời trong lúc đó bị mái nhà che khuất nên không thể thâu một cách trực tiếp. Tuy nhiên, người có thể vượt qua sự chướng ngại đó bằng cách cho một người đệ tử ra đứng ngoài sân, người này sẽ dùng một mảnh kính thường và rọi ánh nắng vào phòng xuyên qua một cửa sổ.

Vishudha tuyên bố:

- Bây giờ tôi sẽ thâu mùi hương ở trong không khí. Anh muốn thứ hương thơm nào...

- Tôi muốn có mùi hoa lài.

Y cầm cái khăn tay của tôi bên tay trái, và tay mặt cầm cái kính phóng đại đưa lên. Trong khoảng hai giây đồng hồ, một tia nắng rọi lên góc chiếc khăn lụa. Kế đó, người bỏ kính ra và đưa cái khăn cho tôi. Tôi đưa lên mũi ngửi, thì rõ ràng là mùi thơm nồng của hoa lài được trên một góc của chiếc khăn.

Tôi xem kỹ cái khăn nhưng không thấy có dấu ướt và không có bằng chứng gì chỉ rằng một thứ dầu thơm lỏng đã được nhểu lên đó. Tôi rất ngạc nhiên và nhìn vị pháp sư với một vẻ hoài nghi. Người đề nghị biểu diễn lại một lần nữa.

Lần thứ hai, tôi chọn mùi hoa hường. Tôi chăm chú nhìn cuộc thí nghiệm lần này. Tôi dò xét tỉ mỉ mọi cử chỉ của y, và những gì xảy ra ở chung quanh. Tôi quan sát hai bàn tay và chiếc áo trắng của người đang mặc với cặp mắt tò mò, nhưng không thấy có gì khả nghi. Người lập lại cuộc biểu diễn như lần trước, và tạo nên cái mùi hoa hường thõm phức ở một góc khác của cái khăn.

Lần thứ ba tôi chọn mùi hoa tím. Lần này người cũng thành công như những lần trước. Vishudha có vẻ rất thản nhiên với sự thành công này. Người coi cái trò biểu diễn này dường như một việc tầm thường xảy ra hàng ngày, không hề nở một nụ cười.

Thình lình người tuyên bố:

- Bây giờ đến lượt tôi chọn mùi hương. Tôi sẽ tạo nên mùi hương của một thứ hoa chỉ mọc ở bên xứ Tây Tạng.

Người thâu ánh nắng mặt trời lên góc cuối cùng của chiếc khăn tay Lần này người tạo ra một mùi thơm thứ tư, mà tôi không biết là mùi hoa gì.

Hơi ngạc nhiên, tôi bèn đút chiếc khăn tay của tôi vào túi. Việc này có lẽ dường như là một phép lạ. Hay là người dấu những loại dầu thơm này trong người chăng... Hoặc trong áo chăng... Nếu như thế, thì chắc người phải dấu tất cả một lô rất nhiều thứ dầu thơm, bởi vì y không thể biết tôi sẽ chọn thứ mùi hoa nào. Chiếc áo dài đang mặc không thể nào chứa đựng hết cả một lô đủ những dầu thơm cần thiết, vả lại người không hề đút tay vào áo một lần nào.

Tôi xin người cho tôi xem cái kính phóng đại. Đó chỉ là một loại kính phóng đại thường, lồng trong một cái khung thép tròn với một cái bàn nhỏ cũng bằng thép. Tôi không thấy có gì khả nghi, ngoài ra, không phải chỉ có một mình tôi dò xét từng cử chỉ của vị Pháp Sự Chung quanh người còn có khoảng sáu người đệ tử. Vị bác sĩ đã cho tôi biết rằng tất cả đều là những người có địa vị, có học thức rộng và chức nghiệp cao. Người dùng thuật thôi miên chăng... Điều này có thể thử biết được, khi về nhà, tôi sẽ đưa cái khăn cho những người khác xem.

Vishudha còn định cho tôi xem một phép thuật khác kỳ diệu hơn, tuy rằng phép thuật này người ít khi nào biểu diễn cho người khác xem, người cho biết thêm rằng, để biểu diễn cái trò thứ hai này sẽ cần có ánh mặt trời nắng gắt. Khi đó mặt trời đã sắp lặn và trời sắp tối. Tôi phải đến lần sau vào lúc giữa trưa của một ngày cuối tuần, người sẽ trổ phép thuật làm cho một sinh vật đã chết tạm thời sống lại được.

Tôi bèn kiếu từ và trở về nhà, tôi đưa cái khăn tay cho ba người xem. Mỗi người đều nhận thấy rằng nó vẫn còn tiết ra những mùi thơm nồng nặc. Như vậy, không có thể nói rằng tôi đã bị thôi miên. Và tôi cũng không thể coi cuộc biểu diễn vừa qua như một trò quỷ thuật.

Tôi trở lại nhà vị pháp sư lần nữa. Người cho tôi biết rằng người có thể làm cho một sinh vật đã chết phục hồi sự sống trở lại được, nhưng chỉ có loài vật nhỏ mà thôi, và thường thì thí nghiệm với một loại chim.

Một con chim sẻ được bóp cổ chết và đặt trước mặt chúng tôi độ một tiếng đồng hồ, để cho chúng tôi thấy rõ là nó đã chết thật. Đôi mắt của nó không còn chớp, toàn thân nó đã cứng đơ không chút cử động, tôi không thấy dấu hiệu gì chỉ rằng nó còn sống.

Vị pháp sư lấy kính phóng đại và rọi một tia nắng mặt trời vào một mắt của con chim. Vài phút trôi qua, không có sự gì xảy ra. Pháp sư chăm chú làm việc, người mở đôi mắt lớn và tập trung nhãn lực vào con chim, nét mặt lạnh lùng và cương nghị. Thình lình, người mở miệng thốt ra những câu thần chú kỳ dị bằng một thứ tiếng nghe rất lạ tai. Sau đó một lát, thân mình con chim đã bắt đầu giật vài cái. Kế đó, cánh và lông của nó hơi giương lên, nó bắt đầu đập hai cánh, đứng dậy trên hai chân và nhảy vài cái trên sàn gạch. Nó đã sống lại, không còn nghi ngờ gì nữa.

Trong giai đoạn kế đó, con chim sẻ đã có đủ sức bay bổng và tìm chỗ cao để đậu. Thật là một chuyện khó tin đến nỗi tôi phải thâu thập tinh thần để biết chắc rằng tôi đang thức tỉnh chứ không nằm mơ Cuộc

thí nghiệm diễn ra độ nữa giờ. Thình lình tôi lấy làm ngạc nhiên mà thấy con chim ngã xuống không cựa quậy ở ngay trước mặt chúng tôi. Tôi nhìn kỹ thì thấy nó không thở nữa và đã chết thật. Tôi hỏi:

- Pháp sư có thể kéo dài sự sống của nó lâu hơn nữa được không...

Người đáp:

- Đó là tất cả những gì tôi có thể cho anh xem trong buổi hôm nay.

Vị bác sĩ kề tai nói nhỏ với tôi rằng pháp sư sẽ còn biểu diễn những phép thuật lạ lùng hơn nữa, nhưng chúng ta không nên lạm dụng lòng tốt của người trong lúc này, pháp sư không phải là một nhà làm trò ảo thuật, và tôi hãy thỏa mãn với những gì tôi đã thấy. Điều này càng làm cho câu chuyện trở nên bí mật thêm đối với tôi, và rốt cuộc tôi chẳng hiểu được gì cả.

Tôi cũng được biết rằng pháp sư có thể làm xuất hiện những chùm nho tươi từ trong khoảng không, và làm những viên kẹo ngọt với hai tay không mà thôi. Người chỉ cần nắm trong lòng bàn tay một cái hoa đã héo, cũng đủ làm cho nó tươi tốt thơm tho trở lại như cũ.

Vị pháp sư có cái bí quyết như thế nào... Tôi thử tìm hiểu vấn đề này, nhưng vẫn không tìm ra được câu giải đáp. Sự bí mật vẫn còn đó ở sau cái trán vồ và bí hiểm của vị pháp sư thành Ba Nại Lạ Người chưa hề tiết lộ sự bí mật đó cho ai, chí đến người đệ tử thân tín nhất. Sau một cuộc điều tra kín đáo về cuộc đời của người, tôi đã thu thập được những chi tiết như sau:

Người sinh ở tỉnh Bengale, năm mười ba tuổi bị rắn độc cắn sắp chết. Người mẹ đã tuyệt vọng và muốn cho người đến trút linh hồn ở bờ sông Hằng, bởi vì đối với người Ấn Độ, thì không có cái chết nào tốt đẹp và thiêng liêng hơn nữa. Người ta trầm mình y xuống sông trong khi tất cả gia quyến đều tề tựu trên bờ sông để làm lễ tống táng. Sự mầu nhiệm xảy ra khi đó. Mỗi khi xác y bị trầm mình xuống sông, thì nước sông lại rút xuống dường như sông Hằng từ chối không chịu nhận lãnh xác đứa trẻ trong dòng nước chảy xiết.

Trong khi đó, một người đạo sĩ ngồi trên bờ nhìn thấy việc xảy ra như thế, liền đứng dậy và tiên đoán rằng đứa trẻ này sẽ có một định mệnh lớn lao, vì nó sẽ trở nên một người Yogi Người đạo sĩ liền thoa vết thương của đứa trẻ với một vài loại cỏ thuốc, và liền ra đi. Một tuần lễ sau, người trở lại và nói cho cha mẹ đứa trẻ biết rằng nó đã bình phục. Quả nhiên đứa trẻ hết bịnh và mạnh khỏe như xưa. Nhưng trong tuần lễ đó, một chuyện lạ đã xảy ra:

Tánh tình đứa trẻ bỗng nhiên thay đổi, người chán ngán cảnh sống trong gia đình, và chỉ muốn bỏ nhà ra đi để trở thành một đạo sĩ. Vài năm sau, sau khi đã dày vò mẹ người về ý nghĩ này, người được mẹ ưng thuận chọ Người bèn ra đi để tìm Thầy học Đạo.

Người thẳng đường đi sang Tây Tạng để hy vọng tìm một danh sư trong số những nhà đạo sĩ ẩn dật ở xứ này. Người Ấn Độ vẫn luôn tin tưởng rằng người học đạo chỉ có thể tiến mau trên đường tu luyện bằng cách trở nên đệ tử của một vị danh sư đã có kinh nghiệm trên con đường này. Người thiếu niên Begali sau khi đã tìm tòi lục lạo khắp các nơi non cao động cả, đương đầu với những cơn bão tuyết dữ dội trên miền sõn cước tuyết phủ quanh năm đành chịu thất vọng trở về tay không.

Nhiều năm đã trôi qua mà không làm giảm sút lòng nhiệt thành của người. Người bèn ra đi lần nữa và lần này, đi băng qua những vùng sa mạc bao la ở miền Nam xứ Tây Tạng. Tại đây, trong một chòi tranh ẩn khuất trong động đá của miền núi non hẻo lánh hoang vu mà chân người không hề đi đến, người đã gặp vị danh sư vẫn hằng tìm kiếm. Đến đây tôi nghe một chuyện mà lúc khác có lẽ tôi đã bật cười, nhưng lúc này tôi chỉ nghe mà không phản đối.

Người ta quả quyết với tôi rằng vị danh sư Tây Tạng này đã có trên một ngàn hai trăm tuổi. Họ nói điều này một cách tự nhiên và bình thản cũng như chúng ta nói rằng một người kia đã bốn mươi tuổi. Đây là lần thứ ba mà tôi nghe nói về những người sống lâu. Brama đã từng quả quyết với tôi rằng sư phụ Ở xứ Nepal đã trên bốn trăm tuổi. Một vị tu sĩ khác mà tôi gặp ở miền Tây một ngày kia có cho tôi biết rằng có một ngàn tuổi, và già đến nỗi hai mí mắt trên của ông ta lâu ngày chảy xệ xuống che lấp cả đôi mắt.

Tôi đã gạt bỏ những chuyện trên đây như là những chuyện hoang đường, thì hôm nay người ta lại thuật cho tôi nghe một câu chuyện tương tự, và tin tưởng rằng những vị đạo sĩ già nọ đã tìm ra được thuốc trường sinh.

Vị danh sư Tây Tạng liền truyền dạy cho chàng thanh niên Vishudha học pháp môn Hatha Yogạ Dưới sự chỉ dẫn của Thầy, người thanh niên này lần lần tập luyện và phát triển những khả năng thể xác và tinh thần đến một mực độ phi thường. Trong mười hai năm, không quản thời tiết khắc nghiệt trên miền núi ở Tây Tạng, người gắng công tập luyện dưới sự dìu dắt của vị danh sư đã nắm được cái bí quyết của thuật trường sinh.

Sau thời kỳ huấn luyện, người được Thầy cho xuống núi trở về quê nhà, và đến lượt người trở nên một danh sư của pháp môn Yogạ Người lưu trú một thời gian ở tỉnh Puri và có một biệt thự Ở tại đây.

Những đệ tử của người đều thuộc về thành phần thượng lưu trong xã hội, gồm những tay phú thương, nghiệp chủ, công chức cao cấp, trong số đó có cả một vị vương tước (Rajah). Nếu tôi không lầm thì hình như người ta không khuyến khích sự nhập môn của những kẻ bạch đinh tay trắng.

Thình lình tôi buộc miệng hỏi:

- Pháp sư làm những phép thuật ấy bằng cách nào...

Vishudha thản nhiên đáp:

- Những điều anh đã thấy không phải là thuật Yoga, mà là thuộc về một khoa học huyền bí gọi là khoa Thái Dương Học. Mục đích chính của khoa Yoga là phát triển ý chí và tinh thần, chứ không có dính dáng gì đến khoa Thái Dương Học. Khoa này gồm có những bí thuật mà sự thực hành không cần bắt buộc phải trải qua một sự huấn luyện đặc biệt nào. Người ta có thể học khoa này bằng những phương tiện giống như bất cứ ngành khoa học nào của Tây phương.

Báv sĩ Kavir giải thích cho tôi biết rằng khoa học này cũng gần giống như khoa điện học hay khoa từ điển. Tôi không hiểu được bao nhiêu, thì vị pháp sư lại nói rõ thêm:

- Khoa Thái Dương Học của Tây Tạng thật ra không phải là mới lạ gì. Những nhà đạo sĩ Ấn Độ đã từng biết nó từ những thời đại quá khứ xa xăm nhất, nhưng ngày nay, nó đã bị mai một và thất truyền. Những tia nắng mặt trời có chứa đựng những nguồn sinh lực rất mạnh. Nếu anh có thể chọn lọc và cô lập những nguồn sinh lực đó, anh sẽ làm được những phép thuật mà tôi đã làm. Trong ánh sáng mặt trời, cũng có những mãnh lực thuộc chất dĩ thái, mà người nào biết cách sử dụng sẽ làm được những điều phi thường.

- Pháp Sư có dạy khoa này cho các đệ tử chăng...

- Chưa, nhưng tôi đang chuẩn bị việc đó, tôi sẽ chọn lựa vài người đệ tử để truyền dạy những bí thuật của tôi. Hiện thời chúng tôi đang bận xây cất một phòng thí nghiệm lớn để làm giảng đường dạy về khoa này.

- Nhưng hiện giờ Pháp Sư dạy về môn gì...

- Pháp môn Yoga.

Trong phòng chỉ có vài ba người đệ tử còn ở lại, những người khác đã lần lượt kiếu từ. Bác sĩ Kavir ngồi bên cạnh tôi và chăm chú nhìn Thầy một cách tôn kính. Vishudha nhìn tôi và day mặt qua chỗ khác, gương mặt của người có một vẻ tôn nghiêm khác thường. Tôi thử tìm cách cảm thông với cái nét mặt nghiêm nghị đó, nhưng vô hiệu quả. Tâm hồn của người vẫn khép chặt đối với một người Âu như tôi, chẳng khác nào như Thánh Điện thâm nghiêm của ngôi Đền Vàng ở Ba Nại La! Con ngươi của người toát ra một mãnh lực thần bí của phương Đông, và tôi cảm thấy rõ rệt rằng từ khi mới gặp nhau lần đầu, người ta đã dựng lên một bức rào cách biệt vô hình mà tôi không thể vượt quạ Những cuộc biểu diễn phép thuật mà người đã làm cho tôi xem chẳng qua chỉ là một phép xã giao lịch sự bề ngoài:

ở đây không phải là chỗ của những kẻ tò mò và những người đệ tử Âu Tây.

Bỗng nhiên, Pháp Sư thốt ra mấy lời thật là bất ngờ đối với tôi:

- Tôi không truyền pháp cho anh nếu không có sự chuẩn y của Tôn Sư tôi. Đó là điều kiện cần thiết hơn hết.

Người đã đọc được tư tưởng của tôi chăng, hay là người muốn nói gì... Tôi không hề xin làm đệ tử của pháp sư bao giờ. Tôi cũng không hề có ý muốn làm đệ tử bất cứ người nào. Vả lại, tôi cũng biết rằng một sự yêu cầu như thế chắc chắn là sẽ bị từ chối. Tôi bèn hỏi:

- Nhưng làm sao ông có thể tiếp xúc với lệnh Tôn Sư trong khi người ở cách xa như thế...

- Chúng tôi vẫn giao tiếp thường xuyên với nhau bằng tư tưởng.

Tôi nghe rõ, nhưng tôi không tin tưởng cho lắm. Một câu hỏi khác đến trên môi của tôi:

- Thưa Pháp Sư, làm sao có được sự Bằng An...

- Nếu không thực hành pháp môn Yoga, thì làm sao có được sự Bằng An.

- Tôi nghe nói rằng Yoga là một môn học rất khó nếu không có Thầy dìu dắt. Nhưng tìm Thầy cũng là một việc không phải là điều dễ.

Pháp Sư thản nhiên đáp:

- Nếu người đệ tử sẵn sàng thì Thầy sẽ xuất hiện.

Tôi tỏ sự nghi ngờ về điểm này. Người nói tiếp:

- Anh hãy tự chuẩn bị sẵn sàng, sau đó, dầu là anh ở đâu, Thầy sẽ có ở đó, nếu không phải bằng thể xác thì tất là người sẽ hiện ra trong tâm giới của anh.

- Nhưng trong trường hợp sau này, tôi phải làm sao...

- Anh hãy dành riêng mỗi ngày một ít thời giờ để tập lấy thế ngồi rất giản dị mà tôi sẽ làm cho anh xem. Đồng thời, anh hãy tập chế ngự tánh nóng giận, giảm bớt những xúc cảm và thất tình lục dục.

Vishudha biểu diễn cho tôi xem thế Liên Hoa tọa bộ mà tôi đã quen thuộc. Điều mà tôi không hiểu là người nói rằng nó rất giản dị. Tôi nói:

- Đối với một người Âu đã lớn tuổi, tôi nhận thấy rằng thế ngồi này rất khó thực hành.

- Chỉ khó khi mới bắt đầu mà thôi, anh hãy thử tập mỗi buổi sớm mai và chiều, rồi anh sẽ thấy dễ lần lần. Điều quan trọng là hãy chọn lấy một giờ khắc nhất định rồi cố gắng giữ đúng giờ mỗi ngày. Lúc đầu, tập năm phút cũng đủ, sau một tháng anh hãy tập ngồi mười phút, sau ba tháng ngồi hai mươi phút và cứ tiếp tục như thế. Xương sống phải giữ cho thẳng. Phép ngồi này sẽ giúp cho anh có được sự thăng bằng thoải mái của thể xác, rồi sau đó anh sẽ cảm thấy thần trí được yên ổn vững vàng.

- Chắc là Pháp Sư dạy môn Hatha Yoga (luyện xác thân)...

- Đúng thế, nhưng anh đừng tưởng rằng môn Raja Yoga (luyện tinh thần) là cao hơn. Thể chất và tâm linh là hai khía cạnh khác nhau trong con người và cần phải luyện tập hết cả hai. Xác thể ảnh hưởng đến tinh thần, và tinh thần cũng ảnh hưởng đến thể xác. Về phương diện thực hành, cần phải phát triển hết cả hai khía cạnh đó.

Tôi cảm thấy rằng tôi không còn lãnh hội được thêm điều gì nữa. Cuộc đàm thoại thiếu hào hứng, và tôi định kiếu từ, nhưng tôi còn hỏi thêm một câu cuối cùng:

- Pháp Sư đã khám phá ra thế nào là mục đích của đời người chăng...

Các đệ tử liền quên sự nghiêm trang của họ trong một lúc và mỉm cười về sự quá đơn sơ của tôi. Phải là một người Ấn vô tín ngưỡng và không biết gì cả mới đưa ra một câu hỏi như thế. Phải chăng tất cả những Thánh Kinh Ấn Độ đều nói rằng Thượng Đế nắm toàn cõi thế gian trong tay Ngài và điều khiển nó theo mục đích và ý muốn của Ngài...

Pháp Sư không đáp lại, nhưng đưa mắt nhìn bác sĩ Kavir, người này liền trả lời:

- Tự nhiên là đời người có mục đích, đó là đạt tới sự Toàn Thiện, tức là hợp nhất với Thượng Đế.

Tiếp theo đó là một sự im lặng hoàn toàn. Vishudha lật những trang của một quyển sách lớn viết bằng chữ Bengalị Những đệ tử ngồi yên lặng, dường như đã ngủ hay ngồi thiền. Một mãnh lực vô hình có một ảnh hưởng lạ lùng đã xâm chiếm lấy tôi, tôi cảm thấy rằng nếu tôi ngồi nán lại thêm ít lâu nữa, có lẽ tôi sẽ ngủ gật, hay là rơi vào một cơn nhập định. Tôi bèn thu thập tinh thần, ngỏ lời cảm ơn Pháp Sư và đứng dậy kiếu từ.

Một lần nữa, tôi lại đi bách bộ qua những con đường nhỏ hẹp cong queo của thành phố Ba Nại La màu sắc rực rỡ, trung tâm tôn giáo cổ kính và thiêng liêng hấp dẫn đủ mọi hạng người trong xã hội. Nếu ở đây người hành hương sùng tín, thì người ta cũng thấy không ít những kẻ bất lương, côn đồ và du đảng, không kể những kẻ sống cuộc đời ký sinh, ăn bám ở các đền chùa hoặc sống nhờ của bố thí của khách thập phương.

Tiếng chuông đền ngân vang, báo hiệu những cuộc lễ về đêm. Màn đêm rủ xuống rất mau chóng dưới một vòm trời xám ngắt. Mặt trời lặn đem đến một tiếng vọng khác:

Từ trên đài cao của một ngôi đền Hồi Giáo, các giáo sĩ ngân vang những lời kêu gọi tín đồ cầu nguyện giờ chiều. Tôi ngồi trên bờ sông Hằng linh thiêng nhìn theo cảnh vật và lắng tai nghe theo ngọn gió chiều thổi vi vu xuyên qua các ngọn cây.

Một người hành khất bôi tro đầy mình tiến đến gần tôi. Đây chắc là một người hành hương thuộc về một loại đặc biệt, vì tôi nhận thấy trong cặp mắt của y chiếu một tia sáng lạ thường không phải là của trần gian. Tôi vẫn chưa hiểu rõ tất cả những gì là huyền bí ở cái xứ ngàn năm văn vật này. Tôi vừa móc túi vừa tự hỏi rằng không biết cái hố sâu cách biệt giữa tôi với y có thể lấp bằng được chăng... Y nhận lấy của bố thí của tôi với một vẻ thản nhiên, đưa hai bàn tay lên trán để chào rồi rút lui.

Tôi nghĩ đến vị pháp sư có phép thuật rút hương thơm trong không khí và phục hồi được sự sống cho con chim đã chết. Sự giải thích về khoa Thái Dương Học của người không đủ thuyết phục được tôi. Lẽ tất nhiên, người ta không thể cho rằng khoa học hiện đại đã biết hết tất cả về ánh sáng mặt trời và những khả năng tiềm tàng của nó, nhưng điều này cũng chỉ lùi thêm một bước trong việc làm sáng tỏ vấn đề. Tôi có nghe nói về hai người Yogi cũng đã rút hương thơm trong không khí như Pháp Sư Vishudhạ Cả hai đều đã qua đời vào cuối thế kỷ trước, nhưng tôi có thể tin được chuyện này. Trong cả hai trường hợp, đều có một chất dầu xuất hiện trên lòng bàn tay của người Yogi, hình như là từ trong thân mình họ bài tiết ra, cũng như chất mồ hôi. Chất dầu này có khi khá đặc để có thể tỏa hương thơm ra khắp phòng.

Cái đó cũng chính là cái quyền năng của Vishudha, thì chắc là y đã chuyển hương thơm từ bàn tay của y sang chiếc khăn trong khi y cầm cái kính phóng đại. Nếu như thế, thì việc thâu ánh nắng mặt trời chỉ là một cái mẹo để che mắt người đời. Có một việc xác nhận giả thuyết này, là vị Pháp Sư chưa truyền cái bí thuật này lại cho ai. Nếu vấn đề dùng kính phóng đại để thâu ánh nắng chỉ là một sự phỉnh lừa thì vị Pháp Sư đã dùng phương pháp nào... Có lẽ đó là phép thuật Yoga chăng... Nhưng đây không phải là việc của tôi. Tôi chỉ có phận sự trình bày những sự việc mà tôi đã thấy, chứ không phải là giải thích căn nguyên của mọi vấn đề. Đây là một khía cạnh bí ẩn của đời sống ở Ấn Độ, nó vẫn khép chặt đối với chúng ta, vì dẫu cho vị pháp sư hay một vị đệ tử nào đó sẵn lòng biểu diễn trước công chúng và kêu gọi sự chú ý của các nhà bác học, thì sự bí mật kia cũng vẫn còn đó. Đó là tất cả những gì người ta có thể nói trong lúc này.

Nhưng còn chuyện kia:

Bằng cách nào y đã phục hồi sự sống cho con chim đã chết... Những chuyện về khả năng kéo dài sự sống tùy theo ý muốn của người Yogi có thật không... Phải chăng ở phương Đông có những người đã tìm ra cái bí quyết trường sinh bất tử...

Tôi đành phải bỏ qua những câu hỏi đó và không màng tìm câu giải đáp. Chiều nay, nhìn không gian bao la vô tận, lòng tôi nao nao bồi hồi. Dưới vòm trời đầy sao, mà đêm nhiệt đới càng làm tăng thêm phần tỏ rạng, tôi nhìn xem những tòa đền đài cung điện, dinh thự chùa chiền ở chung quanh cùng với bao nhiêu người đồng loại của tôi đang sống trong đó, mà tự hỏi không biết có mãnh lực vô hình huyền bí nào làm vận chuyển tất cả những thứ ấy trong sự sinh hoạt thường xuyên hàng ngày... Những vật tầm thường nhất đêm nay cũng đượm lấy một màu sắc huyền ảo, những hình người ẩn hiện chập chờn như những bóng ma, những chiếc thuyền câu lấp lánh ánh đèn dầu lướt nhẹ trên sông trong đêm tối, cảnh vật mơ huyền dưới ánh sao khi mờ khi tỏ làm cho người ta có cảm giác thoát ly ra khỏi cảnh đời thực tế để lọt vào cõi mộng. Tư tưởng triết học Ấn Độ cho rằng thế gian chỉ là một trò hư ảo, đã xâm chiếm lấy tâm hồn tôi đêm nay, và càng gây cho tôi cái cảm giác lâng lâng thoát tục. Phải chăng từ nay tôi đã sẵn sàng bước vào một kinh nghiệm lạ lùng nhất trên địa hạt tâm linh như có người đã tiên đoán...

Trong lúc đó, cái âm điệu mơ buồn của một bài ca Ấn Độ do anh lái đò cất tiếng hát văng vẳng trên dòng sông, kéo tôi ra khỏi giấc mơ thoát trần, và lại đưa tôi trở về cái trò hỗn tạp pha lẫn những thú vui giả tạm và những đau khổ bất ngờ mà người ta gọi là Cuộc Đời!

Chương 10: Đời Người Khắc Trên Tinh Tú

Những mái bầu trên các ngọn tháp chói rạng và phản chiếu ánh nắng mặt trời ban mai, những người hành hương xuống tắm gội dưới sông nô đùa vui vẻ, và cảnh tượng tưng bừng rực rỡ đầy màu sắc phương Đông của thành phố Ba Nại La trên bờ sông Hằng linh thiêng diễn ra trước mắt tôi. Tôi ngồi trên một chiếc thuyền lớn, cái lái thuyền chạm hình đầu rắn hổ mang, thả trôi theo dòng sông, do ba người chèo.

Người bạn đồng hành ngồi kế bên tôi là một thương gia ở Bombay. Y cho tôi biết rằng y có ý định giải nghệ về hưu khi y trở về thành phố này. Y là một người rất mộ đạo nhưng cũng là một người rất thực tế. Trong khi y lo lập công bồi đức để tạo một kho tàng tâm linh quý báu, thì tạm thời y cũng không quên dự trữ một số tiền lớn trong ngân hàng. Tôi được biết y từ một tuần nay và nhận thấy rằng y là một người tốt bụng và tánh tình cởi mở. Y giải thích cho tôi nghe:

- Tôi sẽ về hưu đúng vào năm mà Sudhei Babu đã tiên đoán cho tôi biết.

Tôi hỏi:

- Sudhei Babu là ai vậy...

- Ông không biết sao... Y là một nhà Chiêm Tinh giỏi nhất của thành Ba Nại La.

- Có thế thôi à...

Tôi nói với một giọng châm biếm. Vì tôi đã từng thấy hạng người thầy bói ngồi xổm trên lề đường ở khu Maidan tại Bombay, trong những lều quán ở Calcutta, và đón khách qua đường ở những thành phố nhỏ. Phần nhiều là những người có vẻ bẩn thỉu, đầu tóc rối nùi, gương mặt họ lộ vẻ ngu xuẩn và mê tín. Đồ nghề của họ gồm có một vài quyển sách bói cáu bẩn và một cuốn niên lịch chứa đầy những dấu hiệu bí mật, khó hiểu. Họ tự hào là có thể biết rõ và định đoạt vận mệnh sang hèn của người khác, nhưng dường như không nhận thấy rằng họ lại không định đoạt được vận mạng của chính mình.

Tôi nói thêm, với cái giọng của người biết chuyện và khuyên răn kẻ khác:

- Ông làm tôi ngạc nhiên. Một thương gia tại sao lại phó mặc cho các bầu tinh tú điều khiển công việc kinh doanh của mình... Sao lại không dùng cái trí óc suy xét, phân biện, chẳng là hay hơn sao...

Người bạn tôi lắc đầu và mỉm cười một cách khoan dung:

- Nếu vậy, làm sao giải thích được những gì ông ta đã tiên đoán về tôi... Làm sao ông ta có thể biết trước rằng tôi sẽ giải nghệ về hưu vào năm bốn mươi mốt tuổi...

- Có lẽ đó là do sự tình cờ.

- Được rồi, nhưng để cho tôi kể cho ông nghe một chuyện. Mấy năm về trước, tôi gặp một nhà Chiêm Tinh ở Lahore và mở một cuộc kinh doanh theo lời khuyên của ông ta. Hồi đó tôi đang chung vốn với một người khác, nhưng người này cho rằng công cuộc kinh doanh quá mạo hiểm, y không chịu hùn và rút vốn lại. Tôi tiếp tục kinh doanh lấy một mình, việc này thành công bất ngờ và đem lại cho tôi một số tiền lời rất lớn. Tuy vậy, nếu không có lời khuyên của nhà Chiêm Tinh ở Lahore, thì có lẽ tôi đã không dám mạo hiểm lãnh lấy công việc đó.

- Như vậy, ông cho rằng...

Người bạn tôi liền nói luôn hết câu thế cho tôi:

- Đời người là do số mạng định đoạt, mà số mạng của mỗi người, giàu hay nghèo, sang hay hèn, hay hay dở, đều được chỉ định trước bởi vị trí của các ngôi sao.

Tôi nói với một giọng hoài nghi:

- Nhưng các tay thầy bói mà tôi đã gặp đều là những kẻ dốt nát và ngu xuẩn đến nỗi tôi không thể nào tin được những lời bói toán và tiên tri của họ.

- Có lẽ, nhưng ông đừng lầm một nhà Chiêm Tinh lành nghề và xuất sắc như Sudhei Babu với những tay thầy bói kiếm cơm. Ông đã gặp phải những tay bịp bợm rồi. Còn đây là một người Bà La Môn thượng lưu trí thức, y ở riêng một cái biệt thự hẳn hòi. Y đã từng khảo cứu công phu về khoa này từ nhiều năm nay và có nhiều bộ sách rất cổ xưa và rất hiếm.

Dầu sao người bạn đồng hành của tôi cũng không phải là một người ngụ Y thuộc về hạng người Ấn Độ tân tiến, có óc thực tế, và biết sử dụng những phát minh khoa học mới mẻ nhất của Âu Tây. Y còn cấp tiến hơn tôi ở một vài điểm:

Y mang theo lên thuyền một cái máy quay phim chớp bóng rất đẹp, còn tôi chỉ có một cái máy chụp ảnh Kodak bỏ túi. Tên gia nhân của y cầm một cái bình thủy Thermos rót ra cho chúng tôi những ly nước cam mát rượi uống giải khát, làm cho tôi nhớ lại rằng tôi đã quên đem theo một vật dụng rất cần thiết trong khi đi đường. Trong khi nói chuyện, tôi được biết rằng ở Bombay, y thường dùng máy điện thoại nhiều hơn tôi khi còn ở Âu Châu. Tuy thế, y lại tin tưởng nơi khoa Chiêm Tinh, tôi lấy làm ngạc nhiên về những điểm trái ngược và dị đồng trong tâm tính của y Tôi nói:

- Chúng ta hãy tìm hiểu nhau. Ông bạn tin rằng cuộc đời của mỗi người và mỗi cuộc diễn biến trên thế giới đều được định đoạt bởi các bầu tinh tú, cách xa Trái Đất hằng muôn triệu dặm hay sao...

- Phải, tôi tin như vậy. Y trả lời một cách bình thản.

Tôi nhún vai và không biết nói sao. Y nói tiếp:

- Sao ông bạn không đi xem thử một lần cho biết... Tục ngữ xứ ông có câu:

"Muốn biết bánh ngon hay không, hãy nếm thử. " Ông bạn hãy thử nghe lời tiên tri của Sudhei Babu một lần xem nào, chính tôi cũng không tin những anh thầy bói nói dựa, nhưng tôi hoàn toàn tin tưởng nơi tài tiên tri của ông này.

- Tôi rất nghi ngờ những kẻ sống về nghề bói toán hay tướng số. Tuy nhiên, tôi nghe theo lời ông. Vậy ông có vui lòng đưa tôi tới gặp nhà Chiêm Tinh này chăng...

- Tự nhiên là tôi vui lòng. Vậy mời ông bạn tới dùng trà với tôi chiều mai, rồi chúng ta sẽ cùng đi.

Chúng tôi cho thuyền đi từ từ trên dòng sông. Trên bờ, những tòa lâu đài, dinh thự, đền chùa nối tiếp nhau diễn ra trước mắt chúng tôi. Tôi nhìn xem những bực đá dọc theo bờ sông, đầy những người hành hương xuống tắm gội, nhưng trí óc tôi vẫn vơ ở chỗ khác. Tôi nghĩ rằng nếu khoa học có thể tự hào đã loại trừ sự dị đoan mê tín, thì một mặt khác, nó cũng không ngăn cấm sự tìm tòi tọc mạch để tìm hiểu mọi vấn đề. Nếu ông bạn tôi có thể đưa ra những bằng chứng cụ thể về sự thật của khoa lý số, nó làm cho phần đông người Ấn Độ tin tưởng ở định mệnh, thì tôi sẽ nghiên cứu vấn đề này với một tinh thần cởi mở và

không thành kiến.

Qua ngày hôm sau, ông bạn của tôi đưa tôi đến một con đường cũ kỹ, chật hẹp, đi xuyên qua hai dãy nhà nóc bằng. Chúng tôi ngừng trước một ngôi nhà cổ xưa xây bằng đá. Y đưa đường cho tôi đi qua một hàng lang tối tăm và thấp, kế đó chúng tôi lên nhiều nấc thang bằng đá, thang này rất nhỏ hẹp, chỉ vừa một người đi lọt. Chúng tôi đi qua một gian phòng nhỏ và kế đó, đến một hàng ba của một cái sân rộng ở chính giữa, ngôi biệt thự xây chung quanh.

Một con chó lớn sủa dữ dội khi nó nhìn thấy chúng tôi đến gần. Những chậu kiểng sắp thành hàng dọc theo hàng bạ Tôi tự hỏi phải chăng nhà Chiêm Tinh chơi kiểng để giải trí sau những giờ phút khảo cứu mệt nhọc về khoa lý số của ông ta...

Ông bạn tôi cất tiếng gọi vào trong nhà, và chỉ được đáp lại bằng những âm hưởng do những vách tường cũ dội lại tiếng gọi của ỵ Chúng tôi đợi thêm vài phút. Con chó lại càng sủa dữ dội hơn trước, trong nhà vẫn im lặng dường như một cái nhà hoang vô chủ. Tôi bắt đầu nghĩ rằng chuyến đi hôm nay chắc là vô ích thì nghe có tiếng chân người từ trên thang lầu bước xuống và tiến về phía cửa phòng chúng tôi.

Một người mảnh khảnh, một tay cầm cái đèn cầy và một tay cầm xâu chìa khóa, hiện ra trên ngưỡng cửa. Sau vài câu chuyện trao đổi qua lại trong bóng tối, nhà Chiêm Tinh lấy xâu chìa khóa mở một cánh cửa khác và chúng tôi cùng bước vào. Y lấy tay kéo hai tấm màn lớn và mở một cái cửa sổ ngó ra sân.

Ánh sáng rọi qua cửa sổ chiếu vào gương mặt của nhà Chiêm Tinh. Đó là một người có cái gương mặt xanh xao, thiếu máu dường như là người ở dưới nấm mồ mới chui lên, chỉ có cặp mắt chiếu sáng ngời, phản ảnh một đời sống nội tâm dồi dào. Cái hình dáng như xác chết, sự gầy ốm khác thường, những cử chỉ rất mực chậm chạp của y, gây nên một cái ấn tượng rất lạ lùng cho người chung quanh. Tròng trắng của y lại nhiều hơn tròng đen, điều này lại càng làm nổi bật thêm cái ấn tượng nói trên một cách rõ rệt.

Nhà Chiêm Tinh ngồi bên một cái bàn lớn, trên bàn tay có rất nhiều tờ giấy. Y nói tiếng Anh khá, và bằng lòng nói chuyện ngay với tôi mà không cần một người thông ngôn. Tôi nói ngay vào đề:

- Xin ông hiểu cho, tôi chỉ là một người sưu tầm, chứ không phải là người tin về khoa này.

- Được, tôi sẽ lấy lá số cho ông và ông sẽ cho tôi biết là có đúng không.

- Tôi phải trả ông bao nhiêu...

- Tôi không có giá nhất định. Những người có địa vị khá thường trả tôi sáu chục rupeẹ Những người khác trả tôi hai chục. Cái đó tùy ông.

Tôi nói cho y biết rằng trước khi nói đến vận mạng tương lai, tôi muốn y nói cái dĩ vãng để thử tài ỵ Y bằng lòng. Trong một lúc, y ngồi tính toán rất tỉ mỉ về ngày sinh của tôi, sau vài phút, y day lại phía sau ghế của y và lục trong giấy tờ và những tài liệu chép bằng bút tự trên lá buông đã trổ màu vàng. Sau cùng, y lấy ra một mớ là buông nhỏ, tròn dài và rất cũ, đã đóng lại hình như một quyển sách và vẽ trên một tờ giấy một bức đồ hình rất lạ:

- Đây là bản đồ các tinh tú trên trời vào đúng giờ sinh của ông. Và những tài liệu chữ Phạn này giải thích ý nghĩa của mỗi phần trong lá số. Bây giờ tôi sẽ cho ông biết các tinh tú nói gì về ông.

Y xem lá số lại rất kỹ, tra cứu tài liệu trong quyển sách lá buông chép bằng bút tự và nói bằng một giọng trầm trầm:

- Ông là một nhà văn từ Châu Âu đến. Có phải chăng...

Tôi gật đầu. Y nói tiếp theo về thưở thiếu thời của tôi và kể thêm vài sự việc quan trọng đã xảy ra trong thời kỳ đó. Trong tất cả bảy điều quan trọng có năm điều đúng, còn hai điều kia hoàn toàn sai.

Như thế, tôi đã có thể xét giá trị của y tới đâu, còn nói về sự thành thật của y thì điều đó đã hiển nhiên, tôi dám chắc rằng y không bao giờ có ý lừa dối ai cả. Một cuộc thí nghiệm đầu tiên với một kết quả mỹ mãn đến bảy mươi lăm phần trăm cũng đủ để kết luận rằng khoa Chiêm Tinh Ấn Độ đáng được người ta sưu tầm, nhưng nó cũng chỉ rằng đó không phải là một khoa học hoàn toàn đúng đắn.

Một lần nữa, Sudhei Babu lại lục trong đống giấy tờ rải rác của y và miêu tả tánh tình của tôi một cách khá đúng. Kế đó, y nói về những khả năng trí thức của tôi nó đã giúp cho tôi theo đuổi nghề văn. Đến đây, y ngẩng đầu lên và hỏi:

- Tôi nói có đúng không...

Tôi phải biểu đồng tình và không thể chối cãi những lời đoán số của y. Y lại nhìn vào lá số và nói về tương lai:

- Thế giới sẽ là nhà của ông. Ông sẽ đi du lịch khắp nơi, luôn luôn với cây bút trong tay, và sống với nghề nghiệp văn chương.

Y nói luôn một hồi về những gì sẽ xảy ra trong tương lai. Nhưng tôi không hề xét đoán những lời này, và hãy để đó, để chờ thời gian xác nhận những điều đã được... Viết trên tinh tú.

Sau khi đã nói xong, y lại hỏi tôi rằng có được hài lòng hay chăng... Những lời y đoán khá đúng về dĩ vãng và tánh tình của tôi đã làm cho tôi định thốt ra trước khi đến đây. Tôi tự hỏi:

"Phải chăng y chỉ nói càn, cầu may mà thôi... Phải chăng y không làm gì khác hơn là phỏng đoán, rồi cứ nói bừa đi" Nhưng tôi phải thú nhận rằng những lời tiên tri của y đã làm cho tôi ngạc nhiên, tuy thế, chỉ có thời gian mới có thể xác nhận những điều đó.

Còn cái thái độ hoài nghi của tôi đối với vấn đề định mệnh, phải chăng lần này nó sẽ sụp đổ dưới chân tôi như một cái lâu đài bằng cát... Tôi có thể nói gì về vấn đề này... Tôi bước đến gần cửa sổ, đứng nhìn ra ngoài một lúc để tìm những câu hỏi mà tôi có thể chất vấn nhà Chiêm Tinh, nhưng y đã nói trước:

- Hay là ông cho rằng các bầu tinh tú ở cách xa Trái Đất bằng một quãng không gian khá lớn, nên không thể có ảnh hưởng gì đối với chúng ta chăng... Nếu vậy, làm sao có thể giải thích ảnh hưởng của Mặt Trăng đối với nước thủy triều lên xuống, ảnh hưởng của mỗi chu kỳ Mặt Trăng đối với cơ thể của người đàn bà, và phải chăng ánh nắng Mặt trời nhiều hay ít cũng ảnh hưởng đến tình cảm vui buồn của con người...

- Đúng vậy, nhưng bấy nhiêu đó cũng chưa đủ để chứng minh cho khoa lý số. Nếu tôi có bị đắm tàu chết đuối hay không, thì việc ấy có ăn thua gì đến Mộc Tinh hay Hỏa Tinh.

Y nhìn tôi với một vẻ mặt thản nhiên:

- Tốt hơn là ông hãy xem các bầu tinh tú như là những biểu tượng ở trên Trời mà thôi, không phải tinh tú có ảnh hưởng gì đến chúng ta, nhưng chính cái dĩ vãng của chúng ta nó ảnh hưởng đến chúng ta vậy. Ông sẽ không bao giờ hiểu các bí quyết của khoa Chiêm Tinh, nếu ông không chấp nhận thuyết Luân Hồi, theo đó con người tái sinh trở đi trở lại nhiều kiếp ở cõi trần và định mệnh của y theo dõi y trong mỗi kiếp. Nếu y thoát khỏi hậu quả của những ác nghiệp của y trong một kiếp, những nghiệp báo đó sẽ theo dõi y trong một kiếp sau; và nếu y không hưởng được phước lành do kết quả của những nghiệp thiện của y trong một kiếp này thì chắc chắn y sẽ gặt hái những kết quả tốt lành đó trong một kiếp khác. Nếu không có định

luật Luân Hồi khiến cho linh hồn con người luôn luôn tái sinh trở lại cõi trần để học hỏi kinh nghiệm và tiến hóa cho đến khi trở nên toàn thiện, thì những điều họa phúc xảy đến trong đời người có vẻ dường như là do sự ngẫu nhiên, tình cờ. Một đấng Thượng Đế rất mực công bình và bác ái làm sao có thể dung túng được điều đó... Không bao giờ. Chúng tôi tin rằng khi một người qua đời, thì tánh tình, dục vọng, tư tưởng và ý chí của y vẫn tồn tại cho đến khi y tái sinh trở lại và khoác lấy một thể xác mới của một đứa hài nhị Những hành vi thiện và ác của y đã gây ra trong kiếp trước sẽ được đền bồi, thưởng phạt trong kiếp hiện tại hay trong những kiếp sau. Đó là sự giải thích của chúng tôi về ý nghĩa của chữ định mệnh.

Khi tôi nói rằng có ngày ông sẽ bị đắm tàu và suýt bị chết đuối, thì đó là cái định mệnh mà Thượng Đế, do định luật công bằng ẩn vi và huyền diệu của Ngài, đã dành cho ông đã gây ra trong một kiếp quá khứ. Không phải là những bầu hành tinh nó làm cho ông bị đắm tàu mà chính là hậu quả không thể tránh khỏi của những việc làm ác trong dĩ vãng. Những bầu tinh tú chỉ có cái tác dụng là ghi nhận này thì điều đó tôi không thể nói được. Không có một người nào có thể dùng cái trí phàm của mình để phát minh ra khoa Chiêm Tinh bao giờ. Khoa này được truyền lại cho chúng ta đã từ lâu, do các đấng Thánh Nhân thời cổ tiết lộ cho nhân loại được biết về định mệnh của đời người.

Tôi ngồi nghe những lời nói hữu lý của nhà Chiêm Tinh, mà không biết phải đối đáp ra sao. Theo y thì đời người thật là nối liền với định mệnh, nhưng có một người Âu nào với một khối óc sáng suốt lành mạnh lại chịu để cho cuộc đời của y hoàn toàn lệ thuộc ở định mệnh mà không sử dụng được cái quyền tự do ý chí của mình... Tôi ngạc nhiên mà nhìn nhà Chiêm Tinh gầy gò, lả lướt và khổ hạnh này, y ngồi tính toán tới lui qua lại trong các cung Hoàng Đạo một cách tự nhiên và quen thuộc như đi trong nhà của ỵ Tôi nói:

- Chắc ông cũng biết rằng ở vài vùng dưới miền Nam, các nhà Chiêm Tinh đứng vào hàng quan trọng bực nhì sau các vị Tăng Lữ, và không có một việc làm quan trọng nào được bắt đầu thực hiện mà người ta không dọ hỏi trước ý kiến của nhà Chiêm Tinh. Những người Âu Tây chúng tôi sẽ mỉm cười về điều đó, vì chúng tôi không hề tin tưởng nơi sự bói toán hoặc tiên trị Chúng tôi chỉ tin rằng con người vốn hoàn toàn tự do chứ không phải là những nạn nhân tuyệt vọng của một cái định mệnh bất di dịch.

Nhà Chiêm Tinh nhún vai mà nói:

- Trong một bộ sách cổ của chúng tôi là sách Hitopadesa có nói rằng:

"Không ai có thể chống lại số mạng, nó đã ghi sẵn trên trán của mỗi người. " Chúng ta phải gánh chịu hậu quả của mọi việc làm của chúng ta.

Tôi vẫn lộ vẻ hoài nghị Nhà tiên tri bỏ ghế đứng dậy. Tôi hiểu ý và liền kiếu từ. Y nói nhỏ dường như nói thầm một mình:

- Tất cả đều ở trong tay của Thượng Đế. Không một ai thoát khỏi tay Ngài. Có ai là người hoàn toàn tự dỏ Dầu cho đi tận chân trời góc bể, chỗ nào mà không có Ngài...

Đến ngưỡng cửa, y nói thêm một cách ngập ngừng:

- Nếu ông muốn trở lại đây lần nữa, chúng ta có thể nói chuyện thêm về vấn đề này.

Tôi cảm ơn và bằng lòng nhận lời mời của ỵ Y liền đáp:

- Được. Tôi sẽ đợi ông chiều mai vào khoảng sáu giờ.

Chiều hôm sau, tôi lại đến nhà của Sudhei Babụ Tôi không có ý nhắm mắt nghe theo tất cả những gì y nói với tôi, nhưng tôi cũng không có lý do để bác bỏ tất cả. Tôi đến để nghe, có thể là để học hỏi, nếu những lời nói của y có thể chứng minh được rõ ràng. Tôi không từ chối một kinh nghiệm, nếu tôi nhận

thấy rằng nó có đủ lý do vững chắc. Lá số mà Sudhei Babu lấy cho tôi đã đủ thuyết phục được tôi rằng khoa Chiêm Tinh Ấn Độ không phải là một điều dị đoan, và nó đáng được cho ta khảo cứu và sưu tầm cặn kẽ. Cái thái độ của tôi tạm thời là như thế.

Chúng tôi ngồi ngang nhau nơi bàn viết của y Một ngọn đèn dầu chiếu ánh sáng lờ mờ trong gian phòng. Hằng triệu gia đình ở Ấn Độ hiện thời vẫn còn thắp đèn dầu trong nhà ban đêm. Nhà Chiêm Tinh nói với tôi:

- Nhà tôi có tất cả mười bốn buồng, tất cả đều chứa đầy những sách cổ chép bằng bút tự, phần nhiều bằng chữ Phạn. Đó là lý do vì sao tôi cần dùng một ngôi biệt thự lớn, mặc dầu tôi chỉ sống có một mình. Mời ông hãy xem kho sách của tôi.

Y cầm cái đèn treo trên vách và đưa tôi vào một phòng kế bên. Những tủ lớn được sắp thành hàng chung quanh những vách tường. Tôi nhìn xem một tủ thì thấy chứa đầy những sách và giấy tờ. Trên sàn gạch cũng bày la liệt những giấy má, những bộ sách cổ mà bìa đã trổ màu vàng. Tôi cầm lên một bó lá buông nhỏ, mỗi tờ đều viết đầy những chữ khó hiểu và đã phai màu. Chúng tôi đi từ buồng này sang buồng khác và buồng nào cũng đầy những tủ sách giống như nhau. Kho sách của nhà Chiêm Tinh có vẻ như ở trong một tình trạng hỗn độn, thiếu trật tự, nhưng y cho tôi biết rằng y đã quen thuộc với mỗi quyển sách và mỗi tài liệu và biết chúng nằm ở đâu mỗi khi y cần đến. Tôi có cảm tưởng rằng tất cả kho tàng minh triết của Ấn Độ đều tập trung trong ngôi nhà này. Sau khi đã xem khắp các buồng sách, chúng tôi trở về chỗ cũ. Nhà Chiêm Tinh nói cho tôi biết:

- Tất cả gia tài sản nghiệp của tôi đều tiêu dùng để mua những bộ sách và lá buông bút tự này. Nhiều bộ sách trong đó rất hiếm và mua rất đắt tiền. Vì thế mà bây giờ tôi mới nghèo như thế này.

- Sách đó nói về những vấn đề gì...

- Đó là những sách nói về các vấn đề Đạo Lý và Minh Triết cổ truyền, và có nhiều quyển nói về khoa Chiêm Tinh.

- Nếu vậy, ông cũng là một nhà Triết Học...

Y mỉm cười đáp:

- Một người không hiểu về Triết Lý sẽ là một nhà Chiêm Tinh hạng tồi, hay chỉ là một anh thầy bói hạ cấp.

- Xin ông thứ lỗi cho, tôi thấy ông có vẻ mệt mỏi vì đọc sách nhiều quá. Tôi đã ngạc nhiên vì sắc mặt nhợt nhạt của ông khi tôi đến đây lần đầu.

Y thản nhiên đáp:

- Đó không có gì là lạ. Tôi không ăn đã sáu ngày nay rồi.

Tôi tỏ vẻ lo lắng và hỏi han ân cần. Y nói:

- Không, đó không phải là vấn đề tiền. Chị bếp của tôi thường hay đau yếu luôn. Chị ấy nghỉ ở nhà đã sáu ngày nay rồi.

- Vậy sao ông không tìm một người bếp khác...

Y lắc đầu đáp:

- Không, tôi không thể dùng một người đầu bếp thuộc giai cấp hạ tiện. Thà rằng tôi nhịn ăn luôn một tháng còn hơn. Tôi phải đợi đến khi chị bếp của tôi bình phục trở lại, nhưng có lẽ chị ấy sẽ trở lại trong một hai ngày.

Tôi nhìn kỹ thì thấy y đeo ở cổ sợi dây Thánh, tiêu biểu cho giai cấp "Con của Thần Brahmạ" Sợi dây này kết ba sợi dính liền nhau, được tròng vào cổ của mỗi người Bà La Môn từ khi mới sinh ra, và y đeo luôn suốt đời cho đến lúc chết. Tôi hỏi:

- Sao ông lại chịu khổ thân vì một thành kiến giai cấp như thế... Sức khỏe của ông chẳng phải là quan trọng hơn hay sao...

- Đó không phải là một thành kiến dị đoan. Mỗi người đều có phát ra một thứ từ điện, tuy vô hình nhưng nó vẫn có thật, mặc dầu khoa học Âu Tây chưa khám phá ra. Người đầu bếp làm món ăn phóng từ điện của y vào đồ ăn, mặc dầu y không hay biết chi cả. Một người bếp hạ cấp và tánh tình hèn hạ sẽ ô nhiễm thức ăn với loại từ điện xấu của y, nó sẽ chui vào bụng của người nào ăn những thức ăn đó.

- Đó là một giả thuyết rất lạ lùng.

- Nhưng đó là sự thật.

Tôi nói qua vấn đề khác:

- Ông làm nghề Chiêm Tinh kể từ bao giờ...

- Đã mười chín năm naỵ Tôi làm nghề này sau khi tôi lập gia đình.

- À tôi hiểu.

- Không, tôi không phải là góa vợ. Khi tôi lên mười ba tuổi, tôi cầu nguyện đấng Thiêng Liêng ban cho tôi sự hiểu biết, tôi đã học với nhiều Thầy và đọc nhiều sách vở. Tôi hiếu học đến nỗi tôi thường ngồi đọc sách suốt ngày và thức đến khuya. Cha mẹ tôi cưới vợ cho tôi, vài ngày sau đám cưới, vợ tôi nổi giận với tôi và nói:

"Tôi không phải lấy chồng, mà lấy nhầm một quyển sách! " Sau đó đúng một tuần lễ, nó bỏ nhà trốn đi với người phu xe của chúng tôi.

Nói đến đây y ngừng một lúc. Tôi không khỏi mỉm cười vì câu nói trắng trợn của bà vợ, sự bỏ nhà ra đi của bà ấy chắc hẳn đã gây nên dư luận sôi nổi ở một xứ bảo thủ như Ấn Độ. Nhưng đàn bà thường có một tâm địa ngoắt ngoéo và rất khó lường. Y nói tiếp:

- Đó là một sự xúc động rất lớn cho tôi, nhưng sau một thời gian, tôi cũng nguôi ngoai dần và quên hẳn việc đó. Tôi càng đi sâu vào việc khảo cứu khoa Chiêm Tinh và Đạo Lý cổ truyền. Chính lúc đó, tôi bắt đầu tham khảo môn học cao nhất của tôi là bộ sách Brahma Chinta.

- Sách đó nói về vấn đề gì...

- Cái tựa của bộ sách ấy có thể dịch là Minh Triết Thiêng Liêng, hay là Minh Triết của Trời. Bộ sách này có đến mấy ngàn trang nhưng tôi chỉ khảo cứu có một phần. Tôi đã phí mất hai chục năm mới góp nhặt được có bấy nhiêu đó, vì bộ sách ấy chỉ gồm những phần rời rạc, lẻ tẻ, phải đi tìm ở khắp nơi mới mua được đủ bộ. Sách ấy gồm có mười hai phần chính và nhiều chương phụ, và giảng về những đề tài như Triết Học, Chiêm Tinh Học, Yoga, đời sống bên kia cửa Tử, và những vấn đề thâm sâu khác.

- Sách ấy có bản dịch Anh văn hay chăng...

Y lắc đầu:

- Tôi không nghe nói có bản dịch đó. Dẫu cho người Ấn Độ cũng ít có người được biết về bộ sách này. Từ trước đến nay, nó vẫn được giữ gìn bí mật. Nó vốn xuất xứ từ bên Tây Tạng, ở xứ này nó được xem như một bộ sách Thần, và chỉ có những vị môn đồ chọn lọc mới được phép học bộ sách ấy.

- Sách ấy được viết ra từ bao giờ...

- Bộ sách ấy được viết ra từ hàng mấy ngàn năm nay do nhà Hiền Triết Bhrigu, vị này sống vào thời kỳ cổ xưa đến nỗi không ai biết vào năm nào. Sách ấy dạy về một môn Yoga hoàn toàn khác hẳn với tất cả những pháp môn khác tại Ấn Độ. Ông cũng thích khảo cứu về môn Yoga phải chăng...

- Sao ông biết...

Để đáp lại, Sudhei Babu lẳng lặng đưa ra lá số mà y đã lấy cho tôi, và cầm cây bút chì chỉ vào những dấu hiệu lạ lùng, nó chỉ những vị trí các tinh tú và các cung Hoàng Đạo.

- Là số của ông làm tôi ngạc nhiên. Nó thật là khác thường đối với một người Âu, thậm chí nó cũng khác thường đối với cả người Ấn Độ. Nó chỉ rằng ông có khuynh hướng rõ rệt về đường Đạo, và ông sẽ được sự dìu dắt của các bậc Hiền Giả để tiến sâu vào vấn đề này. Tuy nhiên, không phải ông chỉ học Yoga mà thôi, mà còn rất ưu tú về các môn học siêu hình và thần bí khác nữa.

Y ngừng một lúc và nhìn thẳng vào cặp mắt tôi. Tôi có cái cảm tưởng rằng y sắp sửa tiết lộ điều gì về đời sống nội tâm của y.

- Ở đời có hai hạng Hiền Giả:

Những người giữ bí mật những kiến thức của họ một cách ích kỷ, và những người sau khi đã giác ngộ cho mình. Liền chia xẻ sự giác ngộ tâm linh đó cho những người khác. Lá số của ông chỉ rằng ông đã bước đến gần cửa Đạo và bởi đó những lời nói của tôi sẽ không phải là nước đổ đầu vịt. Tôi sẵn sàng chia sớt sự hiểu biết của tôi cho ông.

Tôi lấy làm ngạc nhiên về điều lạ lùng này. Trước nhất tôi đến nhà Sudhei Babu để thử xem khoa Chiêm Tinh Ấn Độ là như thế nào. Tôi đến lần nữa để nghe y bàn rộng thêm về nền tảng và bí quyết của khoa Lý Số, và bênh vực cho những phép đoán số của ỵ Và bây giờ, thình lình y tự nguyện làm Thầy tôi về môn Yogạ Y nói tiếp:

- Nếu ông thực hành những phương pháp của Brahma Chinta, ông sẽ không cần có Thầy. Linh hồn ông sẽ là Thầy của ông.

Tôi liền thấy ngay rằng tôi đã nghĩ lầm và tự hỏi phải chăng y đã đọc được tư tưởng của tôi. Tôi nói:

- Ông làm tôi ngạc nhiên.

- Tôi đã chỉ dẫn cho vài người, nhưng tôi không bao giờ tự nhận là Thầy họ, mà chỉ là một người anh cả hay một người bạn. Tôi không muốn làm Thầy của ông theo cái ý nghĩa thông thường. Cái tinh thần của nhà Hiền Triết Bhrigu chỉ dùng tôi làm cái khí cụ để truyền những giáo lý ấy cho ông.

- Tôi không hiểu bằng cách nào ông có thể phối hợp nghề coi số Chiêm Tinh với việc dạy pháp môn Yoga.

Y đặt hai bàn tay gầy gò của y lên bàn và nói:

- Thì đây. Tôi sống trên thế gian và phụng sự thế gian bằng nghề nghiệp của tôi, tức là nghề coi Chiêm Tinh. Tôi không muốn cho ai xem tôi như một ông Thầy dạy Yoga, bởi vì trong môn phái Brahma Chinta, vị Tôn Sư duy nhất là Thượng Đế. Ngài là vị Thầy duy nhất của chúng tôi mà chúng tôi nhìn nhận. Với tư cách là Đại Thể hay Đại Hồn của Vũ Trụ, Ngài cũng ngự Ở trong tâm chúng ta và sẽ dìu dắt chúng tạ Ông hãy xem tôi như một người huynh đệ nếu ông muốn, nhưng đừng xem tôi như một người hướng dẫn tinh thần.

Những người có Thầy thường hay ỷ lại và nương dựa vào ông Thầy thay vì họ phải tự cường và chỉ nghe theo tiếng gọi của lương tri, tức là chính linh hồn của họ.

- Nhưng ông cũng dùng khoa Chiêm Tinh để hướng dẫn cuộc đời của ông phải chăng...

- Ông đã lầm. Tôi không bao giờ dò xem lá số của tôi nữa, thật ra tôi đã xé bỏ nó từ nhiều năm nay.

Tôi lộ vẻ ngạc nhiên về lời tuyên bố này. Y đáp:

- Tôi đã tìm thấy ánh sáng Chân Lý và không cần đến khoa Chiêm Tinh để hướng dẫn cuộc đời tôi. Khoa ấy chỉ hữu ích cho những kẻ còn lần mò đi trong bóng tối. Tôi đã đặt cuộc đời tôi hoàn toàn trong tay Thượng Đế và đã dẹp bỏ mọi điều lo nghĩ ưu phiền về hiện tại hay tương lai. Bất cứ điều gì xảy đến cho tôi, tôi đều chấp nhận như là ý muốn của Thượng Đế. Tôi đã giao phó vận mạng của tôi cho Ngài, luôn cả thể xác, lý trí, tình cảm và hành động.

- Nếu ông bị một kẻ dữ nó định hãm hại ông, và tánh mạng ông bị lâm nguy, ông có nói rằng đó là ý muốn của Thượng Đế và không làm gì để tự vệ chăng...

- Tôi biết rằng trong khi nguy cấp, tôi chỉ cần cầu nguyện là tôi sẽ được Ngài che chở. Cầu nguyện là điều cần thiết, còn sợ sệt chẳng có ích lợi gì. Tôi vẫn thường cầu nguyện và luôn luôn được che chở. Tuy nhiên, tôi cũng đã trải qua những lúc khó khăn, trong những lúc đó tôi đều ý thức được sự giúp đỡ của Ngài và tôi hoàn toàn đặt đức tin nơi Ngài trong mọi trường hợp. Ông cũng vậy, có ngày ông cũng sẽ bất chấp tất cả mọi sự xảy đến trong đời mình và hoàn toàn thản nhiên đối với tương lai.

Tôi tỏ vẻ nghi ngờ:

- Chắc là tôi phải có một sự thay đổi rất lớn lao trước khi đạt tới mức ấy.

- Sự thay đổi đó chắc chắn sẽ đến với ông.

- Ông có chắc như vậy không...

- Tôi tin chắc. Người ta không thể thoát khỏi định mệnh. Sự cải tạo tinh thần đó là một cái ân huệ của Thiêng Liêng, dầu rằng ta có định tìm nó hay không.

- Những điều ông nói thật là lạ lùng, Sudhei Babu.

Ý niệm về Thượng Đế là một điều tôi luôn luôn nghe nói đến trong những cuộc đàm luận của tôi với những người ở xứ này. Người Ấn Độ là một dân tộc có tinh thần tôn giáo rất mạnh, và tôi lấy làm ngạc nhiên mà nghe họ nói đến Thượng Đế một cách quá thông thường. Họ có thể nào hiểu cái quan điểm của một người Âu có óc hoài nghi, thường thay thế cái đức tin đơn giản bằng cái lý trí phức tạp hay chăng... Tôi thấy rằng không có ích gì mà nêu ra vấn đề Thượng Đế để bàn cãi với nhà Chiêm Tinh trong lúc này. Có lẽ y sẽ nhồi sọ tôi với một tràng lý thuyết siêu hình mà hiện thời tôi không có hứng thú muốn nghe chút nào. Tôi bèn xoay chiều câu chuyện qua những vấn đề khác ít phiền phức hơn.

- Chúng ta hãy nói qua cái vấn đề khác thì hay hơn, vì Thượng Đế với tôi chưa từng gặp nhau bao giờ.

Y nhìn thẳng vào tôi không chớp mắt, cặp mắt tinh anh của y dường như tìm cách soi thấu cõi lòng tôi:

- Lá số của ông không nói sai bao giờ, vì nếu không phải như vậy thì tôi đã không thổ lộ những điều hiểu biết của tôi cho một người chưa chuẩn bị sẵn sàng, nhưng các tinh tú vận chuyển đúng phép không bao giờ sai chạy. Những điều mà ông chưa hiểu rõ trong lúc này sẽ nằm trong tiềm thức của ông một thời gian và sẽ xuất hiện trở lại với mãnh lực tăng gấp đôi. Tôi lặp lại lần nữa là tôi sẵn sàng truyền pháp môn Brahma Chinta lại cho ông.

- Và tôi cũng sẵn lòng muốn học pháp môn đó.

Mỗi buổi chiều tôi đều trở lại nhà của Sudhei Babu để thụ giáo về pháp môn Brahma Chintạ Ngọn đèn dầu leo lét chiếu ánh sáng lập lòe trên gương mặt khổ hạnh và trắng như sáp của nhà Chiêm Tinh, trong khi y giảng giải cho tôi nghe những bí thuật của khoa Yoga Tây Tạng cổ truyền. Y không bao giờ lên mặt kẻ cả hay lên giọng thầy đời, mà trái lại y là hiện thân của sự khiêm tốn, và luôn luôn mở đề mỗi bài giảng với câu:

- Trong pháp môn Brahma Chinta có dạy rằng...

Một hôm tôi hỏi y:

- Cái mục đích rốt ráo và tối hậu của pháp môn này là thế nào...

- Mục đích ấy là đạt tới trạng thái xuất thần nhập định vì chỉ trong trạng thái đó, người hành giả mới nhận định rõ ràng rằng y là một linh hồn. Chừng đó, y mới tách rời trí óc của y ra khỏi những vật ở ngoại cảnh; những sự vật ở chung quanh y lu mờ dần và ngoại giới dường như đã biến mất đối với ỵ Y nhận thấy rằng linh hồn là một điều có thật, và y cảm thấy sự an lạc tuyệt vời cùng quyền năng vô song của nó tràn ngập con người của ỵ Y chỉ cần có một kinh nghiệm duy nhất đó để có đủ bằng chứng cụ thể rằng trong người y vốn có một sự sống thiêng liêng và bất diệt. Sau khi y có cái kinh nghiệm đó rồi, thì y không bao giờ có thể quên nó được nữa.

Tôi hỏi với một vẻ hoài nghi:

- Ông có chắc rằng tất cả những điều đó không phải là một hình thức tự kỷ ám thị chăng...

Trên miệng y thoáng hiện một nụ cười:

- Khi một người mẹ sinh ra một đứa con, có khi nào bà ấy lại nghi ngờ rằng đứa con ấy không phải là thật... Và khi bà mẹ ấy hồi tưởng lại khi lâm bồn, có thể nào bà ấy cho rằng đó chỉ là một sự tự kỷ ám thị chăng... Khi bà ấy nhìn đứa con càng ngày càng lớn, có thể nào bà ấy lại nghi ngờ không tin rằng đứa trẻ vẫn còn sống chăng... Giống như thế, sự giác ngộ tâm linh là một biến cố quan trọng trong đời của một người đến nỗi y không thể nào quên được, vì nó làm cho người ấy hoàn toàn thay đổi và trở nên một người mới. Khi người hành giả bước vào trạng thái xuất thần đại định, thì một sự trống không được tạo ra trong trí của ỵ Khi đó thì Thượng Đế, nếu ông không thích dùng danh từ này, thì linh hồn, hay một quyền năng thiêng liêng chẳng hạn, sẽ tràn vào và chiếm lấy cái khoảng trống không đó. Khi nào việc ấy xảy ra, thì người hành giả cảm thấy tràn đầy một nguồn hạnh phúc vô biên và an lạc tuyệt vời không thể tả. Y cũng cảm thấy tràn đầy một tình yêu bao la rộng lớn và nồng nàn đối với toàn thể chúng sinh trong hoàn vũ. Lúc ấy, người ngoài sẽ nhìn thấy xác thân của người hành giả có vẻ dường như chết, vì mọi sự sinh hoạt đều ngưng hẳn, chí đến hơi thở cũng ngừng luôn, khi y đạt tới điểm cao tột của cơn đại định xuất thần.

- Như thế có nguy hiểm gì không...

- Không. Cơn xuất thần nhập định thường diễn ra ở một nơi hoàn toàn vắng lặng, hoặc một người thâm quyến hay bằng hữu có thể có mặt tại chỗ để canh chừng cho người hành giả. Tôi thường bước vào trạng thái xuất thần và luôn luôn có thể trở về tùy ý muốn. Tôi thường xuất thần như thế mỗi lần từ hai đến ba giờ đồng hồ, và định trước lúc nào tôi sẽ trở về nhập xác. Đó là một kinh nghiệm rất diệu huyền, bởi vì tôi nhìn thấy toàn thể Vũ Trụ bên ngoài bằng cách chỉ nhìn vào nội tâm của tôi, chứ không cần đi đâu cả. Vì thế nên tôi đã nói rằng tất cả những gì mà chúng ta cần học hỏi, đều có thể học hỏi ở tự nơi linh hồn của mình. Sau khi tôi truyền hết pháp môn Yoga Tây Tạng này cho ông, ông sẽ không cần có Thầy, và không cần có một sự dìu dắt hướng dẫn nào từ bên ngoài.

- Còn ông, ông cũng không cần có thầy phải chăng...

- Tôi không hề đi tìm thầy từ khi tôi khám phá được những bí thuật của pháp môn Brahma Chintạ Tuy nhiên, vài đấng Giáo Chủ cao cả thỉnh thoảng cũng hiện đến với tôi, trong khi tôi xuất thần nhập định và trở nên có ý thức trong cõi vô hình. Những đấng Cao Cả đó xuất hiện trước mặt tôi trong những Thể linh diệu của các Ngài và đặt bàn tay lên đầu tôi để ban ân huệ. Bởi đó, tôi lặp lại lần nữa, rằng ông hãy tin cậy ở sự dìu dắt của linh hồn mình, và các đấng Giáo Chủ thiêng liêng sẽ xuất hiện đến với ông trong cõi vô hình.

Nói đến đây, nhà Chiêm Tinh im lặng trong vài phút và có vẻ đắm chìm trong cơn trầm tư mặc tưởng. Kế đó, với một giọng bình thản và khiêm tốn y nói:

- Có lần, trong cơn ðại định, tôi thấy đức Jesus.

- Ông muốn nói đùa tôi chăng...

Nhưng y không màng giải thích câu ấy. Trái lại, thình lình y đảo cặp tròng trắng của đôi mắt y xếch ngược lên một cách lạ thường, làm tôi rất băn khoăn lo ngại. Một phút trôi qua trong im lặng và tôi chỉ cảm thấy dễ chịu và bớt lo khi y đem cặp mắt trở lại trạng thái bình thường.

Một nụ cười bí hiểm hiện trên môi của y khi y nói tiếp:

- Trạng thái xuất thần đại định có một mãnh lực phi thường đến nỗi người hành giả không bao giờ sợ chết. Trên sườn núi phía Bắc dãy Hi Mã Lạp Sơn có những người Yogi đã tu luyện pháp môn Brahma Chinta đến mức tuyệt đỉnh. Họ ẩn mình trong những động đá sâu thẳm để xuất thần nhập định đến một mức độ siêu đẳng. Trong trạng thái đó, mạch máu ngừng nhịp, quả tim cũng không còn đập nữa, và máu huyết cũng ngừng lưu thông trong cái cơ thể bất động. Người ngoài nhìn thấy sẽ tưởng rằng họ đã chết. Nhưng người ta đừng tưởng rằng họ ngủ mê, vì họ vẫn hoàn toàn thức tỉnh như mọi người. Họ chỉ bước vào cõi giới siêu hình, trên đó họ sống trải qua nhiều thế kỷ và đã được vài trăm tuổi rồi.

Một lần nữa tôi lại nghe nói đến những chuyện sống lâu, hình như nó sẽ theo đuổi tôi mãi ở bất cứ nơi nào tôi đi đến dưới cái Mặt Trời phương Đông này. Nhưng còn những vị Thần Tiên bất tử đó, có thể nào một ngày kia tôi khám phá ra được một vị để nhìn xem tận mặt được chăng... Chừng đó, có lẽ Âu Tây sẽ tìm ra và chấp nhận pháp môn huyền bí cổ truyền Tây Tạng như một sự góp phần trên địa hạt khoa học và tâm lý. Biết đâu...

Buổi học cuối cùng của tôi về những lý thuyết dị kỳ của khoa pháp môn Brahma Chinta đã chấm dứt. Tôi thuyết phục nhà Chiêm Tinh kiêm tu sĩ ẩn độn này hãy bước ra cửa đi dạo một vòng, điều mà y ít khi làm vì y không hề rời khỏi nhà, để cho thân thể của y được vận động đôi chút. Chúng tôi đi bách bộ xuyên qua những con đường hẹp và tránh những khu náo nhiệt ồn ào để đi xuống bờ sông. Mặc dầu thành phố có vẻ cũ kỹ, chật hẹp và kém vệ sinh, nhưng Ba Nại La dành cho người du khách những cảnh tượng tưng bừng rực rỡ và thay đổi liền liền, nhìn xem rất ngoạn mục.

Trưa hôm ấy, ông Chiêm Tinh gia của tôi mang theo một cây dù lớn. Hình dáng mảnh khảnh và những cử chỉ chậm chạp có vẻ mệt nhọc của y làm cho tôi e ngại, nên tôi phải đổi lộ trình để thâu ngắn đường đi. Chúng tôi đi qua con đường Hàng Đồng. Ở đây tiếng búa của các bác thợ đồng đập nghe vang tai không dứt, và những đồ vật dụng bằng đồng như nồi, soong, chói bóng loáng dưới ánh nắng mặt trời. Ở đây, người ta cũng thấy trưng bày vô số những hình tượng nhỏ bằng đồng tiêu biểu các vị thần trong Ấn Độ giáo.

Một người hành khất già đi một cách khép nép dọc theo vách tường phía bên kia đường lộ. Y nhìn tôi với cặp mắt dọ hỏi, hình như cử chỉ của tôi làm cho y được yên lòng, y bèn đánh bạo lại xin tiền.

Chúng tôi đi qua đường Hàng Gạo, tại đây người ta thấy các cửa hàng bày những đống gạo và thóc lúc màu đỏ và màu vàng. Người buôn thóc ngồi xếp bằng trước cửa hàng, liếc nhìn chúng tôi với cặp mắt tò mò, rồi lại kiên nhẫn ngồi đợi người muạ Trong những con đường khác, những mùi vị pha lẫn một cách hỗn tạp xông vào mũi thành một thứ mùi đặc biệt. Khi chúng tôi đến gần bờ sông, chúng tôi đi thẳng vào một khu hình như là nơi tập hợp của giới hành khất, những người ăn mày gầy còm lê lết dọc theo con đường đầy cát bụi. Một người trong bọn đến gần tôi và nhìn tôi vào tận mắt như để thăm dò. Y có một vẻ mặt đau khổ, nó làm cho lòng tôi se lại. Cách đó một quãng, suýt nữa tôi đạp nhằm một bà già thân thể gầy ốm chỉ còn da bọc xương. Bà ấy cũng ngước mặt lên nhìn tôi. Trong cái nhìn ấy, tôi không thấy lộ vẻ oán hận hay đau khổ, mà chỉ thấy có sự an phận trong âm thầm. Tôi móc túi lấy cái ví tiền, cử chỉ đó làm nhen nhúm lại một tia sáng trong cặp mắt đã hết tinh thần của bà tạ Bà ấy đưa ra một cánh tay gầy gò và nắm lấy đồng tiền bố thí của tôi một cách sốt sắng.

Tôi lấy làm ngượng thầm mà nghĩ đến số phận tốt lành của tôi và tất cả những gì tôi sở hữu, cơm ăn, áo mặc, nhà ở, và nhiều thứ khác. Khi tôi nghĩ đến những cặp mắt tuyệt vọng của những người bần cùng khốn khổ đó, tôi cảm thấy hình như một sự hối hận. Tôi có quyền gì mà sở hữu bấy nhiêu tiền bạc, trong khi những kẻ khốn cùng kia chỉ có những mảnh giẻ rách che thân... Nếu như do một sự tình cờ của định mệnh, mà tôi lại sinh ra làm một trong những người hành khất ấy, thì sao... Tôi không dám suy tưởng lâu hơn nữa về cái ý nghĩ rùng rợn đó.

Vì lý do nào mà một người lại tình cờ sinh ra trên vỉa hè lầm than cát bụi, trong khi số phận lại đặt một người khác trên nhung gấm ở một tòa lâu đài gần bên... Đời người quả thật là một bài toán bí hiểm.

- Chúng ta hãy ngồi đây.

Nhà Chiêm Tinh nói khi chúng tôi vừa đến bờ sông. Chúng tôi ngồi trong bóng mát và nhìn xuống sông, trên bờ là những bực thang đá nhiều nấc, những nhóm người hành hương lên xuống không ngớt. Cách đó một quãng, hai ngọn tháp nhọn, cao gần đến một trăm thước, nhô lên một cách yểu điệu trên nền trời xanh thẳm. Đó là tháp của ngôi đền Hồi giáo, mà nhà vua Aurangzeb đã xây cất tại đây thuở xưa, khi Ấn Độ bị quân Hồi chiếm đóng.

Nhà Chiêm Tinh có lẽ đã nhìn thấy sự phản ứng buồn bực của tôi đối với những người hành khất, nên y day lại và nói:

- Ấn Độ là một nước nghèo, dân tộc xứ này đã đắm chìm trong sự ngủ mê, bất động. Tuy nhiên, việc thịnh suy của Trời Đất nối tiếp nhau như ngày với đêm, âm dương vận hàng theo định luật Tuần Hoàn. Lịch sử của các nước cũng không ngoài cái định luật đó. Ấn Độ đang hồi suy vong, nhưng có lúc nó sẽ quật cường, khi nào những hoài bão tinh thần cao cả của nó thuở xưa được đánh thức dậy trong lòng người, để mở màn cho một giai đoạn tích cực hoạt động và phục hưng xứ sở.

Ngày nay Châu Âu đang sống mạnh với những hoạt động thực tế, nhưng phong trào duy vật mãnh liệt của nó có lúc sẽ trôi qua và nó sẽ quay đầu trở về những lý tưởng cao cả hơn. Nó sẽ đi tìm những hoạt

động tâm linh và những hoài bão tinh thần. Cả nước Mỹ cũng ở trong tình trạng đó.

Tôi lẳng lặng ngồi nghe. Y nói tiếp một cách trịnh trọng:

- Bởi lẽ đó, những giáo lý về triết học và tâm linh của Ấn Độ sẽ tràn qua Tây phương như một luồng sóng mới. Các nhà học giả đã phiên dịch vài bộ sách bút tự Phạn ngữ và Thánh Kinh của Ấn Độ ra các sinh ngữ Âu Tây, nhưng có nhiều sách vở tài liệu vẫn còn giữ gìn trong những thư viện bí mật ẩn trong hang núi, ở những sách vở đó có ngày cũng phải được tiết lộ ra cho thế giới biết. Không bao lâu sẽ đến lúc mà nền Triết Học uyên thâm và Đạo Lý cổ truyền của Ấn Độ sẽ phối hợp với những môn khoa học thực tế của Tây phương. Những điều huyền bí của thời đại cổ xưa phải được phổ biến để ứng đáp lại những nhu cầu của thế hệ này. Tôi mong rằng điều đó rốt cuộc sẽ được thực hiện.

Tôi vừa ngồi nghe vừa nhìn dòng nước xám xanh của sông Hằng. Dòng nước yên lặng một cách lạ thường, đến nỗi nước sông đứng yên dường như không chảy. Mặt nước phẳng lặng của nó phản chiếu ánh nắng mặt trời như một tấm gương trong.

Nhà Chiêm Tinh lại nói tiếp:

- Mỗi dân tộc sẽ thực hiện định mệnh của nó cũng như số mạng của mỗi người phải được hoàn thành. Thượng Đế vốn Toàn Năng. Các quốc gia cũng như các dân tộc sẽ không thoát khỏi định mệnh mà họ tự tạo nên, nhưng họ có thể được che chở trong những cơn nguy biến.

- Làm sao con người có thể được sự che chở đó...

- Bằng sự cầu nguyện, bằng cách trở lại ngây thơ và hồn nhiên như trẻ con khi người ra quay đầu về đấng Chí Tôn, và bằng cách nhớ đến Ngài luôn, không phải trên đầu môi chót lưỡi, mà ở tự trong tâm của mình mỗi khi người ta bắt đầu làm một công việc nào đó. Chúng ta hãy đón nhận những ngày vui tươi như một phần thưởng và ân huệ của Thượng Đế, và đón nhận những lúc đau khổ như một phương thuốc mầu nhiệm để cứu chữa những điều lầm lạc của mình. Chúng ta không có gì phải sợ sệt, vì Ngài hoàn toàn từ ái đối với chúng sinh.

- Như vậy ông không tin rằng Thượng Đế ở cách xa chúng ta và dửng dưng đối với những đau khổ của thế gian chăng...

- Không, Thượng Đế là một nguyên lý ẩn vị, ngự trong tất cả muôn loài vạn vật cũng như trong con người. Khi ông nhìn thấy cái đẹp trong thiên nhiên, như một phong cảnh đẹp chẳng hạn, ông đừng quên rằng sở dĩ nó đẹp là vì có Thượng Đế ở trong. Ta hãy tập nhìn thấy cái đẹp trong mọi người và mọi vật, đó là cái tinh thần bên trong nó làm chủ động cho mọi hình thức sinh hoạt trên thế gian.

- Ông có một lối đặc biệt là pha lẫn những lý thuyết về định mệnh, tôn giáo và Chiêm Tinh một cách lạ lùng, Sudhei Babu.

- Sao lại lạ lùng... Những lý thuyết đó không phải của tôi đặt ra, mà nó được truyền lại cho chúng ta từ những thời đại xa xăm nhất trong quá khứ. Những dân tộc cổ xưa nhất cũng đã từng biết rõ về những vấn đề định mệnh, về Thượng Đế và về khoa Chiêm Tinh. Họ không phải là những dân tộc dã man như người Âu Tây vẫn lầm tưởng. Như tôi đã nói, trước khi thế kỷ này kết thúc, Tây phương sẽ khám phá và nhìn nhận có những mãnh lực vô hình trong Trời Đất, ảnh hưởng đến sự sinh hoạt của con người và vạn vật.

- Thật không dễ gì mà làm cho người Tây phương từ bỏ cái quan niệm về sự tự do ý chí của con người trong việc điều khiển cuộc đời của họ.

- Bất cứ việc gì xảy đến đều do ý muốn của Thượng Đế, và điều mà ta xem dường như là tự do, thật ra

chỉ là hành động với cái quyền năng của Ngài. Thượng Đế trả lại cho người những hậu quả lành hay dữ của những tư tưởng và việc làm của họ trong những kiếp khác. Tốt hơn hết là nên chấp nhận ý muốn của Ngài, và con người sẽ không bị ngã quỵ dưới gánh nặng của nghịch cảnh, nếu y biết hướng về Thượng Đế để tìm cái sức mạnh tinh thần hầu chịu đựng được những nghịch cảnh đó.

- Tôi ước mong rằng ông nói có lý, nếu đó chỉ là để an ủi những kẻ hành khất khốn cùng mà chúng ta vừa gặp khi nãy.

- Đó là điều duy nhất mà tôi có thể trả lời cho ông. Nếu ông áp dụng thuật "Hồi quang nhãn chiếu" để đi sâu vào nội tâm theo pháp môn Brahma Chinta mà tôi đã chỉ dẫn cho ông, thì những vấn đề đó sẽ tự nó giải quyết lấy.

Tôi biết rằng y đã đưa tôi đến cái mức giới hạn của những khả năng tranh luận của y, và không còn gì để nói nhiều hơn nữa. Từ nay tôi phải tự tìm lấy con đường đi của mình.

Nằm trong túi tôi, là một bức điện tín nó gọi tôi hãy đáp chuyến xe lửa sắp tới để lên đường. Tôi yêu cầu nhà Chiêm Tinh hãy cho tôi chụp một bức ảnh kỷ niệm. Y lễ phép chối từ, tôi khẩn khoản mời mọc. Y đáp:

- Để làm gì với gương mặt gầy xấu và bộ quần áo xốc xếch này...

- Tôi muốn có vật kỷ niệm này của ông khi tôi đi xa.

Y đáp một cách dịu dàng:

- Cái kỷ niệm hay nhất là những tư tưởng lành và những việc làm vị tha.

Tôi đành phải chìu lòng y một cách tiếc rẻ, và xếp lại máy ảnh. Khi chúng tôi đứng dậy ra về tôi nhìn thấy gần bên có một vị tu sĩ ngồi kiết dà dưới bóng mát của một cây dù lớn. Y đắm chìm trong một cơn thiền định, và tôi nhận thấy, do bộ áo màu vàng sậm rằng đó là một tu sĩ thuộc về một dòng tu khá cao. Khi chúng tôi đến ngã ba đầu đường, tôi kêu một chiếc xe ngựa và chúng tôi chia tay đôi ngã.

Trong những ngày kế đó, tôi ngồi trên xe lửa. Ban đêm, tôi dừng chân nghỉ ở các lữ quán của chánh phủ dựng lên cho khách đi đường dùng làm nơi tạm trú. Một trong những quán trọ ấy không có tiện nghi gì đáng kể, ngoại trừ một đàn kiến rất đông. Sau hai tiếng đồng hồ thao thức trằn trọc và cố gắng đẩy lui cuộc tấn công của chúng nhưng vô hiệu quả, tôi đành phải bỏ giường và ngồi nghỉ trên một chiếc ghế bành. Thời gian trôi qua một cách rất chậm chạp. Tôi suy nghĩ vẩn vơ và hồi tưởng lại câu chuyện triết lý về định mệnh của nhà Chiêm Tinh thành Ba Nại La.

Đồng thời tôi nhớ lại những hành khất đáng thương, lê lết tấm thân tàn trên con đường đầy cát bụi. Cuộc đời không để cho họ sống, nhưng cũng không để cho họ chết! Chiếc xe ngựa đẹp lộng lẫy của một tay phú thương vừa đi ngang qua, làm văng bùn vào mình họ, nhưng họ chấp nhận điều ấy một cách thản nhiên cũng như chấp nhận cái số phận lầm than của họ, hoàn toàn tuân theo ý muốn của Thượng Đế. Trên dải đất nóng gắt này, chí đến một người phong cùi, phế tật hình như cũng bằng lòng với số mạng. Thuyết định mạng của Ấn Độ chắc hẳn là đem đến cho họ một nguồn an ủi giống như ảnh hưởng của chất ma túy làm xoa dịu những vết thương...

Một người Âu chủ trương sự tự do ý chí không thể nào tranh luận được với một người Đông phương tin tưởng nơi thuyết định mệnh bất di dịch. Đối với người sau này, không hề có vấn đề tự do được nêu ra:

định mệnh cai quản cuộc đời y và cả gia đình y, đó là tất cả vấn đề, không còn gì phải nói nữa. Nhưng có người Âu nào lại chịu nhìn nhận rằng mình chỉ là một vật thụ động, chịu bó tay dưới sự độc đoán của số

mạng nó chỉ định và sắp đặt cuộc đời mình với một bàn tay vô hình... Đến đây tôi liền nhớ lại câu nói bất hủ của Nã Phá Luân, khi đạo binh của ông ta mở đường khai núi vượt qua dãy Alpes:

- Danh từ "Bất khả" không có ở trong tự điển của ta.

Nhưng tôi đã nghiên cứu tiểu sử của cuộc đời ông ta, và tôi cũng nhớ cả những hàng chữ lạ lùng mà ông ta đã viết tại Sainte Hélène trong lúc bị đày ra hải đảo:

"Tôi vẫn luôn luôn tin tưởng ở định mệnh. Những gì đã khắc trên tinh tú là đã quyết định rồi! Ngôi sao của tôi đã lu mờ, tôi cảm thấy tôi không còn quyền hành gì nữa, và tôi cũng không làm thế nào được. " Một người có những ý tưởng trái ngược như thế hẳn là chưa giải quyết xong bài toán của định mệnh, nhưng thật ra có ai đã giải quyết được điều bí hiểm ấy... Có thể rằng kể từ khi con người bắt đầu biết dùng bộ Óc để suy gẫm, thì vấn đề cổ lỗ này đã từng được tranh luận ở bất cứ nơi nào trên Địa Cầu. Những người chất phác đơn sơ không màng giải quyết vấn đề đó, còn bậc Hiền Giả thì vẫn luôn luôn do dự không nói dứt khoát giữa bao nhiêu tư tưởng trái ngược.

Vài ngày sau, tôi đã ở cách xa Ba Nại La đến vài trăm dặm, khi tôi được tin cho biết có những cuộc nổi loạn và bạo động xảy ra ở đó. Đó là chuyện xung đột giữa những người Ấn và Hồi giáo, thường bắt đầu bằng những duyên cớ nhỏ nhặt không đáng kể, nhưng có những kẻ bất lương lợi dụng vấn đề tôn giáo để tạo loạn và gây rối hầu có thi hành những thủ đoạn cướp bóc và sát nhân của chúng.

Trong nhiều ngày, thành phố Ba Nại La đắm chìm trong sự hỗn loạn và khủng bố. Người ta thường nghe nói đến những chuyện đầu rơi máu đổ và giết chóc. Tôi lấy làm lo ngại cho sự an ninh của nhà Chiêm Tinh, nhưng không thể nào tiếp xúc được với y. Những người đem thư lại quá sợ hãi không dám ra đường, và không có thư từ hay điện tín nào được phát trong những ngày loạn lạc đó.

Tôi đành phải đợi cho đến khi tình hình tạm yên trở lại, và gửi một bức điện tín trong số những bức đầu tiên nhận được ở Ba Nại La sau những ngày khủng bố. Vài ngày sau tôi nhận được thư trả lời cảm ơn của nhà Chiêm Tinh, trong đó y cho biết rằng y được bình yên nhờ sự che chở của đấng Toàn Năng. Và ở trang sau, y cũng không quên chép luôn vào đó mười điều quy luật về sự thực hành pháp môn Yoga của phái Brahma Chinta.

Chương 11: Một Cuộc Gặp Gỡ Lạ Lùng

Tôi đã trở lại miền Tây một lần nữa, nhưng không có một chương trình nhất định. Tôi đã quá mệt mỏi vì những chuyến xe lửa nhiều bụi bặm và những cỗ xe bò thiếu tiện nghi nên tôi thuê một chiếc xe hơi cũ và một người Ấn vừa làm tài xế vừa là người bạn đường vừa là người chân tay bộ hạ. Phong cảnh thay đổi liền liền. Khi xe đi qua một khu rừng, người tài xế phải ngừng xe khi trời tối, nếu không thấy có làng mạc nào ở gần bên, thì y đốt một ngọn lửa lớn để làm cho thú dữ tránh xạ Dường như trong rừng có rất nhiều beo và mèo rừng, nhưng ánh lửa sáng cũng đủ làm cho chúng không dám lại gần. Ngoài ra còn có loài sơn cẩu, phát ra những tiếng sủa rùng rợn trong cụm rừng gần bên. Ban ngày, loài kêu bay lượn trên không, dưới một vòm trời nắng gắt.

Một buổi chiều đẹp trời, trong khi ngồi trên xe nhẹ lướt trên đường bộ, tôi nhìn thấy bên vệ đường có hai người lạ lùng. Một người mặc áo tu sĩ ngồi tĩnh tọa dưới bóng cây, còn người kia là một thanh niên, dường như là đệ tử của người tu sĩ. Người tu sĩ già dặn hơn vẫn ngồi điềm nhiên bất động, và có lẽ đang ngồi thiền định, vì y không buồn chú ý đến chiếc xe vừa đi qua, mặc dầu người thanh niên đã nhìn thấy tôi, nhưng có một cái gì nó hấp dẫn tôi đến gần người tu sĩ và tôi quyết định ngừng xe. Tôi bảo người tài xế hãy trở lại để hỏi thăm vài điều về hai người lạ mặt, và trong một lát tôi đã thấy người tài xế đang nói chuyện một cách sôi nổi với người thanh niên.

Khi người tài xế trở lại xe, thì y cho biết rằng hai người lạ mặt quả là thầy trò. Người thầy tên là Chandi Das, là một tu sĩ Yogi có những quyền năng lạ lùng. Họ đi ta bà từ làng này sang làng khác, và đã vượt qua rất nhiều dặm đường, có khi đi bộ, có khi đi xe lửa. Họ khởi hành từ tỉnh Bengale là nơi quê hương của họ, đã từ hai năm về trước.

Tôi mời họ lên xe, và người tu sĩ nhận lời với một thái độ thản nhiên còn người thanh niên thì lộ một tia mừng rỡ trong cặp mắt. Chiếc xe ngừng lại một làng kế cận và chúng tôi định ngủ đêm tại đây. Đường sá vắng tanh không có một bóng người, trừ một tên mục đồng coi giữ một đàn bò gầy ốm ở bên cổng làng. Ngày đã hầu tàn nhưng trời còn nóng bức, chúng tôi đến gần một cái giếng để uống nước, nước có vẻ khả nghi nhưng uống rất mát. Làng này không có vẻ gì hấp dẫn, và chỉ có độ năm mươi gian nhà tranh dọc theo hai bên một con đường lộ duy nhất. Nóc nhà lợp bằng rơm, tường nhà đắp bằng đất với hàng rào tre tối, trước cửa nhà của họ, một bà già bước gần giếng, nhìn chúng tôi với cặp mắt khô khan, múc đầy nước vào cái bình đồng và lẳng lặng bước đi.

Người tài xế sau khi đã pha trà xong, liền đi kiếm nhà người thôn trưởng trong làng. Hai thầy trò người Yogi vẫn im lặng ngồi nghỉ ngơi trên bãi cỏ. Người Yogi chỉ biết có vài tiếng Anh, không đủ để nói chuyện, tôi định phỏng vấn y và sẽ nhờ người tài xế làm thông ngôn khi mọi người đã an nơi an chỗ.

Dần dần, một nhóm nhỏ gồm có đàn ông, đàn bà và trẻ con đã vây quanh chúng tôi. Dân chúng ở vùng nội địa ít khi thấy được người Âu, nói chuyện với họ không phải là một điều vô ích, họ rất hồn nhiên và có những ý kiến bất ngờ và chân thật đối với cuộc đời. Đối với trẻ con, tôi là một vật lạ, nhưng tôi chinh phục chúng dễ dàng bằng vài đồng xụ Chúng cũng tỏ ra hâm mộ cái đồng hồ reo của tôi, và lấy làm ngạc nhiên khi tôi vặn cho nó reo vang để làm vui tai chúng. Một người đàn bà đến gần và rạp người lạy người Yogi ở ngay giữa đường, bà ta lấy tay đụng vào chân người Yogi rồi để lên trán mình để tỏ dấu cung kính. Người tài xế trở lại với người thôn trưởng và cho hay trà đã sẵn sàng. Y đã tốt nghiệp ban Trung học, nhưng y vẫn làm đủ mọi nghề:

Phu khuân vác, tài xế, thông ngôn. Y tọc mạch muốn biết về mọi sự việc của Tây phương, và hy vọng

rằng có ngày tôi sẽ đem y sang Âu Châu. Tôi đối xử với y như bạn, vì y thông minh và có nhiều thiện chí.

Trong khi chờ đợi, chắc có ai mời mọc hai thầy trò người Yogi, vì họ đã biến mất. Người dân làng thường hiếu khách hơn là người ở tỉnh thành. Chúng tôi bèn lên đường về nhà người thôn trưởng, mặt trời đã ngả về Tây, và sa xuống đỉnh các ngọn đồi ở tận chân trời màu đỏ thắm. Chúng tôi dừng chân trước một nhà tranh cao ráo sạch sẽ hơn những nhà khác. Tôi ngỏ lời cảm ơn chủ nhà. Người này đáp:

- Sự hạ cố của quý vị là một điều hân hạnh cho tôi.

Sau khi dùng trà, mọi người còn ngồi lại một lát. Bóng hoàng hôn đã ngã xuống khắp cánh đồng, những người mục đồng đã đủng đỉnh dắt trâu về chuồng. Tôi nhờ tài xế đi tìm người Yogi và xin y dành cho tôi một cuộc hội kiến. Một lát người tài xế trở về và đưa tôi đến một nhà nhỏ và thấp, vẻ nghèo nàn. Tại đây chỉ có người đệ tử trẻ tuổi đón tiếp tôi, còn người Yogi thì vắng mặt, vì ông ta được mời đi chữa cho một người bịnh nặng và tôi phải đợi chờ người Yogi trở về. Một chập sau, y trở về và vừa gặp tôi, y liền ra bộ và nói một câu mà người tài xế dịch lại rằng:

- Xin chào Tiên sinh, và cầu xin Thánh Thần phù hộ Ông.

Nói xong, y liền ngồi bệt xuống đất, hai chân xếp bằng sau khi từ chối một tấm mền vải của tôi đưa ra để làm nệm lót cho y. Vì y ngồi đối diện ngay trước mặt, nên tôi có thể quan sát y tỉ mỉ, bộ râu không chải chuốt làm cho y già đi, tuy thế y có vẻ không hơn năm mươi tuổi. Y để tóc dài chí cổ, vành môi nghiêm khắc hình như không bao giờ cười. Điều đáng chú ý nhứt là cặp mắt sáng quắc. Cái nhìn đó không phải là của trần gian, tôi cảm thấy rằng nó sẽ ám ảnh tôi suốt nhiều ngày. Người Yogi mở lời trước:

- Ông từ phương xa đến đây...

Tôi gật đầu. Y hỏi tiếp:

- Ông nghĩ sao về đại đức Mahasaya...

Tôi giật mình vì ngạc nhiên! Làm sao y biết được rằng tôi vừa đến viếng tỉnh Bengale và gặp Đại đức Mahasaya ở Calcutta. Tôi lặng thinh một hồi và đáp:

- Đại đức đã chinh phục được tấm lòng tôi. Nhưng tại sao ông lại hỏi như vậy...

Người tu sĩ làm như không nghe câu hỏi của tôi, và tôi phải nói tiếp để phá tan sự im lặng:

- Tôi định sẽ gặp lại Đại đức khi tôi trở về Calcutta. Đại đức có biết ông không, và ông có muốn gởi lời chào Đại đức chăng...

- Không. Ông sẽ không gặp lại Đại đức Mahasaya. Vào lúc này, Tử Thần Yama đang gọi Đại đức về cõi giới bên kia!

Sau một lúc im lặng, tôi nói tiếp:

- Tôi rất thích thú về pháp môn Yoga và đời sống của các tu sĩ. Ông có thể nói cho tôi biết nhân duyên gì đã khiến cho ông trở nên một người Yogi, và nhờ đó ông đã thâu hoạch được những kết quả gì chăng...

Nhưng Chandi Das không có vẻ muốn nói nhiều. Y đáp:

- Dĩ vãng là một đống tro tàn. Tôi không muốn bươi móc dĩ vãng để tìm lại những sự việc nay đã không còn nữa. Tôi không sống trong dĩ vãng, cũng không sống trong tương lai. Những điều đó chỉ là hư ảo, như những cái bóng chập chờn vô định. Đó là cái minh triết mà pháp môn Yoga đã đem đến cho tôi.

Điều này làm tôi ngạc nhiên. Tôi bèn phản đối:

- Nhưng chúng ta là những kẻ sống trong thời gian, làm sao mà không biết đến thời gian được...

Y bèn hỏi ngược lại tôi:

- Trong thời gian... Ông có chắc rằng có cái gì gọi là thời gian hay không...

Coi chừng sa lầy, vì đó là một cuộc tranh luận không có lối thoát. Người tu sĩ này quả thật có khả khiếu lạ lùng như người đệ tử của y đã tuyên bố chăng... Tôi đánh bạo hỏi:

- Nếu thời gian không có, thì dĩ vãng và tương lai đều hiện ra cùng một lúc ngay trong hiện tại. Nhưng kinh nghiệm chỉ cho ta thấy trái ngược lại.

- Ông muốn nói rằng kinh nghiệm của ông, kinh nghiệm của thế gian dạy cho ông biết như thế...

- Lẽ tự nhiên, nhưng phải chăng ông muốn nói rằng ông có một kinh nghiệm khác hẳn về vấn đề này...

- Đúng vậy.

- Phải chăng tôi nên kết luận rằng tương lai cũng là hiện tại đối với ông...

Chandi Das đáp:

- Tôi sống trong cõi vô cùng. Tôi không tìm biết trước những sự việc sẽ đến với tôi trong tương lai.

- Nhưng phải chăng ông có thể biết trước những điều sẽ xảy đến trong tương lai của người khác...

- Phải, nếu tôi muốn.

Tôi quyết định hỏi cho thật rõ:

- Xin ông nói rõ thêm. Phải chăng ông có thể tiên đoán việc tương lai...

- Một phần nào thôi, vì đời người không phải được sắp đặt trước một cách tỉ mỉ từng chi tiết.

- Nhưng ông có thể đoán biết một phần cái tương lai của tôi và nói cho tôi biết chăng...

- Ông muốn biết để làm gì... Nếu Thượng Đế đắp một tấm màn bí mật lên tương lai của con người, ông tưởng rằng không có lý do hay sao...

- Tôi bị ám ảnh dày dò bởi nhiều vấn đề nghiêm trọng. Vì muốn soi sáng phần nào những vấn đề đó, mà tôi đi, hoặc nó cũng có thể cho tôi biết rằng bao nhiêu công lao khó nhọc của tôi đều là vô ích.

Người Yogi ngước lên nhìn tôi với cặp mắt đen láy. Tôi bị hấp dẫn bởi cái nhìn phong độ ung dung tự tại và sự minh triết của người đạo sĩ dường như chiếu hào quang sáng rỡ vào cái chòi tranh nghèo nàn ẩn náu trong rừng thẳm. Sau cùng, Chandi Das cất tiếng nói:

- Tôi không được biết nhiều về khoa học Âu Tây, nhưng nếu ông sẵn lòng nghe tôi, thì cuộc hành trình của ông sẽ không phải là vô ích. Ông hãy trở lại thành phố đầu tiên khi ông bước vào Ấn Độ, và trong tháng sau ông sẽ được như ý nguyện.

- Trở lại Bombay...

- Phải.

Tôi không hiểu gì cả. Bombay, một thành phố đã bị Âu hóa hết ba phần tự Tôi còn thâu thập được gì ở Bombay nữa bây giờ... Tôi nói:

- Tôi xin thú thật là ở Bombay tôi chưa tìm được ai để dẫn dắt tôi hết cả.

- Tuy nhiên, đó là con đường của ông. Ông hãy đi cho mau đừng để mất thời giờ, ông hãy đi vào ngày mai.

- Đó là tất cả những gì ông muốn nói với tôi sao...

- Tôi có thể nói nhiều hơn nhưng tôi chưa suy nghĩ kịp.

Người Yogi lại đắm chìm trong sự im lặng. Cặp mắt y giống như mặt nước hồ trong vắt trong một lúc xuất thần, và sau cơn nhập định y cho biết:

- Ông sẽ từ giã Ấn Độ để trở về phương Tây trước mùa thu tới đây. Ông sẽ bị đau nặng vào lúc ông sắp sửa rời khỏi xứ này. Tinh thần ông còn chiến đấu trong trong một xác thể tàn tạ nhưng ngày giờ giải thoát của nó chưa đến. Ông sẽ được thấy cái ý muốn ẩn dấu của định mệnh vì nó sẽ làm cho ông trở lại đất Ấn Độ tất cả là ba lần. Một vị Tôn Sư mà ông có nhân duyên trong quá khứ hiện nay đang chờ đợi ông, và sau cùng ông sẽ trở lại với chúng tôi.

Người Yogi lại im lặng một lúc, đôi mí mắt y dường như hơi cử động. Kế đó, y nhìn thẳng vào cặp mắt tôi và nói:

- Ông đã nghe chưa... Đó là tất cả những gì tôi muốn nói với ông.

Chandi Das từ chối không chịu nói gì về cuộc đời cá nhân của y, làm cho tôi không biết nghĩ sao về những lời tiên tri lạ lùng đó, và tôi cảm thấy rằng còn có nhiều điều khác nữa mà y không chịu nói. Trong khi câu chuyện đang tiếp diễn, tôi phải bật cười mà nghe người đệ tử hỏi tôi với một vẻ mặt trịnh trọng, hình như y cũng tự hào về cái bản lĩnh cao cường của thầy y:

- Những người Yogi của Anh Quốc có thể nói tiên tri được như vậy chăng...

Tôi phải khó nhọc một lúc mới làm cho y hiểu rằng ở Anh Quốc không có đạo sĩ Yogị Trong buổi tối diễn ra với những cơn im lặng kéo dài, và khi người Yogi cho tôi biết rằng y không còn điều gì muốn nói nữa, thì người nông phu tiến tới và mời tôi hãy ở lại dùng bữa cơm đạm bạc với ỵ Tôi đáp rằng tôi đã có sắm sửa đủ mọi thứ mang theo trong xe, và sẽ làm cơm tại nhà người thôn trưởng rồi ở lại ngủ đêm tại đó. Người nông dân trả lời rằng y phải tuân theo những bổn phận cổ truyền của người chủ nhà là phải tiếp khách ở phương xa đến, và khẩn khoản mời mọc hết lời, làm cho tôi không còn cách nào từ chối. Người nông dân bèn đặt trước mặt tôi một đĩa cơm rang nóng sốt. Một vầng trăng khuyết lu mờ hiện ra trong khung cửa sổ nhỏ hẹp. Tôi nghĩ rằng không có một sự học vấn hay một trí óc siêu việt nào của những người ở tỉnh thành có thể bù trừ được với tấm lòng tốt đơn giản của những người thất học ở chốn đồng quệ Khi tôi từ giã hai thầy trò đạo sĩ Chandi Das, người nông dân gỡ lấy cái đèn lồng treo trên trần nhà và tiễn đưa tôi ra tận đường cái. Y đưa bàn tay lên trán để chào và đứng một lúc nhìn khách lên xe. Kế đó, tôi trở về nhà người thôn trưởng dưới ánh đuốc lập lòe do người tài xế cầm nơi taỵ Tôi trằn trọc ngủ không yên giấc, và nghĩ đến những lời tiên tri của người đạo sĩ. Giấc ngủ của tôi bị quấy rối bởi những tiếng kêu rùng rợn của con sơn cẩu trong rừng kế bên, và những tiếng sủa không dứt ở đằng xa của một con chó sủa trăng.

Tuy không có ý định nghe theo lời khuyên của người đạo sĩ, nhưng tôi vẫn đi Bombaỵ Vừa yên nơi yên chỗ xong thì tôi đau nặng. Nằm trong bốn vách tường của một căn phòng khác sạn, mệt mỏi cả tâm hồn lẫn thể xác, tôi đã phải vất vả chiến đấu với sự ngã lòng. Tôi đã bắt đầu cảm thấy chán nản xứ Ấn Độ. Tôi đã vượt qua hàng ngàn dặm đường, dưới những điều kiện thật khó khăn, để rốt cuộc nằm ụ một nơi trong khu

sang trọng của một thành phố lớn. Không phải giữa những nơi tửu điếm, những khiêu vũ trường, những sòng bài bạc và những cốc rượu mạnh pha soda sủi bọt mà tôi sẽ khám phá ra cái Ấn Độ huyền bí của tôi đang đi tìm. Sự la cà của tôi ở những khu bình dân bổn xứ chắc chắn đã giúp đỡ tôi trong sự sưu tầm, nhưng điều đó lại có ảnh hưởng bất lợi cho sức khỏe của tôi. Còn nói về những cuộc phiêu lưu ở những chốn non cao động cả, hay những vùng làng mạc xa xôi trong rừng thẳm, thì tôi đã phải trả một cái giá rất đắt là ăn uống thất thường, thiếu bổ dưỡng, thiếu vệ sinh, những cuộc hành trình vất vả mệt nhọc lúc ban ngày và những đêm mất ngủ vì tiết trời nóng nực. Kết quả là nay tôi đang mang cái thể xác của tôi như một cái gánh nặng.

Tôi sẽ chịu đựng được một đời sống như thế này trong bao lâu nữa... Đôi mắt tôi đã nặng trĩu vì mất ngủ, một cơn mất ngủ nó bám víu tôi một cách chặt chẽ như một con mực khổng lồ bám lấy mồi, kể từ khi bắt đầu cuộc hành trình.

Sự bắt buộc phải sống chung đụng với những người thuộc một nòi giống khác, phải luôn luôn giữ thế quân bình giữa một bộ Óc xét đoán khoa học và một sự thụ cảm tâm linh, làm cho thần kinh hệ của tôi bị căng thẳng đến cực độ. Tôi đã phải tập phân biệt những nhà đạo sĩ hiền triết chân tu với những kẻ điên rồ, lầm lạc những điều ảo vọng với những cảm hứng thiêng liêng. Tôi cũng phải biết phân biệt những tu sĩ thần bí với những kẻ buôn thần bán thánh, những điều đó trong một thời gian tối thiểu, vì dầu sao tôi cũng không thể bỏ phí nhiều năm của một đời người để chạy theo một sự tìm tòi như thế.

Nếu thể xác tôi đã kiệt quệ, thì tâm hồn tôi cũng không hơn gì:

Tôi có cảm giác như bị hoàn toàn thất bại cả vật chất lẫn tinh thần. Dĩ nhiên là tôi đã gặp những người chân tu có một giá trị tâm linh cao khiết, tôi cũng đã gặp những người thực hiện được những điều lạ lùng, nhưng tôi chưa gặp được bậc siêu nhân mà tôi tìm kiếm, bậc danh sư có thể làm thỏa mãn cả lý trí lẫn tình cảm của tôi. Những vị đệ tử quá sốt sắng đã cố gắng lôi cuốn tôi theo về môn phái của họ. Tôi đã thừa hiểu rằng cũng ví như trong thời niên thiếu người ta lầm tưởng một chuyện ái tình vụn vặt là một mối tình lớn của cả một đời, thì những người trẻ tuổi này đã lầm tưởng cái kinh nghiệm đầu tiên của họ là một sự khám phá tuyệt diệu, nó ngăn trở không cho họ tiến tới nữa. Có ích lợi gì mà nhồi vào bộ Óc của tôi thêm một giả thuyết hư vô, thần bí, nếu đồng thời tự trong tâm tôi không có xuất hiện một cái gì sống động, độc đáo, đặc biệt là của riêng tôi, một sự giác ngộ thiêng liêng nó là của tôi chứ không phải là một thứ ánh sáng mượn tạm từ bên ngoài... Nhưng nghĩ lại, tôi là ai mà dám mơ ước những triển vọng cao cả như thế. Tôi có quyền lực gì mà dám ước mong đến những ân huệ cao sang của định mệnh như thế. Nhìn về khía cạnh nào của vấn đề, tôi cũng chỉ thấy có những lý do chán nản, tuyệt vọng.

Khi tôi đã thấy hơi khỏe để có thể bước xuống phòng ăn, tôi thấy ở bàn kế bên có một người sĩ quan. Người này mới nói chuyện với tôi về bà vợ của y đang đau ốm trầm trọng chạy chữa thuốc thang không hết, về đơn xin nghỉ phép của y bị từ chối,... Điều này càng làm cho tôi chán nản hơn nữa. Bữa cơm xong, vị sĩ quan vừa châm một điếu xì gà lớn vừa nói:

- Đời người phải chăng là một tấn hài kịch... Hả ông bạn...

Tôi cũng đáp buông xuôi lấy lệ:

- Ừ! Hài kịch!

Nửa giờ sau, tôi gọi xe taxi đi đến đường Hornby Road và bước vào văn phòng một công ty hàng hải. Tôi mua vé tàu với ý nghĩ rằng trong hoàn cảnh hiện thời không còn có giải pháp nào khác hơn là lên đường càng sớm càng hay Và tôi liền trở về khách sạn mà không màng để ý đến những tòa lâu đài, dinh thự đồ sộ nguy nga của thành phố Bombay.

Chiều đến, người bồi đặt trên bàn tôi một dĩa cari ngon lành và thơm phức, nhưng tôi không thấy đói. Tôi chỉ uống một ly nước đá lạnh và gọi taxi ra đi. Xe ngừng trước một rạp chớp bóng, đèn ống chiếu sáng lòa cả vùng chung quanh:

đó là một món quà của phương Tây nhập cảng sang Ấn Độ. Thỉnh thoảng tôi vẫn đi xem chớp bóng, và đó là một nguồn lãng quên, ví như nước sông Léthé ở cảng âm tị Người ta không còn thấy cô đơn khi mà trong bất cứ một thành phố nào của thế giới, người ta cũng có thể thuê một chiếc ghế bành êm dịu trong gian phòng ấm cúng để xem hát trong vài giờ. Tôi bước vào và liền thấy trên màn bạc người vợ ngoại tình và người chồng chơi bời phóng túng trong một khung cảnh sang trọng quý phái. Nhưng cốt chuyện trên màn bạc làm tôi chán nản, tôi đã mất cái thích thú đi xem chớp bóng. Tấn bi hài kịch trên màn bạc không còn có thể làm cho tôi cười hay khóc được nữa. Trong khi đó, cảnh vật chung quanh tôi, cả gian phòng lẫn màn bạc, đều như xóa mờ trong một thế giới huyền ảo và tâm trí của tôi lại quay về cái vấn đề nó vẫn ám ảnh tôi từ trước.

Bỗng nhiên, thần kinh và cân não tôi bị căng thẳng mãnh liệt, tôi cảm thấy dường như có một luồng điện chạy qua trong bầu không khí chung quanh và một sự thay đổi lớn đang diễn ra trong người của tôi. Một tiếng nói từ trong nội tâm phát ra và bắt buộc tôi phải chú ý:

- Cuộc đời chẳng khác nào như một cuốn phim chiếu bóng, một ảo ảnh di động luôn, nó diễn ra từ cái nôi đến nấm mồ. Những sự vật trong dĩ vãng nay còn đâu:

Ngươi có thể kêu gọi nó ra được chăng... Thay vì tiếp tục thẳng tiến đến cái chân thật, bền bỉ, trường tồn, ngược lại dừng chân ở nơi đây và lãng phí thời giờ với một cái hình ảnh còn phỉnh lừa hơn là cuộc đời, với một câu chuyện tưởng tượng, một ảo ảnh trong cái ảo ảnh.

Thật vậy, tôi đã chán nản những tấn bi kịch về tình ái của người đời. Tôi bèn đứng dậy đi ra để thở cái không khí mát mẻ ở bên ngoài, đi thơ thẩn vô định dọc theo các đường phố dưới ánh trăng êm dịu. Đến một góc đường, một người hành khất đến gần tôi và thốt ra một tiếng kêu lạ lùng, nó làm cho tôi ngẩng mặt lên:

Tôi thụt lùi lại trong sự khủng khiếp, vì gương mặt của người ấy bị một chứng bệnh quỷ quái gì nó ăn lở loét đến tận xương. Nhưng lòng trắc ẩn mạnh hơn sự ghê tởm, tôi bèn ném hết tất cả những đồng tiền lẻ vào bàn tay lật ngửa của y Tôi đi đến bờ biển để tìm một nơi hẻo lánh và tránh chỗ đông người, dưới vòm trời đầy sao, tôi nghĩ đến cơn khủng hoảng vừa rồi trong rạp hát, và tự thả trôi theo những ý nghĩ triền miên không dứt.

Chỉ còn vài ngày nữa là tôi sẽ xuống tàu vượt biển trở về Châu Âu. Thôi, hãy tạm ngưng việc học Đạo. Tôi tự nghĩ tất cả những gì mà tôi có thể hiến dâng như thời giờ, tiền bạc, trí não, công lao, tôi không hy sinh nữa để chạy theo những giả thuyết vu vơ Khi ngồi trên tàu, có lẽ tôi sẽ nghĩ như vậy, nhưng trong khi chờ đợi, tiếng nói của nội tâm lại dằn vặt tôi một cách ráo riết, không dung tha:

"Đồ điên! Thì ra kết quả của bao nhiêu nguyện vọng thiết tha, của bao nhiêu năm tầm Đạo, nay chỉ có bấy nhiêu đó thôi sao... Ngươi sẽ trở lại với cuộc đời tầm thường, noi theo con đường bằng phẳng của thế nhân, quên hết tất cả những gì ngược đã học và nhận chìm viên ngọc tâm linh quý báu của ngươi xuống chỗ bùn nhơ của thất tình nhục dục. Nhưng này, ngươi hãy coi chừng! Cuộc đời học Đạo của người có thể thoát khỏi một cách dễ dàng những đòi hỏi của một nguyện vọng như thế hay sao... Ngươi đừng hy vọng thoát khỏi, vì đó là những sợi dây trói buộc người đã từ lâu. " Một mình đứng dưới vòm trời đầy sao, tôi không thể cưỡng lại được cái tiếng nói nội tâm nó dằn vặt tôi một cách thẳng tay không chút tội nghiệp, làm cho tôi trở nên bất lực trước sự khủng hoảng. Và tiếng nói vô âm thinh kia lại tiếp tục:

"Ngươi có chắc rằng trong những người mà ngươi đã gặp, không có ai đáng mặt là vị danh sư mà ngươi

tìm kiếm hay chăng... " Tôi hồi tưởng lại tất cả những người tu sĩ và đạo sĩ Yogi mà tôi đã gặp ở dọc đường. Tất cả những gương mặt rám nắng hoặc đen xạm diễn lại trong trí tôi, từ những nét mặt nhanh nhẹn vui tươi của người miền Bắc, thản nhiên của người miền Nam, linh hoạt và dễ xúc cảm của người miền Đông và im lặng trầm tĩnh của người miền Tây. Những gương mặt đó tuy khác nhau về sự thiện cảm hay thù nghịch, khôn ngoan hay đần độn, có hảo ý hay có ác ý, nhưng tất cả đều có một điểm chung là bí hiểm, khôn dò. Tuy nhiên có một gương mặt tách riêng ra khỏi những gương mặt khác, mà đôi mắt không rời khỏi đôi mắt của tôi. Tôi đã nhìn ra rồi:

đó là đức Maharichi, vị Tôn Sư ẩn dật trên ngọn Đồi Thiêng ở dưới tận miền Nam xa xôi của Ấn Độ. Không bao giờ tôi có thể quên Ngài và thỉnh thoảng tôi vẫn nhớ đến Ngài nhưng những sự biến thiên, thay đổi của cuộc đời, cùng những điều lo nghĩ dồn dập đã xóa mờ dần cái kỷ niệm êm đềm cùng những ngày ngắn ngủi mà tôi đã sống ở đạo viện. Tôi phải nhìn nhận rằng không có một người nào ở trần gian đã từng hấp dẫn tôi một cách lạ kỳ như thế. Nhưng Ngài dường như quá ẩn dật, quá cách biệt đối với một người Âu như tôi, và quá thản nhiên đối với những mục đích khiêm tốn của tôi. Tuy nhiên, cái tiếng nói của nội tâm lại vang lên:

- Thản nhiên ư! Ngươi có chắc không... Phải chăng ngươi đã bỏ ra đi quá sớm...

Và lý trí của tôi cũng đáp lại để tự bào chữa:

- Phải, có lẽ tôi đã quá vội vàng ra đi, vì tôi nghĩ đến chương trình của tôi. Tôi có thể nào làm khác được chăng...

- Ít nhất có một điều mà ngươi có thể làm:

Hãy trở lại đạo viện.

- Như vậy, phải chăng là tôi làm một điều miễn cưỡng, gượng gạo...

- Cái đó không quan hệ, điều quan hệ là sự thành công. Ngươi hãy trở lại với đức Maharichi.

- Nhưng Ngài ở tận dưới miền Nam xa xôi, ở nơi tận cùng của xứ Ấn Độ, mà tôi thì đã quá mệt mỏi và đau ốm để có thể lên đường.

- Điều đó cũng không quan hệ. Nếu ngươi muốn gặp Tôn Sư thì ngươi đừng quản công lao khó nhọc.

- Tôi đã quá mệt mỏi và chán nản nên không còn thiết đến điều gì nữa, và cũng không chắc rằng tôi còn có ý muốn đi tìm Thầy. Tôi đã giữ chỗ trên tàu và sẽ khởi hành trong ba ngày. Muốn đổi ý kiến thì cũng đã trễ rồi.

- Không bao giờ là quá trễ. Ngươi hãy xét đoán sự vật theo đúng giá trị của nó. Ngươi nói rằng đức Maharichi là người siêu việt nhất mà ngươi đã gặp, vậy mà ngươi bỏ ra đi khi ngươi mới vừa được biết Ngài. Hãy trở lại cho mau!

Cái lý trí đã chịu khuất phục và vâng theo tiếng nói của nội tâm, nhưng cái thể xác đau yếu còn chống cự lại. Tiếng nói bí mật kia lại tiếp tục:

- Ngươi hãy hủy bỏ chương trình đã định, và hãy trở lại với đức Tôn Sư.

Tiếng nói đó phát ra như một cái lịnh và vang lừng trong tâm giới của tôi. Sự biện luận của lý trí và sự chống đối của cái xác thể mỏi mệt cũng trở nên vô hiệu quả. Tôi cũng như một đứa trẻ nhỏ yếu đuối bất lực, không còn sức tự chủ. Vào lúc mà tiếng nói kia kêu gọi một cách mãnh liệt nhất, réo rắt thâm trầm

nhất, thì hình ảnh của đức Maharichi hiện ra trước mắt tôi, một hình ảnh sống động và hấp dẫn, không thể nào kháng cự lại được nữa. Tôi đành chịu thua và bỏ cuộc, như một kẻ chiến bại đành buông khí giới và rời khỏi chiến trường. Tôi sẽ trở lại đạo viện, và nếu Tôn Sư bằng lòng, tôi sẽ giao phó vận mạng tôi cho Ngài định đoạt. Thế là xong, tôi đã bị chinh phục, mặc dầu tôi vẫn còn hoang mang chưa hiểu ra sao cả, nhưng tôi cảm thấy rằng tôi không còn thuộc về tôi nữa. Tôi trở về khách sạn, uống một chén trà nóng, tôi đã hoàn toàn thay đổi, và cảm thấy nhẹ nhàng như trút được một gánh nặng.

Sáng ngày hôm sau, tôi thấy trong lòng vui vẻ và khỏe khoắn lạ thường, đó là lần đầu tiên từ khi trở lại Bombay. Người bồi bàn của tôi trong bộ áo đồng phục trắng tinh, nịt thắt lưng vàng, khi vừa thấy tôi bước vào phòng ăn liền vui vẻ cười và nói:

- Có thư của ông đây.

Tôi mở thư ra xem thì lấy làm ngạc nhiên mà thấy thư gửi từ đạo viện Arunachala, trên ngọn Đồi Thiêng. Thư ấy là của một vị Thẩm phán trong Hội Đồng Lập Pháp tỉnh Madras, người này vì một tấn thảm kịch gia đình, đã quyết định đi tu và trở nên một vị đệ tử của đức Maharichi. Tôi đã từng làm quen với y và thỉnh thoảng có trao đổi thư từ qua lại. Trong thư, y nói rằng tôi sẽ được hoan nghinh nếu tôi trở lại đạo viện. Câu cuối cùng trong thư lại nói:

"Ông rất may mắn được gặp vị Tôn Sư mà ông vẫn tìm kiếm. " Bức thư này đến với tôi như một điềm lành, tôi liền đến văn phòng Công ty hàng hải để xin hủy bỏ vé tàu về Anh Quốc.

Một lần nữa tôi lại từ giã thành phố Bombay và vượt qua vùng cao nguyên Décan để trực chỉ miền Nam. Lần này tôi có cảm tưởng như đi đến ánh sáng và an lạc. Qua ngày hôm sau, tôi lấy làm sung sướng mà nhìn thấy lại những phong cảnh êm đềm và những ngọn đồi đất đỏ của miền Nam. Tôi càng phấn khởi hơn khi chuyến xe lửa đã qua khỏi vùng đồng nội khô khan và tôi bắt đầu thở cái không khí mùi gió biển của thành phố Madras, chấm dứt chặng đầu của cuộc hành trình.

Tại Madras, tôi phải đổi qua chuyến xe lửa khác và trong khi chờ đợi, tôi đến viếng thăm nhà văn hào Mani, người bạn đồng nghiệp đã giới thiệu tôi với đức Tăng Thống Shri Shankara độ nọ. Nhà văn hào tiếp đón tôi một cách nồng nhiệt và khi được biết rằng tôi trở lại đạo viện của đức Maharichi thì y nói rằng:

- Tôi không ngạc nhiên, vì tôi đã biết trước.

Tôi ngạc nhiên nhưng vẫn cứ hỏi:

- Vì đâu mà anh lại nói như vậy...

Y mỉm cười đáp:

- Bạn ơi, bạn có nhớ chăng, khi chúng ta từ giã đức Tăng Thống ở Chingleput, khi ra tới hành lang, Ngài có day lại nói nhỏ với tôi vài điều.

- À! Bây giờ anh nhắc lại, tôi mới nhớ. Vậy đức Tăng Thống nói những gì...

- Ngài nói với tôi như vầy:

"Người bạn anh sẽ đi châu du khắp xứ Ấn Độ để tìm Thầy. Y sẽ gặp nhiều vị đạo sĩ, nhưng sau cùng y sẽ trở lại với đức Maharichi, vì đó là vị Tôn Sư duy nhất sẽ thích hợp với y." Thật là lạ lùng! Phải chăng đức Tăng Thống Shri Shankara quả thật là một nhà tiên tri. Dầu sao, những lời này cũng xác nhận và củng cố thêm cho quyết định của tôi, rằng tôi đã tìm thấy đúng con đường của tôi đi.

Chương 12: Đạo Viện Trong Rừng Thẳm

Có những giờ mà người ta có thể khắc bằng chữ vàng trong quyển lịch của đời mình. Đó là một trong những giờ phút thần tiên mà định mệnh đã dành cho tôi khi tôi trở lại đạo viện của đức Maharachi.

Ngài vẫn ngồi ở Tịnh xá như thường lệ, trên tấm da cọp rất đẹp. Những cây nhang nối tiếp nhau cháy một cách chậm chạp trên chiếc bàn nhỏ, tỏa ra khắp phòng một mùi hương thơm dịu. Trong lúc đó, đức Tôn Sư không ngồi nhập định, Ngài vẫn tỉnh táo như thường, đôi mắt nhìn tự nhiên và đôi môi Ngài nở một nụ cười tiếp đón khi tôi bước vào Tịnh Xá và nghiêng mình kính cẩn chào Ngài. Vài vị đệ tử ngồi cách xa Ngài một cách cung kính, một vị đứng gần kéo cái quạt tre treo trên trần để quạt cho mát khắp phòng.

Lần này tôi định trình bày cho Tôn Sư biết rõ ý muốn của tôi, và chỉ yên lòng khi tôi biết được quyết định của Ngài. Nhưng tôi có nhiều hy vọng được Ngài thâu nhận, vì cái tiếng nói trong nội tâm nó gọi tôi từ Bombay trở về đây, và nó vang lên như một cái lịnh, là một tiếng nói mãnh liệt mà tôi không thể nào cãi lời và không nghe theo. Sau vài lời giải thích tôi trình bày lời thỉnh cầu của tôi một cách vắn tắt, gọn gàng, Đức Maharichi vừa nhìn tôi vừa mỉm cười, nhưng vẫn giữ im lặng. Tôi lập lại câu nói của tôi, và lần này Ngài trả lời trực tiếp bằng tiếng Anh rất lưu loát:

- Cần gì phải nói đến việc thầy trò... Những sự khác biệt đó chỉ có dưới quan điểm của người sơ cợ Đối với người nào đã phản hồi nguyên tánh của mình, thì không có chuyện thầy với trò, mà chỉ có người với người mà thôi.

Tôi tự nghĩ phải chăng đó là một sự từ chối, tôi cố gắng trình bày lời yêu cầu của mình một cách khác và tôi được trả lời như sau:

- Anh phải tìm thầy ở tự nơi anh, tôi muốn nói ở nơi Chân Ngã, hay Chân Như Phật tánh của mình.

Tôi bắt đầu hiểu ý Ngài:

đức Maharichi không muốn trả lời trực tiếp câu hỏi của tôi, tôi phải tìm hiểu những lời nói của Ngài, nó rất u ẩn và tế nhị. Tôi không nói thêm nữa về việc đó, và chỉ nói chuyện với Tôn Sư về chuyến du hành của tôi. Kế đó, tôi trở về chỗ an nghỉ dành riêng cho tôi trong đạo viện, và chuẩn vị Ở trong một thời hạn lâu dài.

Trong tuần lễ kế đó, tôi sống một cuộc đời bất thường. Ban ngày tôi đến ngồi trong Tịnh Xá của đức Maharichi để nghe những lời vàng ngọc của Ngài và để hy vọng nhận được câu trả lời mà tôi đang chờ đợi. Nhưng ban đêm tôi vẫn bị chứng mất ngủ, mặt dầu tôi nằm dưới đất một cách giản dị trong một cái chòi mới cất ở cách đạo viện chừng một trăm thước. Chỗ này vách tường làm bằng đất, nóc lợp tranh, ở chung quanh toàn là những bụi cây có gai, những loại cây xương rồng, là chỗ bắt đầu của khu rừng hoang rậm rạp, không hề có chân ngọn núi Thiêng, ở phía nam, có một cái ao lớn, mặt nước phẳng lặng, trên bờ ao có nhiều chòm cây và rất nhiều loài khỉ vượn nhảy nhót trên cành.

Những chuỗi ngày trôi qua một cách đều đặn. Mỗi ngày, tôi dậy sớm trước khi mặt trời mọc và xuống ao tắm. Tôi phải đập nước và làm nhiều tiếng động để cho loài rắn tránh xạ Kế đó, tôi uống một cách ngon lành ba chén trà thơm nóng, nó là cái xa xỉ phẩm duy nhất của tôi ở đạo viện thâm nghiêm này.

Còn nói về những bữa ăn của tôi, thì chỉ có một người bồi lo việc bếp núc và đi chợ nấu ăn. Tuy thế, tôi chỉ có ăn một buổi trưa còn buổi chiều thì tôi uống sữa hay uống trà. Sau khi điểm tâm xong, tôi thong thả

bước lần xuống Tịnh Xá, có khi tôi ngừng lại xem những bụi hoa hường trong vườn, hoặc ngồi dưới những gốc dừa sai trái. Vì buổi sớm mai mặt trời chưa lên cao nên dạo chơi trong vườn để thưởng hoa như thế là một điều thích thú.

Kế đó tôi bước vào Tịnh Xá, cúi đầu chào Tôn Sư, và ngồi xếp bằng dưới sàn gạch. Tôi được tự do đọc sách hay viết thư trong một lúc hoặc nói chuyện với các vị đệ tử, chất vấn Tôn Sư về một vấn đề nào đó, hoặc tham thiền trong một giờ về một đề tài của Tôn Sư đưa ra. Buổi tối thì dành cho cuộc tham thiền chung. Nhưng, dầu cho tôi mắc bận việc gì, tôi cũng cảm thấy cái ảnh hưởng tốt lành của bầu không khí chung quanh nó tiềm tàng một niềm an tịnh thiêng liêng, phảng phất trong đạo viện. Chỉ ngồi bên cạnh đức Maharichi cũng đủ làm cho tâm hồn được tạo ra khi tôi với Tôn Sư ngồi gần nhau. Điều này tuy rất tế nhị, nhưng không thể nào lầm lẫn được.

Đúng mười một giờ, tôi trở về chòi dùng cơm và nghỉ trưa, kế đó tôi trở lại ngồi nơi Tịnh Xá.

Thỉnh thoảng để thay đổi không khí, tôi đi dạo vùng chung quanh hoặc xuống tỉnh để viếng ngôi đền Bà La Môn vĩ đại và tôn nghiêm ở đó. Đôi khi, đức Maharichi bổn thân đến nơi chòi tranh để viếng tôi mà không báo trước. Lẽ tự nhiên, tôi không bỏ qua những dịp đó để hỏi Ngài về nhiều vấn đề thắc mắc. Ngài nghe tôi một cách vô tư tuy rằng với những danh từ ngắn ngủi, ít khi thành một câu trọn vẹn. Có lần tôi hỏi mà Ngài không trả lời. Cặp mắt ngài đắm chìm vào chỗ hư không ở tận chân trời, Ngài im lặng như thế trong vài phút, không chút cử động, hình như Ngài không có ở đó nữa. Ngài mắc thiền định suy tư, hay mãi nhìn vào một vật vô hình nào ở trong không gian, mà chỉ có Ngài mới nhìn thấy... Ngài có nghe thấy tôi chăng... Dầu sao đứng trước mặt Ngài, tôi bị một cái sức mạnh gì nó xâm chiếm và chế ngự cả tâm hồn tôi.

Việc ấy đã cho tôi một bài học. Có ích gì mà đặt ra những câu hỏi nọ kia và thảo luận dông dài khi mà tôi đã có tự nơi mình một cái giếng hiểu biết mà tôi chỉ cần đào xới lên để tìm thấy... Tốt hơn là hãy chấm dứt mọi suy luận, đôi co và cố gắng khai thác những gì tiềm tàng trong bổn tánh Chân Như của mình. Vì thế, tôi vẫn giữ im lặng và chờ đợi.

Nửa giờ sau, đức Maharichi vẫn điềm nhiên bất động. Hình như Ngài đã quên sự có mặt của tôi nhưng tôi cảm thấy rõ ràng rằng sự giác ngộ bên trong của tôi vừa thần giao cách cảm, một ảnh hưởng huyền bí toát ra từ thân mình của Ngài.

Có lần, trong một cuộc viếng thăm bất thần như thế, Ngài thấy tôi đang bị dày vò bởi một cơn khủng hoảng, buồn rầu. Ngài mới an ủi và khuyến khích tôi, và nói về cái mục đích huy hoàng hứa hẹn cho người nào thực hành pháp môn Yoga.

- Nhưng bạch Tôn Sư, pháp môn đó là một con đường đầy những chướng ngại, và tôi tự biết rõ về sự yếu đuối của tôi.

- Đó là điều chắc chắn nhứt để trì kéo ta lại, vì chính sự thiếu tin tưởng đó, cái tinh thần chủ bại đó, làm tê liệt mấy ý chí tiến thủ của con người.

- Nhưng nếu sự chủ bại đó có căn cứ...

- Nó không có căn cứ nào cả. Điều lầm lạc lớn nhứt của ta là tưởng rằng con người tự nhiên vốn yếu đuối, xấu xa, hèn kém, nó là do những thói quen, lòng ham muốn và dục tình sinh ra, chớ không phải chính là của ta.

Những lời nói đó có một sự kích thích rất mạnh. Có lẽ tôi sẽ gạt bỏ, nếu là từ người nào khác thốt ra, nhưng lương tri của tôi cho biết rằng lời Ngài thốt ra là đúng Chân Lý, rằng Tôn Sư không phải là một triết

gia phân tách từ cái mũi kim, mà là một bực Hiền Giả nói ra những kinh nghiệm thâm sâu và dồi dào phong phú của Ngài. Một lần khác, trong một cuộc nói chuyện về đời sống ở phương Tây, tôi nói:

- Tôn Sư không có gì khó khăn để tìm thấy sự an tịnh trong một đạo viện êm đềm vì ở đây Ngài bị xao lãng hay xáo trộn tinh thần.

- Anh tưởng như vậy, nhưng một khi đã đi tới mục đích, một khi anh đã được sự giác ngộ, thì dầu cho anh sống giữa chốn phồn hoa náo nhiệt của tỉnh thành hay giữa sự im lặng của rừng thẳm, điều đó không có khác biệt chi cả.

Một lần khác, tôi phàn nán về việc người Ấn Độ không chú ý đến sự tiến bộ về vật chất, thì Ngài nói:

- Thật vậy, chúng tôi thuộc về một chủng tộc mà các anh gọi là lạc hậu. Nhưng chúng tôi quen sống đơn giản. Nhiều sự tiến bộ khoa học vẫn còn xa lạ đối với chúng tôi, nhưng chúng tôi lấy làm an phận và không có quá nhiều sự nhu cầu như các anh. Như vậy, tuy ít tiến bộ hơn, nhưng điều đó không có nghĩa là chúng tôi kém hạnh phúc.

Bằng cách nào đức Maharichi đã đạt tới cái trình độ tâm linh tuyệt vời và siêu đẳng như thế... Nhờ sự góp nhặt tài liệu về cuộc đời Ngài, do các đệ tử thuật lại hoặc do chính Ngài thốt ra một đôi khi, mặc dầu Ngài không thích nói về đời tư của mình, tôi đã chép lại đại khái tiểu sử của Ngài như sau:

Ngài tên là Ramana, sinh năm 1879, tại một làng cách thành phố Madrua độ ba mươi dặm, thành phố này có một ngôi đền vĩ đại nổi tiếng ở miền Nam Ấn Độ. Cha ngài, một vị thẩm phán thuộc dòng Bà La Môn, có tiếng là nhân từ, giàu lòng bố thí và hay cấp dưỡng cơm áo cho người nghèo. Ngài được nuôi nấng và giáo dục tại Madrua, tại đây ngài học Anh văn ở một trường đạo của các vị giáo sĩ người Mỹ sáng lập.

Lúc thiếu thời chàng thanh niên Ramana thích thú chơi các môn thể thao và điền kinh, chàng tập chơi các môn vật, đánh quyền và bơi lội. Chàng không có biểu lộ một sự thích thú đặc biệt nào về tôn giáo hay triết học.

Có điều lạ là hồi đó chàng thường có những cơn mê sảng, nửa đêm đứng dậy đi trong giấc ngủ và tiếp theo đó là cơn ngủ say li bì, không có tiếng động nào có thể đánh thức dậy. Những bạn học cùng lớp kiêng sợ chàng lúc ban ngày vì chàng trả đũa lại rất mau chóng mọi sự khiêu khích của chúng. Nay chúng thấy vậy, mới lợi dụng lúc ban đêm để trả thù. Chúng kéo chàng ra khỏi giường nằm, đưa chàng ra sân trường và đánh chàng túi bụi rồi đem chàng để lại chỗ cũ trên giường mà chàng vẫn không tỉnh giấc. Qua ngày sau, chàng vẫn không hay biết chi cả. Đối với nhà tâm lý học quan sát hiện tượng lạ lùng này, thì đó là những triệu chứng hiển nhiên của một cơn thoát trần đại định.

Ngày kia có một người thân nhân đến viếng chàng, và thuật lại rằng y vừa đi hành hương ở Arunachala trở về. Danh từ này vang dội một âm thanh lạ lùng huyền bí trong trí của người thiếu niên mà chàng không hiểu lý do vì đâu. Chàng bèn hỏi thăm về Arunachala và khi chàng biết được sự tích của ngôi đền lớn ở tại đó, chàng liền bị một sự ám ảnh. Tuy Ấn Độ có đến mười hai nơi Thánh Địa, nhưng tại sao Arunachala lại làm sao cho chàng say mê và thích thú nhiều hơn những nơi Thánh Địa khác thì chàng cũng không thể trả lời được.

Chàng tiếp tục sự học tại trường đạo nhưng không biểu lộ một khả năng đặc biệt nào, mặc dầu chàng là một đức học trò thông minh và chăm chỉ. Năm chàng mười bảy tuổi thì định mệnh mới bắt đầu hành động. Chàng bỏ trường và thôi học mà không có lý do rõ rệt, cũng không cho các giáo sư hoặc cho gia đình biết trước. Sự thay đổi thình lình đó, nó phá tan mọi triển vọng về tương lai của chàng, có một nguyên nhân nào chăng... Cái nguyên nhân đó đối với chàng thật là hiển nhiên, nhưng nó làm cho gia đình chàng phải

bóp trán nghĩ ngợi. Vì cuộc đời, vị Thầy học lớn nhứt của ta, vừa đặt để người thanh niên ấy trên một con đường mà các ông giáo sư không hề nghĩ đến. Sáu tuần lễ sau đó, chàng rời khỏi trường, từ giã Madura và không hề trở lại nữa.

Ngày đó chàng đang ở một mình trong phòng thì tự nhiên chàng bị xâm chiếm bởi một cơn khủng hoảng lạ kỳ. Mặc dầu đang mạnh khỏe, chàng có cảm giác như người sắp chết. Bị ám ảnh bởi ý nghĩ đó, chàng chuẩn bị để đón tiếp Tử Thần, dường như là sự chết đã đến nơi. Chàng tự nghĩ rằng:

"Thế là hết. Cái thể xác này sẽ chết, người ta sẽ đem nó ra thiêu ngoài đồng và nó sẽ thành một nhúm tro tàn. Nhưng còn tôi, tôi cũng sẽ chết với cái xác này chăng... Cái xác này có phải là tôi không, cái xác này đã cứng đờ và im lặng, nhưng tôi vẫn còn tiếp tục cảm thấy cái tôi trong sức mạnh vô biên của nó. " Đức Maharichi đã diễn tả cơn khủng hoảng lạ lùng đó bằng những lời lẽ trên đây. Còn việc gì xảy ra sau đó thì rất khó hiểu, nếu không là khó thuật lại. Chàng dường như rơi vào một trạng thái đại định có ý thức, khi đó chàng đạt tới nguồn gốc của Chân Ngã, tức là tinh hoa của bản thể. Khi đó chàng quan niệm rằng xác thể là một vật ở ngoài Chân Ngã, và Chân Ngã vẫn tồn tại không thay đổi trong khi chết. Chân Ngã xuất hiện với chàng như là một sự chân thật tuyệt đối, nhưng bị ẩn dấu và chôn sâu trong chỗ tận cùng của con người, đến nỗi cũng như bao nhiêu người khác, trước khi đó chàng không hề biết nó là gì.

Khi chàng Ramana tỉnh lại sau cơn khủng hoảng đó thì chàng hoàn toàn thay đổi. Chàng đã mất hết mọi thích thú về sự học, chơi điền kinh, về bạn bè, vì sự thích thú của đời chàng đã tập trung về cái ý niệm Chân Ngã nó thình lình xâm chiếm lấy chàng. Mọi ý niệm về sự chết trước đây đã biến mất. Chàng đã chinh phục được, với một niềm an tịnh bên trong, một sức mạnh tinh thần nó không hề mất đi hoặc suy chuyển chút nào kể từ khi đó.

Xưa kia chàng phản ứng mãnh liệt như thế nào đối với những bạn học khi bị chúng nó phá phách, thì nay đối với chúng chàng chỉ có một lòng ưu ái và nhân từ. Chàng chịu đựng mọi sự bất công một cách thản nhiên và biểu lộ một sự khiêm tốn hoàn toàn trong mọi việc. Chàng từ bỏ những thói quen có từ xưa, tìm kiếm sự yên tịnh để lo việc tham thiền quán tưởng và sống đời sống nội tâm.

Những sự thay đổi tâm tính như thế không khỏi làm cho người chung quanh chú ý. Một hôm người anh cả của chàng bước vào phòng, thấy chàng đang nhắm mắt và đắm chìm trong một cơn thiền định, những sách vở nhà trường rơi rớt tản mát dưới đất, như là chàng vừa ruồng bỏ chúng một cách chán nản. Người anh cả liền trách móc:

- Mầy đang làm gì đó... Nếu mầy muốn trở nên đạo sĩ thì còn đi học để mưu cầu công danh làm gì... Chàng Ramana cảm thấy thấm thía về những lời nói đó và quyết định rất mau chóng. Chàng đã mồ côi cha và biết rằng chàng có thể nhờ cậy nơi người cậu và các em để nuôi dưỡng mẹ chàng. Dầu sao, chàng không còn phận sự gì phải làm ở nhà nữa. Ngay lúc đó, cái tên ngọn Đồi Thiêng bỗng xuất hiện như một tia chớp trong trí chàng, cái tên nó vẫn ám ảnh chàng từ một năm nay, và hiện ra một cách quyến rũ:

Arunachala! Đó chính là nơi chàng phải đi đến, mặc dầu chàng không nói rõ lý do tại sao. Nhưng chàng chỉ nghe theo một tiếng gọi mãnh liệt, không hề dự tính trước. Về sau này, chính đức Maharichi đã nói với tôi:

"Hồi đó, tôi hoàn toàn chịu ảnh hưởng của một sự quyến rũ lạ lùng. Cái mãnh lực huyền bí nó dắt dẫn anh đến đây cũng giống như cái sức mạnh vô hình nó bắt buộc tôi từ giã Madurạ" Như thế, chàng thanh niên Ramana rời bỏ tất cả sự học vấn, bạn bè và gia đình, và nhắm con đường đưa đến Arunachala dưới sự dìu dắt của định mệnh. Chàng để lại cho gia đình một bức thư bằng chữ Tamoul, nay còn được giữ gìn tại đạo viện. Thư nói như vầy:

"Tôi đi tìm đấng Cha Lành và để nghe theo tiếng gọi của Ngài. Mục đích của tôi vốn trong sạch, vậy

đừng ai lo ngại gì cả. Không cần phải tiêu phí tiền bạc để đi tìm tôi. " Chàng ra đi hoàn toàn rời bỏ thế gian, với ba rupee trong túi, và bỡ ngỡ trước một thế giới hoàn toàn xa lạ. Nhưng ngọn lửa Thiêng bừng cháy trong lòng chàng, chàng khinh bỉ của cải thế gian đến nỗi khi bước vào đền, chàng cởi bỏ quần áo và cúi rạp đầu lạy trong khi mình mẩy đều trần truồng. Một người giáo sĩ bước tới và khiển trách, nhưng chàng vẫn trơ trợ Nhiều người khác cũng can thiệp và yêu cầu chàng hãy mặc tạm cái quần cụt, chàng không mặc một thứ y phục nào khác hơn kể từ khi đó.

Trong sáu tháng trường chàng vẫn ở đó, thỉnh thoảng chàng rời chỗ nhưng không bao giờ ra khỏi cổng đền. Mỗi ngày một lần, một giáo sĩ ngạc nhiên vì lòng sùng tín quá sớm của chàng, mới đem cho chàng một ít cơm. Những ngày sống trong đền, chàng đều đắm chìm trong một cơn nhập định thâm trầm đến nỗi chàng quên cả sự hiện diện của thế giới bên ngoài. Có đôi khi, những đứa trẻ mất dạy quanh vùng đến ném đá và bùn nhơ vào người chàng, rồi vừa chạy trốn vừa chế nhạo. Chàng chỉ nhận thấy điều đó trong nhiều giờ sau, và không có một sự Oán trách nào đối với những đứa trẻ mất dạy kia.

Những đám người đi hành hương hằng ngày đổ xô đến ngôi đền làm cho nơi đó không còn là một nơi yên ổn tịch mịch như chàng vẫn mong muốn. Vì lẽ đó, chàng mới từ giã ngôi đền và đến ở ẩn trong một cái miếu nhỏ giữa đồng, cách xa thành phố. Chàng ở nơi miếu đó một năm rưỡi, chỉ tự bằng lòng với một ít lương thực mà người hành hương sùng tín đặt trước mặt chàng mỗi ngày. Chàng không nói năng gì với ai. Thật ra, chàng không hề mở miệng trong ba năm đầu tiên của cuộc đời ẩn dật đó, không phải vì chàng đã có lời nguyện giữ giới tịnh khẩu, mà bởi vì tiếng nói của nội tâm, truyền lịnh cho chàng hãy tập trung mọi sự chú ý vào đời sống tâm linh. Khi chàng đã đạt được mục đích, chàng mới phá sự im lặng, tuy nhiên chàng vẫn không hề nói nhiều.

Chàng vẫn giữ kín tung tích của mình, nhưng mẹ chàng lần hồi đã dọ ra được chỗ ở của chàng, vừa đúng hai năm kể từ khi chàng bỏ nhà ra đi. Bà mẫu liền cùng với người anh cả đến tận nơi, và cố gắng dùng nước mắt của bà để làm cho chàng phải xiêu lòng và trở về nhà, nhưng vô ích. Hết dùng nước mắt bà mẫu lại dùng lời oán trách. Khi đó, chàng mới biết trên giấy nói rằng một sức mạnh thiêng liêng điều khiển vận mạng con người, và dầu cho mẹ chàng cũng không thay đổi gì được. Sau cùng bà mẫu chàng phải nhượng bộ.

Chuyện này đồn đãi gần xa, càng ngày càng có nhiều khách hành hương đến viếng chỗ của chàng ở ẩn, làm cho chàng lại phải dời chỗ một lần nữa và lên ngọn Đồi Thiêng, tại đây chàng sống nhiều năm trong một cái động đá. Trên ngọn Đồi Thiêng có rất nhiều động đá làm nơi trú ẩn cho những nhà Yogi và những nhà tu sĩ khổ hạnh, riêng có động đá của chàng Ramana hơi đặc biệt, vì nó có chứa đựng một ngôi mộ của một vị đạo sĩ ưu tú thời xưa.

Người Ấn Độ vẫn theo phong tục hỏa táng, tức là thiêu xác người chết, nhưng đối với người Yogi đã tu hành đắc đạo, thì luồng sinh khí Tiên Thiên của Thời Đất sẽ thấm nhuần trong cơ thể của y trong nhiều ngàn năm, làm cho xác thịt của y vẫn tươi và không hề tan rã. Trong trường hợp đó xác người Yogi được tắm sạch sẽ, ướp dầu thơm và được đặt trong ngôi mộ với thế ngồi kiết dà hai chân tréo như thế ngồi thiền. Cửa vào ngôi mộ được đóng kín bằng một tảng đá lớn và trám lại bằng chất xi măng. Ngôi mộ này thường trở nên một nơi hành hương của dân chúng. Còn một lý do khác vì sao người ta tin rằng xác thể của những vị ấy không cần phải tẩy uế bằng lửa, vì nó đã được tinh luyện bởi lối sống cao khiết và cuộc đời thánh thiện của họ hồi thuở sanh tiền.

Có điều đáng chú ý là những nơi hang động, thường là những nơi trú ẩn của các nhà đạo sĩ Yogi hay các bậc Thánh Nhân Hiền Triết. Thời cổ xưa, người ta dùng những nơi ấy để thờ Thần. Đức Zoroastre, Giáo Chủ đạo Hỏa Giáo, xưa kia đã ngồi thiền trong một động đá, còn Giáo Chủ Mahomet của đạo Hồi cũng đã có những kinh nghiệm tâm linh trong một hang núi. Những nhà đạo sĩ Yogi Ấn Độ có những lý do rất tốt để chọn lựa những hang, động làm nơi trú ẩn khi họ không tìm được chỗ nào khác lúc mưa nắng dãi

dầu hay những khi thời tiết thay đổi bất thường ở vùng nhiệt đới. Ở những nơi đó, ít có ánh sáng hay tiếng động có thể làm rộn hay quấy rầy họ trong những cơn tham thiền và thở cái không khí kín bít trong hang làm cho sự đói khát được giảm bớt rất nhiều, nhờ đó sự nhu cầu của thể xác được hạn chế đến mức tối thiểu.

Một lý do khác nữa đã hấp dẫn chàng Ramana đến cái hang đặc biệt này trên ngọn Đồi Thiêng, là cái phong cảnh ngoạn mục của vùng chung quanh. Người ta có thể đứng trên một mô đá bên cạnh hang và nhìn thấy thành phố nhỏ diễn ra dưới chân đồi, và ngôi đền vĩ đại nhô lên ở trung tâm thành phố. Bên kia vùng đồng bằng bao bọc chung quanh, là một dãy đồi núi dài liên tiếp nhau đến tận chân trời.

Dầu sao, chàng Ramana đã sống tại hang đá này trong nhiều năm, đắm chìm trong những cơn thiền định rất thâm sâu. Chàng không phải là một nhà Yogi theo nghĩa thông thường, vì chàng không hề học qua một pháp môn Yoga nào và cũng không hề thụ giáo một vị danh sư nào. Chàng đã được hướng dẫn bởi một nguồn cảm hứng thiêng liêng, đưa đến sự hiểu biết và thực hiện Chân Ngã. Năm 1905, bịnh dịch tả xuất hiện trong vùng, do một người hành hương mang vào khi y từ phương xa đến viếng đền Arunachalạ Dân chúng bị truyền nhiễm chết rất nhiều đến nỗi trong cơn kinh hoàng, hầu hết mọi người đều bỏ thành phố, chạy sang những tỉnh hoặc những làng mạc kế cận. Vùng này bị bỏ trống và trở nên vắng vẻ đến nỗi các loài cọp beo từ trong những sào huyệt của chúng bò ra đến đây và đi lại tự do ngoài đường. Mặc dầu chúng đã đi dạo chơi trên đồi nhiều lần và qua lại trước cửa hang của chàng đạo sĩ trẻ tuổi, nhưng chàng nhất định không dời chỗ, mà vẫn điềm nhiên không chút sợ sệt.

Vào lúc đó có một người đến tình nguyện xin làm đệ tử của chàng đạo sĩ trẻ tuổi, xin được ở gần bên cạnh để lo phục dịch và săn sóc cho chàng. Người ấy nay đã qua đời nhưng tục truyền rằng mỗi đêm có một con cọp lớn đi vào trong hang và liếm hai bàn tay của chàng Ramanạ Trong khi đó chàng cũng đáp lại bằng cách vuốt ve cái bộ da của nó. Con cọp ấy ngồi trước mặt chàng suốt đêm và đến lúc gần sáng mới đi.

Ở Ấn Độ người ta tin rằng những nhà đạo sĩ Yogi và thuật sĩ Fakir sống trong rừng sâu núi thẳm, giữa những loài thú dữ như hùm beo, cọp, sư tử, rắn rết và những loài thú rừng khác, đều không sợ bị thú dữ làm hại nếu họ đạt tới một trình độ khá cao trên đường tu luyện. Người ta còn thuật lại một câu chuyện khác về chàng Ramana, rằng một buổi trưa chàng ngồi nơi cửa hang bỗng có một con rắn hổ mang lớn thình lình xuất hiện từ trong kẹt đá và ngừng lại ở trước mặt chàng. Con rắn vươn mình và phùng mang, nhưng chàng đạo sĩ vẫn ngồi yên không cử động. Chàng và con rắn đều lẳng lặng bốn mắt nhìn nhau trong vài phút. Sau cùng, con rắn rút lui và chàng vẫn bình yên vô sự.

Cuộc đời cô đơn và khổ hạnh của chàng thanh niên lạ lùng này kết thúc giai đoạn đầu tiên khi chàng đã đạt tới điểm thâm trầm cao siêu nhất trong phép tham thiền.

Sự lánh trần và ẩn độn không còn cần thiết nữa, nhưng chàng vẫn tiếp tục sống trong hang cho đến khi có một nhà bác học Bà La Môn ưu tú tên Ganapati Shastri đến viếng chàng trong động đá. Cuộc thăm viếng này đánh dấu một khúc quanh trong đời chàng, và chàng bắt đầu bước vào một thời kỳ nhập thế. Trước khi đó, nhà bác học có đến ở gần ngôi đền để tiện bề học Đạo và tham thiền quán tưởng. Y nghe nói đến một người Yogi trẻ tuổi sống trên đồi, và do tánh hiếu kỳ mới đi tìm xem cho biết. Khi y gặp Ramana thì chàng đang vận nhỡn lực nhìn thẳng vào Mặt Trời. Chàng vẫn thường nhìn Mặt Trời như thế suốt nhiều giờ cho đến khi vầng Thái Dương khuất dạng dưới chân trời hướng Tây. Một người chưa từng kinh nghiệm về điều này không thể nào biết được cái mãnh lực của những tia nắng mặt trời ở Ấn Độ vào buổi trưa. Tôi còn nhớ có một lần tôi trèo lên sườn đồi vào một giờ quá trễ và bận trở về tôi đi đầu trần vào đúng lúc giữa trưa. Tôi bị say nắng và đi loạng choạng như người say rượu trong một lúc. Người ta có thể hiểu rõ hơn cái bản lĩnh của chàng Ramana là như thế nào, khi chàng nhìn thẳng vào Mặt Trời buổi trưa như thế.

Nhà bác học nọ đã từng học hỏi những kinh sách Ấn Độ về nền Minh Triết cổ truyền trong hai mươi

năm, và đã thực hành những phép công phu tu luyện khắc khổ để hy vọng đạt tới một vài kết quả thật sự về đường tâm linh, nhưng y vẫn bị chướng ngại bởi những điều thắc mắc và nghi ngờ. Y bèn đưa ra cho Ramana một câu hỏi, và sau mười lăm phút y được một câu trả lời đầy Minh Triết nó làm cho y phải ngạc nhiên. Y đưa ra thêm nhiều câu hỏi khác cùng những điều thắc mắc về các vấn đề triết học tâm linh, và y càng ngạc nhiên hơn nữa mà thấy rằng những điều thắc mắc nghi ngờ nó vẫn dày vò y hằng bao nhiêu năm, nay đã được giải quyết mau chóng. Y bèn khấu đầu làm lễ trước mặt chàng đạo sĩ trẻ tuổi và trở nên một đệ tử của người từ đó. Shastri cũng có riêng một nhóm đệ tử theo học Đạo với y ở tỉnh Vellorẹ Y bèn trở về nói cho họ biết rằng y đã gặp được một vị Maharichi (tức là Đại Hiền hay Thánh Sư). Vị này chắc chắn là người đã đạt tới một trình độ tâm linh siêu đẳng, và những giáo lý của Ngài thật là khác thường đến nỗi nhà bác học chưa từng thấy trong tất cả những kinh sách mà y đã đọc.

Kể từ khi đó, các giới trí thức ở Ấn Độ bắt đầu gọi chàng Ramana bằng cái danh hiệu Maharichi, còn giới bình dân thì lại quá tôn sùng khi họ được biết rõ đạo hạnh và đời sống của Ngài và muốn tôn thờ Ngài như một vị Thánh Sống. Nhưng đức Maharichi triệt để ngăn cấm mọi sự biểu lộ lòng tôn sùng như thế trước mặt Ngài. Phần nhiều những đệ tử và những người trong vùng đều gọi Ngài là bậc Thánh trong khi họ nói chuyện với nhau hoặc trong những câu chuyện riêng với tôi.

Sau đó ít lâu, có một nhóm đệ tử quy tựu chung quanh Ngài. Họ xây cất một ngôi nhà bằng gỗ dưới chân đồi và yêu cầu Ngài sống chung với họ tại đó. Bà mẫu của Ngài cũng đã nhiều lần đến viếng Ngài, và khi người con trưởng của bà cùng những người thân quyến khác đều đã qua đời, bà đến đây và yêu cầu Ngài để cho bà được ở đây với Ngài. Ngài vui lòng chấp thuận, bà sống sáu năm cuối cùng của đời bà ở bên cạnh Ngài, và sau cùng bà trở nên một đệ tử trung kiên của con bà. Trong thời gian ở đạo viện, bà được chôn dưới chân đồi và vài người đệ tử của đức Maharichi xây một cái miếu nhỏ ở chỗ đó. Tại đây người ta đốt nhang đèn cháy thường xuyên để tưởng niệm công đức của một người đàn bà để đem đến cho nhân loại một vị Thánh Sống, và hằng ngày đều có người đem dâng bông hoa cúng trước bàn thờ.

Thời gian trôi qua, danh tiếng của đức Maharichi đã được đồn khắp gần xa, và những người hành hương ở ngôi đền lớn thường hay trèo lên ngọn Đồi Thiêng để chiêm ngưỡng Ngài trước khi về nhà. Về sau, đức Maharichi nghe theo lời thỉnh cầu của bá tánh và bằng lòng lưu trú tại ngôi nhà lớn của họ mới cất dưới chân đồi để làm chỗ ở cho Ngài và các đệ tử.

Đức Maharichi không hề thâu nhận món gì của ai trừ ra lương thực và luôn luôn từ chối không chịu nhận lãnh tiền bạc. Còn những thứ lễ vật gì đem đến cho Ngài đều là do kẻ khác tự nguyện hiến dâng và khẩn khoản yêu cầu Ngài nhận chọ Trong những năm đầu tiên, khi Ngài còn sống cuộc đời ẩn dật và đơn chiếc một mình trên núi để tu luyện và tham thiền, Ngài thỉnh thoảng vẫn rời khỏi hang với cái bình bát trong tay để đi xuống làng xóm xin ăn mỗi khi Ngài thấy đói. Một bà già góa bụa động lòng trắc ẩn, bèn cung cấp thức ăn cho Ngài đều đều mỗi ngày, và sau cùng bà tự nguyện đem thức ăn lên đến tận hang để cho Ngài khỏi phải đi khất thực. Như thế, cái đức tin nó khiến cho Ngài bỏ nhà ra đi, từ giã cuộc đời khá giả của một gia đình trung lưu, để chứng minh rõ rằng Người dốc lòng cầu Đạo, không cần phải lo thiếu hụt về bề vật chất, và những quyền năng thiêng liêng vẫn luôn luôn che chở và cung cấp cơm ăn nhà ở cho họ. Từ đó có nhiều quà tặng và lễ vật được đem đến cống hiến cho Ngài, nhưng Ngài đều luôn luôn từ chối.

Có một đêm nọ, một đám quân cướp đột nhập vào tịnh xá và lục lạo khắp nơi để kiếm tiền bạc chôn dấu, nhưng chúng chỉ tìm được có vỏn vẹn vài đồng rupee trong túi người quản gia lo về việc mua sắm đồ vật thực. Quân ăn cướp lấy làm thất vọng, chúng bèn nổi giận và đánh đập đức Maharichi bằng gậy lớn làm cho thân thể Ngài có nhiều vết bầm. Ngài không những chịu đựng điều ấy một cách kiên nhẫn, mà còn mời chúng ở lại dùng cơm trước khi ra về! Kế đó, Ngài thực sự đem cơm và thức ăn ra đãi chúng. Đối với chúng Ngài không hề có một sự Oán giận hay thù ghét nào trong lòng, mà chỉ có một lòng thương hại cho sự vô minh hắc ám của chúng. Ngài để cho chúng tự do trốn thoát, nhưng một năm sau chúng bị bắt trong

khi đánh cướp ở một nơi khác và lãnh án tù chung thân.

Nhiều người Âu không khỏi cho rằng một cuộc đời như thế thật là một cuộc đời lãng phí vô ích. Nhưng có lẽ chúng ta cũng cần có một đôi người tách mình ra khỏi thế cuộc phù vân và nhìn xét cuộc đời dùm cho chúng ta từ đằng xạ Người ngoại cuộc có thể nhìn thấy thế sự một cách rõ ràng sáng suốt hơn. Ai dám bảo rằng một nhà Hiền Giả sống trong rừng thẳm đã chinh phục được cái bản ngã của mình, lại thua kém gì những thằng ngốc sống cuộc đời phiêu bạt như chiếc lá giữa dòng, và rốt cuộc chẳng biết rằng mình đi đến đâu...

Mỗi ngày qua càng đem đến cho tôi những bằng chứng xác nhận về sự cao cả tâm linh của đức Maharichị Trong số những người thuộc đủ các giai cấp đến viếng thăm đạo viện, một hôm có một người cùng đinh bị dày vò bởi một cơn đau khổ tinh thần rất lớn, vừa bước vào tịnh xá vừa khóc kể và trút hết những nỗi đau thương của y dưới chân đức Maharichị Ngài không nói một lời, vì Ngài lúc nào cũng vẫn im lặng và kín đáo, và người ta có thể đếm những lời của Ngài thốt ra trong một ngày. Ngài chỉ lẳng lặng nhìn một lúc vào người kia, trong giây lát, những tiếng khóc kể của y cũng lần lần giảm bớt và hai giờ sau, khi y rời khỏi tịnh xá ra về thì y đã trở nên một người vui vẻ bình tĩnh và tinh thần phấn khởi hơn trước.

Tôi mới hiểu rằng đó là phương pháp của Ngài để giúp đỡ kẻ khác, tức là tỏa ra những luồng sóng rung động có tánh cách an ủi, xoa dịu vết thương của những tâm hồn đau khổ bằng một phương pháp thần giao cách cảm bí mật mà có ngày khoa học sẽ phải khám phá và giải thích.

Một hôm, một người Bà La Môn có học thức đến tịnh xá và trình bày tâm sự của y với nhiều câu hỏi. Người ta không bao giờ biết trước rằng nhà Hiền Giả sẽ trả lời hay không, vì nhiều khi Ngài rất hùng biện mà không cần phải thốt ra bằng lời nói. Nhưng hôm ấy Ngài có vẻ cởi mở và chỉ vài câu nói vắn tắt bao hàm những ý nghĩa sâu sắc thâm trầm cũng đủ hé mở những chân trời mới lạ về tư tưởng để giải đáp những nỗi thắc mắc cho người khách kia.

Mỗi buổi chiều vào lúc mặt trời lặn là giờ tham thiền chung trong tịnh xá. Đức Maharichi thường bắt đầu giờ tham thiền bằng cách chính Ngài tĩnh tọa công phu và xuất thần nhập định, quên hẳn cả thế giới bên ngoài. Trong những giờ tham thiền hàng ngày bên cạnh đức Maharichi, tôi đã học được phương pháp gom tư tưởng của tôi vào nội tâm đến một điểm thâm sâu nhất. Trong những cuộc tiếp xúc thường xuyên với đức Maharichi, người ta không khỏi được giác ngộ từ bên trong và nhận thấy rằng mình được soi sáng tâm hồn trí não bằng một tia sáng phát ra từ hào quang của Ngài. Càng ngày tôi càng nhận thấy rõ rệt rằng Ngài thâu hút tâm trí của tôi vào cái vòng ảnh hưởng đặc biệt của Ngài trong những giờ yên tịnh đó. Và chính trong những lúc đó mà người ta bắt đầu hiểu rằng tại sao sự im lặng của Ngài lại hùng biện và nhiều ý nghĩa hơn là những lời nói. Sự yên tịnh trầm lặng của Ngài có ẩn dấu một cái quyền năng mạnh mẽ phi thường, nó có thể ảnh hưởng mãnh liệt đến một người mà không cần đến ngôn ngữ hay hành động bên ngoài. Có những lúc tôi cảm thấy cái quyền năng đó một cách rõ rệt đến nỗi tôi biết rằng Ngài chỉ cần ra lệnh cho tôi làm một việc hèn mạc nhất, là tôi sẽ vâng lời theo tức khắc. Nhưng đức Maharichi không phải là người bắt những đệ tử tuân lệnh và vâng lời một cách mù quáng và nô lệ, mà trái lại, Ngài để cho mọi người được tự do hành động. Về phương diện đó, Ngài thật là khác hẳn với phần nhiều những danh sư và đạo sĩ mà tôi đã gặp ở Ấn Độ.

Những buổi tham thiền của tôi vẫn noi theo đường lối mà Ngài đã chỉ dẫn cho tôi trong cuộc thăm viếng đạo viện lần đầu, khi mà Ngài làm tôi ngạc nhiên vì những câu trả lời dýưng như mơ màng và bí hiểm của Ngài. Tôi đã bắt đầu nhìn vào cái bản ngã của tôi:

Tôi Là Ai...

Phải chăng tôi là cái thể xác bằng xương bằng thịt này... Phải chăng tôi là cái trí tư tưởng hay là những tình cảm dục vọng nó phân biệt tôi với những người khác...

Xưa nay, người ta vẫn đáp là "Phải, " nhưng đức Mahatichi đã dặn tôi đừng chấp nhận như thế. Nhưng Ngài cũng không đưa ra một câu trả lời dứt khoát, mà chỉ đưa chỉ thị như sau:

- Hãy đặt câu hỏi "Tôi là ai... " và hãy phân tách toàn bộ con người của anh. Hãy cố tìm xem cái tư tưởng về bản ngã bắt đầu từ chỗ nào... Hãy tiếp tục cuộc tham thiền về điều này và chuyển hướng mọi sự chú ý vào nội tâm. Một ngày kia cái vòng tư tưởng của anh sẽ quay chậm lại và trực giác sẽ hiện ra. Hãy noi theo cái trực giác đó, ngưng hết mọi tư tưởng và sau cùng nó sẽ đưa anh đến mục đích.

Tôi đã chiến đấu hàng ngày với những tư tưởng của tôi và lần lần vạch một đường đi vào tận những chỗ thâm sâu kín đáo nhất của tâm hồn. Nhờ có đức Maharichi ngồi gần bên, những cơn tham thiền của tôi càng ngày càng trở nên ít mệt nhọc hơn và càng hữu hiệu hơn. Sự dìu dắt của Ngài giúp nguồn cảm hứng rất nhiều cho những cố gắng thường xuyên và liên tục của tôi. Có những giờ phút lạ lùng mà tôi ý thức được rõ rệt cái ảnh hưởng và quyền năng thần diệu của Ngài nó làm cho tôi tiến sâu vào lãnh vực huyền bí của nội tâm.

Sau buổi tham thiền chung, đức Maharichi cùng với các đệ tử và khách khứa đều rời khỏi tịnh xá và bước qua phòng ăn để dùng cơm tối. Vì tôi không dùng được cơm Ấn Độ và cũng không muốn nhọc công nấu bữa ăn chiều, nên tôi thường ngồi lại một mình trong tịnh xá và chờ họ trở lại. Tuy nhiên, có một món ăn trong đạo viện mà tôi thấy ngon lành và ăn được, là món sửa chuạ Đức Maharichi, khi nhận thấy rằng tôi thích món ấy, thường dặn người đầu bếp mỗi chiều đem cho tôi một bát lớn.

Độ nửa giờ sau khi cả bọn đều trở lại, những người nội trú của đạo viện cùng những quan khách ở lại ban đêm đều chen chúc nhau nằm trên sàn gạch của nhà tịnh xá, mỗi người đều quấn một cái chăn bằng vải mỏng và sửa soạn đi ngủ. Đức Maharichi thì ngủ luôn trên chiếc giường gỗ của Ngài thường dùng, Trước khi Ngài đắp chăn vải mỏng lên mình, có một người tiểu đồng đấm bóp và xoa dầu lên tay chân của Ngài.

Còn tôi, tôi cầm chiếc đèn lồng rời khỏi tịnh xá và đi một mình về chòi tranh của tôi. Có vô số những con đom đóm bay lập lòe trong những khóm hoa bụi cỏ và các chòm cây trong vườn, có một đêm tôi về trễ độ chừng vài tiếng đồng hồ, lúc ấy có lẽ đến gần nửa đêm, tôi thấy tất cả đom đóm đều đồng thinh tắt hẳn những đóm sáng kỳ dị của chúng. Tôi phải rón rén cẩn thận và coi chừng kẻo đạp nhầm loài bò cạp hay rắn rết khi đi trong đêm tối. Có đôi khi, tôi vừa đi vừa đắm chìm trong sự trầm tư mặc tưởng và tôi cũng không cần chú ý đến những con đường mòn nhỏ hẹp đưa tôi về chòi tranh. Về đến chòi, tôi đóng chặt cánh cửa lớn và các cửa sổ để các loài thú rừng hay rắn độc khỏi đột nhập vào lúc ban đêm.

Chương 13: Những Chân Lý Diệu Huyền

Một buổi chiều, tôi nhìn thấy một người khách lạ bước vào tịnh xá với một điệu bộ trầm tĩnh và ngồi xuống sàn gạch gần bên giường của đức Maharichị Người ấy có một màu da đem sậm và một gương mặt rất sáng sủa tế nhị. Y vẫn im lặng không nói gì, nhưng đức Maharichi liền tiếp đón y bằng một nụ cười thân mật.

Cái phong độ cốt cách của người này ghi một ấn tượng sâu xa trong lòng tôi. Y có vẻ giống như một pho tượng Phật tạc trong tảng đá, gương mặt y biểu lộ một sự bằng an, trầm lặng khác thường. Khi bốn mắt chúng tôi gặp nhau, y nhìn thẳng vào mặt tôi một hồi lâu làm cho tôi ngượng và day mặt đi chỗ khác. Suốt buổi chiều hôm đó, y không thốt ra một lời nào cả.

Qua ngày hôm sau, tôi lại gặp y trong một trường hợp bất ngờ. Tôi vừa rời khỏi tịnh xá trở về chòi để nấu nước pha trà, vì người nô bộc của tôi đã đi vắng ngoài chợ. Khi vừa mở khóa cánh cửa lớn, tôi sắp sửa bước vào thì có một vật cựa quậy dưới đất và ngừng lại cách chân tôi trong gang tấc. Những cử động im lặng của nó và một tiếng huýt nhỏ như sáo mà tôi nghe thoáng qua trong bóng tối trước khi tôi nhìn thấy rõ đó là vật gì, nhắc nhở cho tôi biết rằng có một con rắn ở trong chòi. Trong một lúc, tôi cảm thấy trong lòng rối loạn vì sợ hãi và không biết phải là thế nào. Thần kinh tôi bị căng thẳng đến cực độ. Tôi nhìn con rắn không chớp mắt, và nó cũng vừa phùng mang vừa giương hai mắt nhìn lại tôi.

Sau cùng, tôi định tĩnh tinh thần và hối hả rút lui. Tôi định đi tìm một cây gậy lớn để đập cho nó một gậy dập xương sống, thì bỗng đâu người khách lạ ngày hôm qua thình lình xuất hiện ở ngoài sân. Gương mặt trầm tĩnh và đôi mắt nhìn yên lặng của y làm cho tôi bớt sợ hãi và lấy lại sự bình tĩnh. Y đến gần chòi tranh, với cái nhìn thoáng qua y đã thấu rõ tình hình và thản nhiên bước vào chòi. Tôi bèn la lớn để báo động nhưng y không màng để ý đến tiếng kêu của tôi. Một lần nữa tôi lại băn khoăn sợ hãi, vì mặc dầu y không có khí giới y vẫn đưa hai tay về phía con rắn.

Con rắn há miệng và le cái lưỡi dài hình mũi chĩa thò ra thụt vào, nhưng không định mổ vào người kia. Trong khi đó có hai người đang tắm dưới ao gần bên, nghe tiếng kêu của tôi bèn vội vã chạy tới. Trước khi họ đến gần chòi tranh thì người khách lạ đã khom lưng ngồi gần bên con rắn và lấy tay nhẹ vuốt trên lưng nó trong khi con rắn cuối đầu sát đất và nằm im lặng!

Nó không còn phùng mang le lưỡi một cách dữ tợn như trước nữa, cho đến khi hai người kia bước đến và làm cho nó giựt mình. Khi ấy, nó bèn quẫy đuôi dường như sực tỉnh, và trước bốn cặp mắt của chúng tôi, nó nhanh nhẹn bò ra khỏi chòi tranh và trong khoảng khắc đã biến mất dạng trong khu rừng rậm.

- Đó là một con rắn hổ mang!

Một trong hai người mới đến sau bình phẩm. Người này là một thương gia ở thành phố gần bên, thường đến thăm đạo viện để chiêm ngưỡng đức Tôn Sư hoặc đàm đạo với tôi. Tôi bày tỏ sự ngạc nhiên về việc người khách lạ giỡn với con rắn không một chút sợ hãi. Y bèn giải thích:

- À, đó là đạo sĩ Ramiah, y là một trong những đệ tử cao cấp nhất của đức Maharichị Y là một người có bản lĩnh khá lắm.

Tôi không thể trò chuyện với người Yogi này vì tôi nhận thấy rằng y giữ giới tịnh khẩu, ngoài ra những giới hạnh khác nữa thuộc về phần kỷ luật đặc biệt của y, và cũng bởi vì y là người thuộc về địa phương nói

tiếng thổ ngữ Telugu, chứ không biết tiếng Anh. Tôi cũng nghe nói rằng y là một người rất ẩn dật và kín đáo, thường không chịu giao thiệp với ai, rằng y ở một cái nhà nhỏ xây bằng gạch dưới bóng mát của một tảng đá khổng lồ bên cạnh bờ ao, và y là đệ tử của đức Maharichi đã mười năm nay.

Tuy nhiên, sau đó không lâu, sự cách biệt giữa chúng tôi đã được lấp bằng. Tôi gặp y trên bờ ao khi y cầm một cái bình nhỏ bằng đồng xuống ao để múc nước. Dáng điệu ung dung tự tại của y làm cho tôi thích thú, lúc đó tôi sẵn có đem theo máy ảnh trong túi, tôi mới yêu cầu y, bằng cách ra dấu, để cho tôi chụp một bức ảnh. Y không phản đối, và sau khi chụp ảnh y cũng đi theo tôi về chòi. Tại đây chúng tôi thấy một người đệ tử già của đức Maharichi, nay đã bảy mươi lăm tuổi, làm công chức sở Hỏa Xa về hưu, ngồi đợi ngoài cửa chờ tôi về. Cũng do sự tình cờ, tôi được biết ông lão này biết tiếng Telugu khá giỏi cũng như tiếng Anh và ông sẵn lòng làm thông ngôn cho chúng tôi, tuy rằng chỉ nói bằng bút đàm. Người đạo sĩ không thích nói nhiều và không muốn bị ai phỏng vấn, nhưng tôi tìm cách gợi chuyện để biết thêm vài điều về cuộc đời y.

Đạo sĩ Ramiah đã trên bốn mươi lăm tuổi, có sở hữu đất ruộng tại tỉnh Nellore, và mặc dầu y không chính thức xuất gia, y vẫn để cho gia đình y cai quản đồn điền tài sản để cho y có thời giờ theo đuổi việc học Đạo. Y có một nhóm đệ tử riêng ở tỉnh Nellore, nhưng mỗi năm một lần, y rời khỏi tỉnh này để viếng đức Maharichi, và ở lại đạo viện của Ngài mỗi lần đôi ba tháng.

Trong thuở thiếu thời, y đã từng đi châu du khắp miền Nam Ấn để tìm thầy học Đạo. Y đã học với nhiều vị danh sư và phát triển được vài quyền năng đặc biệt. Phép luyện khí công và tham thiền y đều thực hàng được rất dễ dàng. Dường như y đã vượt bực các danh sư của y, vì y đã trải qua những kinh nghiệm thần bí mà các vị danh sư không thể giải thích được một cách thỏa đáng. Sau đó y tìm đến đức Maharichi, Ngài liền giải thích cho y nghe một cách đúng đắn, và giúp đỡ y thêm về phần tu luyện.

Đạo sĩ Ramiah cho tôi biết rằng y định đến ở trong hai tháng tại đạo viện, y có đem theo một người tiểu đồng, và y lấy làm vui lòng mà thấy có một người Âu chú trọng đến nền Minh Triết cổ truyền của Đông phương. Tôi đưa cho y xem một tờ tạp chí Anh ngữ có in hình ảnh, và y bình phẩm một cách lạ lùng về một bức ảnh trong đó:

- Chừng nào các nhà bác học thông thái ở phương Tây không còn tìm cách làm cho các động cơ chạy mau hơn những thứ máy móc mà họ đã có, và bắt đầu nhìn vào nội tâm của họ, thì chừng đó chủng tộc các anh có thể tìm thấy hạnh phúc chân thật và vững bền hơn. Anh có dám chắc rằng người Âu Tây các anh sẽ an phận và sung sướng hơn chăng, mỗi khi họ phát minh ra được một thứ máy móc mới lạ để giúp cho họ di chuyển mau chóng hơn...

Trước khi từ giã, tôi hỏi y về chuyện con rắn hổ mang hôm trước. Y mỉm cười và viết câu trả lời:

- Có gì mà phải sợ... Tôi đến gần nó với tấm lòng thành, không nuôi tư tưởng ác, và với một tình bác ái đối với tất cả chúng sinh.

Tôi nghĩ rằng chắc còn có điều gì ẩn dấu đằng sau những lời giải thích giản dị đó, nhưng tôi không hỏi gì thêm mà để cho y trở về nhà.

Trong những tuần lễ sau cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với nhà đạo sĩ Ramiah, tôi đã có dịp biết y nhiều hơn nữa. Chúng tôi thường gặp nhau hoặc ở chỗ đất trống chung quanh chòi, hoặc trên bờ ao, hoặc ở trước nhà y. Mối tình bằng hữu đã nảy sinh ra giữa chúng tôi, nhưng đó là một mối tình câm, không lời, và một hôm nó được biểu lộ bằng cử chỉ, khi người đạo sĩ đặt một bàn tay trên đầu tôi để ban ân huệ và siết chặt hai bàn tay tôi trong hai bàn tay của y. Ngoài ra vài câu bút đàm mà người đệ tử già dịch lại cho tôi nghe chúng tôi không ai nói với nhau một lời nào trong thời gian kết bạn. Tuy nhiên, tôi cảm thấy rằng giữa tôi và đạo sĩ Ramiah có một sợi dây liên lạc mật thiết, không thể nào cắt đứt đi được. Thỉnh thoảng tôi đi bách

bộ chơi với y trong khu rừng rậm, có đôi lần chúng tôi cùng trèo lên sườn đồi giữa những tảng đá lớn dựng lên lởm chởm và đi một cách rất vất vả mệt nhọc trên đường núi gồ ghề, nhưng dầu cho chúng tôi đi chơi đâu, bao giờ y cũng giữ một thái độ ung dung tự tại mà tôi không khỏi lấy làm cảm phục.

Một lần nữa đó không lâu, tôi lại có dịp nhận thấy y biểu lộ rõ ràng cái quyền năng phi thường của y. Tôi vừa nhận được một bức thư từ bên nhà gởi sang với những tin chẳng lành. Tình hình tài chánh của tôi gặp cơn khủng hoảng bất ngờ, và bởi đó tôi sẽ không thể kéo dài chuyến du hành của tôi ở Ấn Độ nữa. Lẽ tự nhiên là tôi có thể ở lại đạo viện thêm ít lâu, vì các đệ tử của đức Maharichi sẵn có cảm tình với tôi và sẵn lòng dung nạp, nhưng bản tính của tôi vốn không thích như thế. Tôi chỉ còn có cách là trở về xứ sở.

Việc này xảy đến cho tôi như một sự thử thách về sự tu luyện tinh thần mà tôi đã theo đuổi bấy lâu nay, nhưng bản lĩnh của tôi thật ra cũng chưa có gì đáng kể nên tôi không vượt qua nổi cơn thử thách đó. Tôi cảm thấy trong lòng nao núng và chán nản vô cùng. Tôi không thể tạo sự giao cảm tâm linh với đức Maharichi như mọi khi, và đành rời khỏi tịnh xá một cách đột ngột sau khi đến viếng Ngài chỉ có một lát. Suốt ngày hôm đó, tôi trở về chòi nằm ngã trên giường, cả thể xác lẫn tinh thần đều mệt mỏi. Tôi nằm dã dượi và thiếp đi được một lúc, nhưng tôi giựt mình ngồi chồm dậy khi tôi nghe có tiếng gõ cửa. Tôi mời khách vào và ngạc nhiên mà thấy đó không ai khác hơn là đạo sĩ Ramiah.

Tôi ngồi dậy và khi y ngồi xếp bằng dưới nền gạch, tôi cũng ngồi như thế trước mặt y. Có lẽ y đã nhận thấy cơn xáo trộn và khủng hoảng tinh thần vừa qua trên nét mặt tôi, nên y chăm chú nhìn tôi với một câu hỏi trong ánh mắt. Mặc dầu chúng tôi ngôn ngữ bất đồng, nhưng một cảm giác lạ lùng khiến tôi cứ nói chuyện với y bằng tiếng Anh, hy vọng rằng y sẽ hiểu được tư tưởng của tôi nếu y không hiểu được những lời tôi nói. Với vài câu vắn tắt, tôi thuật lại những tin chẳng lành vừa xảy ra bất ngờ từ bên nhà, và phụ họa thêm bằng những cử chỉ và sắc mặt thất vọng và chán nản.

Ramiah ngồi lẳng lặng nghe. Khi tôi đã nói xong, y gật đầu đáp lại một cách trịnh trọng, tỏ dấu cho tôi biết rằng y đã hiểu rõ được câu chuyện. Một chập sau, y đứng dậy và lấy tay ra dấu mời tôi đi theo. Chúng tôi đi xuyên qua khu rừng rậm, nhưng chỉ độ một lát là đến một khoảng đất trống, ánh nắng mặt trời xế trưa rọi thẳng vào người chúng tôi. Tôi tiếp tục đi theo y độ nửa tiếng đồng hồ đến một gốc cây đa lớn, chúng tôi ngừng lại và ngồi nghỉ dưới bóng mát. Sau khi ngồi nghỉ được một lúc, chúng tôi lại đi bộ thêm nửa giờ nữa xuyên qua rừng rậm và sau cùng, chúng tôi đi xuống một cái ao lớn do một con đường tắt mà Ramiah có vẻ rất quen thuộc.

Chúng tôi ngồi trên bờ ao, dưới ao có rất nhiều hoa sen. Người Yogi chọn bóng mát của một thứ cây lùn thấp và ngồi dưới gốc cây, tôi cũng ngồi bên cạnh y. Ngôn cây nhành lá sum sê tỏa ra trên đầu chúng tôi như một cây dù lớn. Cảnh vật nơi đây hoàn toàn vắng lặng không có một bóng người, chỉ có toàn là rừng rậm bao bọc chung quanh.

Ramiah ngồi xếp bằng, hai chân tréo, và ra dấu bảo tôi ngồi xích lại gần, Kế đó, y day mặt về phía ao sen và trong giây phút y đã đắm chìm trong một cơn thiền định. Giờ phút trôi qua một cách chậm chạp, nhưng Ramiah vẫn ngồi điềm nhiên bất động, gương mặt y cũng yên tịnh như mặt nước hồ sen, thân mình y ngay ngắn như pho tượng đồng. Nửa giờ trôi qua, y vẫn ngồi yên như thế, gương mặt y dường như biến đổi bởi sự yên tịnh càng thâm trầm hơn trước, đôi mắt đứng tròng của y nhìn thẳng vào chỗ hư không hay là nhìn vào những ngọn đồi xa xa ở tận chân trời, điều đó tôi không thể biết được.

Sau một chập không lâu, tôi dần dần chịu ảnh hư ởng của bầu không khí im lặng chung quanh và sự điềm tĩnh lạ lùng của ông bạn tôi. Một sự bằng an tuyệt vời đã xâm chiếm lấy tâm hồn tôi một cách từ từ, thấm thía, dịu dàng và chắc chắn. Một sự ung dung tự tại và thản nhiên trước nghịch cảnh mà tôi chưa hề bao giờ đạt tới từ trước, nay đến với tôi một cách dễ dàng. Người đạo sĩ đã giúp đỡ tôi bằng một phương pháp bí mật và huyền diệu của y, tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Y đã dùng cái bí thuật nào để ảnh hưởng

đến tôi một cách mầu nhiệm như thế, sự bằng an tuyệt vời nó toát ra từ con người y nguồn gốc do đâu mà ra...

Sức nóng mặt trời đã giảm bớt khi đến lúc xế chiều, bãi cát nóng gắt cũng nguội dần. Một vài tia nắng màu vàng sậm từ hướng Tây chiếu thẳng vào gương mặt của người đạo sĩ, làm cho thân mình y dường như tỏa hào quang sáng chói. Một niềm an lạc vô biên tràn ngập cõi lòng tôi, những sự thay đổi của cuộc đời, những nỗi thăm trầm của số kiếp nay không còn là điều quá ư quan trọng đối với tôi nữa khi tôi bắt đầu sống với nội tâm thiêng liêng của tôi. Trong lúc đó, tôi nhận thấy một cách rõ ràng rằng con người có thể thản nhiên và an vui trước nghịch cảnh nếu y tìm thấy cái Chân Ngã của mình, rằng thật là một điều khờ dại mà bám víu lấy những sự vật phù du giả tạm của cuộc đời trần gian, khi mà y sẵn có một sự che chở thiêng liêng ở hầu kề một bên, rằng nếu đức chúa Jesus ngày xưa đã bảo các môn đệ đừng lo nghĩ đến ngày mai, đó là vì Ngài biết rằng có một quyền năng thiêng liêng che chở cho họ. Tôi cũng nhận thấy rằng khi con người tin tưởng và nghe theo tiếng, y sẽ có thể trải qua những cơn phong trần tục lụy, chìm nổi ba đào của cuộc đời thế gian mà lòng không nao núng hay sợ sệt. Và tôi cảm thấy rằng ở một nơi nào đó trong nội tâm nhưng lại rất gần chúng ta, biểu hiện rõ cái giá trị căn bản của cuộc đời, khi mà người ta nhìn thấy nó rồi, thì tất cả những sự lo âu phiền não của cuộc đời sẽ tiêu tan và không còn nữa. Nhờ sự cải tạo tinh thần nó vừa diễn ra trong tâm hồn tôi, mà nay tôi đã trút được gánh nặng của sự thất vọng ưu phiền.

Tôi không còn nhớ tới thời gian trong khi tôi đã trải qua cái kinh nghiệm tốt đẹp nói trên, và tôi cũng không biết làm sao có thể giải thích một cách mỹ mãn sự huyền diệu của nội tâm, nó hoàn toàn vắng lặng và không tùy thuộc ở thời gian và không gian. Bóng hoàng hôn đã ngả xuống khu rừng rậm. Lúc ấy tôi không còn ý thức được cảnh vật chung quanh nữa, nhưng từ chỗ sâu thẳm của tiềm thức, tôi nhớ lại rằng màn đêm sụp xuống rất mau chóng ở vùng nhiệt đới, và lúc đó tôi đang ngồi ở giữa rừng sâu hoang vắng cô liêu. Tuy nhiên, tôi lại không cảm thấy sợ sệt chút nào khi tôi ngồi bên cạnh người đạo sĩ, nhất là khi người ấy lại dắt tôi đến thám hiểm vào chỗ nội tâm huyền bí để được thấm nhuần trong bầu không khí an lạc tuyệt vời...

Sau cùng khi người đạo sĩ sờ nhẹ vào tay tôi để ra hiệu cho tôi đứng dậy thì chung quanh trời đã tối đen. Chúng tôi nắm tay nhau đi trong đêm tối xuyên qua khu rừng hoang để trở về nhà, không có đèn đuốc soi đường chi cả, nhưng người đạo sĩ dường như được dìu dắt bởi một thứ giác quan lạ lùng. Ở vào lúc khác, khu rừng này lẽ đã làm cho tôi phải sợ sệt, vì ban đêm là lúc mà các loài thú dữ rời khỏi sào huyệt của chúng để đi kiếm mồi, và người ta có cảm giác rằng có bao nhiêu những độc trùng ác thú lởn vởn chung quanh. Tôi nhớ lại con chó Jackie ở đạo viện vẫn thường đi chơi với tôi trong vườn hoặc chia sớt bữa ăn với tôi ở chòi tranh, một hôm trở về nhà với cuống họng bị xé toang, máu me đầm đìa vì vết cắn của một con beo gấm, và một con chó khác cũng bị cọp tha mất, không trở về. Biết đâu đêm nay tôi cũng sẽ thoáng nhìn thấy trong bóng tối cặp mắt xanh biếc và sáng ngời của một con beo gấm, hay vô ý đạp nhầm một con rắn hổ mang nằm khoanh tròn dưới đất hoặc dẫm chân lên một con bò cạp lửa mà nọc độc có thể làm chết người... Nhưng ngay tức khắc tôi cảm thấy hổ thẹn vì những ý nghĩ đó bên cạnh người đạo sĩ không hề sợ sệt, và tôi liền nép mình vào cái hào quang che chở của y mà tôi cảm thấy hình như nó bao bọc lấy tôi.

Đêm càng khuya, khu rừng càng vang rền những âm thanh rùng rợn. Tiếng sủa của một con chó rừng văng vẳng ở đàng xa, những loài phi cầm tẩu thú khác cũng rú lên để đáp lại, và khi chúng tôi về đến gần cái ao bên cạnh nhà chúng tôi, thì tiếng ễnh ương, rắn mối, trùng dế, dơi chuột hòa thành một khúc nhạc lạ lùng, bí hiểm. Sáng ngày hôm sau, khi tôi thức giấc, tôi cảm thấy tâm hồn nhẹ nhàng thư thái, sẵn sàng chào đón một vũ trụ tràn đầy ánh sáng, nhộn nhịp tưng bừng...

Còn biết bao nhiêu chuyện mà tôi có thể viết về đời sống ở đạo viện và về những cuộc đàm thoại của tôi với đức Maharichị Tôi càng thấy rằng Ngài là người nối nghiệp của một thời quá khứ xa xăm, khi người ta coi sự khám phá ra một điều chân lý thiêng liêng cũng có giá trị không kém gì sự tìm ra một mỏ

vàng. Từ nay tôi biết chắc rằng tôi đã gặp ở nơi thâm sơn cùng cốc này, một trong những bậc siêu nhân cuối cùng còn sót lại của xứ Ấn Độ. Gương mặt trầm lặng của nhà Hiền Giả này làm cho tôi cảm thấy gần gũi hơn với những bậc Thánh Nhân Hiền Triết của xứ Ấn Độ thời xưa. Tuy nhiên, người ta cảm thấy rằng cái phần thâm sâu huyền diệu nhất của Ngài vẫn chưa được biểu lộ rõ ràng trước mắt tôi. Có khi Ngài vẫn sống cách biệt một cách lạ lùng, và những khi khác Ngài lại ban rải ân huệ thiêng liêng của Ngài cho tôi với một hảo ý tuyệt vời, nó nối liền tôi với Ngài bằng những sợi dây nhân duyên bền chặt và trường cửu.

Tôi đã tập quen với cái phong độ bí hiểm của Ngài và chấp nhận Ngài theo chỗ tôi nhìn thấy. Tuy Ngài sống cách biệt với cõi giới bên ngoài và không chịu tiếp xúc với người thế gian, nhưng người nào có đầy đủ nhân duyên sẽ được dẫn dắt đến sự giao cảm tâm linh với Ngài. Tôi càng yêu quý Ngài hơn nữa khi tôi thấy Ngài rất giản dị và khiêm tốn giữa một bầu không khí cao cả và thiêng liêng thật sự mà người ta cảm thấy rõ rệt ở chung quanh Ngài. Ngài không hề tuyên bố có những quyền năng thần bí hay có một sứ mạng thiêng liêng nào để lòe đời, nhứt là điều đó lại càng rất dễ đối với người Ấn Độ là một dân tộc sẵn có óc tin tưởng thần quyền, và sẵn sàng thần thánh hóa Ngài ngay trong khi Ngài còn sống, nếu Ngài không phải là một người hoàn toàn chân thật và cực lực phản đối những tư tưởng đó.

Sự có mặt trên thế gian của những người như đức Maharichi hình như không phải là do dự ngẫu nhiên tình cờ. Ngài cũng như một vị sứ giả thiêng liêng tiếp tục công trình của những bậc hiền giả đã từng xuất hiện trải qua giòng lịch sử của nhân loại để gìn giữ, duy trì sự sinh hoạt tâm linh trên mặt địa cầu. Người ta phải chấp nhận sự kiện này là những bậc hiền giả đó xuất hiện để tiết lộ cho chúng ta ít nhiều chân lý, chứ không phải để thảo luận đôi co gì với chúng tạ Dầu sao, những giáo lý của Ngài có một tính cách rất hấp dẫn đối với tôi vì nó rất thực tế và đúng tinh thần khoa học.

Ngài không có sử dụng đến sức mạnh thần thông siêu phàm nào và không đòi hỏi một đức tin mù quáng. Danh từ Thượng Đế cũng ít khi xuất hiện trên môi của Ngài. Ngài chỉ đưa ra một phương pháp phân tách bản ngã, nó có thể thực hành bất luận rằng người ta có những tín ngưỡng như thế nào, một phương pháp nó sẽ đưa con người đến sự thực hiện Chân Ngã, hay Chân Như Phật Tánh của mình.

Càng ngày tôi càng nhận thức được rằng có một phần sức mạnh tinh thần của đức Maharichi được chuyển qua cho tôi, mặc dầu chúng tôi không có trao đổi với nhau một lời nào. Tuy nhiên, ngày dự định lên đường sắp tới làm trở ngại những cố gắng của tôi. Tôi cố ở nán lại ít lâu, nhưng sức khỏe của tôi lại bị giảm sút và làm cho tôi phải quyết định từ giã đạo viện càng sớm càng haỵ Thật vậy, trong khi tôi nghe theo tiếng nói của nội tâm nó kêu gọi tôi từ Bombay trở về đây, tôi đã có đủ ý chí gạt bỏ sự kháng cự của một thể xác đau yếu và một tinh thần mệt mỏi để lưu ngụ tại vùng nóng bức này. Nhưng sức người có hạn, làm sao có thể thắng đoạt được thiên nhiên, thành thử không bao lâu cõn bịnh cũ của tôi đã bộc phát trở lại và sức khỏe của tôi lại đi xuống dốc đến một mực độ báo nguy và tôi chưa từng cảm thấy bị suy yếu như thế bao giờ. Vài giờ trước khi bước vào giai đoạn quyết liệt trong cơn thiền định bên đức Maharichi, thì tôi bắt đầu run một cách dữ dội khắp cả thân mình và toát mồ hôi như tắm, triệu chứng của cơn sốt sắp đến.

Sau khi viếng thăm một nõi Thánh Điện thâm nghiêm ở ngôi đền lớn, tôi hối hả trở về và bước vào tịnh xá trong khi giờ công phu buổi chiều đã trôi qua hết nửa phần. Tôi lẳng lặng ngồi xuống sàn gạch và tréo chân theo thế ngồi thiền như thường lệ. Trong vài giây đồng hồ, tôi định tĩnh tinh thần và gom tất cả mọi tư tưởng vào một trung tâm điểm nhứt định. Đến lúc tôi nhắm mắt, thì thần thức của tôi đã gom vào nội tâm và tập trung ở đó.

*** Hình thức của đức Maharichi ngồi nhập định hiện rõ ràng trong trí của tôi. Noi theo chỉ thị thường lập đi lập lại của Ngài, tôi cố gắng vượt qua hình bóng ấy để trụ vào cái phần vô sắc tướng, tức là cái thực thể tự tại, hay linh hồn Ngài. Tôi ngạc nhiên mà thấy rằng những cố gắng của tôi có kết quả rất mau chóng, cái hình bóng của ngài đã biến mất trong trí óc tôi, và tôi không còn cảm thấy gì khác hơn sự hiện diện tâm linh của ngài.

Những sự suy gẫm thuộc về lý trí trong những cơn tham thiền ban sơ của tôi trước kia đã dứt hẳn. Tôi đã từng dọ hỏi, cân nhắc những ý thức của tôi về thể chất, về tình cảm và lý trí nhưng khi đã biết đó không phải là Chân Ngã, tôi đã loại bỏ hết tất cả những điều đó. Kế đó, tôi gom thần thức vào chính trung tâm của nó, để tìm xem nguồn gốc của nó ở đâu. Đây là lúc tôi bước vào giai đoạn quyết liệt. Trong khi tôi giữ gìn cho tâm thần yên tịnh, cái lý trí đã tự rút lui cảnh vật chung quanh bắt đầu lu mờ và đắm chìm trong chỗ vắng lặng hư không. Trong trạng thái đó người hành giả phải luôn luôn giữ gìn sự tập trung tư tưởng, không để cho thần thức bị xao lãng hay lo ra. Cuộc đời thế gian với bao nhiêu sự cám dỗ, thử thách, vẫn rình rập chung quanh ỵ Giữ gìn cho thân tâm vắng lặng, không bị xao động bởi ngoại cảnh, thật là một điều khó lắm thay.

Đêm nay, tôi đạt tới điểm đó một cách mau chóng, sau khi đã loại trừ một loạt những tư tưởng vẩn vơ nó vẫn thường đột nhập vào trí óc trước khi tâm thần được bình tĩnh yên lặng. Một sức mạnh mới mẽ và dồi dào bắt đầu hành động một cách mãnh liệt trong tâm giới của tôi và thúc đẩy tôi tiến sâu vào nội tâm với một tốc lực không gì cưỡng nổi. Trận giao phong đầu tiên đã kết liễu mau chóng, hầu như khỏi cần chiến đấu, và sự căng thẳng của nó được nối tiếp theo sau bằng một cảm giác sung sướng, dễ dàng thoải mái.

Trong giai đoạn kế tiếp, tôi đứng ngoài vòng hoạt động của lý trí, và nhìn nó một cách khách quan. Một tiếng nói của trực giác báo cho tôi biết rằng cái lý trí đó chỉ là một khí cụ mà thôi. Tôi nhìn xem những tư tưởng của tôi với một sự siêu thoát lạ thường. Cái trí biện luận, suy tư, từ trước đến nay vẫn được coi như một khả năng quý báu mà người ta lấy làm tự hào, nay đã trở nên một vật cần phải loại bỏ, và tôi nhận thấy muốn đứng ngoài vòng lý trí, nhưng vẫn là mình. Tôi muốn tiến vào một chỗ còn thâm sâu hơn là tư tưởng. Tôi muốn biết xem tự giải thoát ra khỏi sự kiềm tỏa của bộ Óc và trí não sẽ gây cho tôi cái cảm giác như thế nào, tôi bèn chờ đợi với một tinh thần tỉnh táo và lanh lẹ.

Thật là một điều lạ lùng mà có thể đứng ngoài vòng và quan sát sự hoạt động của bộ Óc dường như nó là của một người khác hơn mình, nhìn xem tư tưởng phát khởi bằng cách nào và chấm dứt ra sao. Nhưng còn lạ lùng hơn nữa khi ta có cái linh cảm rằng mình sắp sửa bước vào một lãnh vực huyền bí nó che dấu cái phần thâm sâu u ẩn nhứt của linh hồn người. Tôi có cảm tưởng như một Kha Luân Bố sắp sửa đổ bộ lên một sự chờ mong với những cảm giác đầy thú vị.

Nhưng làm sao có thể tự giải thoát khỏi áp lực chuyên chế của tư tưởng...

Tôi nhớ lại rằng đức Maharichi không bao giờ bảo tôi nên chận đứng một cách quyết liệt những hoạt động của lý trí. Ngài luôn luôn dặn dò và lập lại rằng:

"Hãy đi ngược dòng tư tưởng cho đến tận nguồn gốc của nó, chờ cho Chân Ngã xuất hiện ra, và chừng đó những tư tưởng sẽ dứt". Tôi bèn rời bỏ mọi sự cố gắng và tự buông trôi theo một sự thụ động hoàn toàn tuy vẫn cảnh giác chờ mong cũng như con rắn đang rình mồi.

Tôi vẫn giữ vững trạng thái đó cho đến khi tôi khám phá rằng những sự tiên đoán của nhà Hiền Giả quả thật không sai. Những luồng sóng tư tưởng bắt đầu giảm bớt lần lần, sự hoạt động của lý trí sụt xuống dần cho đến điểm số không. Tôi bắt đầu kinh nghiệm được một cảm giác lạ lùng nhứt từ trước đến giờ. Thời gian dường như muốn ngừng trôi, khi cái khiếu linh năng trực giác của tôi bắt đầu dò đường để tiến sâu vào lãnh vực huyền bí của nội tâm. Những cảm xúc của giác quan hình như đã chết hẳn, tôi không còn nghe, thấy, cảm hay nhớ điều gì nữa. Tôi biết rằng bất cứ lúc nào kể từ khi đó, tôi sẽ đứng ngoài vòng mọi sự vật của trần gian, và ở ngay ngưỡng của của cõi giới diệu huyền.

Sau cùng cái giờ phút đó đã đến. Tư tưởng đã tắt hẳn như một đóm lửa tàn. Lý trí đã rút lui về cái địa hạt của nó, và thần thức không còn bị chướng ngại. Bộ Óc đã bước vào một trạng thái hoàn toàn ngơi nghỉ, cũng như trong giấc ngủ mê nhưng tâm thần vẫn tỉnh táo, tuyệt nhiên không chút mê muội. Tôi vẫn điềm

tĩnh và biết rõ tôi là ai cùng những gì đang diễn ra ở chung quanh. Tuy nhiên cái ý thức của tôi đã rút lui ra khỏi những giới hạn chật hẹp của bản ngã, và thuộc về một cái gì huyền diệu vô cùng, nó bao gồm hết tất cả hơn nhiều cái bản ngã vô vị kém hèn mà từ trước đến giờ tôi vẫn tưởng là Tôi, một cái gì thâm sâu hơn, thiêng liêng huyền diệu hơn, hỗn hợp với tâm thức của tôi. Tôi cảm thấy được một điều mới lạ, đó là một sự tự do tuyệt đối hoàn toàn, và thoát ra khỏi sự hoạt động độc đoán của tư tưởng chẳng khác nào như thoát ra khỏi chốn ngục tù để thở bầu không khí tự do phóng khoáng bên ngoài.

Tôi đã vượt qua khỏi giới hạn và bước ra ngoài vòng tâm thức của quả Địa Cầu.

Bầu Hành Tinh vẫn dung dưỡng chứa chấp tôi thưở nay, đã biến mất dạng. Tôi đang phiêu diêu giữa một biển ánh sáng rạng ngời. Biển ánh sáng này, tôi cảm thấy hình như là chất Tiên Thiên. Khí làm căn bản cấu tạo nên các bầu thế giới, tức là trạng thái nguyên thủy của vật chất hồng trần. Nó bao trùm khắp nơi trong cõi không gian bao la vô tận, và sống động một cách không thể tả.

Trong khoảnh khắc, tôi đã thấu rõ ý nghĩa tấn tuồng sinh hoạt nhiệm mầu của Vũ trụ nó diễn ra trong không gian. Tôi, cái Tôi mới, được tràn ngập một niềm hạnh phúc và an lạc vô biên. Tôi đã uống cạn chén nước cam thủy của giòng sông Léthe, tức giòng nước quên lãng. Những đắng cay của dĩ vãng, những phiền muộn của tương lai, thảy đều tiêu tan và đắm chìm trong sự lãng quên. Tôi đã đạt tới một sự tự do thiêng liêng và một niềm phúc lạc không thể tả. Tôi mở rộng hai tay đón lấy toàn thể vũ trụ và chúng sinh với một tình thương bao la thâm trầm, vì tôi đã hiểu một cách thâm sâu rằng:

Hiểu biết tất cả không phải chỉ là tha thứ tất cả, mà còn thương yêu hết tất cả!

*** Linh hồn tôi đã say sưa trong cơn đại định, thoát trần!...

Làm sao tôi có thể ghi chép lại được một sự kinh nghiệm siêu linh và huyền diệu như thế, vì nó quá tế nhị để có thể diễn tả bằng ngòi bút của tôi...

Tuy nhiên, những điều chân lý bất hủ mà tôi đã thu thập được cần phải được diễn tả bằng ngôn ngữ của trần gian, và sự cố gắng đó sẽ không phải là vô ích. Bởi vậy, tôi đã thử ghi chép lại, dẫu rằng một cách vụng về, một vài điểm ký ức của cõi giới diệu huyền mà người đời chưa từng thám hiểm, nó ở ngoài vòng giới hạn tâm trí của con người.

Con người có thể tự hào rằng y thuộc về một giòng giống thiêng liêng:

Một Đấng vô cùng cao cả hơn người mẹ của y vẫn chăm nom săn sóc y từ thưở ấu thơ. Trong những khi khôn ngoan sáng suốt hơn, y sẽ nhận biết điều này.

Có một thưở, trong cái thời kỳ dĩ vãng xa xăm, con người đã từng thề nguyền chung thủy với Đấng Hóa Công, và trong một bầu không khí lộng lẫy huy hoàng, y đã nghe theo tiếng gọi của cuộc đời trần gian tục lụy, thì cũng có những người không hề quên lời thề nguyền thưở xưa, họ sẽ nhắc nhở cho y nhớ lại đúng vào giờ phút thích nghi.

Trong con người, có một yếu tố bất diệt, đó tức là Chân Ngã. Y đã lãng quên mất Chân Ngã của mình, nhưng sự lãng quên đó không bao giờ có thể làm giảm bớt đi sự cao cả thiêng liêng của nó. Y có thể quên mất nó đi và ngủ mê trong sự truy hoan, nhưng một ngày kia nó vươn mình cho trỗi dậy và đánh thức y, y sẽ nhớ lại rằng y là ai và thu hồi lại được linh hồn của mình.

Con người không tìm thấy cái chân giá trị của mình bởi vì y đã mất cái ý thức về Thiêng Liêng. Bởi đó, y chạy quàng xiên theo những lý thuyết của người khác, trong khi y có thể tìm thấy lẽ sống chân thật ở tự nơi mình. Hình biểu tượng Sphinx không nhìn cảnh vật bên ngoài. Cái nhìn khó lường của nó luôn luôn hướng vào bên trong, và ý nghĩa thâm sâu của nụ cười bí hiểm của nó là Tự Biết Mình.

Người nhìn vào bên trong chỉ thấy có sự bất mãn, yếu đuối, vô minh và sợ sệt, chớ vội thất vọng và hoài nghị Y hãy nhìn sâu hơn và lâu hơn, cho đến khi y nhận thấy những dấu hiệu thoáng qua nó sẽ xuất hiện khi cái tâm hoàn toàn vắng lặng. Y hãy cẩn thận dò xét những dấu hiệu đó, vì nó sẽ sống động và tăng trưởng lên thành những tư tưởng siêu việt vượt ra ngoài vòng giới hạn của lý trí, chẳng khác nào như những vị Thiên Thần tiền phong báo hiệu trước một tiếng nói huyền diệu sắp đến. Đó là tiếng nói của một vật ẩn dấu, huyền bí, thâm trầm nó ngự trong nội tâm của y, tức là tiếng nói của Chân Ngã.

Mỗi người đều sẽ có lúc được hưởng ân huệ thiêng liêng trong đời mình, nhưng nếu y thản nhiên bỏ qua cơ hội, thì ân huệ đó cũng ví như một hột giống gieo trên bãi đá sạn. Không ai bị sa thải ra ngoài cái ân huệ thiêng liêng đó, mà chỉ là con người tự sa thải lấy mình. Con người đi tìm tòi khám phá cái ý nghĩa bí ẩn của cuộc đời, hãy nên biết rằng cái Nguồn sống sinh ra y vốn cao cả và thiêng liêng hơn là y có thể tưởng tượng. Y hãy tin tưởng nơi Thiên Ý và tuân theo những mệnh lệnh thâm trầm nhắn nhủ vào cõi lòng y bằng những linh cảm tế nhị và sâu sắc. Người nào tưởng rằng y có thể sống tự do theo ý mình, chiều theo tiếng nói của dục vọng mà khỏi phải chịu trách nhiệm về những hành động của y về sau này, thật là trói buộc cuộc đời y với điều mộng ảo. Kẻ nào phạm tội với người đồng loại hay với chính họ, ấy là tự họ tuyên án lấy mình. Họ có thể giấu diếm tội lỗi khuất mắt người đời, nhưng họ không thể che dấu các đấng Thần Minh. Nền Công Lý vẫn cai quản thế gian một cách đúng phép mặc dầu người ta không nhìn thấy những hành động của nó, và không phải lúc nào cũng tìm thấy nó ở những Pháp Đình của trần gian. Kẻ nào thoát khỏi luật pháp trần gian sẽ không thoát khỏi lưới công bình thưởng phạt của Thánh Thần.

Những người đã từng chịu đựng đắng cay gian khổ, những người đã trải qua những cơn nghịch cảnh tối tăm, gan bầm ruột héo, lệ sầu tuôn rõi sẽ sẵn sàng hơn để tiếp nhận tiếng nói của Chân Lý. Nếu họ không nghe thấy gì khác hơn, ít nhất họ có thể nhận định rõ tính cách phù du giả tạm của cuộc đời, họa phước vô thường biến đổi. Nếu họ không bị phỉnh lừa bởi những ngày sáng sủa vui tươi, ho sẽ ít khổ hơn trong những giờ đen tối. Đời người gồm cả vui sướng lẫn đau khổ, không ai có thể tự hào rằng mình được trọn vẹn suốt đời. Người nào còn tự đắc, kiêu hãnh đối với kẻ đồng loại sẽ chuốc lấy điều tai họa hiểm nghèo. Trước sự hiện diện vô hình của các đấng Thần Minh, thì đức khiêm tốn là bộ áo duy nhất mà con người nên khoác lấy, vì các Ngài có thể lấy đi trong khoảnh khắc tất cả những gì mà con người đã thu thập trong nhiều năm. Số phận của mọi vật được định đoạt theo từng chu kỳ, và chỉ có những người vô trí thức mới không nhận biết điều đó. Trăng tròn rồi lại khuyết, hết nước lớn lại nước ròng, sự vật trong vũ trụ luân chuyển theo định luật tuần hoàn. Đời người cũng không ngoài cái định luật đó, hết thịnh đến suy, hết già đến trẻ; sức khỏe là một khách vô thường, tình yêu vừa mới đến thì đã ra đi. Hết cơn bỉ cực đến hồi thái lai, hết lúc suy vong đến hồi thịnh trị. Một bài học lớn về định luật đó là dù con người có biết hay không biết, nơi trú ẩn rốt ráo cùng tột của con người là ở tự nơi mình. Thuở xưa con người biết rõ điều ấy và đã tìm nguồn an ủi ở nơi đó. Nếu y quên đi cái nguồn gốc cũ của mình, thì sự thất vọng và đau khổ lại cùng liên kết với nhau để đem y trở về. Không ai có thể tránh khỏi được hai điều ấy tức là hai bậc Thầy của nòi giống nhân loại.

Con người chỉ được che chở và an toàn khi nào y xét thấy rằng có những cánh tay thiêng liêng đùm bọc lấy ỵ Ngày nào con người chưa được giác ngộ thì những phát minh mới mẻ tân kỳ nhất của y sẽ trở nên những chướng ngại khó khăn nhất, và bất cứ điều gì thúc đẩy y tiến sâu thêm vào cõi giới vật chất sẽ trở nên những sợi dây trói buộc mà về sau y lại phải cởi mở để thoát lỵ Vậy y hãy quên đi những điều lo âu phiền muộn về những sự vật trần gian để lo trau dồi Chân Ngã, chừng đó y sẽ được sống trong an vui và hạnh phúc.

Người nào thấy được một lần cái Chân Ngã hay Chân Như Phật Tánh của mình sẽ không còn thù ghét được ai nữa. Không có tội ác nào lớn hơn lòng thù hận, không có đau khổ nào lớn hơn chiến tranh.

*** Không ai thoát khỏi sự dò xét của các đấng Thần Minh, tuy im lặng và vô hình, nhưng các Ngài vẫn nhìn thấy mọi hành động của người trần gian. Sự thù hận sẽ biến mất trên thế gian khi nào con người

tập nhìn thấy kẻ đồng loại không phải bằng cặp mắt phàm, mà bằng một cái biệt nhãn, nó cho thấy những khả năng thiêng liêng của họ, và khi nào y có thể nhìn họ với một lòng kính nể, vì trong lòng họ có ngự một quyền năng thiêng liêng mà người ta gọi là Thượng Đế.

Những nhà học giả có thể bươi móc, lục lạo những chồng sách cổ kim chất hàng đống trong các thư viện, họ cũng không tìm được một Chân Lý nào cao xa và thâm trầm hơn cái Chân Lý tối trọng này là:

"Chân Ngã con người vốn bất diệt và thiêng liêng. Những triển vọng thiết tha nhất của con người có thể phai mờ dần với thời gian nhưng cái hy vọng một đời sống trường cửu, một tình yêu toàn vẹn không dời đổi, một niềm hạnh phúc chân thật có ngày sẽ được thực hiện, vì nó được hứa hẹn với chúng ta bởi một cái định mệnh chắc chắn không bao giờ phỉnh lừa và không ai tránh khỏi. " Con người hướng về những bậc Giáo Chủ và Hiền Triết thời xưa để tìm những tư tưởng siêu việt và những triết lý cao thâm, nhưng khi một người nhìn thấy được cái bản tính chân thật của mình, y sẽ được sống trong ánh sáng. Tất cả những gì tốt đẹp cao cả về tư tưởng và tình cảm đều đến với y một cách dễ dàng mà y khỏi phải tìm kiếm. Trong sự bằng an của tâm hồn y, hiện ra những linh ảnh thiêng liêng không kém gì những linh ảnh của các nhà tiên tri Do Thái hay Ả Rập thời xưa. Cũng do ánh sáng thiêng liêng đó mà đức Phật thoát nhiên đại ngộ và truyền lại cho hậu thế cái ý niệm về cõi Niết Bàn. Sự giác ngộ ấy cũng làm thức tỉnh một tình thương bao la rộng lớn đến nỗi nó hoán cải được cả một đời người, và chính vì đó mà nàng Marie Madeleine ngày xưa đã rửa sạch tội lỗi bằng nước mắt của nàng dưới đức Chúa Jesus.

Không có lớp bụi mờ nào có thể bao phủ những điều chân lý cổ kính này, mặc dầu nó đã trải qua nhiều thế hệ từ khi con người bắt đầu xuất hiện trên quả địa cầu. Không có một dân tộc nào mà không nhận được từ buổi sơ khai những điều tiết lộ cao cả và thâm trầm này. Người nào sẵn sàng đón nhận những chân lý thâm sâu đó, không những hiểu nó bằng lý trí mà thôi mà còn phải mở rộng cõi lòng để thông cảm cho đến khi nhờ nó đem nguồn cảm hứng mà họ có được những hành động cao cả siêu việt.

Một sức mạnh mà tôi không cưỡng lại được đã bắt buộc tôi quay trở về cõi đời thực tế. Trải qua những giai đoạn tuần tự và rất chậm rãi, tôi đã dần dần ý thức được cảnh vật chung quanh. Tôi nhận thấy rằng tôi vẫn còn ngồi trong tịnh xá của đức Maharichi, nhưng gian phòng vắng lặng như tờ. Đôi mắt tôi chợt nhìn đồng hồ trên vách và tôi nhận ra rằng giờ này có lẽ mọi người đã qua bên phòng ăn để dùng cơm chiều. Kế đó, tôi cảm thấy hình như có người ngồi ở bên cạnh tôi. Vị đệ tử già bảy mươi lăm tuổi, làm xếp ga hồi hưu, vẫn còn ngồi lại bên cạnh tôi trên sàn gạch và chăm chú nhìn tôi một cách rất có thiện cảm.

Y cho tôi biết:

- Sư huynh đã xuất thần nhập định được gần hai tiếng đồng hồ.

Gương mặt của y có đầy những vết nhăn sâu hoắm, dấu tích sự tàn phá của thời gian. Y vừa nói vừa nở một nụ cười rất tươi, dường như y cũng chia sớt niềm hạnh phúc của tôi. Tôi định mở lời để đáp lại, nhưng lấy làm ngạc nhiên tôi không thể nói được nữa. Gần mười lăm phút trôi qua, tôi mới thu hồi lại được giọng nói của mình. Trong khi đó, ông lão lại nói tiếp:

- Đức Maharichi đã theo dõi sư huynh một cách chặt chẽ trong suốt thời gian đó. Tôi chắc rằng Ngài dùng tư tưởng để dìu dắt sư huynh trong cơn nhập thiền.

Khi đức Tôn Sư trở lại tịnh xá, những người đi theo Ngài cũng vào ngồi lại một chút trước khi sửa soạn đi ngủ. Ngài bước lên giường gỗ ngồi xếp bằng như thường lệ. Ngài ngồi nghỉ, khủyu tay mặt chống lên đùi, bàn tay mặt đỡ lấy cằm, hai ngón tay đặt bên gò má. Bốn mắt chúng tôi gặp nhau, và ngài tiếp tục nhìn tôi một cách chăm chú.

Khi người tiểu đồng hạ thấp cái bấc đèn theo như lệ thường mỗi đêm, tôi lại ngạc nhiên mà thấy cái tia

sáng lạ thường trong cặp mắt yên lặng của đức Tôn Sự Đôi mắt của Ngài chiếu sáng ngời như hai ngôi sao giữa đêm tối. Tôi chưa từng gặp một người nào có cặp mắt lạ lùng như nhà hiền triết này. Nếu cặp mắt con người có thể phản ảnh cái quyền năng thiêng liêng, thì đó là trường hợp của đức Maharichi vậy.

Khói trầm bay lên nghi ngút tỏa mùi thơm khắp phòng trong khi tôi vẫn nhìn đôi mắt không chớp của Ngài. Bốn mươi phút trôi qua trong cái tình trạng đó, tôi với Ngài đều im lặng nhìn nhau không ai thốt ra một lời nào. Giữa lúc này, lời nói nào có ích gì. Bây giờ, chúng tôi hiểu nhau hơn trong im lặng, vì trong cái im lặng thâm trầm đó tâm hồn chúng tôi hoà hợp lẫn nhau một cách tuyệt diệu và trong cuộc giao cảm thâm trầm này tôi nhận được một thông điệp không lời nhưng rất rõ ràng. Sau khi tôi đã nhận thức được quan điểm của đức Maharichi về cuộc đời, từ nay đời sống nội tâm của tôi đã bắt đầu hòa hợp làm một với đời sống tinh thần của Ngài.

*** Trong hai ngày kế đó, tôi phải chiến đấu với cơn sốt sắp đến và cố gắng giữ vững tinh thần. Vị đệ tử già bước đến chòi của tôi vào một buổi trưa và nói:

- Thời gian chung sống của Sư Huynh với chúng tôi nay đã chấm dứt. Nhưng chắc có ngày Sư Huynh sẽ trở lại với chúng tôi chứ...

- Lẽ tất nhiên tôi sẽ trở lại.

Tôi đáp một cách tự tin. Khi y ra về, tôi đứng trước cửa nhìn lên ngọn Đồi Thiêng, Arunachala, nói theo tiếng Ấn Độ. Nó đã trở nên cái bối cảnh linh thiêng của cuộc đời tôi. Bất cứ lúc nào khi tôi đang làm gì, dầu là đang ăn uống, nói chuyện, đi bách bộ, hay ngồi thiền, tôi chỉ ngước mắt lên là tôi nhìn thấy cái hình dáng hùng vĩ của nó nhô lên trước mặt tôi, hoặc ở chỗ lộ thiên, hoặc xuyên qua khung cửa sổ. Người ta không thể quan niệm được rằng một nõi đạo viện thâm nghiêm như chốn này mà không có một ngọn đồi như thế, và tôi cũng đã chịu ảnh hưởng bởi cái sức hấp dẫn lạ lùng của nó.

Chiều đến, tôi chào từ giã tất cả mọi người trong đạo viện, trừ ra đức Maharichị Tôi cảm thấy nhẹ nhàng sung sướng bởi vì tôi đã thành công trong sự chiến đấu để đạt tới một kết quả chắc chắn về đường tâm linh, và cũng bởi vì tôi đã thắng trận mà khỏi phải hy sinh cái thái độ hợp lý của tôi cho một đức tin mù quáng. Tuy nhiên, khi đức Maharichi cùng với tôi bước ra đến sân đạo viện một lần cuối cùng, tôi cảm thấy sự sung sướng của tôi thình lình biến mất và nhường chỗ cho một nỗi buồn man mác. Tôn Sư đã chinh phục được tôi một cách lạ lùng và tôi cảm thấy buồn vô hạn khi phải từ giã Ngài ra đi. Ngài đã nối liền hai tâm hồn chúng tôi bằng những sợi dây nhân duyên vô cùng bền chặt tuy rằng Ngài không có ý muốn nào khác hơn là làm cho một người trở về nguyên bổn để giúp cho y tự giải thoát. Ngài đã giúp cho tôi thực hiện Chân Như Phật Tánh và diễn đạt cái danh từ vô nghĩa đó thành một kinh nghiệm sống động, độc đáo và vô cùng huyền diệu.

Tôi cố kéo dài giờ phút từ biệt và không thể nào biểu lộ hết những nỗi xúc cảm thâm trầm trong lòng tôi. Nền trời xanh thẳm chiếu muôn ngàn ánh sao lóng lánh, vầng trăng non mới mọc giống như cái lưỡi liềm bằng bạc treo lủng lẳng trên không trung. Hàng nghìn con đom đóm lập lòe làm cho khu vườn trở thành một tấm thảm chói sáng rực như thêu kim cương, và những chiếc lá dừa đẩy đưa một cách dịu dàng trước ngọn gió chiều hiu hắt.

Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của tôi trên cõi giới tâm linh đã chấm dứt, nhưng biết đâu thế cuộc xoay vần, cái bánh xe thời gian lại chẳng có ngày đưa tôi trở lại chốn này... Tôi chắp hai tay đưa lên trán theo phong tục bản xứ và thốt vài lời từ biệt. Ngồi trên chiếc giường gỗ, Tôn Sư không nói một lời, dưới ánh đèn dầu leo lét, tôi còn thoáng thấy gương mặt trầm lặng của Ngài với màu da đồng bạch và cặp mắt sáng ngời, một cái chắp tay vái chào cuối cùng, một cái vẫy tay nhẹ của Ngài đáp lại, và thế là hết.

Tôi trèo lên cỗ xe bò đợi ngoài sân, người phu xe đưa roi quất mạnh, cỗ xe từ từ lăn bánh, hai con bò dễ

dạy bèn lầm lũi tiến bước trong đêm khuya thơm ngát mùi hương của vùng nhiệt đới.

Nguyễn Hữu Kiệt dịch